

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU  
VIỆT NAM

----- ✦ -----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ

“NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU  
VIỆT NAM”

ĐỊA ĐIỂM: SỐ 12, ĐƯỜNG 3A, KCN BIÊN HÒA II,  
PHƯỜNG TRẦN BIÊN, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

ĐỒNG NAI, NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU  
VIỆT NAM

----- ✦ -----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ

“NHÀ MÁY CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU  
VIỆT NAM”

ĐỊA ĐIỂM: SỐ 12, ĐƯỜNG 3A, KCN BIÊN HÒA II,  
PHƯỜNG TRẦN BIÊN, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

CHỦ CƠ SỞ



HÀ NGỌC DŨNG

ĐỒNG NAI, NĂM 2026

## MỤC LỤC

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....	6
1. Tên chủ cơ sở:.....	6
2. Tên cơ sở: .....	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	7
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở: .....	7
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở: .....	8
3.2.1. Công nghệ sản xuất của dự án hiện hữu theo Giấy phép môi trường đã cấp .....	8
3.3. Sản phẩm của cơ sở: .....	14
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở: .....	15
5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ: Không thuộc đối tượng.....	20
6. Các công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải và công trình bảo vệ môi trường còn tiếp tục thực hiện sau khi được cấp (nếu có): .....	20
7. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	23
CHƯƠNG II: .....	31
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....	31
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường .....	32
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	34
Thông tin các hạng mục công trình môi trường phục vụ hoạt động của dự án theo .....	34
Tuy nhiên khi đưa mục tiêu bổ sung đi vào hoạt động Công ty sẽ thực hiện cải tạo các hệ thống xử lý khí thải hiện hữu để đảm bảo chất lượng khí thải đầu ra đạt theo .....	34
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:.....	34
1.1. Thu gom, thoát nước mưa: .....	34
1.2. Công trình thu gom nước thải.....	35
1.3. Xử lý nước thải: .....	36
1.4. Điểm xả nước thải sau xử lý.....	40
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	41
2.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải hiện hữu đang áp dụng.....	41
2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải phục vụ cho hoạt động cơ sở sau khi bổ sung mục tiêu.....	48
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường .....	56
3.1. Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh .....	56

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	58
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	61
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: .....	62
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): Không có.....	71
8. Các nội dung thay đổi so với báo cáo đã cấp: .....	71
<b>CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>74</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: .....	74
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: .....	75
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: .....	76
4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có): Cơ sở không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.....	77
5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có): Trong quá trình hoạt động sản xuất, cơ sở không sử dụng phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất. ....	77
6. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở đối với quản lý chất thải:.....	77
<b>CHƯƠNG V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>80</b>
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường: .....	80
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải: .....	81
5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:.....	86
<b>CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>87</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:.....	87
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	87
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải .....	87
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật .....	88
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:.....	88
2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở. ....	89
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	89
<b>CHƯƠNG VII: NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH (NẾU CÓ).....</b>	<b>91</b>
Không thuộc đối tượng.....	91
<b>CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ .....</b>	<b>92</b>

## DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BVMT	:	Bảo vệ môi trường
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
CTRSH	:	Chất thải rắn sinh hoạt
CTR TT	:	Chất thải rắn thông thường
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
HTXLNT	:	Hệ thống xử lý nước thải
KCN	:	Khu công nghiệp
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	:	Ủy ban nhân dân
XLNT	:	Xử lý nước thải

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Công suất của dự án.....	14
Bảng 1.2. Danh mục nguyên, vật liệu sử dụng trong Công ty.....	15
Bảng 1.3. Nhu cầu dùng nước của nhà máy.....	19
Bảng 1.4. Thông tin về hoạt động của cơ sở.....	23
Bảng 1.5. Diện tích các hạng mục công trình của nhà máy.....	25
Bảng 1.6. Danh mục máy móc, thiết bị chính phục vụ hoạt động nhà máy.....	27
Bảng 3.1. Các biện pháp xử lý cục bộ nước thải sinh hoạt tại Công ty.....	36
Bảng 3.2. Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Biên Hòa II.....	40
Bảng 3.3. Bảng tóm tắt các công trình bảo vệ môi trường.....	41
Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của HTXL khí thải.....	42
Bảng 3.5. Thông số kỹ thuật của HTXL khí thải.....	45
Bảng 3.6. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi khí thải từ buồng sơn.....	46
Bảng 3.7. Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh trong năm 2025 và dự kiến sau khi bổ sung mục tiêu.....	57
Bảng 3.8. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh trong năm 2025 và dự kiến sau khi bổ sung mục tiêu.....	57
Bảng 3.9. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm 2025 và dự kiến khối lượng phát sinh tối đa.....	59
Bảng 3.10. Sự cố và biện pháp phòng ngừa sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước.....	63
Bảng 3.11. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	87
Bảng 3.12. Vị trí lấy mẫu.....	87
Bảng 5.1. Thống kê vị trí điểm quan trắc khí thải.....	82
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc khí thải năm 2025.....	83

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình sản xuất các sản phẩm sơ mi rơ moóc, bồn chứa khí hóa lỏng, hóa chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác .....	9
Hình 1.2. Quá trình mạ kẽm.....	11
Hình 1.3. Quy trình xi mạ và gia công xi mạ.....	13
Hình 1.4. Hình ảnh về các loại sản phẩm.....	15
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước thải của nhà máy.....	36
Hình 3.2. Kết cấu bể tự hoại 3 ngăn.....	37
Hình 3.3. Sơ đồ HTXL nước thải sản xuất .....	38
Hình 3.4. Quy trình xử lý hơi hóa chất từ công đoạn tiền xử lý (hơi acid HCl). 42	
Hình 3.5. Quy trình xử lý hơi hóa chất từ công đoạn tiền xử lý (hơi acid HCl). 43	
Hình 3.6. Quy trình xử lý bụi từ bể mạ .....	44
Hình 3.7. Hệ thống xử lý bụi bể mạ kẽm .....	45
Hình 3.8. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ quá trình sơn .....	46
Hình 3.9. Hình ảnh hệ thống thu gom xử lý bụi, hơi dung môi từ công đoạn sơn .....	47
Hình 3.10. Hình ảnh hệ thống xử lý bụi từ công đoạn phun bi.....	48
Hình 3.11. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý hơi hóa chất .....	51
Hình 3.12. Hình ảnh thiết bị tách xỉ kẽm .....	59
Hình 3.13. Hình ảnh hệ thống PCCC của dự án .....	67

# CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

## 1. Tên chủ cơ sở:

- Chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam.
- Địa chỉ văn phòng: Số 12, đường 3A, KCN Biên Hòa II, phường Trảng Biên, thành phố Đồng Nai.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Hà Ngọc Dũng;
- Chức vụ: Tổng Giám đốc;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3600358427 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/6/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 13/5/2026 do Phòng đăng ký Kinh doanh - Sở Tài chính thành phố Đồng Nai cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số đầu tư 2152552120 cấp lần đầu ngày 25/6/1996 và đăng ký điều chỉnh lần thứ 11 ngày 04/5/2026 do Ban quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố Đồng Nai cấp;

## 2. Tên cơ sở:

“Nhà máy Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam”.

- Địa điểm cơ sở: Số 12, đường 3A, KCN Biên Hòa II, phường Trảng Biên, thành phố Đồng Nai.

+ Giấy phép môi trường số 65/GPMT-KCNĐN ngày 17/05/2023 của dự án Nhà máy sản xuất sơ-mi-rơ-móc; bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm (có bao gồm công đoạn xi mạ với công suất 40.000 tấn sản phẩm/năm) do Ban quản lý các KCN Đồng Nai cấp.

- Quy mô của cơ sở: (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án đầu tư nhóm B với vốn đầu tư dự án là 215.343.967.000 (*Hai trăm mười lăm tỷ, ba trăm bốn mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*).

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất Sơ mi rơ móc; bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu, các sản phẩm cơ khí khác và gia công xi mạ. Dự án không thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg.

- Phân nhóm cơ sở đầu tư theo Luật BVMT: cơ sở thuộc dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại phụ lục III ban hành theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Đây là cơ sở bổ sung mục tiêu sản xuất trên cơ sở dự án hiện hữu đang trong quá trình hoạt động theo Giấy phép môi trường số 65/GPMT-KCNĐN ngày 17/05/2023 của Ban quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai.

- Thẩm quyền cấp giấy phép môi trường theo quy định hiện hành: Trưởng ban Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế thành Đồng Nai theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026.

### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở**

#### **3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:**

*- Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở đang hoạt động hiện hữu:*

Nhà máy sản xuất, sửa chữa sơ mi rơ moóc, bồn chứa khí hóa lỏng, hóa chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm (trong đó: 40.000 tấn sản phẩm có công đoạn xi mạ).

Cơ sở hiện hữu hoạt động theo Giấy phép môi trường số 65/GPMT-KCNĐN ngày 17/05/2023 của Ban quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai (nay là Ban quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố Đồng Nai cấp).

*- Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án sau khi mở rộng:*

Dự án Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam điều chỉnh, bổ sung thêm mục tiêu đầu tư thực hiện trên cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự án mã số 2152552120 cấp lần đầu ngày 25/6/1996 và đăng ký điều chỉnh lần thứ 11 ngày 04/5/2026 do Ban quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố Đồng Nai cấp. Điều chỉnh mở rộng quy mô các sản phẩm của Dự án, cụ thể như sau:

- Giảm công suất sản xuất, sửa chữa sơ mi rơ moóc, bồn chứa khí hóa lỏng, hóa chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác từ công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm (trong đó: 40.000 tấn sản phẩm có công đoạn xi mạ) xuống còn 25.000 tấn sản phẩm/năm (trong đó: 15.000 tấn sản phẩm có công đoạn xi mạ).

- Bổ sung thêm mục tiêu: Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (gia công xi mạ), công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm.

**Bảng 1.3. Danh mục các loại sản phẩm của Công ty thực tế và tối đa xin sản xuất**

STT	Mục tiêu hoạt động	Theo GPMT đã cấp	Dự án	Ghi chú
1	Sản xuất, sửa chữa sơ mi rơ moóc, bồn chứa khí hóa lỏng, hóa chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác	60.000 tấn sản phẩm/năm (trong đó, 40.000 tấn sản phẩm có công đoạn xi mạ)	25.000 tấn sản phẩm/năm (trong đó sản phẩm xi mạ: 15.000 tấn sản phẩm/năm)	Giảm công suất sản xuất (có bao gồm công đoạn xi mạ).
2	Gia công xi mạ (Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại)	-	60.000 tấn sản phẩm/năm	Gia công xi mạ, đây là mục tiêu bổ sung.

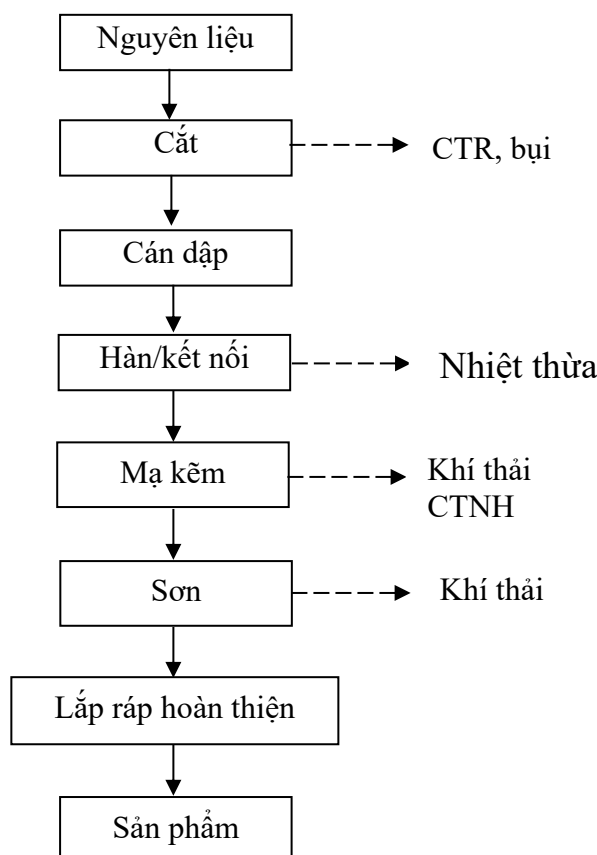
*(Nguồn: Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam)*

### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

#### 3.2.1. Công nghệ sản xuất của dự án hiện hữu theo Giấy phép môi trường đã cấp

Khi thực hiện nâng công suất Công ty không thay đổi quy trình sản xuất so với Giấy phép môi trường số 65/GPMT-KCNĐN ngày 17/05/2023 của Ban quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai (nay là Ban quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố Đồng Nai) cấp.

##### (1) Quy trình sản xuất của dự án:



## **Hình 1.1. Quy trình sản xuất các sản phẩm sơ mi rơ moóc, bồn chứa khí hóa lỏng, hóa chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác**

### **Thuyết minh quy trình sản xuất:**

Nguyên liệu được nhập về dưới dạng tấm.

**Cắt:** Nguyên liệu được đưa vào máy cắt thành chi tiết, phụ thuộc vào loại hình sản phẩm mà có kích thước và hình dạng khác nhau. Tại công đoạn này phát sinh chủ yếu là bụi và chất thải rắn từ quá trình cắt.

**Cán dập, định hình:** Các chi tiết sau khi qua công đoạn cắt sẽ được đưa qua công đoạn cán, dập định hình các chi tiết.

**Hàn/kết nối:** sau khi cán dập, định hình các chi tiết được đưa qua công đoạn hàn gắn kết các chi tiết với nhau, chủ yếu là các chi tiết/bộ phận tự sản xuất để gắn kết lại với nhau, Công ty sử dụng máy hàn Tig cho công đoạn hàn. Đối với các chi tiết sản xuất không qua công đoạn mạ sau khi hàn sẽ được đưa qua công đoạn lắp ráp hoàn thiện để tạo ra sản phẩm.

**Mạ kẽm:** Đối với các chi tiết cần mạ sẽ được chuyển qua dây chuyền mạ kẽm để thực hiện mạ trước khi đưa qua công đoạn tiếp theo.

### **Công đoạn phun bi trước khi sơn:**

Sản phẩm cần được làm sạch => được cầu lên băng tải đưa vào buồng phun bi, bi được bắn ra với vận tốc rất lớn lên bề mặt phần chi tiết cần gia công. Với lực tác động liên tục và lực va đập mạnh làm cho bề mặt chi tiết được làm sạch => băng tải đưa sản phẩm ra khỏi buồng phun => cầu sản phẩm ra khỏi băng tải xếp vào vị trí quy định chờ sơn (độ nhám bề mặt sau phun bi đạt SA2.5).

Bi được sử dụng tuần hoàn tái sử dụng, sau một thời gian sử dụng lượng bi sẽ bị hao hụt, người công nhân sẽ tính toán để bù lượng bi mới vào cho đủ và sử dụng tiếp tục.

### **Công đoạn sơn:**

Tại phòng phun sơn, sản phẩm cần sơn sẽ được các công trực và cầu trực đưa lên các xe goòng rồi đưa vào phòng phun sơn. Các sản phẩm cần sơn sẽ được đưa lên kệ sơn, công nhân sau khi được trang bị bảo hộ lao động (nón bảo hộ, mặt nạ phòng độc, giày, quần áo, kính) sẽ vận hành máy phun sơn để phun xịt trực tiếp lên sản phẩm, khoảng cách giữa đầu súng phun sơn và bề mặt cần sơn khoảng 20-25 cm, tốc độ di chuyển của súng phun sơn là 3-4 m/giây. Thời gian sơn xong chi tiết lớn nhất vào khoảng 20 phút.

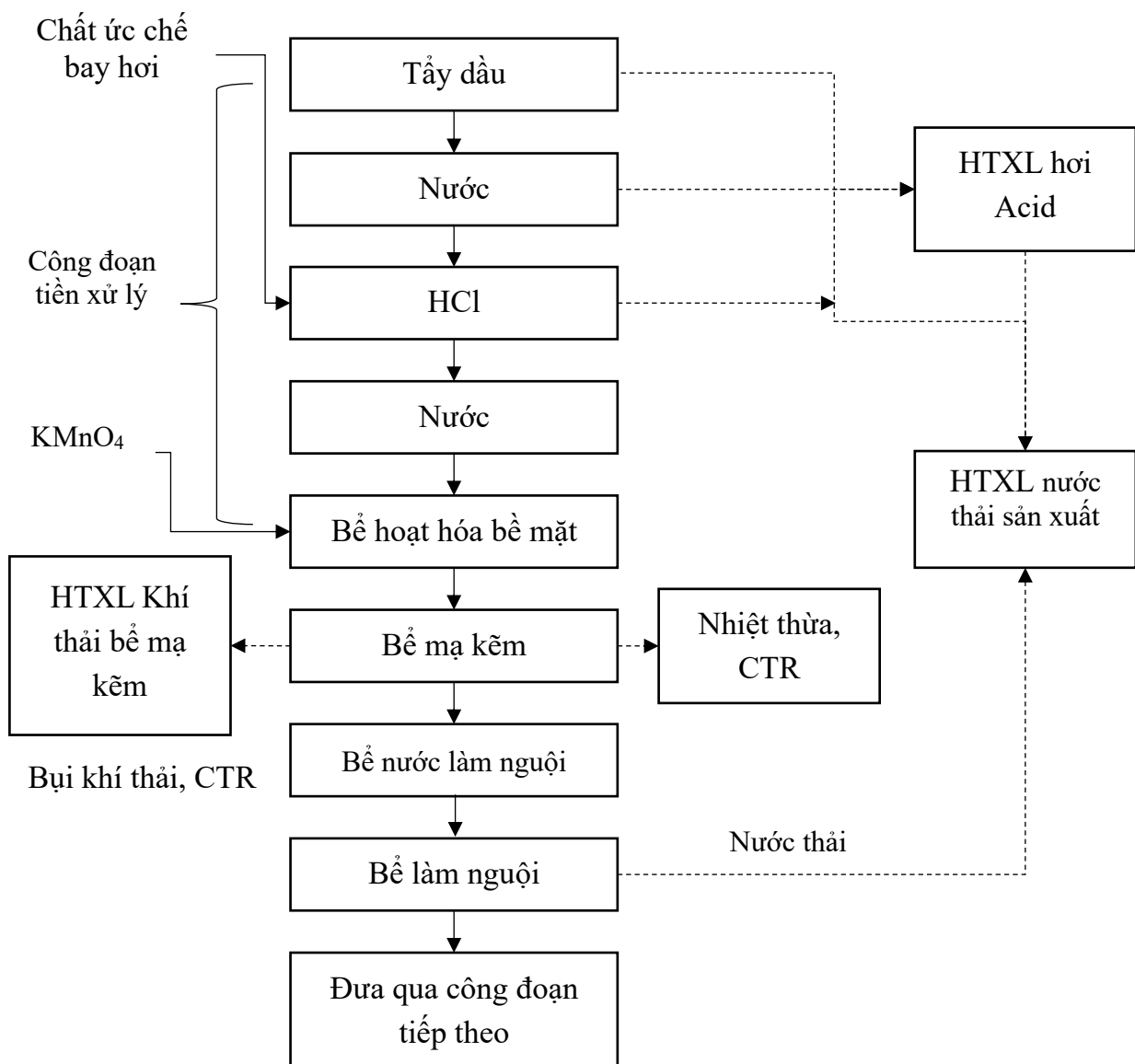
Tại công đoạn phun sơn, Công ty lắp đặt hệ thống xử lý bụi bằng màng nước nhằm thu gom bụi, hơi dung môi phát sinh tại công đoạn phun sơn, đồng thời sử dụng sơn gốc acrylic thân thiện với môi trường để giảm thiểu khí thải phát sinh.

**Lắp ráp hoàn thiện:** Tại công đoạn lắp ráp, các chi tiết sẽ được lắp ráp cùng với các linh kiện, cấu kiện nhập về để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh.

Các sản phẩm hoàn thiện sẽ được nhập kho thành phẩm và phân phối cho các khách hàng có nhu cầu.

Đối với các sản phẩm do Công ty sản xuất trong trường hợp hư hỏng sẽ được Công ty đưa về nhà máy để thực hiện công tác sửa chữa sau đó bàn giao lại cho khách hàng.

**(2) Chi tiết quy trình mạ kẽm phục vụ cho hoạt động sản xuất các sản phẩm của nhà máy và gia công xi mạ, cụ thể:**



## Hình 1.2. Quá trình mạ kẽm

### Thuyết minh quy trình:

- Công đoạn tiền xử lý:

+ Các cấu kiện thép trên bề mặt có dính dầu mỡ sẽ được đưa qua bể tẩy dầu kích thước 37,72 m<sup>2</sup> (16,5m x 1,9m) được kết cấu bằng bê tông cốt thép và có phủ lớp nhựa Composit chống ăn mòn, nhằm tẩy dầu trước khi qua công đoạn tiếp theo.

+ Các chi tiết sẽ được đưa qua bể chứa dung dịch HCl kết hợp với chất ức chế bay hơi kích thước 37,72 m<sup>2</sup> (16,5m x 1,9m) được kết cấu bằng bê tông cốt thép và có phủ lớp nhựa Composit chống ăn mòn, ở đây Công ty sử dụng hợp chất làm chất ức chế bay hơi để giảm thiểu hơi acid phát sinh tại công đoạn này.

Sản phẩm sau khi qua công đoạn tẩy rỉ sẽ được đưa qua bể nước kích thước 37,72 m<sup>2</sup> (16,5m x 1,9m) để rửa sạch HCl trước khi qua bể trợ dung.

+ Sau khi bề mặt cấu kiện được làm sạch, tiến hành nhúng kim loại vào bể trợ dung kích thước 42,9m<sup>2</sup> (16,5m x 2,6m) có kết cấu bê tông tại công đoạn này chất trợ dung Kẽm clorua (ZnCl<sub>2</sub>) và Amoni clorua (NH<sub>4</sub>Cl) với tỷ lệ nhất định để loại bỏ hoàn toàn lớp oxit đã hình thành trên bề mặt cấu kiện, Công đoạn này cũng giúp tạo 1 lớp phủ bảo vệ ngăn quá trình oxy hóa. Ngay sau đó, cấu kiện được sấy khô để chuẩn bị cho quá trình mạ.

- Mạ nhúng nóng: Các cấu kiện thép sau khi qua bể trợ dung sẽ được đưa qua công đoạn mạ nhúng nóng, bể kẽm nóng chảy với kích thước 25,46 m<sup>2</sup> (13,4m x 1,9m), nhiệt độ của lò khoảng 450 – 460oC sử dụng nhiên liệu đốt khí nén thiên CNG. Tại công đoạn này chủ dự án sử dụng hệ thống pallang điện để đưa các cấu kiện thép vào trong bể kẽm nóng. Khi đủ thời gian ngâm sẽ lấy cấu kiện ra khỏi bể kẽm nóng chảy bằng hệ thống pallang điện và chuyển qua công đoạn tiếp theo.

- Làm nguội: sử dụng nước để làm nguội, đây cũng là yếu tố tạo nên chất lượng sản phẩm.

Các chi tiết sau khi hoàn tất quá trình mạ sẽ được đưa qua các công đoạn tiếp theo để tạo ra các sản phẩm hoàn chỉnh, các sản phẩm sẽ được kiểm tra sau đó đưa chuyển đi cho khách hàng.

Việc di chuyển các chi tiết được đưa qua các bể mạ bằng hệ thống pallang điện (do các chi tiết mạ có kích thước lớn) và do công nhân thực hiện. Việc thay

thể, bổ sung các hóa chất cũng do công nhân thực hiện sau khi đo đạc, sử dụng bơm trực tiếp hóa chất từ bồn sang bể, hạn chế thấp nhất việc bay hơi hóa chất.

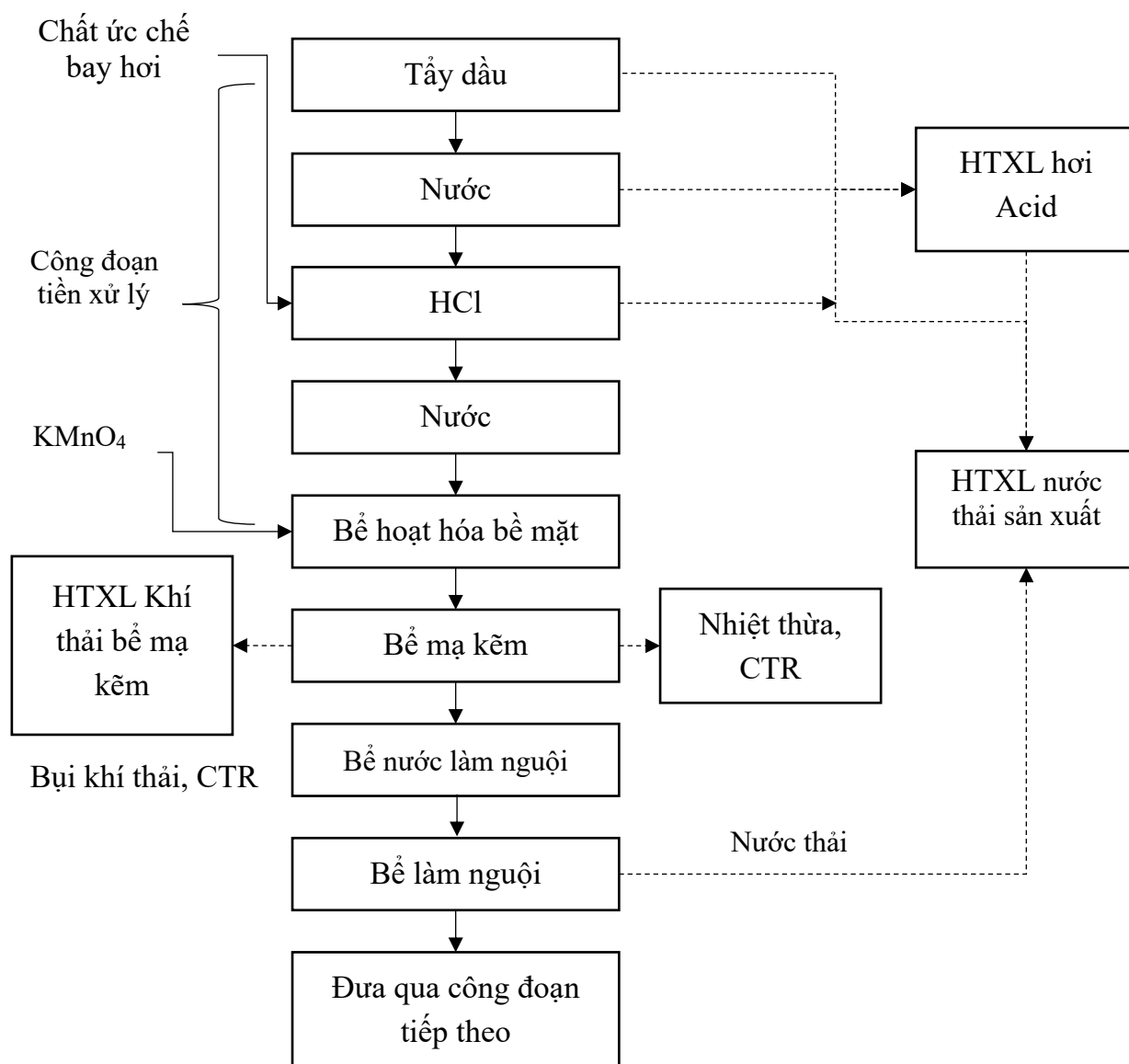
Hình ảnh dây chuyền sản xuất hiện hữu:



### 3.2.2. Công nghệ sản xuất của cho mục tiêu bổ sung

Công ty lập lại giấy phép môi trường nhằm bổ sung thêm mục tiêu gia công xi mạ. Theo giấy phép môi trường hiện hữu đã cấp công suất sản xuất của nhà máy đạt 60.000 tấn sản phẩm/năm trong đó xi mạ đạt 40.000 tấn sản phẩm/năm khi bổ sung thêm mục tiêu sản xuất Công ty giảm công suất sản xuất xuống còn 25.000 tấn sản phẩm/năm và xi mạ xuống còn 15.000 tấn sản phẩm/năm, đồng thời bổ sung thêm mục tiêu “Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại” công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm. Tổng công suất xi mạ sau khi bổ sung mục tiêu là 75.000 tấn sản phẩm/năm tăng 1,88 lần đối với công suất xi mạ tuy nhiên công suất sản xuất sản phẩm cơ khí của nhà máy giảm 2 lần so với giấy phép môi trường đã cấp.

Công ty vẫn sử dụng dây chuyền xi mạ hiện hữu đã lắp đặt tại nhà máy để phục vụ cho mục tiêu sản xuất và mục tiêu gia công xi mạ.



**Hình 1.3. Quy trình xi mạ và gia công xi mạ**

**\* Thuyết minh quy trình:**

- Công đoạn tiền xử lý:

+ Các cấu kiện thép trên bề mặt có dính dầu mỡ sẽ được đưa qua bể tẩy dầu kích thước 37,72 m<sup>2</sup> (16,5m x 1,9m) được kê cấu bằng bê tông cốt thép và có phủ lớp nhựa Composit chống ăn mòn, nhằm tẩy dầu trước khi qua công đoạn tiếp theo.

+ Các chi tiết sẽ được đưa qua bể chứa dung dịch HCl kết hợp với chất ức chế bay hơi kích thước 37,72 m<sup>2</sup> (16,5m x 1,9m) được kê cấu bằng bê tông cốt thép và có phủ lớp nhựa Composit chống ăn mòn, ở đây Công ty sử dụng hợp chất làm chất ức chế bay hơi để giảm thiểu hơi acid phát sinh tại công đoạn này.

Sản phẩm sau khi qua công đoạn tẩy rỉ sẽ được đưa qua bể nước kích thước

37,72 m<sup>2</sup> (16,5m x 1,9m) bể để rửa sạch HCl trước khi qua bể trợ dung.

+ Sau khi bề mặt cấu kiện được làm sạch, tiến hành nhúng kim loại vào bể trợ dung kích thước 42,9m<sup>2</sup> (16,5m x 2,6m) có kết cấu bê tông tại công đoạn này chất trợ dung Kẽm clorua (ZnCl<sub>2</sub>) và Amoni clorua (NH<sub>4</sub>Cl) với tỷ lệ nhất định để loại bỏ hoàn toàn lớp oxit đã hình thành trên bề mặt cấu kiện, Công đoạn này cũng giúp tạo 1 lớp phủ bảo vệ ngăn quá trình oxy hóa. Ngay sau đó, cấu kiện được sấy khô để chuẩn bị cho quá trình mạ.

- Mạ nhúng nóng: Các cấu kiện thép sau khi qua bể trợ dung sẽ được đưa qua công đoạn mạ nhúng nóng, bể kẽm nóng chảy với kích thước 25,46 m<sup>2</sup> (13,4m x 1,9m), nhiệt độ của lò khoảng 450 – 460<sup>0</sup>C sử dụng nhiên liệu đốt khí nén thiên CNG. Tại công đoạn này chủ dự án sử dụng hệ thống pallang điện để đưa các cấu kiện thép vào trong bể kẽm nóng. Khi đủ thời gian ngâm sẽ lấy cấu kiện ra khỏi bể kẽm nóng chảy bằng hệ thống pallang điện và chuyển qua công đoạn tiếp theo.

- Làm nguội: sử dụng nước để làm nguội, đây cũng là yếu tố tạo nên chất lượng sản phẩm.

Các chi tiết sau khi hoàn tất quá trình mạ sẽ được đưa qua các công đoạn tiếp theo để tạo ra các sản phẩm hoàn chỉnh, các sản phẩm sẽ được kiểm tra sau đó đưa chuyển đi cho khách hàng.

Việc di chuyển các chi tiết được đưa qua các bể mạ bằng hệ thống pallang điện (do các chi tiết mạ có kích thước lớn) và do công nhân thực hiện. Việc thay thế, bổ sung các hóa chất cũng do công nhân thực hiện sau khi đo đạc, sử dụng bơm trực tiếp hóa chất từ bồn sang bể, hạn chế thấp nhất việc bay hơi hóa chất.

Cơ sở để đảm bảo đáp ứng cho việc bổ sung thêm mục tiêu:

### 3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Cơ cấu sản phẩm của dự án hiện hữu và sau khi bổ sung mục tiêu cụ thể:

**Bảng 1.1. Công suất của dự án**

STT	Mục tiêu hoạt động	Công suất sản xuất thực tế	Theo GPMT đã cấp	Dự án	Ghi chú
1	Sản xuất, sửa chữa sơn mi rơ moóc, bồn chứa khí hóa lỏng, hóa chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác	51.500 tấn sản phẩm/năm (trong đó, 38.000 tấn sản phẩm có công đoạn	60.000 tấn sản phẩm/năm (trong đó, 40.000 tấn sản phẩm có công đoạn xi	25.000 tấn sản phẩm/năm (trong đó sản phẩm xi mạ: 15.000 tấn sản phẩm/năm)	Giảm công suất sản xuất (có bao gồm công đoạn xi mạ).

		xi mạ)	mạ)		
2	Gia công xi mạ (Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại)	-	-	60.000 tấn sản phẩm/năm	Gia công xi mạ, đây là mục tiêu bổ sung.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam)



**Hình 1.4. Hình ảnh về các loại sản phẩm**

**4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:**

**(1) nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng của cơ sở**

Trong quá trình sản xuất Công ty đã sử dụng các loại nguyên liệu như sau:

**Bảng 1.2. Danh mục nguyên, vật liệu sử dụng trong Công ty**

STT	Loại nguyên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng		
			GPMT 2023	2025	Dự án
<b>I</b>	<b>Nguyên liệu sử dụng cho sản xuất và gia công xi mạ</b>				
<b>1</b>	<b>Sản xuất, gia công sơ mi rơ moóc, bồn chứa khí hóa lỏng, hóa chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác</b>				
1.1	Thép sử dụng sản xuất	Tấn/năm	65.000,00	2.447,12	32.500,0
1.2	Trục xe	Cái/năm	2.500,00	2.184,00	1.250,0
1.3	Lốp xe	Bộ/năm	12.000,00	9.147,00	6.000,0
1.4	Mâm xe	Bộ/năm	12.000,00	8.721,00	6.000,0
1.5	Chân chống	Cái/năm	1.200,00	1.020,00	600,0
1.6	Nhíp xe	Cái/năm	3.000,00	4.463,00	1.500,0
1.7	Bình chứa khí	Cái/năm	1.200,00	2.043,00	600,0
1.8	Van-rơ-le	Cái/năm	600,00	1.000,00	300,0
1.9	Búp phanh đôi	Bộ/năm	5.800,00	4.546,00	2.900,0
1.10	Dụng cụ điện	Cái/năm	12.800,00	12.678,00	6.400,0
1.11	Chốt đính	Cái/năm	1.200,00	1.128,00	600,0
1.12	Dây hàn MIG	Tấn/năm	40,00	37,36	20,0
<b>2</b>	<b>Xi mạ và gia công xi mạ</b>				
2.1	Thép đen công đoạn mạ kẽm (nguyên liệu gia công từ khách hàng) (*)	Tấn/năm	-	-	60.000,00
2.2	Kẽm thỏi 99,995 (nóng chảy ở 450 – 460 <sup>0</sup> C)	Tấn/năm	2.800,00	2.231,0	4.000,00
2.3	Nhôm KZA <sub>3</sub>	Tấn/năm	24,14	20,52	30,17
2.4	Thiếc thanh (Sn)	Tấn/năm	0,80	0,68	1,00
2.5	Bimusth (Bi)	Tấn/năm	0,93	0,79	1,16
2.6	Niken (Ni)- Bột	Tấn/năm	3,30	2,81	4,13
<b>II</b>	<b>Hóa chất sử dụng cho sản xuất</b>				
<b>1</b>	<b>Hóa chất sử dụng cho sản xuất, gia công sơ mi rơ moóc, bồn chứa khí hóa lỏng, hóa chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác</b>				
1.1	Dung môi AS02	Tấn/năm	2,43	2,07	3,04
1.2	Sơn dầu Akalyd	Tấn/năm	4,60	23,3	5,75
1.3	CO <sub>2</sub>	Tấn/năm	151,53	128,80	189,41
<b>2</b>	<b>Hóa chất sử dụng chung cho dây chuyền xi mạ và gia công xi mạ</b>				
<b>2.1</b>	<b>Acid HCL (32%)</b>	<b>Tấn/năm</b>	<b>250,00</b>	<b>245,20</b>	800
2.2	Hỗn muối trợ dung	Tấn/năm	20,82	17,70	26,03
2.3	Hóa chất tẩy dầu	Tấn/năm	5,30	3,75	6,63

2.4	Muối K <sub>2</sub> Cr <sub>2</sub> O <sub>7</sub>	Tấn/năm	0,20	0,76	0,25
2.5	Hóa chất công nghiệp WZN	Tấn/năm	-	0,39	-
2.6	Chất ức chế bay hơi Acid	Tấn/năm	0,50	0,53	0,63
2.7	NH <sub>4</sub> OH	Tấn/năm	23,53	20,00	29,41
2.8	KMnO <sub>4</sub>	Tấn/năm	3,65	3,11	4,57
2.9	Sơn dầu kẽm	Tấn/năm	3	2,54	3,75
2.10	Sơn xịt ATM	Tấn/năm	2,5	2,12	3,13
<b>3</b>	<b>Hóa chất sử dụng cho xử lý nước thải</b>				
3.1	NaOH	Kg/năm	22,00	13,08	22,00
3.2	PAC	Tấn/năm	1,20	0,62	1,20
3.3	Polymer Cation	Tấn/năm	1,20	0,72	1,20
3.4	NaHSO <sub>3</sub>	Tấn/năm	1,20	0,65	1,20

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam)

*Ghi chú:* Công ty không sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

(\*): Thép đen công đoạn mạ kẽm (uyên liệu gia công từ khách hàng) là phần nguyên liệu do khách hàng đưa đến để thực hiện gia công xi mạ, sản phẩm sẽ được bàn giao lại cho khách hàng.

Công ty cam kết các hóa chất sử dụng đều nằm trong quy định của Nghị định 24/2026/NĐ-CP Quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất. Dự án cam kết chỉ mua hóa chất từ nhà cung cấp hợp pháp, có nhãn MSDS đầy đủ và thực hiện quản lý, lưu chứa, sử dụng hóa chất theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Nhu cầu nguyên liệu sản xuất không bao gồm khối lượng nguyên liệu phục vụ cho mục tiêu gia công, đối với mục tiêu gia công mạ các chi tiết gia công sẽ được khách hàng đem đến gia công và chuyển giao lại cho khách hàng sau khi hoàn tất phần gia công mạ.

## **(2) Nhu cầu sử dụng điện phục vụ hoạt động sản xuất của cơ sở**

### **a) Nguồn cung cấp điện:**

Nguồn cấp điện cho hoạt động sản xuất của dự án do Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai cung cấp qua đường dây trung thế của Khu công nghiệp Biên Hòa II.

\* Nhu cầu tiêu thụ điện:

- Nhu cầu sử dụng điện hiện hữu của nhà máy.

+ Nhu cầu điện tiêu thụ của nhà máy hiện hữu là 115.000 kWh/tháng (theo hóa đơn sử dụng điện)

+ Nhu cầu sử dụng điện của nâng công suất

Nhu cầu tiêu thụ điện phục vụ cho nhà máy nâng công suất khoảng 180.000 kWh/tháng. Nhu cầu tiêu thụ điện phục vụ cho dự án chủ yếu cung cấp cho dây chuyền sản xuất, chiếu sáng và sinh hoạt.

Công ty có đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời với công suất 420 kwp phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

### ***(3) Nhu cầu sử dụng nước phục vụ hoạt động sản xuất của cơ sở***

\* Nguồn cung cấp nước:

Nhà máy sử dụng nước cấp từ đơn vị hạ tầng Khu công nghiệp Biên Hòa II.

Lượng nước sử dụng cho dự án chủ yếu để cung cấp cho sinh hoạt công nhân, hoạt động sản xuất, xử lý khí thải, tưới cây xanh, thăm cỏ, tưới đường, PCCC.

Hệ thống cấp nước sử dụng cấp cho dự án bao gồm bể chứa nước sạch, bơm cấp nước, hệ thống van ống dẫn nước.

\* Nhu cầu sử dụng nước:

#### **(1) Nước sử dụng cho sinh hoạt:**

Đối với công nhân viên người Việt Nam: căn cứ Mục 2.10.2- Nhu cầu sử dụng nước của QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành tại Thông tư 01:2021/TT – BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng:

Chỉ tiêu cấp nước sạch dùng cho sinh hoạt tối thiểu là 80 lít/người/ngày, hướng tới mục tiêu sử dụng nước an toàn, tiết kiệm và hiệu quả. Công ty có thực hiện công đoạn nấu ăn nên lượng nước tối thiểu 110 lít/người/ngày:

Lượng nước sinh hoạt sử dụng tối đa tại Cơ sở. Cụ thể như sau:

$$80 \text{ lít/người/ca} \times 200 \text{ người} = 16.000 \text{ lít/ngày} \approx 16 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

Lượng nước sinh hoạt sử dụng tối đa khi dự án đi vào hoạt động với khoảng 300 lao động. Cụ thể như sau:

$$80 \text{ lít/người/ca} \times 300 \text{ người} = 24.000 \text{ lít/ngày} \approx 24 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

## **(2) Nước sử dụng cho quá trình sản xuất:**

- Nước sử dụng trong công đoạn rửa trước mạ (công đoạn tiền xử lý): lượng nước này sử dụng trung bình khoảng 14 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, tối đa khoảng 17 m<sup>3</sup>/ngày.đêm sau khi thực hiện tăng công suất.

- Đối với công đoạn mạ: Dung dịch mạ được sử dụng 100% kẽm, không sử dụng nước (chủ dự án sử dụng kẽm thỏi nung đến điểm nóng chảy khoảng từ 450<sup>0</sup>C – 460<sup>0</sup>C và luôn duy trì nhiệt độ trong bể mạ khoảng từ 450<sup>0</sup>C – 460<sup>0</sup>C để chuyển kẽm từ trạng thái rắn sang trạng thái lỏng). (Nguồn: Tham khảo từ nhà máy sản xuất cấu kiện kim loại – Công ty TNHH nhúng nóng Biên Hòa).

- Nước cấp cho 03 hệ thống xử lý khí thải hiện hữu trung bình khoảng 2 m<sup>3</sup>/lần, dự kiến sau khi cải tạo, nâng công suất 03 hệ thống xử lý khí thải nhu cầu sử dụng nước khoảng 3 m<sup>3</sup>/lần.

## **(3) Nước sử dụng cho hoạt động tưới cây và PCCC:**

- Nước phục vụ tưới cây.

Diện tích đất quy hoạch cho cây xanh hoặc thảm cỏ toàn Nhà máy là 6.600 m<sup>2</sup>. Chỉ tiêu cấp nước cho hoạt động tưới tiêu của dự án cho một lần tưới là 2 lít/m<sup>2</sup>/ngày.đêm (theo mục 2.10, QCVN 01:2021/BXD).

$$Q_t = 2 \text{ lit/m}^2/\text{ngày} \times 7.392 \text{ m}^2 \approx 14,79 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Tuy nhiên, một tuần Công ty thực hiện tưới cây 2 lần, nước tưới cây khoảng 7,4 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nước phục vụ cho PCCC

Lưu lượng cấp nước cho chữa cháy q = 15 l/s cho một đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời một lúc là 3 đám cháy. Bể nước PCCC 453 m<sup>3</sup> (Nước PCCC không mang tính chất sử dụng thường xuyên) sử dụng chung cho toàn Nhà máy.

Thống kê nhu cầu sử dụng nước của Công ty được thể hiện ở bảng sau:

**Bảng 1.3. Nhu cầu dùng nước của nhà máy**

Stt	Mục đích sử dụng	Lượng nước sử dụng (m <sup>3</sup> /ngày)	
		Hiện hữu	Dự án
1	Sinh hoạt của công nhân	16	24
2	Nước sản xuất	20	24
2.1	Rửa nước	14	17

2.2	Nước sử dụng cho pha hóa chất	4	4
2.4	Nước cấp cho quá trình xử lý khí thải	2	3
3	Tưới cây	7,4	7,4
	<b>Tổng cộng</b>	<b>43,4</b>	<b>55,4</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam)

Như vậy, lượng nước sử dụng cho hoạt động dự án tối đa khoảng 53,6 m<sup>3</sup>/ngày.

*Ghi chú:* Sau khi nâng công suất, nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày.đem được tái sử dụng cho hoạt động sản xuất, định kỳ 02 tuần/lần chuyển giao cho đơn vị có chức năng không đầu nối nước thải này về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

**5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất phải nêu rõ:** Không thuộc đối tượng.

**6. Các công trình, hạng mục công trình có phát sinh chất thải và công trình bảo vệ môi trường còn tiếp tục thực hiện sau khi được cấp (nếu có):**

Do dự án xin cấp lại Giấy phép môi trường nhằm bổ sung thêm mục tiêu sản xuất. Khi bổ sung thêm mục tiêu sản xuất Công ty cũng xin điều chỉnh phương án xử lý khí thải nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý khí thải đảm bảo đạt QCVN 19:2024/BTNMT (cột B).

**Danh mục thiết bị xin lắp đặt bổ sung:**

- Tăng bộ cầu trục từ 03 bộ cầu trục lên 04 bộ cầu trục.
- Tăng bể tẩy rỉ từ 03 bể lên 05 bể, giảm 01 bể rửa nước và giảm 01 bể tẩy dầu do khi thực hiện mục tiêu gia công đa số các sản phẩm khách hàng đặt gia công khách hàng thường không thực hiện công đoạn tẩy dầu mà chỉ tẩy rỉ và xi mạ.

**Danh mục công trình bảo vệ môi trường xin cải tạo sau khi bổ sung mục tiêu:**

STT	Tên công trình	Theo GPMT	Dự án xin điều chỉnh sau khi có GMT	Ghi chú
1	Hệ thống xử lý bụi bề mạ kẽm	Hệ thống xử lý bụi từ bề mạ kẽm, công suất thiết kế 25.000 m <sup>3</sup> /giờ. Tóm tắt quy trình xử lý: <i>Bụi → nhà chứa bụi → Cyclone đơn → Túi vải → Ống thoát khí thải → Đạt quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.</i>	Lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi từ bề mạ kẽm nhúng nóng với công suất thiết kế 60.000 m <sup>3</sup> /giờ (nguồn số 01). <b>Tóm tắt quy trình xử lý:</b> <i>Bụi được hút từ miệng bề mạ kẽm → Đưa vào nhà chứa bụi để lọc thô → Đưa qua hệ thống lọc túi vải lọc tinh → Ống thoát khí thải → Đạt quy chuẩn môi trường cho phép xả ra môi trường.</i>	Công ty sẽ thực hiện bỏ Cyclon do bụi phát sinh từ bề mạ kẽm chủ yếu là khói từ sản phẩm cháy khi vật mạ tiếp xúc với dung dịch kẽm ở nhiệt độ cao. Khói này thường không cuốn theo bụi có kích thước lớn do đó bổ trí thêm Cyclon không làm tăng hiệu quả xử lý mà làm tăng trở lực đường ống, làm giảm hiệu suất của HTXL khí thải. Ngoài ra Công ty sẽ thực hiện đổi lớp vật liệu của túi vải có khả năng chịu nhiệt cao, đồng thời tăng công suất quạt hút, bổ sung thêm hệ thu gom bụi tại hai bên bề mạ để đảm bảo khả năng xử lý bụi phát sinh tại công đoạn này.
2	Hệ thống xử lý khí thải công đoạn xử lý bề mặt	Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm, công suất thiết kế 20.000 m <sup>3</sup> /giờ. Tóm tắt quy trình xử lý: <i>Khí thải → Màn nước → Quạt hút → Ống thoát khí thải → Đạt quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.</i>	02 Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm, công suất thiết kế 30.000 m <sup>3</sup> /giờ/hệ thống. Tóm tắt quy trình xử lý: <i>Khí thải → Quạt hút → tháp hấp thụ → Ống thoát khí thải → Đạt quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.</i>	Hiện tại Công ty lắp đặt hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn tẩy rửa bề mặt trong không gian hở, hiệu quả xử lý khí thải đảm bảo đạt theo bảo theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với các hệ số Kv = 0,6 và Kp = 0,9) tuy nhiên khi áp theo QCVN 19:2024/BTNMT cột B sẽ không đảm bảo do đó Công ty sẽ bỏ hoàn toàn hệ thống xử lý khí thải hiện hữu. Lắp đặt hệ thống buồng kín trong công đoạn tẩy rửa thay ế hệ thống cũ bằng 02 hệ thống xử lý khí thải công suất 30.000 m <sup>3</sup> /giờ/hệ thống để thu gom xử lý khí thải từ công đoạn này.

3	Hệ thống xử lý khí thải công đoạn sơn	<p>Hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn, công suất thiết kế 6.000 m<sup>3</sup>/giờ.</p> <p>Tóm tắt quy trình xử lý: <i>Khí thải</i> → <i>Quạt hút</i> → <i>Màng nước</i> → <i>Ống thoát khí thải</i> → <i>Đạt quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.</i></p>	<p>Hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn, công suất thiết kế 15.000 m<sup>3</sup>/giờ.</p> <p>Tóm tắt quy trình xử lý: <i>Khí thải</i> → <i>Quạt hút</i> → <i>Màng nước</i> → <i>Ống thoát khí thải</i> → <i>Đạt quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.</i></p>	<p>Đối với công đoạn sơn Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải công suất 6.000 m<sup>3</sup>/giờ tuy nhiên để đảm bảo thu gom triệt để khí thải công đoạn sơn phát sinh Công ty xin tăng công suất của HTXL này từ 6.000 m<sup>3</sup>/giờ tăng lên 15.000 m<sup>3</sup>/giờ.</p>
---	---------------------------------------	--	---	--

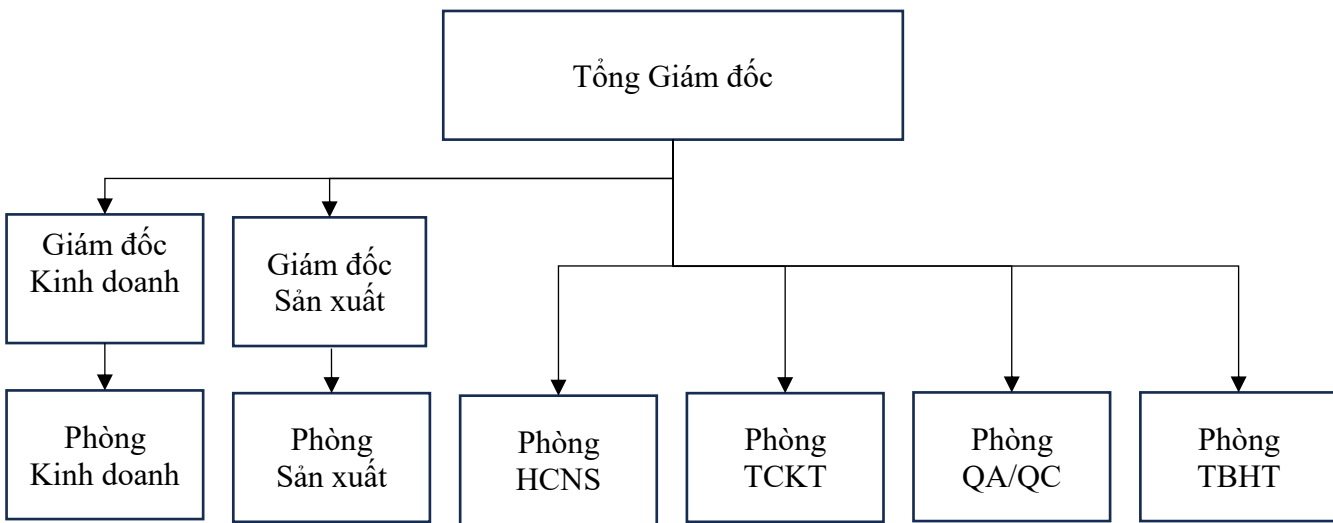
Sau khi được cấp Giấy phép môi trường Công ty sẽ thực hiện cải tạo các bể trong dây chuyền xi mạ hiện hữu đồng thời thực hiện cải tạo các hệ thống xử lý khí thải để phục vụ cho hoạt động của cơ sở sau khi cải tạo.

## 7. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

### 7.1. Tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở

Nhà máy sản xuất Sợi mi rô móc; bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu, các sản phẩm cơ khí khác và gia công xi mạ do Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam làm chủ đầu tư được thực hiện tại Số 12, đường 3A, KCN Biên Hòa II, phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai.

Sơ đồ tổ chức quản lý của Công ty:



**Bảng 1.4. Thông tin về hoạt động của cơ sở**

Thông tin	Thông tin hoạt động	
	Hiện hữu	Tối đa
Số lao động	200	300
Số ca làm việc	2 ca/ngày (ca 8giờ)	2 ca/ngày (ca 8giờ)
Số ngày làm việc	6 ngày/tuần	6 ngày/tuần

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo luật kinh tế hiện hành và đề nghị được hưởng ưu đãi theo luật khuyến khích đầu tư. Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam là đơn vị kinh tế độc lập, chủ động hoàn toàn về mặt tài chính, thực hiện ký kết hợp đồng với các đơn vị có chức năng, có tư cách pháp nhân theo đúng quy định của Nhà nước.

Tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở: chủ cơ sở trực tiếp quản lý và thực hiện cơ sở. Cơ sở sẽ bố trí nhân sự cho công tác bảo vệ môi trường. Cụ thể như sau:

Chịu trách nhiệm chính: Tổng Giám đốc (01 người)

Chịu trách nhiệm về vận hành và quản lý công tác thực hiện bảo vệ môi trường: 01 người có trình độ Cao đẳng chuyên ngành môi trường trở lên.

Lao động làm việc trong cơ sở được lựa chọn chủ yếu là lực lượng lao động phổ thông người địa phương. Thu nhập của người lao động được trả theo hình thức lương tháng. Công ty luôn tuân thủ các chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động theo đúng quy định của Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

## **7.2. Tiến độ thực hiện của cơ sở**

Tiến độ thực hiện của cơ sở:

- Tháng 05/2026-08/2026: Hoàn thành các thủ tục pháp lý cho cơ sở;
- Tháng 09/2026-10/2026: Lắp đặt máy móc thiết bị.
- Tháng 11/2027: Cơ sở chính thức đi vào hoạt động.

## **7.3. Các cơ sở pháp lý của nhà máy**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 36003584247 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/6/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29/09/2025 do Phòng đăng ký Kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số đầu tư 2152552120 cấp lần đầu ngày 25/6/1996 và đăng ký điều chỉnh lần thứ 10 ngày 05/5/2025 do Ban quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai (nay là Ban quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai) cấp;

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 593/QĐ-KCNĐN ngày 31/12/2021 của Ban quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai “Nhà máy sản xuất sơ mi rơ móc, bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm (có bao gồm công đoạn xi mạ với công suất 40.000 tấn sản phẩm/năm)” tại KCN Biên Hòa II, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 245/QĐ.QLMT ngày 22/5/1997 của Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy sản xuất remooc xe kéo các loại” tại KCN Biên Hòa II, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

- Giấy phép môi trường số 65/GPMT-KCNĐN ngày 17/05/2023 của dự án “Nhà máy sản xuất sơ-mi-rơ-móc; bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm (có bao gồm công đoạn xi mạ với công suất 40.000 tấn sản phẩm/năm) do Ban quản lý các KCN Đồng Nai cấp.

- Văn bản số 524/SZB-QTTH ngày 29/11/2021 của Công ty Sonadezi Long Bình (Chủ dự án KCN Biên Hòa II) gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để xin được bổ sung thêm

công đoạn mạ kẽm vào quy trình sản xuất của Công ty CP Chien You Việt Nam tại KCN Biên Hòa II, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

- Công văn 3884/TCMT-TD ngày 21/12/2021 của Tổng cục Môi trường gửi Công ty CP Sonadezi Long Bình V/v hướng dẫn việc bổ sung công đoạn mạ kẽm trong quy trình sản xuất của Công ty CP Chien You Việt Nam.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC số 171/TD-PCCC ngày 16/4/2022 do Phòng Cảnh sát – Công an PCCC tỉnh Đồng Nai cấp.

- Giấy phép xây dựng số 78/GPXD ngày 27/5/2022 do Ban quản lý các KCN Đồng Nai cấp.

- Giấy phép xây dựng số 160/GPXD ngày 27/12/2024 do Ban quản lý các KCN Đồng Nai cấp.

- Hợp đồng xử lý nước thải số 46/HĐNT ngày 12/2/2001 với Cổ phần Chien You Việt Nam với Xí Nghiệp dịch vụ quản lý môi trường Sonadezi.

- Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt số 120/2025/HĐ.RT ngày 31/12/2024 giữa Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam và Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi.

- Hợp đồng số 117/2024/HĐXLCT/MTS.K-CY về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ký ngày 20/03/2024 giữa Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam và Công ty TNHH Xử lý môi trường sạch Việt Nam.

- Hợp đồng số 144/2025/HĐXLCT/MTS.K-CY về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ký ngày 20/03/2025 giữa Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam và Công ty TNHH Xử lý môi trường sạch Việt Nam.

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, thu mua gom phế liệu sau xử lý số 355/11.HĐCTNH-PL ký ngày 21/11/2025 giữa Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam và Chi nhánh nhà máy xử lý chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt – Công ty Cổ phần TM Tài Tiến.

- Hợp đồng mua bán phế liệu sắt thép số 01/HĐMB/CY-KT ký ngày 14/11/2025 giữa Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam và Công ty Cổ phần Môi trường Kim Thành.

#### **7.4. Cơ cấu sử dụng đất và các hạng mục công trình của nhà máy**

Tổng diện tích đất cho toàn nhà máy là 28.648,5 m<sup>2</sup>. Các hạng mục công trình phục vụ quá trình hoạt động của toàn nhà máy đã được xây dựng hoàn thiện, cụ thể:

#### **Bảng 1.5. Diện tích các hạng mục công trình của nhà máy**

Stt	Hạng mục công trình	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Hạng mục công trình chính</b>	<b>9.258,60</b>	<b>32,32</b>
1	Nhà xưởng A	6.598,60	23,03
2	Nhà xưởng B	2.660	9,28
<b>II</b>	<b>Hạng mục công trình phụ trợ</b>	<b>821,70</b>	<b>2,87</b>
5	Văn phòng	412,3	1,44
6	Nhà vệ sinh nam	11,7	0,04
7	Nhà vệ sinh nam nữ	15,9	0,06
8	Nhà xe	113,5	0,40
9	Nhà văn phòng xưởng + nhà kho	(105)	Nằm trong nhà xưởng A
10	Nhà bảo vệ	24,8	0,09
11	Kho chứa vật tư sản xuất	357	1,25
12	Bể nước PCCC	100	0,35
13	Mái nổi	1.890	6,60
<b>III</b>	<b>Công trình bảo vệ môi trường</b>	<b>100</b>	<b>0,35</b>
14	Khu lưu giữ phế liệu	(50)	Nằm trong nhà xưởng A
15	Khu lưu giữ CTNH (nằm trong khu phụ trợ)	25	0,09
16	Khu lưu giữ chất thải công nghiệp	25	0,09
17	Khu xử lý khí thải	112	0,39
18	Khu xử lý bụi từ bể mạ	(28)	Nằm trong nhà xưởng B
19	Hệ thống xử lý nước thải	50	0,17
<b>IV</b>	<b>Giao thông, sân bãi</b>	<b>10.451,20</b>	<b>36,48</b>
<b>V</b>	<b>Cây xanh</b>	<b>6.127</b>	<b>21,39</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>28.648,50</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam)

*Ghi chú:*

Các hạng mục công trình phục vụ hoạt động của nhà máy đã được đầu tư hoàn chỉnh theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 593/QĐ-KCNĐN ngày 31/12/2021 của Ban quản lý các KCN Đồng Nai; Giấy phép xây dựng số 78/GPXD ngày 27/5/2022 và Giấy phép xây dựng số 160/GPXD ngày 27/12/2024 của Ban quản lý các KCN Đồng Nai.

Khi thực hiện dự án nâng công suất, Công ty không xây dựng thêm bể mạ, các bể xử lý bao gồm 01 bể tẩy dầu, 05 bể tẩy rỉ, 03 bể nước. Đồng thời bổ sung thêm 01 bộ cầu trục

trục để đáp ứng cho dây chuyền mạ phục vụ cho việc tăng công suất dây chuyền mạ từ 40.000 tấn/năm lên 75.000 tấn sản phẩm/năm.

Do đặc trưng các mặt hàng sản xuất và mặt hàng dự kiến gia công của Công ty đều là các chi tiết lớn có trọng lượng dao động từ 50 đến 3.000 kg do đó việc tăng công suất mạ từ 40.000 tấn/năm lên 75.000 tấn sản phẩm/năm không ảnh hưởng nhiều đến dây chuyền sản xuất thực tế của nhà máy.

Đồng thời, Công ty trong quá trình hoạt động của dự án hiện hữu Công ty nhận thấy các hệ thống xử lý bụi từ công đoạn mạ kẽm cũng như hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sơn, xử lý bề mặt mạ hiện hữu của nhà máy cần được cải tiến để đảm bảo hiệu quả xử lý đáp ứng theo QCVN 19:2024/BTNMT cột B Công ty sẽ thực hiện cải tạo, nâng công suất hệ thống xử lý khí thải từ các công đoạn này.

### 7.5. Máy móc, thiết bị chính phục vụ sản xuất

Các loại máy móc, trang thiết bị chính phục vụ hoạt động sản xuất của Nhà máy được trình bày chi tiết trong bảng sau:

**Bảng 1.6. Danh mục máy móc, thiết bị chính phục vụ hoạt động nhà máy**

STT	Loại thiết bị	Năm SX	Số lượng			Nước sản xuất
			Hiện hữu theo GPMT	Dự án	Toàn dự án	
<b>A</b>	<b>PHỤC VỤ SẢN XUẤT</b>					
1	Máy cắt lớn TES-31190	1997	1	-	1	Đài Loan
2	Máy cắt nhỏ TES-3165	1997	1	-	1	Đài Loan
3	Máy chấn tôn JSB-45032-B	1997	1	-	1	Đài Loan
4	Máy cắt dập F6	1997	1	-	1	Đài Loan
5	Máy dập C ( 6 ton)	1997	1	-	1	Đài Loan
6	Máy dập C (5 ton)	2000	1	-	1	Đài Loan
7	Máy dập C (3 ton)	2000	1	-	1	Đài Loan
8	Máy tiện 3A-2660	2004	1	-	1	Đài Loan
9	Máy tiện MFG2135S	2004	1	-	1	Nhật Bản
10	Máy tiện HJ 850	2001	1	-	1	Đài Loan
11	Máy khoan đứng lớn CSR-1300	2002	1	-	1	Đài Loan
12	Máy khoan đứng nhỏ SY-860DS	1997	1	-	1	Đài Loan
13	Máy khoan cần cầm tay	2019	5	-	5	Đài Loan
14	Máy ép 300	1998	1	-	1	Đài Loan

15	Cần trục 5T-5T	1998	4	-	4	Đài Loan
16	Cần trục 15T-15T	1998	1	-	1	Đài Loan
17	Máy cắt đá	2016	3	-	3	Đài Loan
18	Máy cưa	2018	1	-	1	Đài Loan
19	Máy sấy que hàn	2018	1	-	1	Đài Loan
20	Máy hàn Mig	2022	11	-	11	Hàn Quốc,
21	Máy hàn cơ	2015	30	-	30	Đài Loan
22	Máy cắt Flasma cầm tay Jasic	Mới 100%	3	-	3	Trung Quốc
23	Máy nén khí	2012	2	-	2	Nhật Bản
24	Máy quạt CN	2017	15	-	15	Đài Loan
25	Máy ép	2017	1	-	1	Đài Loan
26	Máy nước uống	2019	3	-	3	Đài Loan
27	Máy ktra phanh Chiang lurn SL580	2008	1	-	1	Đài Loan
28	Xe nâng 6 tấn	2009	1	-	1	Nhật Bản
29	Xe nâng 5 tấn	2012	1	-	1	Nhật Bản
30	Xe nâng 4 tấn	2012	1	-	1	Nhật Bản
31	Xe nâng 3.5 tấn	2010	1	-	1	Nhật Bản
32	Xe nâng 2.5 tấn	2012	1	-	1	Nhật Bản
33	Phòng phun bi	2022	1	-	1	Việt Nam
34	Phòng phun sơn	2022	1	-	1	Việt Nam
35	Máy Flasma	2022	1	-	1	Việt Nam
36	xe tải	2014	1	-	1	Trung Quốc
37	Cân điện tử	2015	1	-	1	Việt Nam
38	Cần trục 3T-3T	2022	1	-	1	Việt Nam
39	Cần trục 3T	2022	1	-	1	Việt Nam
40	Cần trục 5T	2022	2	-	2	Việt Nam
41	Cần trục 1T	2022	1	-	1	Việt Nam
42	Máy ép bùn bề trợ dung	2022	1	-	1	Việt Nam
43	Máy đập xỉ	2022	1	-	1	Việt Nam
44	Máy sàng xỉ	2022	1	-	1	Việt Nam
45	Máy nắn ống	2022	1	-	1	Việt Nam
46	Máy hút kềm	2022	1	-	1	Việt Nam
47	Máy hàn điện tử	2022	2	-	2	Trung Quốc
48	Máy hàn Tig Jasic	2022	1	-	1	Trung Quốc
49	Máy khoan cầm tay	2022	2	-	2	Nhật Bản

50	Máy cắt đá cầm tay	2022	1	-	1	Nhật Bản
51	Máy khoan bê tông	2022	1	-	1	Trung Quốc
52	Máy đục bê tông lớn	2022	1	-	1	Trung Quốc
53	Máy mài cầm tay khí nén	2022	20	-	20	Đài Loan
54	Máy mài đầu trụ khí nén	2022	3	-	3	Đài Loan
55	Máy cắt bàn 350	2022	2	-	2	Đài Loan
56	Máy duỗi sắt	2020	1	-	1	Việt Nam
57	Máy kéo đai	2023	1	-	1	Việt Nam
58	Bơm xịt rửa áp lực	2023	2	-	2	Trung Quốc
59	Máy đo nhiệt độ	2023	1	-	1	Nhật Bản
60	Máy đo chiều dày lớp mạ	2023	1	-	1	Nhật Bản
61	Quạt công nghiệp 3 pha	2023	10	-	10	Việt Nam
62	Hệ điều khiển buồng đốt	2022	1	-	1	Việt Nam
63	Trạm khí CNG	2023	1	-	1	Việt Nam
64	Xe nâng	2014	5	5	10	Nhật bản
65	Máy phát điện (450 KVA)	2016	1	-	1	Nhật bản
65	Bể tẩy rỉ	2022	3	2	5	Việt Nam
66	Bể tẩy dầu	2022	2	-1	1	Việt Nam
67	Bể rửa nước	2022	4	-1	3	Việt Nam
68	Bể chứa dung dịch trợ dung	2022	1	-	1	Việt Nam
69	Bể tráng kẽm	2022	1	-	1	Đức
70	Thiết bị nhúng	2022	1	-	1	Việt Nam
71	Thiết bị lấy các chi tiết	2022	1	-	1	Việt Nam
72	Bể làm nguội	2022	1	1	2	Việt Nam
73	Hệ điều khiển bằng điện	2022	1	-	1	NK đài loan
74	Hệ chuyển tải – sàn thao tác	2022	3	1	4	NK đài loan
75	Tháp nước làm nguội	2022	1	-	1	NK đài loan
76	Hệ thống cấp nước	2022	1	-	1	NK đài loan
<b>B</b>	<b>THIẾT BỊ PHỤC VỤ CÔNG TRÌNH MÔI TRƯỜNG</b>					
1	Hệ thống xử lý hơi hóa chất công đoạn mạ công suất 30.000 m <sup>3</sup> /giờ	2026	-	2	2	Việt Nam
2	Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn mạ kẽm công suất 60.000 m <sup>3</sup> /giờ	2026	-	1	1	Việt Nam
3	Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn sơn công suất 15.000	2026	-	1	1	Việt Nam

	m <sup>3</sup> /giờ					
4	Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn phun bi làm sạch bề mặt 15.000 m <sup>3</sup> /giờ	2022	2	0	2	Việt Nam
5	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất	2022	1	-	1	Việt Nam
6	Bồn chứa nước thải	2022	-	1	1	NK đài loan

(Nguồn: Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam)

*Ghi chú:* Hiện tại các máy móc thiết bị vẫn đang hoạt động bình thường do được bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, liên tục, do đó Công ty không có phương án thay thế hoặc bổ sung thêm máy móc thiết bị sản xuất, chỉ thực hiện điều chỉnh các bể xử lý bề mặt để đảm bảo dây chuyền mạ với công suất đạt 75.000 tấn sản phẩm/năm bao gồm sản xuất và gia công.

## **CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

Theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, hoạt động của dự án bảo đảm định hướng phát triển gắn với bảo vệ môi trường, áp dụng các biện pháp thu gom, xử lý chất thải, kiểm soát khí thải, nước thải và chất thải rắn theo quy định; sử dụng nguyên liệu, năng lượng hợp lý, tiết kiệm; góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường và hướng tới mô hình sản xuất sạch hơn, kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững, dự án có tính phù hợp chiến lược cao nếu đặt trong các khu công nghiệp.

Theo Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, dự án nằm trong KCN Biên Hòa 2, thuộc vùng khác, khí thải từ hoạt động dự án phải xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B.

Dự án phù hợp với Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hoạt động của dự án phù hợp định hướng phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, thân thiện môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, tiết kiệm năng lượng và kiểm soát ô nhiễm; phù hợp định hướng phát triển bền vững, kinh tế xanh và hạ tầng công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường của tỉnh Đồng Nai

Về quy hoạch xây dựng: tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định 1460/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050. Dự án nằm trong khu vực đã được quy hoạch theo Quyết định 3366/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 do Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp.

Hiện tại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) đã ban hành Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06/09/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn.

#### **- Sự phù hợp của dự án với quy định khác**

Vị trí cơ sở thực hiện tại KCN Biên Hòa 2, phường Trảng Biên, thành phố Đồng Nai, phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp của thành phố Đồng Nai.

KCN Biên Hòa 2 là KCN tập trung đa ngành nghề, bao gồm các loại hình công nghiệp theo Giấy phép môi trường số 580/GPMT-BTNMT ngày 26/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về ngành nghề đầu tư vào KCN Biên Hòa 2 như: Hoạt động ấp trứng và sản xuất giống gia cầm; Sản xuất và chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống; Sản xuất sản phẩm thuốc lá; Dệt; Sản xuất trang phục; Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tét bện); Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; In ấn và dịch vụ liên quan đến in; Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất; Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; **Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị); Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại;** Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; Sản xuất đồ điện dân dụng; Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu; Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Công nghiệp chế biến, chế tạo khác; Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị; Sản xuất nước đá; Truyền tải và phân phối điện; Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Bưu chính và chuyển phát; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Về ngành nghề hoạt động của nhà máy “**sản xuất Sơ mi rơ moóc; bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu, các sản phẩm cơ khí khác và gia công xi mạ**” đảm bảo phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Biên Hoà 2 theo Giấy phép môi trường số 580/GPMT-BTNMT ngày 26/12/2024 cho phép Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của KCN Biên Hoà 2 tại phường Trảng Biên, thành phố Đồng Nai.

## **2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường**

Vị trí thực hiện cơ sở là KCN Biên Hòa 2, KCN đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu, KCN đã được Bộ TNMT cấp Giấy phép môi trường số 580/GPMT-BTNMT ngày 26/12/2024.

Hiện tại, hệ thống hạ tầng kỹ thuật của KCN Biên Hoà 2 đã được đầu tư hoàn thiện, bao gồm hệ thống đường giao thông đối ngoại và đối nội, hệ thống cấp nước, cấp điện, hệ thống thu gom nước mưa, thu gom nước thải. KCN Biên Hoà 2 cũng đã xây dựng hoàn thiện Trạm xử lý nước thải tập trung, với công suất 8.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, đảm bảo đủ khả năng tiếp nhận và xử lý tốt lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của toàn bộ

KCN nói chung và của dự án nói riêng.

Theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025 của KCN. Trong tổng số 123 doanh nghiệp:

- Đầu nối nước thải vào NM XLNTTT Biên Hòa II: 122 doanh nghiệp đầu nối (trong đó: 118 **Error! Not a valid link.**doanh nghiệp ký hợp đồng xử lý nước thải, 04 doanh nghiệp thuê lại xưởng của các doanh nghiệp hiện hữu nước thải phát sinh của các doanh nghiệp này đầu nối chung tại cùng 01 vị trí đầu nối với đơn vị cho thuê nhà xưởng (gồm: Công ty TNHH Harada Industries Việt Nam, Công ty TNHH Mỹ An Phú và Công ty TNHH xuất nhập khẩu Nam Hoa Lư cùng thuê lại nhà xưởng của Công ty TM DV Phú Nam Thắng; Công ty TNHH Gomuya Việt Nam thuê nhà xưởng Công ty TNHH Daisin Việt Nam).

- Doanh nghiệp tự xử lý nước thải và được cấp Giấy phép môi trường: 01 doanh nghiệp (Công ty TNHH Electronic Tripod Việt Nam (Biên Hòa)).

- Nước thải của các doanh nghiệp trong KCN Biên Hòa II đầu nối về nhà máy XLNTTT: 5.373 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Đảm bảo khả năng tiếp nhận nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án với lưu lượng xả thải tối đa khoảng 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

## CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Dự án “Nhà máy sản xuất sợi mi rơ móc, bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm (có bao gồm công đoạn xi mạ với công suất 40.000 tấn sản phẩm/năm)” tại KCN Biên Hòa II, phường Trảng Biên, thành phố Đồng Nai đang trong quá trình hoạt động theo Giấy phép môi trường số 65/GPMT-KCNĐN ngày 17/05/2023 của Ban quản lý các KCN Đồng Nai (nay là Ban quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố Đồng Nai) cấp.

Thông tin các hạng mục công trình môi trường phục vụ hoạt động của dự án theo Giấy phép môi trường số 65/GPMT-KCNĐN ngày 17/05/2023 và đang trong quá trình vận hành:

Stt	Hạng mục	Số lượng	Ghi chú
1	Hệ thống xử lý khí thải, công suất 20.000 m <sup>3</sup> /giờ tại công đoạn tẩy rửa bề mặt.	01	Phục vụ hoạt động của dự án
2	Hệ thống xử lý bụi, công suất 25.000 m <sup>3</sup> /giờ tại công đoạn mạ kẽm.	01	
3	Hệ thống xử lý bụi, công suất 6.000 m <sup>3</sup> /giờ tại công đoạn phun sơn.	01	
4	Hệ thống xử lý bụi, công suất 15.000 m <sup>3</sup> /giờ tại công đoạn làm sạch bề mặt.	02	
5	Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế 20 m <sup>3</sup> /ngày.	01	

Tuy nhiên khi đưa mục tiêu bổ sung đi vào hoạt động Công ty sẽ thực hiện cải tạo các hệ thống xử lý khí thải hiện hữu để đảm bảo chất lượng khí thải đầu ra đạt theo QCVN 19:2024/BTNMT cột B trước khi thải ra môi trường. Kết quả hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của toàn nhà máy hiện tại và phương án cải tạo, nâng công suất các hệ thống xử lý sau khi bổ sung mục tiêu cụ thể:

### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

#### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Hệ thống nước mưa của nhà máy sẽ được tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải, trong đó:

+ Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt đường giao thông nội bộ, sân,... được lọc rác có kích thước lớn bằng các tấm lưới thép hoặc các song chắn rác tại các hố ga trước

khi chảy vào hệ thống công thoát nước mưa.

+ Nước mưa từ mái nhà các khu vực văn phòng, nhà xưởng, khuôn viên,... được thu gom theo đường ống PVC Ø90 dẫn về mương thoát nước mưa được xây dựng bằng bê tông và có tấm đan che đậy có bề rộng 600mm, sau đó đưa về công bê tông Ø800mm và chảy ra hệ thống thoát nước mưa chung của KCN tại 02 hố ga đầu nối nước mưa của KCN Biên Hòa trên đường số 3A (Theo biên bản thỏa thuận đầu nối vào hạ tầng KCN Biên Hòa II).

Thông số kỹ thuật của hệ thống thoát nước mưa với các thông số kỹ thuật:

+ Hố ga (1,1m x 1,1m);

+ Đường ống PCV Ø90, thoát nước mưa mái nhà đến mương thoát nước;

+ Công bê tông cốt thép thoát nước Ø400, Ø600 và Ø800, Ø1.500;

+ Song chắn rác có bề dày 5mm, khoảng cách giữa các thanh là 15 mm.

## 1.2. Công trình thu gom nước thải

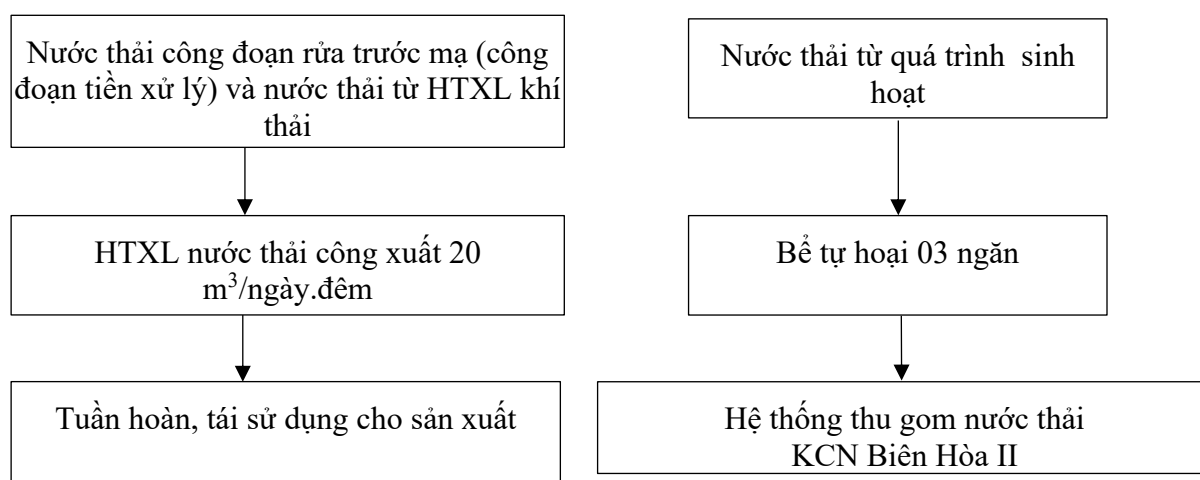
- Nước thải sinh hoạt: Đối với đường ống thu gom nước thải từ các nhà vệ sinh: sử dụng ống nhựa uPVC; đoạn đầu của hệ thống sử dụng ống Ø 100–150 mm, độ dốc 1,5 - 2%; đoạn sau của hệ thống sử dụng ống Ø 200–250 mm, độ dốc 1%, đưa về bể tự hoại 3 ngăn, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN tại 01 hố ga đầu nối trên đường số 3A.

- Nước thải sản xuất: Dự án phát nước thải sản xuất từ công đoạn tiền xử lý trước mạ, nước thải từ quá trình rửa mạ và nước thải từ các hệ thống xử lý khí thải, toàn bộ lượng nước thải này sẽ được Công ty thu gom về HTXL nước thải công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày. Nước thải sau bồn lọc sẽ được dẫn về 03 bể rửa nước của công đoạn mạ bằng đường ống âm đã được bố trí sẵn, khoảng 02 tuần/lần sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo chất thải nguy hại nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất.

Công ty cam kết không đầu nối nước thải này về HTXL nước thải tập trung của KCN theo đúng hướng dẫn tại văn bản số 3884/TCMT-TD ngày 21/12/2021 của Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi Công ty CP Sonadezi Long Bình.

Quy trình vận hành tại điểm đầu nối: tự chảy.

## Sơ đồ phương án thu gom và xử lý nước thải của Nhà máy:



**Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước thải của nhà máy**

### 1.3. Xử lý nước thải:

Các biện pháp xử lý nước thải cục bộ tại các nguồn phát sinh được trình bày tại bảng:

**Bảng 3.1. Các biện pháp xử lý cục bộ nước thải sinh hoạt tại Công ty**

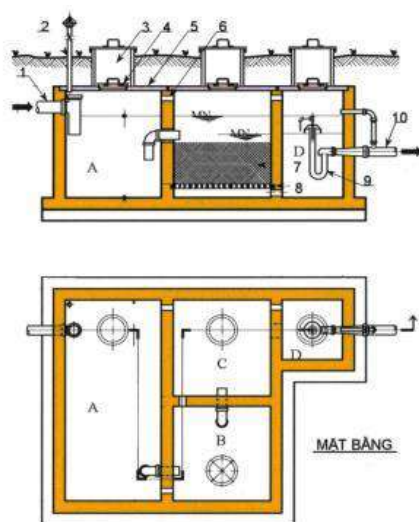
Stt	Công trình	Công trình xử lý sơ bộ	Hệ thống xử lý cục bộ nước thải
01	Xử lý sơ bộ nước thải khu vực nhà bảo vệ.	Thê tích 5 m <sup>3</sup> ; BTCT	Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Trạm XLNTTT KCN Biên Hòa II.
02	Xử lý sơ bộ nước thải khu vực nhà văn phòng.	Thê tích 25 m <sup>3</sup> ; BTCT	
03	Xử lý sơ bộ nước thải khu vực nhà xưởng.	Thê tích 25 m <sup>3</sup> ; BTCT	
04	- Nước thải sản xuất - Nước thải từ các hệ thống xử lý khí thải.	Hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m <sup>3</sup> /ngày	Nước thải sản xuất → Hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m <sup>3</sup> /ngày → tuần hoàn tái sử dụng cho sản xuất.

Công trình xử lý nước thải phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam, cụ thể:

#### a. Đối với nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án trong giai đoạn vận hành chính thức khoảng 24 m<sup>3</sup>/ngày (100% lượng nước cấp sử dụng) được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN để tiếp tục xử lý.

Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn được sử dụng tại của dự án được trình bày cụ thể:



**Hình 3.2. Kết cấu bể tự hoại 3 ngăn**

**Ghi chú:**

A: Ngăn tự hoại (ngăn thứ nhất);

B: Ngăn lắng (ngăn thứ hai);

C: Ngăn lọc (ngăn thứ ba);

D: Ngăn định lượng với xi phong tự động;

1 - Ống dẫn nước thải vào bể tự hoại;

2 - Ống thông hơi;

3 - Hộp bảo vệ;

4 - Nắp để hút cặn;

5 - Đan bê tông cốt thép nắp bể;

6 - Lỗ thông hơi;

7 - Vật liệu lọc;

8 - Đan rút nước;

9 - Xi phong định lượng;

10 - Ống dẫn nước thải nối vào cống thoát nước chung.

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty đều được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Sau đó đầu nối về HTXL nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai (theo đúng thủ tục môi trường của KCN được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp). Chất lượng nước thải sinh hoạt của dự án từ thời điểm

Công ty đi vào hoạt động đến nay luôn đạt giới hạn đầu nối của KCN Biên Hòa II.

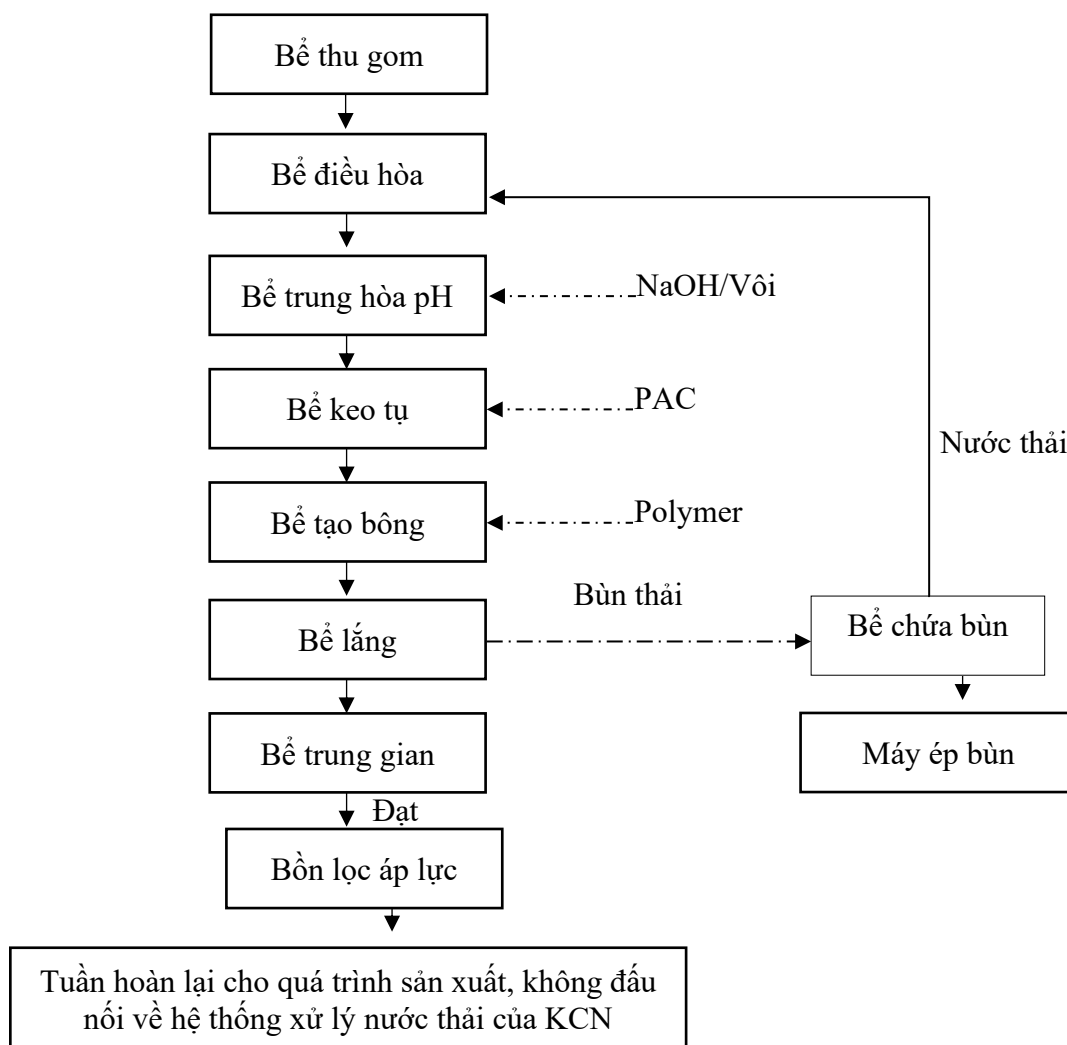
Tại hồ ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Biên Hòa II trên đường số 3A. Tọa độ vị trí xả nước thải: Hồ ga đầu nối (X1= 1.206.752; Y1= 402.314).

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107<sup>o</sup>45, múi chiều 3<sup>o</sup>)

b. Đối với nước thải sản xuất:

Tổng lượng nước thải sản xuất phát sinh lớn nhất khoảng 16,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm bao gồm nước thải từ quá trình rửa trước mạt và nước thải từ các HTXL khí thải, để đảm bảo thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sản xuất, giảm thiểu chi phí xử lý chất thải Công ty đã đầu tư xây dựng HTXL nước thải công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý sau đó tuần hoàn lại các bể rửa nước của công đoạn mạt, định kỳ khoảng 02 tuần/lần sẽ được chuyển giao dưới dạng chất thải nguy hại, Công ty cam kết không đầu nối về HTXL nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II.

**Quy trình xử lý nước thải sản xuất công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm:**



**Hình 3.3. Sơ đồ HTXL nước thải sản xuất**

## **\* Thuyết minh công nghệ xử lý nước thải**

### **Bước 1: Thu gom nước thải**

Nước thải sản xuất từ dây chuyền xi mạ và hệ thống xử lý khí thải dây chuyền mạ được thu gom dẫn về bể điều hòa.

### **Bước 2: Xử lý hoá lý bằng chất đông keo tụ**

- Tại hồ điều hòa, nước thải được điều hoà lưu lượng và ổn định nồng độ nước thải trước khi được bơm qua thiết bị đo lưu lượng chảy vào bể trung hòa pH.

- Tại Bể trung hòa pH, nước thải được điều chỉnh pH đến 8,5 ~ 6,8 để tạo điều kiện kèm kết tủa, giúp cho phản ứng keo tụ tốt hơn.

- Tại bể keo tụ (coagulation): PAC được thêm vào để phản ứng kết tủa các kim loại nặng, tạp chất trong nước thải xảy ra.

- Tạo bông (flocculation) là quá trình các hạt kết dính với nhau tạo thành bông cặn kích thước lớn, có thể lắng nhanh hơn. Nước thải sau bể keo tụ được đưa sang bể tạo bông, tại đây hóa chất polymer được thêm vào để liên kết các cặn bùn nhỏ tại bể keo tụ lại với nhau thành các bông bùn lớn, làm tăng tốc độ lắng của cặn bùn.

- Tại bể lắng hóa lý: các hạt tạo bông có kích thước lớn sẽ được lắng xuống dưới, dưới tác động của trọng lực và tạo thành bùn được đem đi xử lý bùn và ép bùn, trong quá trình ép bùn lượng nước được tách ra từ quá trình ép sẽ được chuyển vào bể thu gom 3 để xử lý lại. Bùn thì hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý. Các bông keo tụ sẽ được tách ra khỏi dòng nước sau khi đi qua bể lắng hóa lý.

### **Bước 3: Xử lý hoàn thiện**

Nước thải sau lắng sẽ chảy sang bể trung gian, từ bể trung gian nước thải bơm qua bồn lọc áp lực, nước thải sau xử lý đảm bảo đạt chất lượng nước sử dụng cho công đoạn rửa mạ. Định kỳ sau một thời gian tuần hoàn khoảng 02 tuần/lần lượng nước thải này sẽ được chuyển giao theo chất thải nguy hại và cấp lượng nước mới cho quá trình rửa mạ để đảm bảo chất lượng sản phẩm. Phương án tái sử dụng nước: Nước thải sau bể lọc sẽ được đưa vào các bể rửa của quy trình sản xuất, nước thải từ các bể rửa của quy trình xi mạ một thời gian sẽ được thu gom về HTXL nước thải để xử lý. Khi không thể quay vòng ảnh hưởng đến chất lượng nước thì sẽ thu gom, xử lý như CTNH.

### **Bước 4: Xử lý bùn dư**

Bùn dư từ bể lắng được bơm tới bể chứa bùn. Định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

### c. Yêu cầu về tiêu chuẩn áp dụng đối với nước thải sản xuất

Không có quy định, do đó Công ty đề xuất tối thiểu đạt QCVN 40:2009/BTNMT cột B để quay vòng sản xuất.

Phương án tái sử dụng nước: Nước thải sau bể lọc sẽ được đưa vào các bể rửa của quy trình sản xuất, nước thải từ các bể rửa của quy trình xi mạ một thời gian sẽ được thu gom về HTXL nước thải để xử lý. Khi không thể quay vòng ảnh hưởng đến chất lượng nước thì sẽ thu gom, xử lý như CTNH.

### d. Yêu cầu về tiêu chuẩn áp dụng đối với nước thải sinh hoạt

Chất lượng nước thải sinh hoạt đảm bảo đạt giới hạn tiếp nhận nước thải theo hợp đồng xử lý nước thải số 46/HĐNT ngày 12/2/2001 với Công ty cổ phần dịch vụ Sonadezi trước khi đấu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN. Tiêu chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý được thể hiện tại Bảng 3.2.

**Bảng 3.2. Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Biên Hòa II**

TT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận KCN Biên Hòa II
1	pH	-	5 ÷ 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	500
3	COD	mg/L	800
4	TSS	mg/L	300
5	Fe	mg/L	4
6	Cu	mg/L	2
7	Zn	mg/L	3
8	Crom VI	mg/L	0,05
9	Crom III	mg/L	0,2
10	Tổng Nitơ	mg/L	40
11	Amoni	mg/L	20
12	Tổng Photpho	mg/L	12
13	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	20

### 1.4. Điểm xả nước thải sau xử lý

Toàn dự án có 1 điểm đấu nối nước thải. Vị trí đấu nối nước thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại điểm a, b, khoản 3, điều 48, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Tọa độ điểm đấu nối nước thải: (X1= 1.206.752; Y1= 402.314).

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107<sup>o</sup>45, múi chiều 3<sup>o</sup>)

## 2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

### 2.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải hiện hữu đang áp dụng

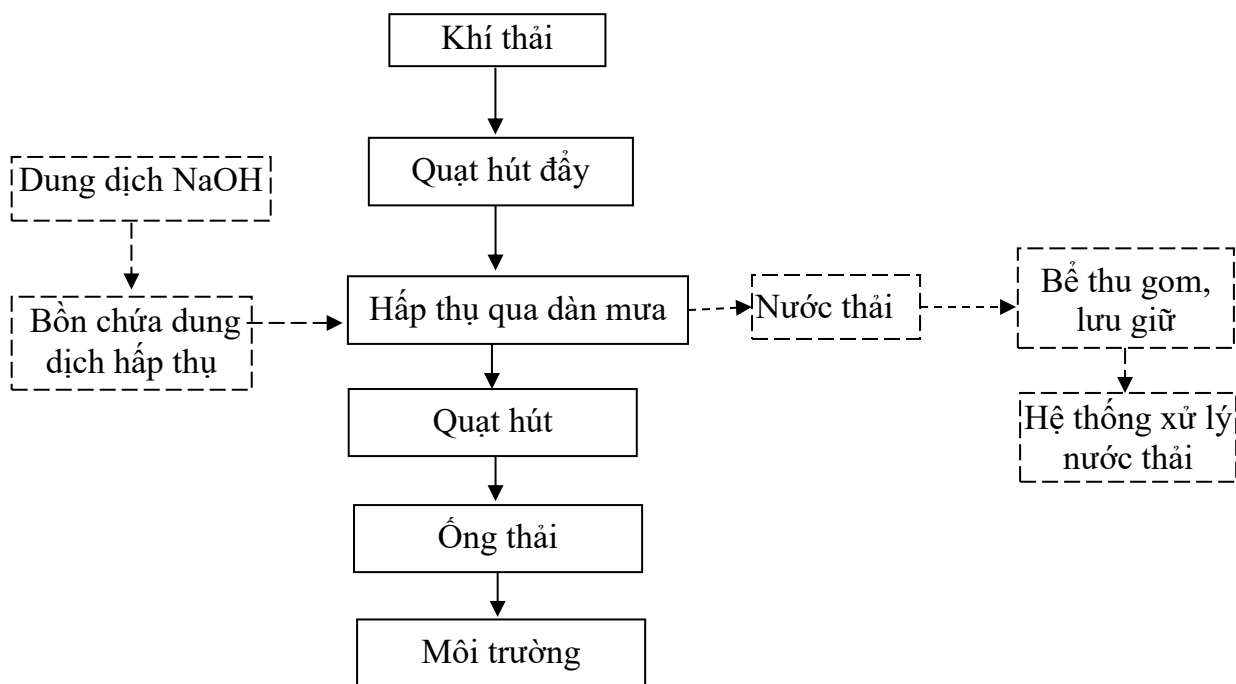
Hiện tại nhà máy đang trong quá trình hoạt động, đã đầu tư hoàn thiện các công trình xử lý bụi, khí thải.

**Bảng 3.3. Bảng tóm tắt các công trình bảo vệ môi trường**

Stt	Hạng mục	SL	Ghi chú
1	Hệ thống xử lý khí thải, công suất 20.000 m <sup>3</sup> /giờ tại công đoạn tẩy rửa bề mặt.	01	Lắp đặt mới
2	Hệ thống xử lý bụi, công suất 25.000 m <sup>3</sup> /giờ tại công đoạn mạ kẽm.	01	
3	Hệ thống xử lý bụi, công suất 6.000 m <sup>3</sup> /giờ tại công đoạn phun sơn.	01	
4	Hệ thống xử lý bụi, công suất 15.000 m <sup>3</sup> /giờ tại công đoạn làm sạch bề mặt.	02	

#### (1) Công trình, biện pháp xử lý giảm thiểu hơi hóa chất từ công đoạn tiền xử lý (hơi acid HCl)

Sau khi bổ sung công đoạn mạ kẽm sẽ phát sinh hơi hóa chất từ công đoạn tiền xử lý (hơi acid HCl), tại bể acid Công ty có sử dụng chất Poly Amine và Lauryl Ether Sulphate nhằm ức chế bay hơi giảm thiểu tối đa hơi acid phát sinh tại bể acid. Tuy nhiên để đảm bảo chất lượng môi trường không khí tại khu vực mạ, Công ty có lắp đặt 01 hệ thống xử lý hơi hóa chất phát sinh từ các bể hóa chất công suất 20.000 m<sup>3</sup>/giờ. Quy trình xử lý khí thải cụ thể:



**Hình 3.4. Quy trình xử lý hơi hóa chất từ công đoạn tiền xử lý (hơi acid HCl)**

**\* Thuyết minh quy trình công nghệ:**

*Thuyết minh quy trình:*

Tại công đoạn tiền xử lý, Công ty lắp đặt vách ngăn để giảm phát tán khí thải ra các khu vực khác, đồng thời hơi hóa chất phát sinh từ xử lý bề mặt theo áp lực của 06 quạt đẩy và 06 quạt hút để thu gom khí thải qua hệ thống xử lý khí thải, bên dưới các quạt hút Công ty lắp đặt hệ thống giàn mưa, đầu xịt sẽ phun dung dịch hấp thụ xuống (dung dịch hấp thụ là nước và NaOH 55%), gặp khí thải bay lên và quá trình xử lý bắt đầu. Các chất ô nhiễm sẽ bị hấp thụ và rơi xuống, khí sạch sẽ được 06 quạt hút thu gom và đưa qua 06 ống thải thoát ra bên ngoài môi trường.

Dung dịch hấp thụ rơi xuống sẽ được dẫn về hố gom và bơm tuần hoàn lên dàn phun mưa để tiếp tục xử lý, định kỳ khoảng 01 tuần/lần lượng nước thải này sẽ được bơm ngược về hệ thống xử lý nước thải để xử lý và thay dung dịch hấp thụ mới để đảm bảo hiệu quả xử lý của hệ thống.

Thông số kỹ thuật của HTXL khí thải được trình bày bảng sau:

**Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của HTXL khí thải**

TT	Thiết bị	Số lượng	Đặc tính
1	Dàn phun mưa T-1011	01	Hình chữ nhật 3650Wx4500L, vật liệu FRP
2	Bồn NaOH T-1012	01	Hình trụ 1900Dx2400H, 5m <sup>3</sup> , vật liệu PE

TT	Thiết bị	Số lượng	Đặc tính
3	Bơm phun	03	Bơm ly tâm 15kW, 93m <sup>3</sup> /giờ, vật liệu FRP
4	Quạt hút	06	1,1KW
5	Quạt đẩy	06	1,1KW
6	Ống thải	06	Đường kính 1.000mm, vật liệu nhựa FRP
7	Bơm NaOH	02	Bơm màng 3HP, 1050L/phút/bơm
8	Máy khuấy bồn NaOH	01	Cánh khuấy chân vịt, motor 2.2kW 100 vòng/phút, vật liệu STS304

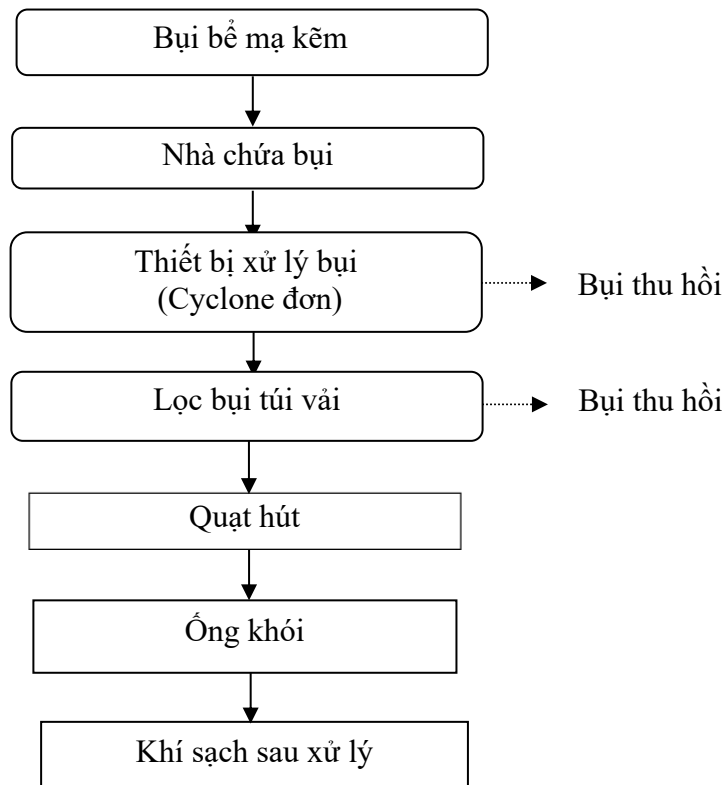


**Hình 3.5. Quy trình xử lý hơi hóa chất từ công đoạn tiền xử lý (hơi acid HCl)**

**(2) Công trình, biện pháp xử lý giảm thiểu bụi, khí thải từ công đoạn xi mạ**

Khi lắp đặt dây chuyền mạ, để xử lý bụi phát sinh tại bể kẽm nóng chảy Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý bụi công suất 25.000 m<sup>3</sup>/h. Chi tiết quy trình xử lý bụi:

### Sơ đồ hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn xi mạ:



**Hình 3.6. Quy trình xử lý bụi từ bể mạ**

#### **Thuyết minh quy trình:**

Tại bể mạ nhúng kẽm nóng chảy của nhà máy, Công ty bố trí vách ngăn tách biệt với các công đoạn khác của nhà máy. Ngoài ra Công ty lắp đặt 1 quạt đẩy và 01 quạt hút để thu gom bụi phát sinh từ bể kẽm về hệ thống xử lý bụi công suất 25.000 m<sup>3</sup>/h qua 02 Cyclone hoạt động song song sau đó qua 02 thiết bị lọc túi vải hoạt động, khí thải sau khi xử lý được quạt hút dẫn ra ngoài môi trường bằng 01 ống thải.

Bụi kim loại được thu hồi từ hệ thống xử lý khí thải là chất thải nguy hại được chủ dự án thu gom, lưu giữ và giao cho đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý theo đúng quy chế quản lý chất thải nguy hại.

#### **Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn mạ:**

Qua tham khảo hệ thống xử lý bụi, khí thải từ công đoạn mạ của các dự án hoạt động mạ kẽm. Chủ đầu tư sẽ đầu tư lắp đặt hệ thống xử lý bụi từ bể mạ lưu lượng: 25.000 m<sup>3</sup>/h. Các thông số của hệ thống như sau:

**Bảng 3.5. Thông số kỹ thuật của HTXL khí thải**

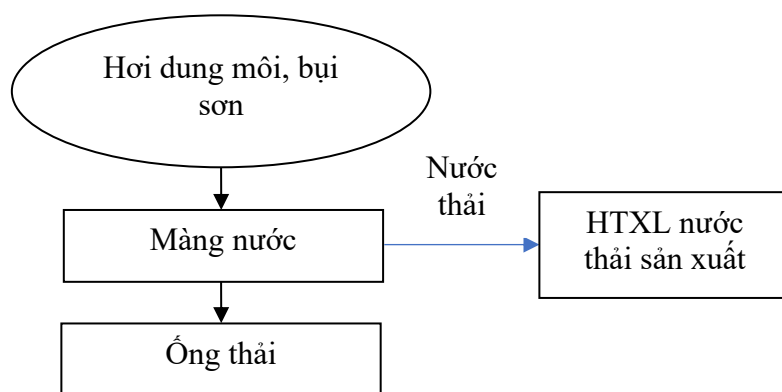
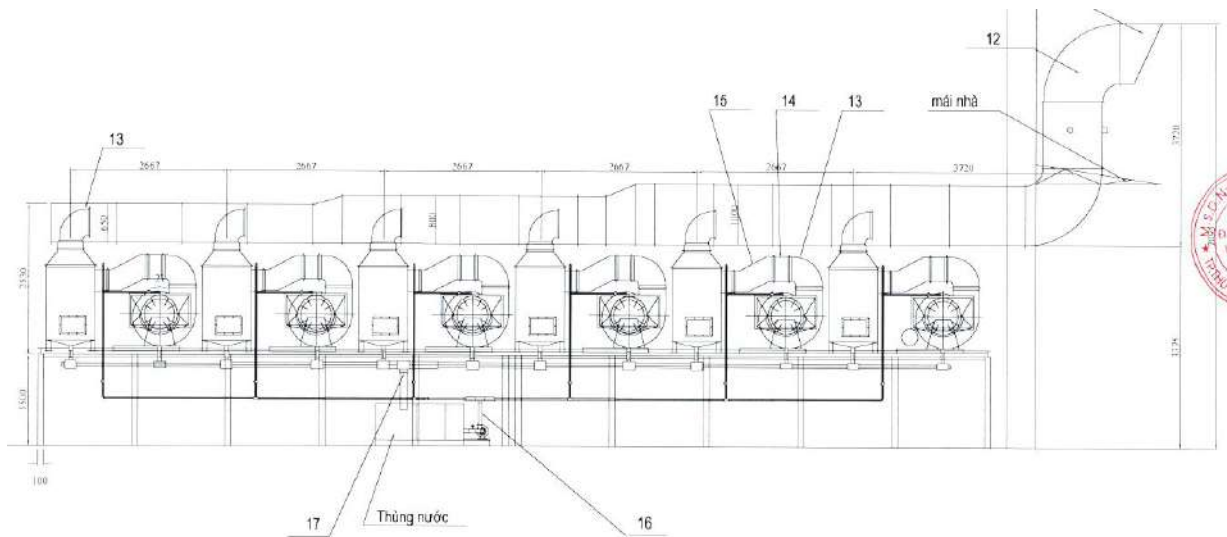
TT	Thiết bị	Số lượng	Đặc tính
1	Quạt hút	02	25.000 m <sup>3</sup> /h
2	Cyclon	02	Kích thước: + Chiều rộng: 1.600 m. + Chiều cao ống: 5.700 m.
3	Túi vải	02	Vật liệu SS275
4	Đường ống thu gom	-	Bằng các ống Inox 304;



**Hình 3.7. Hệ thống xử lý bụi bề mạ kẽm**

### **(3) Công trình, biện pháp xử lý bụi, hơi dung môi từ quá trình sơn**

Tại phòng sơn với diện tích 88 m<sup>2</sup> Công ty sẽ lắp đặt 01 HTXL xử lý bụi, hơi dung môi từ quá trình sơn. Buồng phun sơn có kích thước (14,67x6m), do đó các sản phẩm cần sơn đều, đảm bảo được thực hiện trong phòng kín và kích thước thường không vượt quá 10m.. Quy trình công nghệ xử lý bụi sơn và hơi dung môi bằng màng nước:



**Hình 3.8. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ quá trình sơn**

**Thuyết minh quy trình xử lý:**

Nước được cho chảy thành màng tuần hoàn bên trong mỗi tháp dập nước. Công ty lắp đặt 6 quạt hút khí thải thu gom bụi, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn với mỗi quạt hút tương ứng với một tháp dập nước. Khí thải sau khi qua hệ thống hấp thụ màng nước được dẫn về ống thoát khí thải trung tâm.

Do dự án sử dụng sơn gốc acrylic thân thiện với môi trường, do đó khi hấp thụ qua màng nước đảm bảo xử lý hơi dung môi phát sinh từ công đoạn này.

Nước từ quá trình hấp thụ được tuần hoàn liên tục, định kỳ sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải để xử lý và thay thế bằng lượng nước mới. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải cụ thể:

**Bảng 3.6. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi khí thải từ buồng sơn**

STT	Tên	Số lượng/thông số kỹ thuật
1	Chụp hút, lam gió	06
2	Quạt hút	6 quạt hút công suất 1HP, 2,25 KW

4	Tháp đập nước	06
5	Thùng chứa nước	1 thép inox
7	Ống phát thải	D=500mm, H= 7m

Hình ảnh hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi từ công đoạn phun sơn:

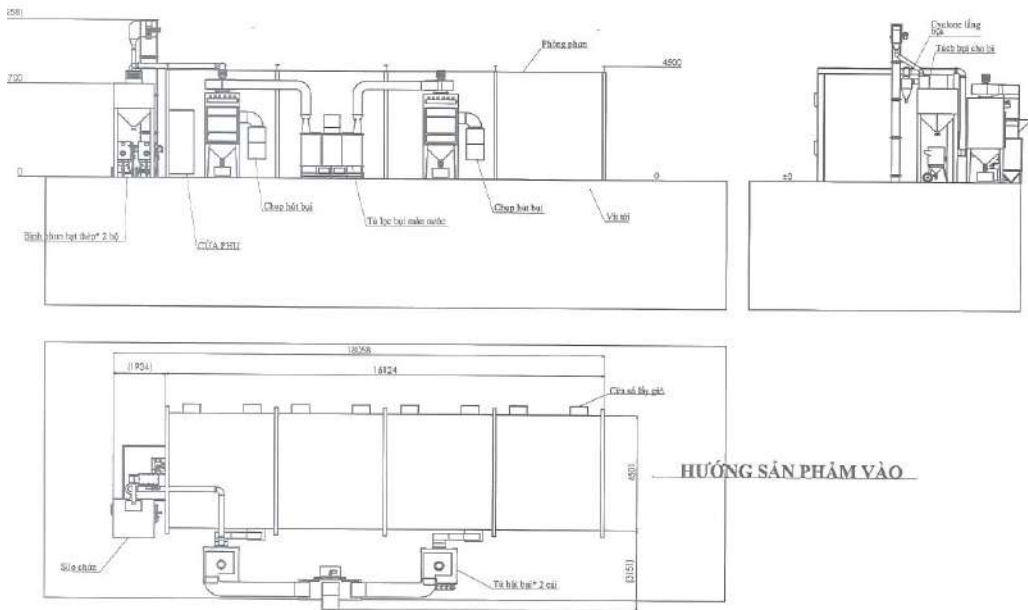


**Hình 3.9. Hình ảnh hệ thống thu gom xử lý bụi, hơi dung môi từ công đoạn sơn**

#### **(4) Công trình, biện pháp xử lý giảm thiểu bụi từ công đoạn phun bi**

Công đoạn phun bi được thực hiện trong phòng phun bi kín. Bộ phận này có kết cấu lớp ngoài bằng tôn. Độ dày của buồng thường là 3mm. Phía trong của buồng phun là lớp cao su. Bộ phận này có sức chịu mòn cao. Trong kết cấu hệ thống có 01 phòng phun bi có lắp kèm 02 hệ thống thu hồi bụi bằng lọc túi vải công suất 15.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống, các túi lọc này sẽ thu gom bụi trong quá trình hoạt động của phòng phun bi với diện tích phòng phun bi là 88 m<sup>2</sup>, làm sạch bề mặt và hệ thống cấp bù không vào buồng phun để không gian phía trong phòng luôn thông thoáng.

Buồng phun bi có kích thước (14,67x6m), do đó các sản phẩm cần phun bi đều đảm bảo được phun bi trong phòng kín và kích thước thường không vượt quá 10m.



Hình ảnh hệ thống phun bi và hệ thống thu hồi bụi đi kèm thiết bị:



**Hình 3.10. Hình ảnh hệ thống xử lý bụi từ công đoạn phun bi**

## 2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải phục vụ cho hoạt động cơ sở sau khi bổ sung mục tiêu

Sau khi có giấy phép môi trường của cơ sở Công ty sẽ thực hiện công tác cải tạo lại các hệ thống xử lý bụi, khí thải hiện hữu của nhà máy, tuy nhiên đối với hệ thống thu hồi bụi công đoạn phun bi sẽ giữ nguyên hiện trạng.

Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải phục vụ cho hoạt động cơ sở xin cải tạo cụ thể như sau:

## **(1) Công trình, biện pháp xử lý giảm thiểu hơi hóa chất từ công đoạn tiền xử lý (hơi acid HCl)**

### ***Phương án đề xuất công nghệ xử lý xin điều chỉnh:***

Tại công đoạn tiền xử lý bề mặt cấu kiện thép cho dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng công ty sử dụng acid HCl để tẩy bề rỉ bề mặt, kèm theo hóa chất ức chế bề mặt nhằm ngăn ngừa sự bay hơi của acid HCl. Tuy nhiên trong quá trình nhúng trực cấu kiện xuống bể acid HCl làm phá vỡ bề mặt hoạt động hóa chất ức chế bay hơi dẫn đến lượng hơi acid HCl phát tán ra môi trường không khí.

Để xử lý triệt để hơi acid HCl phát tán trong công đoạn tiền xử công ty thực hiện cải tạo lại hệ thống thu gom xử lý hơi acid HCl như sau:

+ Các bể tẩy dầu và acid HCl sẽ được lắp đặt hệ thống buồng thu gom kín (nghĩa là các bể sẽ nằm trong phòng kín tách biệt với môi trường không khí xung quanh), tại buồng kín sẽ lắp đặt hệ thống ống hút thu gom hơi acid HCl.

+ Thay thế hệ thống xử lý cũ bằng hệ thống mới bao gồm 02 tháp hấp thụ kín có 3 tầng hấp thụ bằng dung dịch NaOH với công suất 30.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống.

+ Phản ứng chính trong tháp hấp thụ:  $\text{HCl} + \text{NaOH} \rightarrow \text{NaCl} + \text{H}_2\text{O}$ .

+ Dung dịch hấp thụ: NaOH 2 – 5%, pH: 10 -12+ Lưu lượng nước tuần hoàn: 2 – 4 m<sup>3</sup>/giờ.

### ***Tính toán công suất quạt hút:***

- Chọn lưu lượng quạt hút cho 1 hệ: 30.000 m<sup>3</sup>/h

- Chia 2 nhánh hút: hút trên và hút dưới

- Chọn ống hút Ø250mm, tiết diện ống: 0,049 m<sup>2</sup>.

Chọn vận tốc quạt hút 21 m/s, suy ra mỗi nhánh 4 miệng hút Ø250mm

Tính ống gom nhánh:

- Lưu lượng mỗi tuyến: 15.000 m<sup>3</sup>/h = 4,17 m<sup>3</sup>/s

- Chọn vận tốc hút 21 m/s => Diện tích ống:  $4,17/21 = 0,198 \text{ m}^2$ .

=> Chọn đường kính ống 500mm tính ống chính:

Tổng 30.000 m<sup>3</sup>/s = 8,33 m<sup>3</sup>/s

Chọn vận tốc: 23 m/s, diện tích ống:  $8,33/23 = 0,362 \text{ m}^2$  => Chọn đường kính ống 700mm.

Tính tổn thất áp:

- Nhánh 250mm: ma sát (250 Pa), miệng hút (120 Pa), co/cút (150 Pa) => tổng 520 Pa

- Ống gom 500mm: 350 – 450 Pa

- Ống chính 700mm: 500 – 700 Pa

- Tháp hấp thụ 3 tầng: 1100 – 1300 Pa

- Ống xả: 250 – 300 Pa, chiều cao tối thiểu 3 mét cao hơn mái nhà xưởng

Tổng áp suất hệ: 3020 Pa

Cộng dự phòng 15% => chọn 3500 Pa Tính công suất quạt:

$P = 30.000 \cdot 3500 / (3600 \cdot 0.65) = 45 \text{ kW}$  Chọn quạt có thông số:

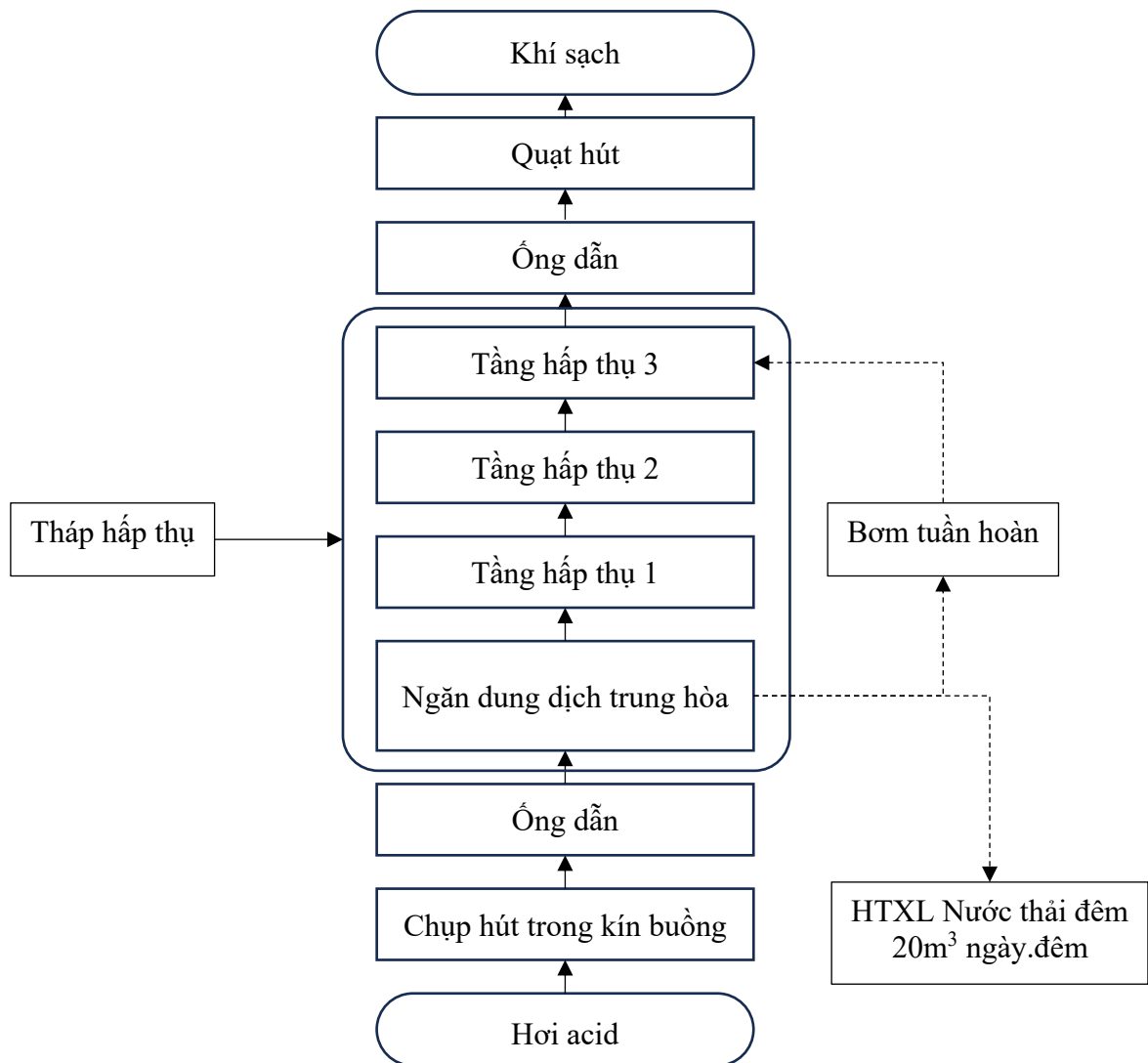
Lưu lượng: 30.000 – 32.000 m<sup>3</sup>/h Cột áp: 4500 – 5500 Pa

Khuyến nghị lựa chọn quạt FRP công suất motor thực tế 45–55 kW tùy theo đường đặc tính quạt của nhà sản xuất.

### ***Công nghệ xử lý khí thải:***



Công ty dự kiến lắp đặt 02 hệ thống xử lý khí thải có cùng công nghệ xử lý để thu gom toàn bộ khí thải phát sinh tại công đoạn xử lý bề mặt, công nghệ xử lý cụ thể:



**Hình 3.11. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý hơi hóa chất**

**Thuyết minh sơ đồ:**

Khí thải theo hệ thống chụp hút dẫn về 02 HTXL khí thải với công suất 30.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống chạy đồng thời để xử lý bằng phương pháp hấp thụ qua dung dịch NaOH. Khí thải chứa chất ô nhiễm được đưa từ đáy tháp lên. Dung dịch hấp thụ được phun từ trên xuống, tạo thành dòng chảy qua lớp vật liệu đệm. Lớp đệm có cấu trúc tổ ong bằng nhựa được bố trí bên trong tháp, Chúng làm tăng diện tích tiếp xúc giữa khí và lỏng, giúp quá trình hấp thụ diễn ra hiệu quả hơn. Bề mặt của vật liệu đệm luôn được làm ướt bởi dung dịch hấp thụ, nơi xảy ra quá trình khuếch tán và hòa tan chất ô nhiễm từ khí sang lỏng.

Hơi axit sau khi được hấp thụ, khí sạch được phát tán ra ngoài qua ống thải. Dung dịch NaOH sau khi hấp thụ hơi axit được thải ra và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công

suất 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý cùng với nước thải. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT cột B trước khi thải ra môi trường.

Hệ thống thu gom hơi hóa chất tại công đoạn mạ:

Tại khu vực bể xử lý tẩy rỉ bề mặt được bố trí trong phòng kín tách riêng hoàn toàn với môi trường xung quanh được lắp đặt hệ thống thu gom hơi acid HCl vào 2 tháp hấp thụ của hệ thống xử lý với công suất 30.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống.

Khí thải phát sinh từ khu vực tẩy rửa được hút vào tháp hấp thụ thông qua động lực quạt hút. Tại tháp xử lý, khí thải đi theo chiều từ dưới lên, đồng thời dung dịch hấp thụ từ thùng chứa dung dịch hóa chất cũng được bơm vào tháp theo chiều từ trên xuống thông qua bơm hóa chất. Khí thải sau khi được làm sạch theo ống dẫn khí theo ống khói thoát ra ngoài môi trường tiếp nhận.

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất cơ theo QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ (cột B).

## **(2) Công trình, biện pháp xử lý giảm thiểu bụi, khí thải từ công đoạn xi mạ**

Tại công đoạn nhúng cấu kiện thép vào bể kẽm nóng chảy bụi phát sinh từ bể mạ kẽm chủ yếu là khói từ quá trình cháy khi cấu kiện thép mạ tiếp xúc với dung dịch kẽm ở nhiệt độ cao. Khói này chỉ phát sinh trong quá trình nhúng xuống bể kẽm, thường không cuốn theo bụi có kích thước lớn. Do hệ thống xử lý hiện hữu có bố trí Cyclon nhưng không làm tăng hiệu quả xử lý mà làm tăng trở lực đường ống, làm giảm hiệu suất của HTXL khí thải do đó công ty xin điều chỉnh lại hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn nhúng kẽm.

### **Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn mạ:**

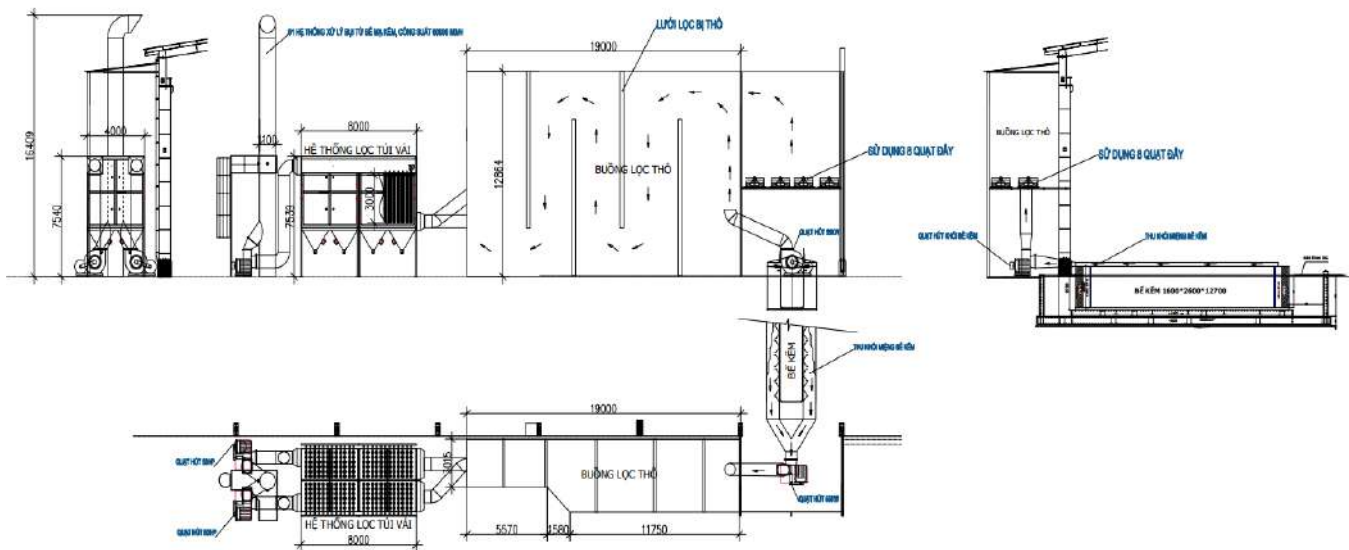
Qua tham khảo hệ thống xử lý bụi, khí thải từ công đoạn mạ của các dự án hoạt động mạ kẽm. Chủ đầu tư sẽ đầu tư lắp đặt hệ thống xử lý bụi từ bể mạ lưu lượng: 60.000 m<sup>3</sup>/giờ. Các thông số của hệ thống như sau:

#### **Thông số kỹ thuật của HTXL khí thải**

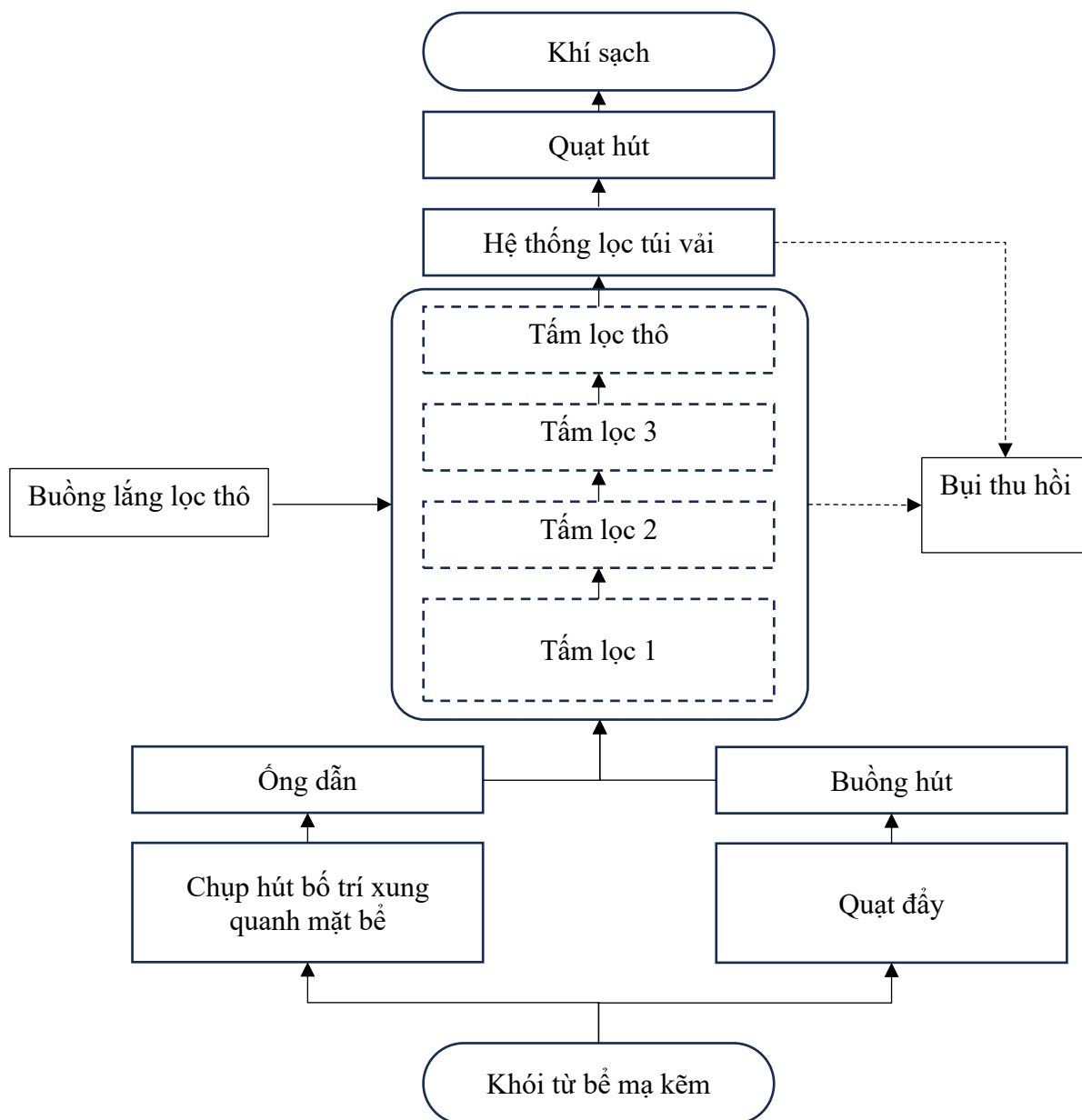
TT	Thiết bị	Số lượng	Đặc tính
1	Quạt hút	02	60.000 m <sup>3</sup> /h
2	Buồng lọc thô	01	Kích thước: - Chiều dài tổng: 19.000 mm - Chiều rộng buồng: 3.015 mm - Đoạn thẳng bên trái đến góc vát: 5.570 mm

TT	Thiết bị	Số lượng	Đặc tính
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đoạn vát chuyển tiếp: 1.580 mm</li> <li>- Đoạn thẳng bên phải: 11.750 mm</li> <li>- Chiều cao: 12800mm</li> <li>- Tổng thể tích: 703m<sup>3</sup></li> </ul>
3	Túi vải	02	Vật liệu PPS FE
4	Đường ống thu gom	-	Bằng các ống bằng thép không gỉ;

### HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI KHÓI BỂ KẼM CÔNG SUẤT 60000 M3



**Hình 3.12. Hình ảnh mô phỏng hệ thống thu gom xử lý bụi từ công đoạn nhúng kẽm nóng**



**Hình 3.13. Quy trình xử lý bụi bể mạ kẽm**

**Thuyết minh quy trình xử lý:**

Đề thu gom và xử lý triệt để khói bụi từ quá trình nhúng các cấu kiện thép vào kẽm nóng chảy Công ty thực hiện cải tạo hệ thống xử lý khí thải công đoạn nhúng kẽm như sau:

+ Để đảm bảo khói bụi không phát tán ra môi trường xung quanh, tại bể mạ nhúng kẽm nóng chảy của nhà máy Công ty bố trí vách ngăn tách biệt với các công đoạn khác của nhà máy. Xung quanh bề mặt bể kẽm bố trí thêm nhiều họng hút, hút trực tiếp khói trên mặt bể kẽm triệt để vào buồng lọc thô. Kèm theo hệ thống quạt đẩy vào buồng hút thu gom vào buồng lọc thô.

+ Khí thải khi đi qua buồng lọc thô, trong buồng lọc thô lắp đặt các tấm lọc bụi đan xen làm tăng quá trình lắng lọc của buồng lọc với khối tích buồng lọc lớn đảm bảo quá

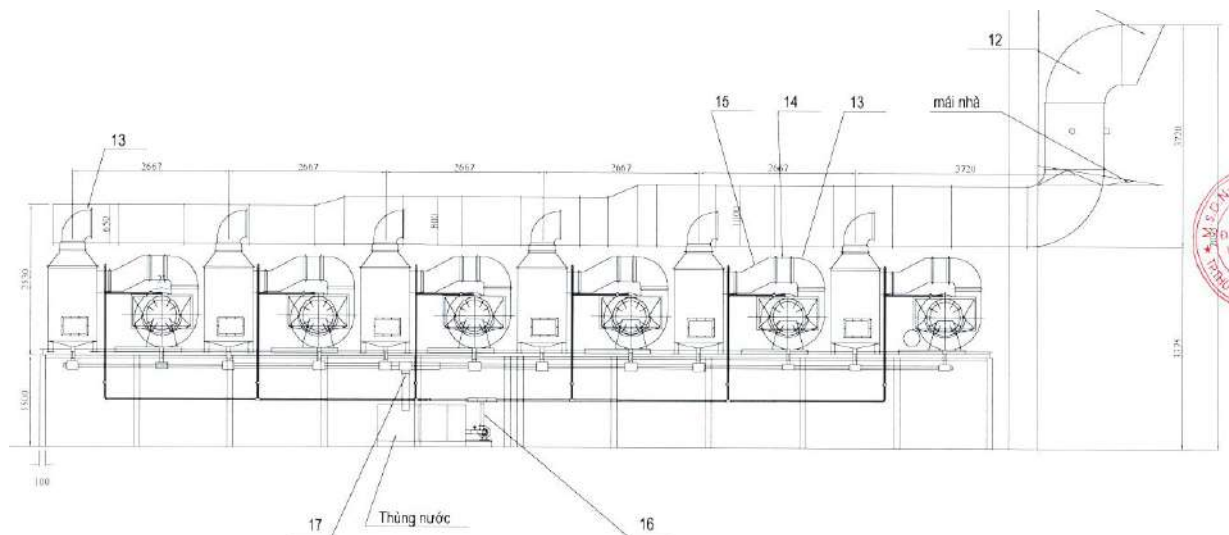
trình lắng đối với các hạt bụi thô có kích thước lớn được giữ lại. Sau đó khí thải tiếp tục đi qua hệ thống lọc tinh.

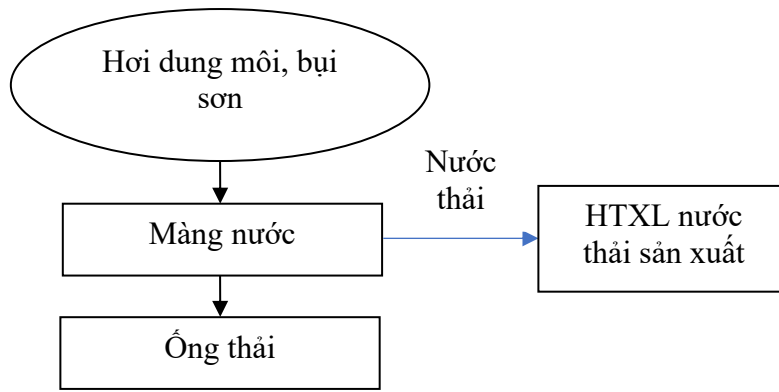
+ Khí thải tiếp tục qua hệ thống lọc túi vải làm từ vật liệu chịu nhiệt và có kích thước lỗ phù hợp nhằm giữ lại các hạt bụi còn không xử lý được từ buồng lọc thô. Hệ thống lọc tinh túi vải được thiết kế chu trình giữ bụi tự động đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và bố trí phù hợp với công suất của hệ thống 60.000 m<sup>3</sup>/giờ.

Bụi kim loại được thu hồi từ hệ thống xử lý khí thải là chất thải nguy hại được chủ dự án thu gom, lưu giữ và giao cho đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý theo đúng quy chế quản lý chất thải nguy hại.

### (3) Công trình, biện pháp xử lý bụi, hơi dung môi từ quá trình sơn

Tại phòng sơn với diện tích 88 m<sup>2</sup> Công ty sẽ lắp đặt 01 HTXL xử lý bụi, hơi dung môi từ quá trình sơn. Buồng phun sơn có kích thước (14,67x6m), do đó các sản phẩm cần sơn đều, đảm bảo được thực hiện trong phòng kín và kích thước thường không vượt quá 10m. Để đảm bảo nâng công suất hệ thống xử lý khí thải công đoạn sơn Công ty sẽ thực hiện thay quạt hút với lưu lượng lớn hơn, do thu gom trực tiếp do đó khi thay quạt hút công suất lớn hơn không làm ảnh hưởng đến hệ thống thu gom khí thải. Quy trình công nghệ xử lý bụi sơn và hơi dung môi bằng màng nước:





**Hình 3.14. Sơ đồ hệ thống xử lý bụi và hơi dung môi từ quá trình sơn**

**Thuyết minh quy trình xử lý:**

Tại khu vực sơn hiện Công ty đang bố trí 6 quạt hút để hút khí thải trực tiếp qua 6 buồng hấp thụ, khí thải sau khi qua 6 buồng hấp thụ sẽ theo đường ống chính thoát ra môi trường thông qua ống thải. Nước được cho chảy thành màng tuần hoàn bên trong mỗi tháp dập nước. Công ty lắp đặt 6 quạt hút khí thải thu gom bụi, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn với mỗi quạt hút tương ứng với một tháp dập nước. Khí thải sau khi qua hệ thống hấp thụ màng nước được dẫn về ống thoát khí thải trung tâm.

Do dự án sử dụng sơn gốc acrylic thân thiện với môi trường, do đó khi hấp thụ qua màng nước đảm bảo xử lý hơi dung môi phát sinh từ công đoạn này.

Nước từ quá trình hấp thụ được tuần hoàn liên tục, định kỳ sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải để xử lý và thay thế bằng lượng nước mới. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải cụ thể:

**Bảng 3.7. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi khí thải từ buồng sơn**

STT	Tên	Số lượng/thông số kỹ thuật
1	Chụp hút, lam gió	06
2	Quạt hút	6 quạt hút công suất 2HP, 2,25 KW
4	Tháp dập nước	06
5	Thùng chứa nước	1 thép inox
7	Ống phát thải	D=500mm, H= 7m

**3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường**

**3.1. Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh**

a. Khối lượng phát sinh

Do ảnh hưởng của đại dịch covid 19, khối lượng đơn hàng ít do đó khối lượng chất thải phát sinh năm 2022 tương đối ít. Căn cứ theo chứng từ giao nhận chất thải sinh hoạt và công nghiệp của dự án trong năm 2022, dự kiến chất thải sinh hoạt và công nghiệp phát sinh tối đa, cụ thể:

**Bảng 3.8. Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh trong năm 2025 và dự kiến sau khi bổ sung mục tiêu**

TT	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)	
		Hiện hữu	Dự án
1	Rác thải sinh hoạt	18	46,8
	<b>Tổng khối lượng</b>	<b>18</b>	<b>46,8</b>

(Nguồn: Chứng từ giao nhận chất thải phát sinh trong năm 2025)

**Bảng 3.9. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh trong năm 2025 và dự kiến sau khi bổ sung mục tiêu**

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)		Ký hiệu phân loại
			Hiện hữu	Dự án	
1	Nhóm giấy văn phòng, thùng carton, bao bì PE, nhựa xốp, dây nẹp, thùng nhựa không nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	16.590	3.040	TT
2	Phế liệu: Các loại phôi bào, phôi tiện, dải cắt cuộn,...	Rắn		7.000	-
3	Hộp mực in thải	Rắn		5	TT
<b>Tổng số lượng</b>			<b>16.590</b>	<b>10.045</b>	

(Nguồn: Chứng từ giao nhận chất thải phát sinh trong năm 2025)

*Ghi chú:*

Sau khi bổ sung mục tiêu sản xuất Công ty giảm 2 lần công suất của mục tiêu sản xuất Sợi mi rơ moóc, bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí. Đối với công suất xi mạ tăng 1,88 lần so với công suất sản xuất hiện hữu tuy nhiên chất thải phát sinh từ công đoạn xi mạ 100% là chất thải nguy hại do đó khối lượng chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh từ nhà máy giảm nhiều so với khối lượng phát sinh năm 2025 với công suất sản xuất năm 2025 đạt khoảng 87% công suất theo Giấy phép môi trường đã cấp.

b. Biện pháp thu gom và lưu giữ, xử lý

Chất thải rắn được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**Bảng 3.3. Thông tin công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường**

Khu lưu chứa	Diện tích	Kết cấu công trình
Chất thải sinh hoạt	Khu vực tập kết chất thải sinh hoạt.	Được xây dựng kết cấu bê tông cốt thép, đáp ứng theo hướng dẫn tại điều 36, thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
Chất thải không nguy hại	Khu lưu giữ chất thải thông thường 25 m <sup>2</sup> (trong khu lưu giữ 50 m <sup>2</sup> ).	
Phế liệu	Khu lưu giữ phế liệu 50 m <sup>2</sup> bố trí bên trong nhà xưởng.	

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh, sau đó chuyển thẳng vào thùng chứa rác lớn 120 lít lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt của Công ty.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và lưu trữ trong khu lưu giữ chất thải nằm bên ngoài nhà xưởng với diện tích 25 m<sup>2</sup> và hợp đồng với Công ty TNHH Xử lý Môi trường sạch Việt Nam thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định (*hợp đồng đính kèm phụ lục báo cáo*).

- Phế liệu kim loại được thu gom tại khu chứa phế liệu diện tích 50 m<sup>2</sup> được bố trí bên trong nhà xưởng A để bán cho Công ty Cổ phần môi trường Kim Thành theo đúng quy định.

- Chất thải sinh hoạt phát sinh tại dự án được chuyển giao cho Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành (*hợp đồng đính kèm phụ lục báo cáo*).

#### **4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

##### **a. Khối lượng phát sinh**

Căn cứ theo chứng từ giao nhận chất thải nguy hại của dự án trong năm 2025, tổng khối lượng chất thải nguy hại của dự án phát sinh khoảng 190.200 kg/năm. Dự kiến khối lượng từng loại chất thải phát sinh tối đa của toàn dự án cụ thể:

**Bảng 3.10. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong năm 2025 và dự kiến khối lượng phát sinh tối đa**

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)		Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
			Hiện hữu	Dự án		
1	Bùn thải từ HTXL nước thải	Lỏng/Rắn	20.635	24.000	12 06 05	KS
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	5	10	16 01 06	NH
3	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	1.790	2.700	18 02 01	KS
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	2.940	6.000	18 01 02	KS
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	1.655	3.500	18 01 03	KS
7	Nước thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	102.110	170.000	19 10 01	KS
8	Axit tẩy thải	Lỏng	41.210	75.000	07 01 01	NH
9	Bazo tẩy thải	Lỏng	-	6.000	07 01 03	NH
10	Que hàn thải	Rắn	750	500	07 04 01	KS
11	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại (bi thải)	Rắn	7.840	8.000	07 03 08	KS
12	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	410	500	07 03 05	NH
13	Phoi từ quá trình gia công tạo hình	Rắn	2.450	1.200	07 03 11	KS
14	Xi có các thành phần nguy hại (Zn chiếm khoảng 50% và Cr 5%, còn lại là tạp chất)	Rắn	8.405	5.000	05 07 01	KS
	<b>Tổng số lượng</b>	-	<b>190.200</b>	<b>302.410</b>	-	

*Ghi chú:*

Do có bổ sung thêm mục tiêu sản xuất và điều chỉnh cơ cấu công suất sản phẩm do đó khối lượng chất thải nguy hại dự kiến phát sinh nhiều so với hiện hữu đang hoạt động năm 2025.

b. Biện pháp thu gom và lưu giữ, xử lý

- Chủ dự án bố trí các thùng chứa tại khu vực sản xuất, để thu gom toàn bộ lượng CTNH phát sinh. Sau đó vận chuyển về kho CTNH và lưu chứa tại kho.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý CTNH theo đúng quy định.

+ Địa điểm thu gom: Tại kho chứa CTNH Nhà máy.

+ Tần suất: 1 tháng/lần hơn tùy thuộc vào khối lượng chất thải phát sinh.

Công ty thực hiện quản lý CTNH phát sinh từ hoạt động của nhà máy theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể:

+ Phân loại tại nguồn.

+ Ghi rõ khối lượng và để riêng theo từng loại, sau đó cho vào thùng chứa theo từng chủng loại có dán nhãn để tránh lẫn các loại CTNH với nhau. Tập trung về kho chứa CTNH.

Ban hành nội quy kho chứa CTNH và tiếp tục thực hiện trong suốt quá trình hoạt động của nhà máy sau nâng công suất:

+ Quản lý, xuất nhập kho chứa CTNH theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quy trình.

+ Không tháo gỡ, di chuyển hoặc làm giảm hiệu quả của các biển báo, các thiết bị chống đổ tràn hóa chất, thiết bị thu gom trong tình huống đổ tràn.

+ Không để dầu mỡ, hóa chất rơi vãi ra ngoài phạm vi khu vực kho hoặc đổ vào môi trường đất, môi trường nước.

+ Mang đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động theo đúng quy định khi tiếp xúc với CTNH.

+ Không sử dụng chất kích thích như rượu, bia hay các chất tương tự khi làm việc trong kho CTNH.

+ Không hút thuốc hoặc mang vật và chất nổ vào khu vực kho CTNH.

+ Thường xuyên kiểm tra các bình cứu hỏa, các hệ thống PCCC và các trang thiết bị trong kho CTNH.

+ Các nhân viên và lái xe giao nhận CTNH có trách nhiệm phối hợp với các cán bộ quản lý kho CTNH để thực hiện đúng hướng dẫn, quy định trong quá trình thu gom, vận chuyển CTNH.

+ Tuân thủ quy trình ứng phó sự cố đã được ban hành trong các tình huống khẩn cấp (nếu có xảy ra).

+ Tất cả nhân viên có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các quy định này và báo cáo các trường hợp vi phạm cho cán bộ phụ trách An toàn – Môi trường của Nhà máy.

### **c. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

Công ty đã bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 25 m<sup>2</sup> để lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trước khi giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

Kho chứa chất thải nguy hại có tường bao, mái che, nền bê tông; có bố trí thiết bị để lưu chứa chất thải nguy hại, có lắp dấu hiệu cảnh báo, dán mã chất thải nguy hại. Kho chứa chất thải có trang bị bình chữa cháy, vật liệu hấp thụ (cát khô, xéng), có rãnh (rộng 15 cm, sâu 15 cm) thu gom chất thải lỏng trong trường hợp tràn đổ.

Công trình lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Công ty hợp đồng với Công ty TNHH Xử lý môi trường sạch Việt Nam và Công ty Cổ phần TM Tài Tiến để thu gom và xử lý toàn bộ CTNH phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty theo hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại đính kèm phụ lục báo cáo.

## **5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung tại cơ sở gồm:

- Từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, hóa chất, sản phẩm.
- Từ hoạt động của các máy móc, thiết bị sản xuất, cụ thể: khu vực gia công, khu vực mài, khu vực phun sơn, khu vực lò hơi,...
- Từ hoạt động của các thiết bị, hệ thống xử lý khí thải, mùi.
- Từ hoạt động của HTXL nước thải.

Nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh, cơ sở đã thực hiện các biện pháp như sau:

1) Giảm thiểu tiếng ồn từ hoạt động máy móc, thiết bị

- Hiện đại hóa hầu hết máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất.
- Thiết kế các bộ phận giảm âm, lắp đệm chống ồn ngay sau khi lắp đặt thiết bị.
- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực.
- Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.
- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn (nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ lao động,...).
- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động.

## 2) Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện lưu thông ra vào nhà máy

- Hạn chế vận chuyển hàng vào ban đêm, giờ tan ca để giảm thiểu tác động do tiếng ồn đến khu vực xung quanh.
- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ đối với tất cả các phương tiện vận chuyển, thay thế những bộ phận hư hỏng,...
- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy.
- Thường xuyên nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước, tránh gây ngập úng, ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước khu vực.
- Bố trí khu vực đỗ xe hợp lý.
- Quy định tốc độ xe ra vào cho nhân viên và khách, vận tốc tối đa 5km/giờ.
- Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn là QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

## 6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

### Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải

#### \* Đối với sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp nước

- Đường ống cấp thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những môi nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

**\* Đối với sự cố hệ thống xử lý nước thải**

Để phòng ngừa và ứng phó sự cố về hệ thống xử lý nước thải, Công ty đã thực hiện các biện pháp như sau:

- Luôn bảo trì, kiểm tra máy móc thiết bị một cách thường xuyên và liên tục, kiểm tra thành phần nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống để có những giải pháp vận hành tốt hơn.

- Người vận hành phải tuân thủ đầy đủ quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải sau khi được nhà thầu thi công chuyên giao công nghệ.

- Nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải là những người được trang bị kiến thức về môi trường nhằm ứng phó với những sự cố có thể xảy ra trong thời gian nhanh nhất. Ngoài ra, nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải cần có hiểu biết về điện, cơ khí.

- Khi sự cố xảy ra, phải ngừng tất cả các công đoạn vận hành và báo ngay cho các đơn vị có trách nhiệm liên quan biết, phối hợp khắc phục sự cố một cách nhanh nhất để đưa hệ thống vận hành ổn định trở lại.

**Bảng 3.11. Sự cố và biện pháp phòng ngừa sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước**

STT	Loại sự cố	Nguyên nhân	Phương án phòng ngừa, giảm thiểu
1	Hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động	-	Toàn bộ nước thải sản xuất sẽ được lưu giữ và chuyển giao dưới dạng chất thải nguy hại để khắc phục sự cố. - Thực hiện kiểm tra, đánh giá để tìm ra nguyên nhân. - Đề xuất giải pháp khắc phục cụ thể đối với từng nguyên nhân có thể xảy ra. - Bố trí thiết bị dự phòng
2	Hệ thống xử lý bị quá tải	- Do tăng lượng nước thải đột ngột	Giảm lưu lượng nước thải đầu vào, cụ thể giảm lượng nước thải phát sinh từ các nguồn thải, cho thu hồi các nguồn nước thải có thể thu hồi.
3	Chất lượng nước thải không đáp ứng quy chuẩn quy định	- Do biến cố trong quá trình vận hành. - Do hệ thống gặp sự cố	- Kiểm tra lại chất lượng nước thải đầu vào, đánh giá lại chất lượng; - Bơm về bể điều hòa, khi hoạt động bình thường sẽ bơm tuần hoàn về xử lý.

**🚧 Đối với hệ thống xử lý khí thải:**

Hiện nay, Chủ dự án áp dụng các biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử

lý khí thải như sau:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các công trình xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

- Chuẩn bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với bộ phận dễ hư hỏng như quạt hút, bơm.

- Những người vận hành các công trình xử lý khí thải, nước thải được đào tạo các kiến thức về an toàn và vận hành đúng quy cách.

Trong thời gian qua, hệ thống xử lý khí thải tại Nhà máy hiện hữu không xảy ra sự cố. Do đó, khi dự án đi vào hoạt động, Chủ dự án tiếp tục thực hiện các biện pháp đang áp dụng tại Nhà máy.

#### **Đối với kho chứa chất thải:**

- Xây dựng nhà kho lưu giữ chất thải có mái che, tránh nước mưa rơi xuống cuốn theo chất thải vào đường thoát nước.

- Nhà kho lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

- Công ty triển khai nhật ký vận hành đối với việc vận hành các HTXLNT và HTXKT.

#### **Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác**

##### **\* Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ**

Công ty đã có biện pháp kỹ thuật và trang thiết bị ngăn ngừa, giảm thiểu sự cố cháy nổ:

- Thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt, các thiết bị và phương tiện phòng cháy hiệu quả.

- Trang bị hệ thống phòng chống cháy nổ: bể PCCC, bình CO<sub>2</sub>, hệ thống báo cháy...

- Trang bị bể nước PCCC và dự trữ sẵn sàng nguồn nước chữa cháy.

- Có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy

và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với kết cấu xây dựng của Nhà máy.

- Lắp đặt các đầu dò lửa, đầu dò khí, hệ thống còi đèn.

- Cách ly các bảng điện, tủ điện điều khiển, khu vực chứa nhiên liệu ra khu vực riêng, ... đồng thời tiếp đất cho các thiết bị máy móc.

- Máy móc thiết bị có lý lịch kèm theo, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

- Có quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy trong xưởng.

- Cung cấp các thông tin về an toàn lao động và an toàn cháy nổ định kỳ cho công nhân.

- Có quy trình kỹ thuật an toàn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với điều kiện của Nhà máy.

- Có văn bản thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình thuộc diện phải thiết kế và thẩm duyệt về PCCC.

- Hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện, hệ thống chống sét, nơi sử dụng lửa, phát sinh nhiệt phải bảo đảm an toàn về PCCC.

- Có lực lượng phòng cháy và chữa cháy của xưởng được tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

- Có phương án chữa cháy, thoát nạn và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức huấn luyện thoát hiểm trong giờ làm việc, huấn luyện nghiệp vụ cho đội PCCC cơ sở, kiểm tra, bảo trì các phương tiện PCCC, tổ chức hội thao PCCC, thực tập phương án chữa cháy với Công an PCCC.

- Có hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy khác, phương tiện cứu người phù hợp với tính chất, đặc điểm của xưởng, bảo đảm về số lượng, chất lượng và hoạt động theo quy định của Công an tỉnh Đồng Nai và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy; có hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy tại cơ sở theo quy định.

- Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Công an tỉnh Đồng Nai.

- Nơi có sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị sinh lửa, sinh nhiệt, hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện phải bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Có dự kiến tình huống cháy, thoát nạn và biện pháp chữa cháy; có phương tiện chữa cháy phù hợp với đặc điểm hoạt động và bảo đảm về số lượng, chất lượng theo hướng dẫn của Bộ Công an.

- Đề ra phương án chữa cháy cho cán bộ chuyên trách của xưởng sản xuất để xử lý khi sự cố xảy ra.

- Thường xuyên huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy đối với cán bộ, nhân viên, đội phòng cháy và chữa cháy của xưởng sản xuất theo các nội dung sau:

- Kiến thức pháp luật, kiến thức về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với từng đối tượng.

- Phương pháp tuyên truyền, xây dựng phong trào phòng cháy và chữa cháy.

**Trang bị các phương tiện PCCC phải đảm bảo các điều sau:**

- Bảo đảm về các thông số kỹ thuật theo thiết kế phục vụ cho phòng cháy và chữa cháy.

- Phù hợp với tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế được phép áp dụng tại Việt Nam.

- Phương tiện phòng cháy và chữa cháy phải được phép sử dụng của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền và phải được kiểm định về chất lượng, chủng loại, mẫu mã theo quy định của Công an tỉnh Đồng Nai.

- Chất chữa cháy: nước, các loại bột, khí chữa cháy, thuốc chữa cháy.

- Vật liệu và chất chống cháy: sơn chống cháy; vật liệu chống cháy, chất ngậm tẩm chống cháy.

- Trang phục và thiết bị bảo hộ cá nhân

- Phương tiện cứu người: dây, đệm, thang và ống cứu người.

- Công cụ hỗ trợ và dụng cụ phá dỡ:

- Máy cắt, máy kéo, máy phanh, máy kích, nâng điều khiển bằng khí nén và bằng điện.

- Kìm cộng lực, cưa tay, búa, xà beng...

- Hệ thống chữa cháy tự động (bằng khí, nước, bột bột), hệ thống chữa cháy vách tường.

- Thường xuyên kiểm tra, thay thế các bóng đèn cũ bị hư hỏng để đảm bảo ánh sáng. Công nhân được hướng dẫn đầy đủ các biện pháp an toàn trong sử dụng điện, máy móc thiết bị, được khám sức khỏe định kỳ phát hiện sớm nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp để có biện pháp khắc phục.

- Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn trong vận chuyển.

Công ty đã có các Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy công trình số: Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 337/TD-PCCC ngày 13/08/2020; số 97/TD – PCCC ngày 08/02/2021; Văn bản số 142/NT-

PCCC ngày 04/05/2021; Văn bản số 172/PCCC-NT ngày 31/05/2021 của Công an tỉnh Đồng Nai v/v nghiệm thu PCCC.

Hình ảnh hệ thống PCCC của nhà máy:



Hình 3. 15. Hình ảnh hệ thống PCCC của dự án

**\* Phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động**

Để đảm bảo vệ sinh và an toàn lao động cho công nhân chủ Nhà máy đã áp dụng các biện pháp phòng ngừa sự cố như sau:

- Xây dựng chi tiết các bảng nội quy về an toàn lao động cho từng khâu và từng

công đoạn sản xuất.

- Tất cả công nhân viên sẽ được định kỳ tập huấn an toàn lao động.

- Thường xuyên hướng dẫn và giám sát chặt chẽ việc tuân thủ an toàn lao động của công nhân.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng theo các qui định hiện hành.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các buổi huấn luyện về thao tác ứng cứu khẩn cấp, thực hành cấp cứu y tế, sử dụng thành thạo các phương tiện thông tin, địa chỉ liên lạc khi có sự cố

- Trang bị các biển báo tại các khu vực nguy hiểm.

- Đảm bảo chiếu sáng cho những khu vực làm việc.

### ***Ứng phó sự cố tai nạn lao động:***

- Không chế tiếng ồn đạt tiêu chuẩn quy định để tránh các bệnh nghề nghiệp do quá trình sản xuất gây ra.

- Đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn do Bộ Y tế ban hành để đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

- Kiểm tra định kỳ tình trạng sức khỏe của công nhân theo quy định của Nhà nước.

Trong thời gian qua Công ty đã thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa và ứng phó tai nạn lao động. Do đó, khi thực hiện dự án, Chủ dự án sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó tai nạn lao động của Nhà máy đã áp dụng trong thời gian qua. Ngoài ra còn áp dụng thêm các biện pháp như sau:

- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị máy móc, xe vận chuyển và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên theo đúng kỹ thuật để bảo đảm tuyệt đối an toàn.

- Có bảng hướng dẫn, nội quy, chỉ dẫn trong Công ty.

- Đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động, không sử dụng các lao động chưa được đào tạo, chưa được hướng dẫn về an toàn lao động.

- Cung cấp, trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho toàn bộ cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng các trang thiết bị bảo hộ lao động khi làm việc.

- Có biện pháp xử lý, giải quyết, cấp cứu kịp thời khi có sự cố lao động xảy ra. Đồng thời phải báo cáo lên các cấp quản lý của dự án và chính quyền địa phương để khắc

phục và bồi thường những thiệt hại theo đúng quy định của nhà nước ban hành.

### **\* Phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất**

Nhằm đảm bảo an toàn cho công nhân, Nhà máy đã áp dụng các biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất như sau:

- Các kỹ thuật viên và công nhân vận hành các thiết bị chuyên dụng có các yêu cầu cao về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ khi tuyển dụng đều qua lớp tập huấn, bồi dưỡng các quy trình vận hành, an toàn lao động và được cấp chứng chỉ mới được đưa vào vận hành sản xuất ở các xưởng.

- Hàng năm, cán bộ quản lý, phụ trách an toàn – vệ sinh lao động được tập huấn lại về nghiệp vụ chuyên môn, cập nhật các văn bản, quy phạm pháp luật về an toàn – vệ sinh lao động – phòng cháy chữa cháy của nhà nước và tổ chức định kỳ đào tạo, huấn luyện về an toàn hóa chất cho người lao động.

- Khi tiếp xúc với hóa chất cần phải chú ý đến kỹ thuật an toàn. Trong phòng làm việc phải treo bảng về kỹ thuật an toàn và người làm việc phải biết rõ điều đó.

- Khi mở chai hóa chất cần chú ý tránh để hóa chất phụt ra ngoài. Những nắp đậy bình hóa chất dễ cháy thì không được hở trên ngọn lửa để mở. Người sử dụng hóa chất cần nắm vững tính chất của từng loại hóa chất. Hóa chất đựng trong bình phải có nhãn hiệu rõ ràng.

- Toàn bộ cán bộ công nhân viên trực tiếp làm việc trong nhà máy được trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động và bắt buộc phải sử dụng trong quá trình sản xuất.

- Bố trí hệ thống báo cháy, phương tiện, thiết bị PCCC tại kho chứa hóa chất.

- Đội chữa cháy thường xuyên được huấn luyện thực hành các phương án ứng phó sự cố cháy nổ hóa chất để luôn đáp ứng được yêu cầu.

- Khi xảy ra sự cố hóa chất nghiêm trọng, lãnh đạo nhà máy áp dụng biện pháp ứng phó sự cố khẩn cấp: dừng sản xuất, thực hiện kế hoạch sơ tán người, kịp thời thông báo cho lực lượng phòng cháy chữa cháy, cơ quan đơn vị chủ quản, chính quyền địa phương nơi gần nhất để phối hợp ứng phó và khắc phục sự cố.

- Phối hợp với KCN kịp thời huy động lực lượng tại chỗ và áp dụng các biện pháp cần thiết để thực hiện các biện pháp ứng cứu, sơ tán người, tài sản của các công trình xung quanh khu vực nhà máy.

- Phối hợp với lực lượng công an, quân đội địa phương để đảm bảo trật tự trị an, đảm bảo trật tự giao thông để công tác ứng phó, xử lý sự cố của các đơn vị phối hợp được kịp thời.

- Phối hợp với các bệnh viện, trạm xá, các cơ quan y tế địa phương tổ chức ứng cứu, sơ cứu tại chỗ và di chuyển người bị nạn tới các cơ sở cứu chữa kịp thời.

- Thông báo cho Ủy ban cứu hộ, cứu nạn quốc gia và các cơ quan nhà nước liên quan để có sự chỉ đạo và xử lý sự cố đúng luật định.

- Thực hiện phương án khắc phục sự cố hóa chất theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

***Quy mô, kết cấu kho chứa hóa chất:***

- Nhà kho được xây dựng bằng bê tông, cốt thép.

- Khu vực lưu trữ hóa chất đảm bảo về hệ thống thông gió.

- Nhà kho được xây dựng đảm bảo các quy định về hệ thống phòng cháy chữa cháy.

- Nhà kho có lối ra, vào phù hợp, có kích cỡ tương xứng để cho phép vận chuyển một cách an toàn.

- Đây là nhà kho khô. Được đánh dấu với ký hiệu cảnh báo thích hợp, có bảng hướng dẫn cụ thể tính chất của từng hóa chất, những điều cần tuân thủ khi sắp xếp, vận chuyển, san rót... hóa chất.

- Tất cả hóa chất sẽ được lưu trữ gọn gàng trong các thùng chứa tương thích, trong các khu vực có thiết bị ngăn chặn và thu gom trong trường hợp có sự cố đổ tràn hoặc rò rỉ tránh chảy trực tiếp vào hệ thống nước thải. Các khu vực chứa này được bảo vệ để tránh các trường hợp tràn đổ hoặc rò rỉ. Các hóa chất không tương thích sẽ không được lưu trữ gần nhau, và các nhân viên vận hành sẽ được đào tạo kiến thức liên quan đến tính tương thích hóa học, các thủ tục lưu trữ, phương pháp xử lý thích hợp và các thủ tục xử lý khi có sự cố đổ tràn hoặc rò rỉ. Các khu vực chứa hóa chất sẽ được kiểm tra thường xuyên để phát hiện bất kỳ vấn đề hoặc mối nguy hại nào.

- Hóa chất được lưu trữ trong kho chứa riêng. Kho chứa hóa chất đảm bảo được yêu cầu an toàn cho thủ kho, cho những người làm việc ở gần và không gây ô nhiễm môi trường:

Kho chứa có biển báo, có dữ liệu an toàn về hóa chất sử dụng:

+ Tên (tên thương mại và tên thường gọi nếu có).

+ Thành phần hóa chất.

+ Tên và địa chỉ người cung cấp hoặc nơi sản xuất.

+ Cách sử dụng và lưu giữ hóa chất.

- + Những biện pháp sơ cứu, biện pháp phòng chống cháy,...
- + Thông tin về tính chất vật lý, tính chất hóa học, độc tính,...

**Các biện pháp ứng phó khi xảy ra sự cố:**

- Khi phát hiện xảy ra sự cố, thông báo ngay cho những người xung quanh biết, đồng thời báo gấp cho ban quản lý nhà máy. Ban quản lý nhà máy thông báo cho đội ứng phó sự cố của Nhà máy, và qua hệ thống loa cho toàn thể nhân viên và những người có mặt trong khu vực nhà máy biết để có kế hoạch ứng cứu và sơ tán.

- Cách ly người và tài sản với khu vực xảy ra sự cố.

- Treo biển báo rò rỉ hóa chất tại nơi xảy ra rò rỉ, nghiêm cấm ra vào khu vực rò rỉ, chỉ những người có trách nhiệm được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ gồm găng tay, ủng, tạp dề, kính mắt, mặt nạ lọc khí tương ứng mới được vào khu vực.

- Tìm mọi cách để ngăn chặn nguồn rò rỉ hóa chất bằng cách ngắt hoặc di dời mọi nguồn phát sinh nhiệt, sử dụng các vật liệu như: cát, giẻ lau, tấm hút chuyên dụng, thùng chứa chuyên dụng và thu gom hóa chất tràn đổ vào thùng chứa CTNH, được vận chuyển cùng CTNH của nhà máy.

- Không xả nước vào điểm rò đổ hóa chất.

- Thực hiện các biện pháp thu hồi, thẩm hút lượng hóa chất đã phát tán ra ngoài. Sử dụng các dung dịch trung hòa để làm giảm mức độ nguy hại của hóa chất, sau đó dùng nước rửa sạch khu vực hóa chất phát tán ra; thu gom, phân loại CTNH và làm sạch môi trường.

- Sau khi xảy ra sự cố cần xác định nguyên nhân và thực hiện các biện pháp khắc phục đối với môi trường và sức khỏe cộng đồng.

**7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):** Không có.

**8. Các nội dung thay đổi so với báo cáo đã cấp:**

STT	Hạng mục thay đổi	Theo GPMT đã cấp	Công ty xin thay đổi	Ghi chú

1	Về mục tiêu sản xuất	sản xuất sơ-mi-rơ-móc; bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm (có bao gồm công đoạn xi mạ với công suất 40.000 tấn sản phẩm/năm).	<p>- Sản xuất, sửa chữa sơ mi rơ móc, bồn chứa khí hóa lỏng, hóa chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác: 30.000 tấn sản phẩm/năm (trong đó sản phẩm xi mạ: 15.000 tấn sản phẩm/năm.</p> <p>- Gia công xi mạ (Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại):60.000 tấn sản phẩm/năm.</p>	Công ty điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, giảm công suất sản xuất (có bao gồm công đoạn xi mạ) và bổ sung thêm mục tiêu gia công xi mạ.
3	Về khí thải	<p>- Hệ thống xử lý bụi từ bề mặt mạ kẽm, công suất thiết kế 25.000 m<sup>3</sup>/giờ (nguồn số 01).</p> <p>Tóm tắt quy trình xử lý: Bụi → nhà chứa bụi → Cyclone đơn → Túi vải → Ống thoát khí thải → Đạt quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.</p>	<p>- Lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi từ bề mặt mạ kẽm, công suất thiết kế 60.000 m<sup>3</sup>/giờ (nguồn số 01).</p> <p>Tóm tắt quy trình xử lý: Bụi được hút từ miệng bể mạ → Đưa vào nhà chứa bụi để lọc thô → Đưa qua hệ thống Túi vải lọc tinh → Ống thoát khí thải → Đạt quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.</p>	<p>Công ty sẽ thực hiện bỏ Cyclon do bụi phát sinh từ bể mạ kẽm chủ yếu là khói từ sản phẩm cháy khi vật mạ tiếp xúc với dung dịch kẽm ở nhiệt độ cao. Khói này thường không cuốn theo Bụi có kích thước lớn do đó bố trí thêm Cyclon không làm tăng hiệu quả xử lý mà làm tăng trở lực đường ống, làm giảm hiệu suất của HTXL khí thải. (</p> <p>Ngoài ra Công ty sẽ thực hiện đổi lớp vật liệu của túi vải có khả năng chịu nhiệt cao, đồng thời tăng công suất quạt hút để đảm bảo khả năng xử lý bụi phát sinh tại công đoạn này.</p>
	<p>- Hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn, công suất thiết kế 6.000 m<sup>3</sup>/giờ (nguồn số 02).</p> <p>Tóm tắt quy trình xử lý: Khí thải → Quạt hút → Màn nước → Ống thoát khí thải → Đạt quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.</p>	<p>- Hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn, công suất thiết kế 15.000 m<sup>3</sup>/giờ (nguồn số 02).</p> <p>Tóm tắt quy trình xử lý: Khí thải → Quạt hút → Màn nước → Ống thoát khí thải → Đạt quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.</p>	<p>Đối với công đoạn sơn Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải công suất 6.000 m<sup>3</sup>/giờ tuy nhiên để đảm bảo thu gom triệt để khí thải công đoạn sơn phát sinh Công ty xin tăng công suất của HTXL này từ 6.000 m<sup>3</sup>/giờ tăng lên 15.000 m<sup>3</sup>/giờ.</p>	

		<p>- Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm, công suất thiết kế 20.000 m<sup>3</sup>/giờ (nguồn số 03).</p> <p>- Tóm tắt quy trình thu gom: <i>Khí thải</i> → <i>Màng nước</i> → <i>Quạt hút</i> → <i>Ống thoát khí thải</i> → <i>Đạt quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.</i></p>	<p>- Lắp đặt 02 Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm, công suất thiết kế 30.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống.</p> <p>Tóm tắt quy trình xử lý: <i>Khí thải</i> → <i>Quạt hút</i> → <i>Tháp hấp thụ</i> → <i>Ống thoát khí thải</i> → <i>Đạt quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.</i></p>	<p>Hiện tại Công ty lắp đặt hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn tẩy rửa bề mặt trong không gian hở, hiệu quả xử lý khí thải đảm bảo đạt theo bảo theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với các hệ số Kv = 0,6 và Kp = 0,9) tuy nhiên khi áp theo QCVN 19:2024/BTNMT cột B sẽ không đảm bảo do đó Công ty sẽ bỏ hoàn toàn hệ thống xử lý khí thải hiện hữu.</p> <p>Lắp đặt hệ thống buồng kín trong công đoạn tẩy rửa thay ế hệ thống cũ bằng 02 hệ thống xử lý khí thải công suất 30.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống để thu gom xử lý khí thải từ công đoạn này.</p>
--	--	--	---	---

## CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

#### 1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường do nước thải sau khi xử lý đạt giới hạn đầu nối của KCN Biên Hòa II được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II (Công ty Cổ phần Đô Dịch vụ Sonadezi), không xả ra môi trường.

- Chủ cơ sở đã ký hợp đồng xử lý nước thải số 46/HĐNT ngày 12/2/2001 với Công ty Cổ phần Đô Dịch vụ Sonadezi), (đơn vị đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng KCN Biên Hòa II).

- Đối với nguồn nước thải sản xuất được Công ty xử lý và tuần hoàn cho hoạt động sản xuất, định kỳ khoảng 02 tuần/lần sẽ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định, cam kết không đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: đạt giới hạn theo thỏa thuận giữa Chủ cơ sở và Công ty Cổ phần Đô Dịch vụ Sonadezi.

- Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí đầu nối nước thải: 01 điểm đầu nối trên đường số 3A trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Biên Hòa II:

Tọa độ điểm đầu nối: X1= 1.206.752; Y1= 402.314.

+ Phương thức xả nước thải: tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: hồ ga đầu nối về hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II.

- Chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp phải đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Biên Hòa II theo Hợp đồng xử lý nước thải số 46/HĐNT ngày 12/2/2001 ký giữa Công ty Cổ phần Đô Dịch vụ Sonadezi và Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 ÷ 9	Dự án không thuộc đối tượng quan trắc môi
2	BOD <sub>5</sub>	mg/L	500	

3	COD	mg/L	800	trường định kỳ
4	TSS	mg/L	300	
5	Fe	mg/L	4	
6	Cu	mg/L	2	
7	Zn	mg/L	3	
8	Crom VI	mg/L	0,05	
9	Crom III	mg/L	0,2	
10	Tổng Nitơ	mg/L	40	
11	Amoni	mg/L	20	
12	Tổng Photpho	mg/L	12	
13	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	20	

## 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

### 2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ bề mặt mạ kẽm.
- Nguồn số 02: Bụi, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm.
- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ công đoạn làm sạch bề mặt bằng phun bi.
- Nguồn số 05: Khí thải máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 06: Khí thải lò nhiệt sử dụng khí **CNG** cho bề mặt mạ kẽm.

### 2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.2.1. Vị trí xả khí thải (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ):

- Dòng khí thải số 01 (nguồn số 01): Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi từ bề mặt mạ kẽm. Tọa độ vị trí xả khí thải: **X = 1.206.763; Y = 402.319.**

- Dòng khí thải số 02 (nguồn số 02): Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn. Tọa độ vị trí xả khí thải: **X = 1.206.752; Y = 402.347.**

- Dòng khí thải số 03 (nguồn số 03): Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải số 1 từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm. Tọa độ vị trí xả khí thải: **X = 1.206.780; Y = 402.303.**

- Dòng khí thải số 04 (nguồn số 03): Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải số 1 từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm. Tọa độ vị trí xả khí thải: **X = 1.206.782; Y = 402.303.**

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107<sup>o</sup>45, múi chiều 3<sup>o</sup>)

### 2.2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Tổng lưu lượng khí thải lớn nhất của dự án dự kiến 54.000 m<sup>3</sup>/giờ, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 60.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 30.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 30.000 m<sup>3</sup>/giờ.

### 2.3. Phương thức xả khí thải: Liên tục khi phát sinh.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả thải vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2024/BTNMT cột B, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
<b>Dòng khí thải số 01</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	03 tháng/lần
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	30	
<b>Dòng khí thải số 02</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	03 tháng/lần
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	40	
3	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	80	06 tháng/lần
4	n-Butyl acetate	mg/Nm <sup>3</sup>	80	
<b>Dòng khí thải số 03 và 04</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	03 tháng/lần
2	HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	5	

## 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

### 3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

#### 3.1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực cắt.
- Nguồn số 02: Khu vực cán dập.
- Nguồn số 03: Khu vực phun bi và hệ thống thu hồi bụi công đoạn phun bi.
- Nguồn số 04: Khu vực sơn và hệ thống xử lý khí thải sơn.
- Nguồn số 05: Khu vực mạ kẽm và hệ thống xử lý bụi.

- Nguồn số 06: Khu vực xử lý bề mặt và hệ thống xử lý khí thải dây chuyền tẩy mạ.
- Nguồn số 04: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.

**3.2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

3.2.1. Tiếng ồn: QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

TT	QCVN 26:2025/BNNMT			QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06 giờ đến trước 18 giờ) (dBA)	Tối (18 giờ đến 22 giờ) (dBA)	Đêm (22 giờ đến trước 06 giờ) (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương ( $L_{aeq}$ )-dBA		
1	70	65	60	8	85	-	Khu vực E

3.2.2. Độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2025/BTNMT.

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06 giờ đến 22 giờ)	Đêm (22 giờ đến trước 06 giờ)		
1	75	70	-	Khu vực D

**4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có):** Cơ sở không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.

**5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có):** Trong quá trình hoạt động sản xuất, cơ sở không sử dụng phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

**6. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở đối với quản lý chất thải:**

6.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (Kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	10	16 01 06	NH
2	Axit tẩy thải	Lỏng	75.000	07 01 01	NH
3	Bazơ tẩy thải	Lỏng	6.000	07 01 03	NH

4	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	500	07 03 05	NH
<b>Tổng khối lượng chất thải phát sinh dự kiến (kg/năm)</b>			<b>81.510</b>	-	

6.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Nhóm giấy văn phòng, thùng carton, bao bì PE, nhựa xốp, dây nẹp, thùng nhựa không nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	3.040	TT
2	Phế liệu: Các loại phiôi bào, phiôi tiện, dải cắt cuộn,...	Rắn	7.000	-
3	Hộp mực in thải	Rắn	5	TT
<b>Tổng khối lượng chất thải phát sinh dự kiến (kg/năm)</b>			<b>10.045</b>	

6.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	20
2	Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế	10
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	16,8
<b>Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm)</b>		<b>46,8</b>

6.3. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (Kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Bùn thải từ HTXL nước thải	Lỏng/Rắn	24.000	12 06 05	KS
2	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	2.700	18 02 01	KS
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	6.000	18 01 02	KS
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	3.500	18 01 03	KS
5	Nước thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	170.000	19 10 01	KS
6	Que hàn thải	Rắn	500	07 04 01	KS
7	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại (bì thải)	Rắn	8.000	07 03 08	KS

8	Phoi từ quá trình gia công tạo hình	Rắn	1.200	07 03 11	KS
9	Xi có các thành phần nguy hại (Zn chiếm khoảng 50% và Cr 5%, còn lại là tạp chất)	Rắn	5.000	05 07 01	KS
<b>Tổng khối lượng chất thải phát sinh dự kiến (kg/năm)</b>			<b>220.900</b>	-	

## **CHƯƠNG V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

### **1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:**

#### **1.1. Tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện như sau:**

##### **Căn cứ pháp lý của dự án:**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 36003584247 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 25/6/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29/09/2025 do Phòng đăng ký Kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số đầu tư 2152552120 cấp lần đầu ngày 25/6/1996 và đăng ký điều chỉnh lần thứ 10 ngày 05/5/2025 do Ban quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai (nay là Ban quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai) cấp;

- Giấy phép môi trường số 65/GPMT-KCNĐN ngày 17/05/2023 của dự án “Nhà máy sản xuất sơ-mi-rơ-móoc; bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm (có bao gồm công đoạn xi mạ với công suất 40.000 tấn sản phẩm/năm) do Ban quản lý các KCN Đồng Nai cấp.

Văn bản số 524/SZB-QTTH ngày 29/11/2021 của Công ty Sonadezi Long Bình (Chủ dự án KCN Biên Hòa II) gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để xin được bổ sung thêm công đoạn mạ kẽm vào quy trình sản xuất của Công ty CP Chien You Việt Nam tại KCN Biên Hòa II, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

- Công văn 3884/TCMT-TD ngày 21/12/2021 của Tổng cục Môi trường gửi Công ty CP Sonadezi Long Bình V/v hướng dẫn việc bổ sung công đoạn mạ kẽm trong quy trình sản xuất của Công ty CP Chien You Việt Nam.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC số 171/TD-PCCC ngày 16/4/2022 do Phòng Cảnh sát – Công an PCCC tỉnh Đồng Nai cấp.

- Giấy phép xây dựng số 78/GPXD ngày 27/5/2022 do Ban quản lý các KCN Đồng Nai cấp.

- Hợp đồng xử lý nước thải số 46/HĐNT ngày 12/2/2001 với Cổ phần Chien You Việt Nam với Xí Nghiệp dịch vụ quản lý môi trường Sonadezi.

- Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt số 120/2025/HĐ.RT ngày 31/12/2024 giữa Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam và Công ty Cổ phần Môi trường

Sonadezi.

- Hợp đồng số 117/2024/HĐXLCT/MTS.K-CY về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ký ngày 20/03/2024 giữa Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam và Công ty TNHH Xử lý môi trường sạch Việt Nam.

- Hợp đồng số 144/2025/HĐXLCT/MTS.K-CY về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ký ngày 20/03/2025 giữa Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam và Công ty TNHH Xử lý môi trường sạch Việt Nam.

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, thu mua gom phế liệu sau xử lý số 355/11.HĐCTNH-PL ký ngày 21/11/2025 giữa Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam và Chi nhánh nhà máy xử lý chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt – Công ty Cổ phần TM Tài Tiến.

- Hợp đồng mua bán phế liệu sắt thép số 01/HĐMB/CY-KT ký ngày 14/11/2025 giữa Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam và Công ty Cổ phần Môi trường Kim Thành.

- Công ty định kỳ hằng quý đã lấy quan trắc môi trường theo đúng quy định hiện hành, đồng thời, Công ty cũng đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm nộp về cơ quan cấp thủ tục môi trường theo đúng quy định.

- Trong quá trình hoạt động từ trước đến nay của Nhà máy hiện hữu không xảy ra sự cố, khiếu nại, khiếu kiện.

## ***1.2. Các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền***

- Công ty đã nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025 về cơ quan nhà nước.

## **2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:**

Do dự án nằm trong KCN Biên Hòa II. Căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, nước thải của cơ sở đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II do đó không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải.

Trong suốt quá trình hoạt động của nhà máy Công ty xảy ra tình trạng nước thải vượt giới hạn đầu nối của KCN. Đối với nước thải sản xuất Công ty tuần hoàn tái sử dụng cho hoạt động sản xuất, định kỳ chuyển giao cho đơn vị thu gom theo quy định hiện hành, Công ty không đầu nối nước thải sản xuất về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II.

## **3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý khí thải:**

Dựa theo kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm gần nhất. Cơ sở đã lập bảng tổng hợp quan trắc bụi, khí thải năm 2025 của Cơ sở, cụ thể như sau:

**Bảng 5.1. Thống kê vị trí điểm quan trắc khí thải**

TT	Tên điểm quan trắc	Kí hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Mô tả điểm quan trắc
1	Điểm quan trắc 1	KT1	Đợt 1: + Ngày 10/03/2025 + Ngày 26/03/2025 Đợt 2: + Ngày 23/06/2025 + Ngày 08/07/2025 Đợt 3: + Ngày 28/08/2025 + Ngày 29/08/2025 Đợt 4: + Ngày 10/12/2025	Hệ thống xử lý bụi từ bể mạ kẽm, công suất 25.000 m <sup>3</sup> /giờ
2	Điểm quan trắc 2	KT2		Hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn, công suất 6.000 m <sup>3</sup> /giờ
3	Điểm quan trắc 3	KT3		Hệ thống xử lý hơi hoá chất từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm ống thải 1, công suất 3.330 m <sup>3</sup> /giờ
4	Điểm quan trắc 4	KT4		Hệ thống xử lý hơi hoá chất từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm ống thải 2, công suất 3.330 m <sup>3</sup> /giờ
5	Điểm quan trắc 5	KT5		Hệ thống xử lý hơi hoá chất từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm ống thải 3, công suất 3.330 m <sup>3</sup> /giờ
6	Điểm quan trắc 6	KT6		Hệ thống xử lý hơi hoá chất từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm ống thải 4, công suất 3.330 m <sup>3</sup> /giờ
7	Điểm quan trắc 7	KT7		Hệ thống xử lý hơi hoá chất từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm ống thải 5, công suất 3.330 m <sup>3</sup> /giờ
8	Điểm quan trắc 8	KT8		Hệ thống xử lý hơi hoá chất từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm ống thải 6, công suất 3.330 m <sup>3</sup> /giờ

**Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc khí thải năm 2025**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ký hiệu điểm quan trắc/Ký hiệu mẫu							QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B, Kp= 0,9; Kv=0,6	QCVN 20: 2009/ BTNMT
			Đợt 1		Đợt 2		Đợt 3		Đợt 4		
			10/03/2025	26/03/2025	23/06/2025	08/07/2025	28/08/2025	29/08/2025	10/12/2025		
<b>I</b>	<b>KT1: Hệ thống xử lý bụi từ bể mạ kẽm</b>										
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	16.685	-	14.949	17.434	-	23.352	-	-
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	-	66,9	-	68,1	58,7	-	71,3	<b>108</b>	-
<b>II</b>	<b>KT2: Hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn</b>										
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	4.950	4.792	-	4.781	-	5.685	-	-
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	-	79,1	18	-	81,3	-	16	<b>108</b>	-
3	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	-	0,25	-	-	-	0,33	-	<b>870</b>
4	n – Butyl acetate	mg/Nm <sup>3</sup>	-	-	0,11	-	-	-	0,07	-	<b>950</b>
<b>III</b>	<b>KT3: Hệ thống xử lý hơi hoá chất từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm ống thái 1</b>										
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	3.819	-	3.923	-	-	4.535	6.413	-	-
2	HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	KPH	-	<0,03 <sup>(a)</sup>	-	-	KPH	<0,03 <sup>(a)</sup>	<b>27</b>	-
<b>IV</b>	<b>KT4: Hệ thống xử lý hơi hoá chất từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm ống thái 2</b>										
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	3.850	-	4.026	-	-	4.546	4.537	-	-
2	HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	KPH	-	KPH	-	-	<0,03	KPH	<b>27</b>	-
<b>V</b>	<b>KT5: Hệ thống xử lý hơi hoá chất từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm ống thái 3</b>										
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	3.917	-	4.078	-	-	4.553	6.422	-	-
2	HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	<0,03 <sup>(a)</sup>	-	<0,03 <sup>(a)</sup>	-	-	KPH	KPH	<b>27</b>	-
<b>VI</b>	<b>KT6: Hệ thống xử lý hơi hoá chất từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm ống thái 4</b>										
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	3.942	-	4.102	-	-	4.560	6.436	-	-
2	HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	<0,03 <sup>(a)</sup>	-	KPH	-	-	<0,03	<0,03 <sup>(a)</sup>	<b>27</b>	-
<b>VII</b>	<b>KT7: Hệ thống xử lý hơi hoá chất từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm ống thái 5</b>										
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	3.901	-	4.008	-	-	4.528	4.552	-	-

2	HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	KPH	-	KPH	-	-	<0,03	KPH	27	-
<b>VII</b>	<b>KT8: Hệ thống xử lý hơi hoá chất từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm ống thép 6</b>										
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	3.872	-	3.956	-	-	4.537	6.441	-	-
2	HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	<0,03 <sup>(a)</sup>	-	<0,03 <sup>(a)</sup>	-	-	KPH	<0,03 <sup>(a)</sup>	27	-

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của nhà máy, 2025)

Nhận xét: Qua bảng kết quả phân tích chất lượng khí thải sau HTXL Khí thải so với QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT của Nhà máy cho thấy tất cả các thông số đều đạt quy chuẩn quy định. Chứng tỏ HTXLKT đang hoạt động ổn định.

#### 4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:

Tổng hợp, thống kê khối lượng chất thải rắn sinh hoạt:

TT	CTRSH	Khối lượng năm 2025 (tấn/ngày)	Khối lượng năm 2025 (tấn/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất năm 2024 (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	0,06	18	Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	15,45

Tổng hợp, thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường:

TT	Nhóm CTCRNTT	Khối lượng năm 2025 (Kg/năm)	Khối lượng năm 2025 (Kg/ngày)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCRNTT	Khối lượng năm gần nhất năm 2024 (kg/năm)
1	Phế liệu các loại: phôi bào, phôi tiện, dãi cắt cuộn,...	53,52	16.590	Công ty TNHH Xử lý Môi trường sạch Việt Nam	3.430
<b>Tổng cộng</b>		<b>53,52</b>	<b>16.590</b>		<b>3.430</b>

Tổng hợp, thống kê chất thải nguy hại:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng năm 2025 (kg/ngày)	Khối lượng năm 2025 (kg/năm)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất năm 2024 (kg/năm)
1.	Bùn thải nguy hại	07 03 07	66,14	20.635	TĐ/HR	Công ty TNHH Xử lý Môi trường sạch Việt Nam	1.500
2.	Phôi từ quá trình gia công tạo hình	07 03 11	7,85	2.450	TC		-
3.	Xi có TPNH	05 07 01	26,94	8.405	TĐ/HR		-
4.	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	9,42	2.940	TĐ/HR/TT		-
5.	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	5,30	1.655	TĐ/HR		-
6.	Dầu thải tổng hợp từ quá trình gia công tạo hình	07 03 05	1,31	410	HTXL/TĐ		-
7.	Que hàn thải có kim loại nặng nhiễm TPNH	07 04 01	2,40	750	TC		-
8.	Giẻ lau nhiễm TPNH	18 02 01	5,74	1.790	TĐ/HR		200
9.	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	0,02	5	HTXLBĐ		5
10.	Các vật liệu mài dạng hạt có TPNH	07 03 08	25,13	7.840	TĐ/HR		1.295

	(bi thải)						
11.	Cặn sơn thải	08 01 01	8,17	2.550	TĐ/HR		-
12.	Axit tẩy thải	07 01 01	132,08	41.210	HTXLBĐ	Công ty Cổ phần TM Tài Tiến	19.370
13.	Nước thải có TPNH	19 10 01	327,28	102.110	HTXLCTL, C		
	<b>Tổng cộng</b>		<b>617,79</b>	<b>192.750</b>			<b>22.365</b>

### 5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

Trong hai năm trở lại đây Công ty không có các đoàn thanh kiểm tra liên quan đến công tác bảo vệ môi trường.

Trong quá trình hoạt động, Công ty vận hành công trình xử lý chất thải ổn định, chất lượng khí thải, nước thải sau xử lý luôn đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

**CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

**1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:**

**1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm**

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải là 06 tháng kể từ khi được cấp giấy phép môi trường và hoàn tất việc cải tạo nâng công suất các hệ thống xử lý, được trình bày ở bảng sau:

**Bảng 3.12. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm**

Stt	Hệ thống xử lý khí thải	Thời gian VHTN	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	01 Hệ thống xử lý bụi từ bề mặt mạ kẽm	Sau khi có giấy phép môi trường và hoàn tất việc cải tạo nâng công suất các hệ thống xử lý	06 tháng kể từ khi bắt đầu VHTN
2	02 Hệ thống xử lý khí thải công đoạn xử lý bề mặt		
3	01 Hệ thống xử lý khí thải công đoạn sơn		

**1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải**

**1.2.1. Hình thức lấy mẫu**

Mẫu tổ hợp được lấy theo phương pháp lấy mẫu liên tục để đo đạc, phân tích các thông số theo quy định hoặc mẫu tổ hợp được xác định là giá trị trung bình của 3 kết quả đo đạc của thiết bị đo nhanh tại hiện trường.

**1.2.2. Kế hoạch lấy mẫu**

Vị trí lấy mẫu đối với các công trình xử lý chất thải được trình bày ở bảng bên dưới.

**Bảng 3.13. Vị trí lấy mẫu**

Stt	Hệ thống xử lý khí thải	Ký hiệu	Số vị trí cần lấy mẫu
1	01 Hệ thống xử lý bụi từ bề mặt mạ kẽm	KT1	1
2	02 Hệ thống xử lý khí thải công đoạn xử lý bề mặt	KT2-KT3	2
3	01 Hệ thống xử lý khí thải công đoạn sơn	KT4	1

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải:

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường*

<b>Hạng mục</b>	<b>Vị trí thu mẫu</b>	<b>Thông số giám sát</b>	<b>Thời gian đo đạc</b>	<b>Tần suất lấy mẫu</b>	<b>Tiêu chuẩn so sánh</b>
<b>Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả công trình xử lý</b>					
Khí thải	01 Hệ thống xử lý bụi từ bể mạ kẽm	Lưu lượng, bụi	5 lần	15 ngày/lần	QCVN 19:2024/BTNMT cột B
	02 Hệ thống xử lý khí thải công đoạn xử lý bề mặt	Lưu lượng, HCl			
	01 Hệ thống xử lý khí thải công đoạn sơn	Lưu lượng, Bụi, n-Butyl acetate, Xylen			
<b>Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả công trình xử lý</b>					
Khí thải	01 Hệ thống xử lý bụi từ bể mạ kẽm	Lưu lượng, bụi	7 lần	1 ngày/lần 7 ngày liên tục	QCVN 19:2024/BTNMT cột B
	02 Hệ thống xử lý khí thải công đoạn xử lý bề mặt	Lưu lượng, HCl			
	01 Hệ thống xử lý khí thải công đoạn sơn	Lưu lượng, Bụi, n-Butyl acetate, Xylen			

**2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật**

**2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:**

**❖ Quan trắc chất lượng môi trường nước:**

Căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, nước thải của cơ sở đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II do đó không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải.

**❖ Quan trắc khí thải:**

<b>TT</b>	<b>Chất ô nhiễm</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Giá trị giới hạn cho phép</b>	<b>Tần suất quan trắc định kỳ</b>
<b>Dòng khí thải số 01</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	03 tháng/lần
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	30	

<b>Dòng khí thải số 02</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	03 tháng/lần
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	40	
3	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	80	06 tháng/lần
4	n-Butyl acetate	mg/Nm <sup>3</sup>	80	
<b>Dòng khí thải số 03 và 04</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	03 tháng/lần
2	HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	5	

## 2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

### ❖ Quan trắc môi trường lao động

Thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động và các quy định liên quan.

### ❖ Quan trắc chất thải rắn

- Kiểm tra giám sát việc thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý chất thải rắn của cơ sở.

- Thông số quan trắc: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Vị trí quan trắc: 01 điểm tại khu vực lưu giữ chất thải rắn của nhà máy.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên và liên tục từ khi phát sinh.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 07:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

- Văn bản pháp luật thực hiện: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TTBNNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026.

## 3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 6.5. Bảng kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm**

<b>STT</b>	<b>Chương trình quản lý và giám sát</b>	<b>Số lượng mẫu</b>	<b>Tần suất</b>	<b>Kinh phí (đồng/năm)</b>
1	Chi phí quan trắc	4	04 lần/năm	200.000.000
2	Chi phí lập báo cáo	-	1 lần/năm	35.000.000
3	Chi phí cho xử lý chất thải	Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại.	Thường xuyên, liên tục	200.000.000
<b>Tổng cộng</b>		-	-	<b>435.000.000</b>

**CHƯƠNG VII: NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH (NẾU CÓ)**

Không thuộc đối tượng.

## **CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

- Chủ cơ sở cam kết tuân thủ đúng các Luật Bảo vệ Môi trường và các quy định của Nhà Nước Việt Nam liên quan đến vấn đề an toàn vệ sinh môi trường;

- Chủ cơ sở sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình hoạt động để kịp thời kiểm soát mức độ ô nhiễm nhằm đạt Quy chuẩn môi trường theo quy định và phòng chống sự cố môi trường;

- Chủ cơ sở cam kết vận hành thường xuyên các hệ thống xử lý chất thải, đảm bảo chất lượng nước thải đạt giới hạn tiếp nhận của KCN, chất lượng khí thải đạt theo quy chuẩn môi trường hiện hành;

- Chủ cơ sở Cam kết ký hợp đồng thu gom, xử lý chất thải thông thường và chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng theo quy định.

- Chủ cơ sở cam kết phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và đền bù thiệt hại khi xảy ra sự cố môi trường.

- Chủ cơ sở Cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường từ thu gom, xử lý nước thải, tiếng ồn, độ rung, quản lý các loại chất thải theo đúng quy định.

- Cam kết tỷ lệ cây xanh đạt 20% theo đúng quy định.

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của nhà máy đảm bảo đạt tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm XLNT tập trung của KCN Biên Hòa II.

- Công ty cam kết xử lý khí thải đạt QCVN 19:2024/BTNMT cột B theo quy định hiện hành trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện các biện pháp khống chế tiếng ồn, độ rung sinh ra trong suốt quá trình hoạt động của cơ sở.

- Chủ cơ sở sẽ tăng cường công tác đào tạo cán bộ về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường trong nhà máy, bảo đảm không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường;

- Chủ cơ sở cam kết trong quá trình sản xuất, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị và các công trình bảo vệ môi trường, tăng cường hiệu quả xử lý nước thải; thực hiện đầy đủ các giải pháp về an toàn lao động, an toàn lò hơi và PCCC.

- Chủ cơ sở cam kết tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến việc sử dụng hoá chất, kho chứa và pha chế hoá chất, phải có các phương án phòng cháy chữa cháy, phòng chống ngộ độc đối với việc sử dụng hoá chất.

- Chủ cơ sở đảm bảo các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải, bụi kim loại và cam kết không phát thải bụi, khí thải, hơi hoá chất vào môi trường trong hoạt động sản xuất.

- Chủ cơ sở cam kết đảm bảo an toàn công tác phòng cháy chữa cháy cho các hạng mục công trình sản xuất, các công trình bảo vệ môi trường, các kho chứa khí nén, nguyên liệu và chất thải theo đúng các quy định hiện hành.

- Chủ dự án cam kết trong trường hợp xảy ra sự cố đối với các công trình bảo vệ môi trường, chủ đầu tư phải có phương án ứng phó.

- Chủ dự án cam kết đảm bảo quy định, đảm bảo sự phù hợp của các công trình xây dựng phải đảm bảo quy hoạch và tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật.

- Cam kết thu gom xử lý triệt để các nguồn thải phát sinh trước khi thải ra môi trường theo quy định.

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan;

Chịu trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các quy chuẩn Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Mã số doanh nghiệp: 3600358427**

*Đăng ký lần đầu: ngày 25 tháng 06 năm 1996*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 13 tháng 05 năm 2026*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CHIEN YOU VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CHIEN YOU VN JSC

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số 12, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Trảng Biên, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam*

Điện thoại: 0251.3832911; 02513833017-18-19

Số Fax: 0251.3832912

Thư điện tử: [vp@chienvn.com](mailto:vp@chienvn.com)

Website: [www.chienvn.com](http://www.chienvn.com)

**3. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 10.000.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ, chữ đệm và tên: ĐÀO THÀNH BẮC

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 13/05/1965

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 019065003453

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ liên lạc: 201, khu phố 5, Phường Trảng Biên, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam

\* Họ, chữ đệm và tên: HÀ NGỌC DŨNG

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *12/08/1973*

*Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *044073006238*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Địa chỉ liên lạc: *97, khu phố 10, Phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam*

**TRƯỞNG PHÒNG**

BAN QUẢN LÝ  
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,  
KHU KINH TẾ  
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Mã số dự án: 2152552120

Chứng nhận lần đầu: ngày 25 tháng 6 năm 1996

Chứng nhận thay đổi lần thứ mười: ngày 05 tháng 5 năm 2025

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ mười một: ngày 04 tháng 5 năm 2026

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 486/QĐ-BTC ngày 16 tháng 03 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố các Thông tư hướng dẫn thực hiện các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư tiếp tục được áp dụng một phần hoặc toàn bộ;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2152552120 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ mười ngày 05 tháng 5 năm 2025;

(1/4/2152552120)

*Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU VIỆT NAM nộp ngày 21 tháng 4 năm 2026,*

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ  
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

Chứng nhận:

Dự án đầu tư CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU VIỆT NAM; mã số dự án 2152552120 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ mười ngày 05 tháng 5 năm 2025;

Được đăng ký:

- Điều chỉnh thông tin Nhà đầu tư và căn cước người đại diện;
- Điều chỉnh mục tiêu và quy mô dự án;
- Cập nhật địa điểm thực hiện dự án.

**Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:**

**Nhà đầu tư đồng thời là tổ chức kinh tế thực hiện dự án:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU VIỆT NAM;** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600358427 đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 6 năm 1996, thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 9 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính thành phố Đồng Nai cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 12, đường 3A, KCN Biên Hòa II, phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai, Việt Nam.

Người đại diện:

- Ông ĐÀO THÀNH BẮC; sinh ngày 13 tháng 5 năm 1965; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số: 019065003453 do Bộ công an cấp ngày 22 tháng 04 năm 2025; địa chỉ thường trú: 201, khu phố 5, phường Trán Biên, thành phố Đồng Nai; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; điện thoại: 0986175758; email: bac.dao@chienyouvn.com.

- Ông HÀ NGỌC DŨNG; sinh ngày 12 tháng 8 năm 1973; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số: 044073006238 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22 tháng 8 năm 2022; địa chỉ thường trú: 97, khu phố 1, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai; chức vụ: Tổng Giám đốc; điện thoại: 0942 977 988; email: dung.ha@chienyouvn.com.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

**Điều 1: Nội dung dự án đầu tư**

1. Tên dự án đầu tư: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU VIỆT NAM.**
2. Mục tiêu và quy mô dự án:

(2/4/2152552120)

STT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô	Mã ngành theo VSIC	Mã CPC
01	Sản xuất, gia công sơ mi rô moóc, bồn chứa khí hóa lỏng, hóa chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác.	25.000 tấn sản phẩm/năm (trong đó, 15.000 tấn sản phẩm có công đoạn xi mạ)	2512 2920 2511	
02	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	60.000 tấn sản phẩm/năm	2592	
03	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị		3312	633
04	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác		9531	

3. Địa điểm thực hiện dự án: Số 12, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, phường Trảng Biên, thành phố Đồng Nai, Việt Nam.

4. Diện tích đất sử dụng: 28.648,5 m<sup>2</sup>.

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 215.343.967.000 (hai trăm mười lăm tỷ, ba trăm bốn mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng, tương đương 12.432.344 (mười hai triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi bốn) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 100.000.000.000 (một trăm tỷ) đồng, tương đương 5.245.804 (năm triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm lẻ bốn) đô la Mỹ; chiếm tỷ lệ 46,44% tổng vốn đầu tư, do CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU VIỆT NAM góp; tiến độ góp vốn: Đã góp đủ.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 40 (bốn mươi) năm kể từ ngày 25 tháng 6 năm 1996.

7. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Đi vào hoạt động từ tháng 10 năm 1998.

### **Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:**

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo quy định về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: Theo quy định tại thời điểm nộp thuế.

### **Điều 3: Các quy định đối với Nhà đầu tư, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:**

1. Thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và báo cáo định kỳ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

(3/4/2152552120)

2. Triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ đã cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đầu tư, đất đai, quy hoạch, môi trường, xây dựng, lao động và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai dự án đầu tư.

3. Đối với việc tăng quy mô, doanh nghiệp phải hoàn tất thủ tục môi trường trước khi triển khai.

**Điều 4:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2152552120 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận điều chỉnh lần thứ mười ngày 05 tháng 5 năm 2025.

**Điều 5:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU VIỆT NAM được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế thành phố Đồng Nai và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Lưu VT, ĐT.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Minh Chiến**

(4/4/2152552120)



**TỔNG CÔNG TY SONADEZI  
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 1, Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam  
Website: www.szb.com.vn  
Điện thoại: +84 251 383 4700  
Fax: +84 251 383 5164  
E-mail: info@szb.com.vn

Số: 02/BB-SZB-KT

Đồng Nai, ngày 17 tháng 12 năm 2021

**BIÊN BẢN**

**Về việc xác nhận vị trí đầu nối nước mưa, nước thải.**

*Căn cứ biên bản thỏa thuận về việc sử dụng hạ tầng kỹ thuật và xây dựng công trình trong Khu công nghiệp số 01/BB-SZB-KT ngày 17/12/2021.*

- Đơn vị: Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam.
- Địa chỉ: Số 12, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**I. Đại diện Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình.**

Ông: Nguyễn Bá Chuyên

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

**II. Đại diện Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam.**

Ông/Bà: Chen Shui Ming

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Hai bên cùng thống nhất xác nhận vị trí đầu nối nước mưa, nước thải của nhà máy vào hệ thống thu gom KCN Biên Hòa 2 theo thực tế như sau:

**1. Thoát nước mưa:**

Hệ thống thoát nước mưa nội bộ của nhà máy được đầu nối vào hệ thống chung của KCN Biên Hòa 2 tại 02 vị trí (theo đúng sơ đồ vị trí đầu nối đính kèm), cụ thể:

- + Hồ ga số 74 – đường 3A.
- + Hồ ga số 78 – đường 3A.

**2. Thoát nước thải:**

Hệ thống thoát nước thải của nhà máy được đầu nối vào hệ thống chung của KCN Biên Hòa 2 tại 01 vị trí (theo đúng sơ đồ vị trí đầu nối đính kèm), cụ thể:

- + Hồ ga số 45 – đường 3A.

Công ty TNHH Cổ phần Chien You Việt Nam cam kết sẽ thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom nước thải nội bộ, đảm bảo hệ thống nước thải là hệ thống kín và được tách riêng với hệ thống thu gom nước mưa.

Các bên cùng thống nhất nội dung trên. Biên bản này thay thế biên bản số 01/BB/SZB-KT ngày 06/9/2010. Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

**ĐẠI DIỆN  
CTY CP SONADEZI LONG BÌNH**



Nguyễn Bá Chuyên

**ĐẠI DIỆN  
CTY CP CHIEN YOU VIỆT NAM**

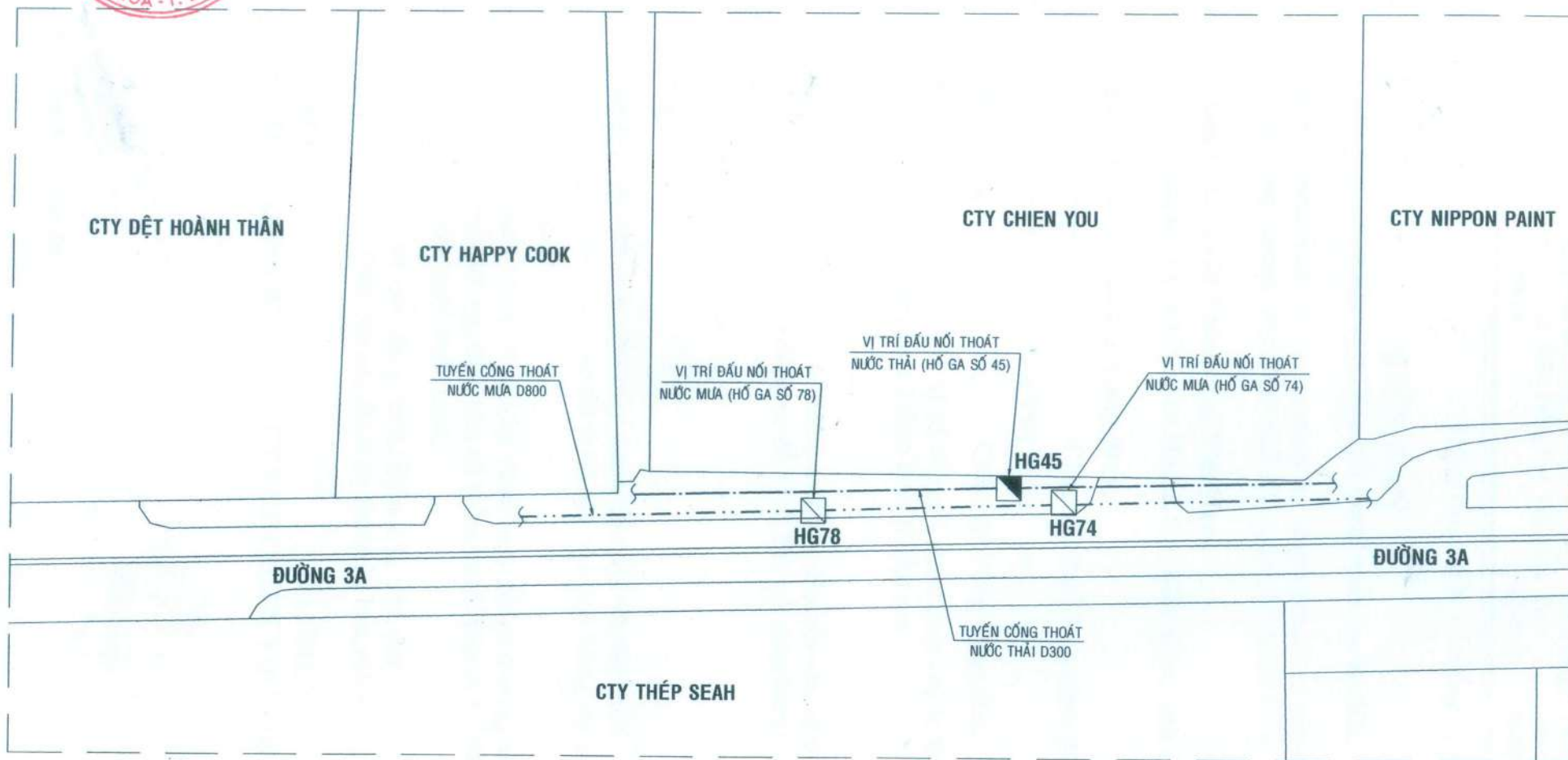


**TỔNG GIÁM ĐỐC  
Chen Shui Ming**



# SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẦU NỐI NƯỚC MƯA, NƯỚC THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU VIỆT NAM  
(ĐÍNH KÈM BIÊN BẢN SỐ: 02/BB-SZB-KT, NGÀY 17/12/2021)



Số: 01./BB-SZB-KT

Đồng Nai, ngày 17 tháng 12 năm 2021

**BIÊN BẢN THỎA THUẬN VỀ VIỆC  
SỬ DỤNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH  
TRONG KHU CÔNG NGHIỆP**

**Công trình:** Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam.

**Địa điểm:** Khu công nghiệp Biên Hòa 2 – Tp. Biên Hòa – tỉnh Đồng Nai.

*Căn cứ hợp đồng thuê đất số 46/HĐTĐ/BH2 ngày 30/9/2010 giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình và Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam;*

*Căn cứ biên bản về việc xác nhận vị trí đầu nối nước mưa, nước thải số 01/BB/SZB-KT ngày 06/9/2021 và công văn số 12/2021/CY ngày 13/12/2021 về việc trích lục – sao lục tài liệu.*

**A. ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG BÌNH.**

Ông: Nguyễn Bá Chuyên

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

**B. ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU VIỆT NAM.**

Ông/Bà: Chen Shui Ming

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Sau khi xem xét, Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình trích lục hồ sơ sử dụng hạ tầng kỹ thuật của khu công nghiệp và các quy định về xây dựng công trình trong khu công nghiệp Biên Hòa 2 với các nội dung như sau:

**I. ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC MƯA, THOÁT NƯỚC THẢI:**

1.1. Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải bên trong công trình phải được tách riêng triệt để trước khi đầu nối vào hệ thống chung của khu công nghiệp. Bên B phải thường xuyên kiểm tra đảm bảo không để xảy ra tình trạng nước mưa chảy vào hệ thống thu gom nước thải và ngược lại.

**1.2. Thoát nước mưa:**

- Đầu nối hệ thống thoát nước mưa của công trình vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu công nghiệp trên đường 3A (theo bản vẽ sơ đồ vị trí đầu nối hạ tầng kỹ thuật đính kèm biên bản này).

- Các thông số kỹ thuật của công thoát nước mưa của KCN tại vị trí đầu nối:

+ Số lượng vị trí đầu nối: 02.

+ Kích thước công của KCN: Ø800.

- Để kiểm soát nước mưa từ nhà máy ra KCN, Bên B phải bố trí 01 hố ga phía trong tường rào nhà máy có nắp đan hở để quan sát, kiểm tra hoặc lấy mẫu nước mưa và phải có lưới chắn rác trong hố ga trước khi đưa vào hệ thống chung của KCN;

- Cao độ đáy cống đầu nối từ nhà máy ra KCN phải cao hơn cao độ đáy cống thoát nước mưa của KCN.

### 1.3. Thoát nước thải:

- Để đảm bảo công tác kiểm soát nước thải của công trình trước khi đầu nối vào hệ thống chung của KCN, Bên B được phép thực hiện một điểm đầu nối duy nhất tại hố ga nước thải trên đường 3A (theo bản vẽ sơ đồ vị trí đầu nối hạ tầng kỹ thuật đính kèm biên bản này).

- Các thông số kỹ thuật của công thu gom nước thải của KCN tại vị trí đầu nối:

+ Kích thước công của KCN: Ø300.

- Để kiểm soát nước thải từ nhà máy ra KCN, Bên B phải bố trí 01 hố ga phía trong tường rào nhà máy để quan sát, kiểm tra hoặc lấy mẫu nước thải và phải có lưới chắn rác trong hố ga trước khi đưa vào hệ thống chung của KCN.

- Cao độ đáy cống đầu nối từ nhà máy ra phải cao hơn cao độ đáy cống thoát nước thải của KCN.

1.4. Kinh phí nối vào hệ thống thoát nước của khu công nghiệp do bên B chịu. Bên B liên hệ với bên A để có thông tin về các đường dây, đường ống kỹ thuật ngầm để có biện pháp thi công an toàn và phối hợp trong công tác bàn giao mặt bằng, xác nhận hoàn thành đầu nối.

## II. ĐẦU NỐI CẤP ĐIỆN, CẤP NƯỚC SẠCH VÀ VIỄN THÔNG:

### 2.1. Đầu nối cấp điện:

- Bên B liên hệ trực tiếp với Công ty Điện lực Đồng Nai được hướng dẫn thủ tục đầu nối và sử dụng điện.

### 2.2. Đầu nối cấp nước sạch:

- Bên B liên hệ trực tiếp với Bên A (Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2 – ĐT: 02513 834 700) về nhu cầu sử dụng, thời gian bắt đầu sử dụng, vị trí đầu nối với hệ thống cấp nước bên trong công trình và tiến hành ký hợp đồng sử dụng nước. Chi phí đầu nối vào đường ống chung và đồng hồ nước do Bên A chịu.

- Bên B phải xây dựng bể chứa dự trữ nước đảm bảo dung tích theo Tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy và đảm bảo phục vụ sinh hoạt theo quy định được Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh Đồng Nai phê duyệt.

### 2.3. Đấu nối viễn thông:

Bên B liên hệ trực tiếp với các đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông để được hướng dẫn thủ tục đấu nối và sử dụng các dịch vụ viễn thông.

2.4. Khi thực hiện đấu nối, đối với các công tác thi công lắp đặt ngoài phạm vi khu đất, bên B đề nghị các đơn vị cung cấp làm việc trực tiếp với bên A để thỏa hiệp mặt bằng và biện pháp thi công đảm bảo an toàn cho hạ tầng kỹ thuật của khu công nghiệp.

## III. ĐẤU NỐI GIAO THÔNG VÀ SAN NỀN:

### 3.1. Đấu nối giao thông:

- Vị trí mở cổng của nhà máy phải đảm bảo an toàn giao thông, vị trí có tầm nhìn thông thoáng từ các phía, đảm bảo mỹ quan chung KCN. Trước khi thi công xây dựng nhà máy, Bên B phải tiến hành gia cố hệ thống hạ tầng bên dưới vỉa hè KCN tại vị trí mở cổng theo bản vẽ gia cố được Bên A thỏa thuận. Để tránh làm hư hỏng hạ tầng bên dưới hành lang kỹ thuật của KCN, công tác đào đất thi công phải được các bên thống nhất trước khi thực hiện.

### 3.2. Công tác san nền và nền hoàn thiện công trình:

- Cao độ hoàn thiện của mặt bằng nhà máy phải được tính toán sao cho phù hợp với cao độ hoàn thiện của đường giao thông giáp ranh khu đất. Đất dư trong quá trình thi công san nền không được vận chuyển ra ngoài KCN mà phải được tập kết đến đúng vị trí do Bên A chỉ định.

- Bản vẽ thiết kế san nền phải thể hiện cao độ san nền khu đất và cao độ các công trình hạ tầng có liên quan như: vỉa hè, mặt đường Khu công nghiệp,... theo cùng một mốc cao độ.

## IV. CÁC QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

### 4.1. Cổng, tường rào:

- Xây dựng đúng theo ranh giới trong bản đồ cắm mốc giao đất.

- Các cạnh tường rào công trình hướng ra đường giao thông của khu công nghiệp phải thiết kế thông thoáng và mỹ quan.

### 4.2. Các chỉ tiêu xây dựng:

- Tỷ lệ đất trồng cây xanh chiếm ít nhất 20% diện tích khu đất theo Bảng 2.8 của Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam 01:2008/BXD.

- Mật độ xây dựng áp dụng theo Bảng 2.4 của Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam 01:2008/BXD.

- Các hạng mục công trình có mái che phải cách tường rào ít nhất 5m (trừ nhà bảo vệ và nhà để xe).

### 4.3. Tổ chức thi công xây dựng:

- Tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng, công trình phải được thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy và cấp phép xây dựng theo quy định.



- Tất cả các công tác xây dựng nằm ngoài phạm vi khu đất phải được sự chấp thuận của bên A trước khi thực hiện. Các lán trại phục vụ thi công nếu nằm ngoài phạm vi khu đất phải được sự chấp thuận của bên A trước khi xây cất tạm.

- Trong quá trình thi công xây dựng không được làm thay đổi địa thế đất tự nhiên, không làm ảnh hưởng đến an toàn của các công trình lân cận và có biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường xung quanh.

- Trước khi thi công xây dựng công trình, bên B gửi cho bên A hồ sơ thiết kế công trình, bao gồm các bản vẽ sau:

- + Mặt bằng tổng thể công trình.
- + Tường rào, nhà bảo vệ.
- + Mặt bằng san nền toàn khu
- + Hệ thống thoát nước mưa toàn khu
- + Hệ thống thoát nước thải toàn khu.
- + Mặt bằng cấp điện toàn khu.
- + Mặt bằng cấp nước toàn khu.

#### V. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên thống nhất thực hiện đúng các nội dung trên. Trong quá trình thực hiện nếu gặp vướng mắc hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết.

- Biên bản này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Bá Chuyên**



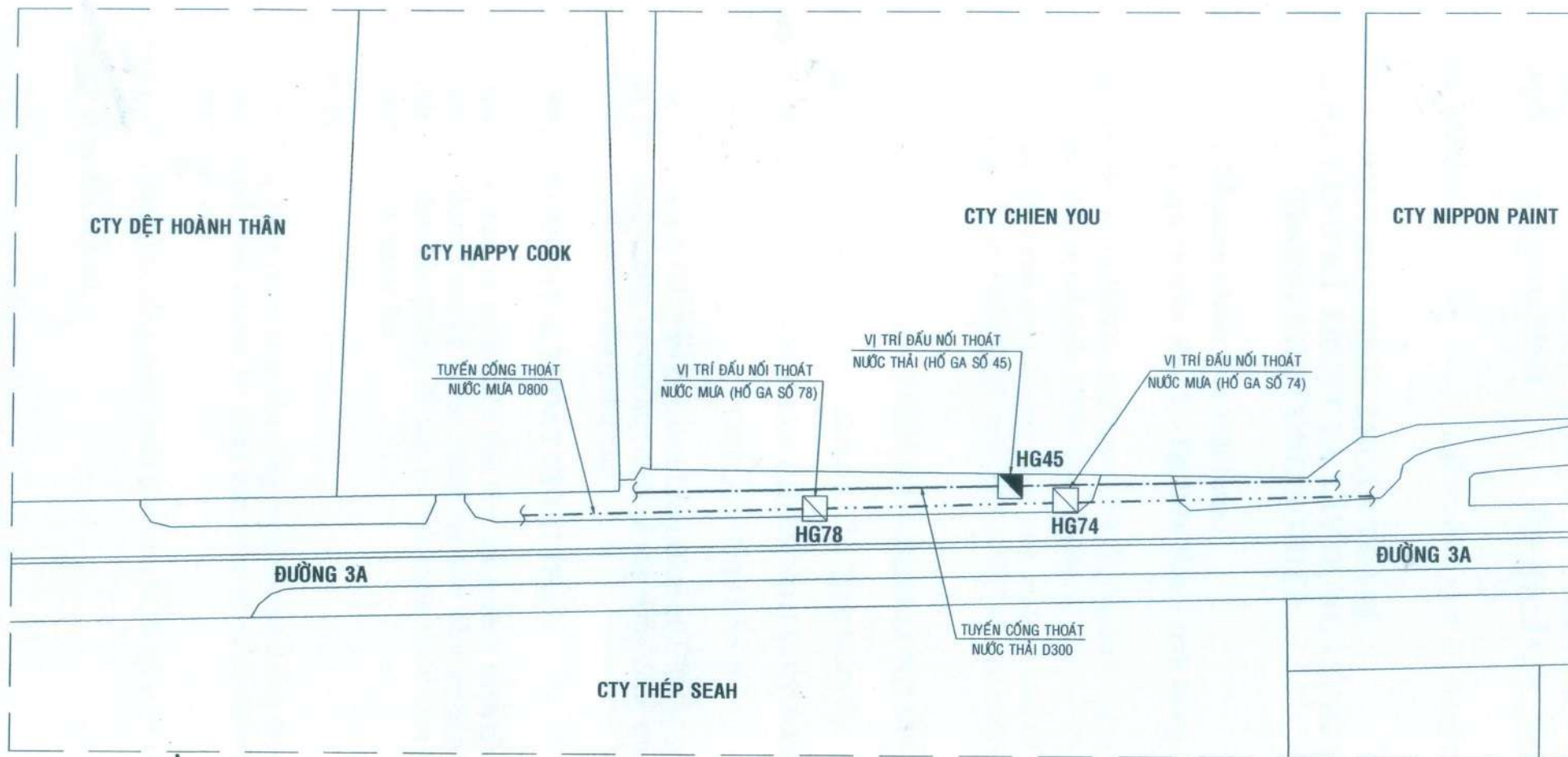
**TỔNG GIÁM ĐỐC  
Chen Thui Ming**



# SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẦU NỐI NƯỚC MƯA, NƯỚC THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU VIỆT NAM

(ĐÍNH KÈM BIÊN BẢN SỐ: 01/BB-SZB-KT, NGÀY 17/12/2021)



Số: 65 /GPMT-KCNĐN

Đồng Nai, ngày 17 tháng 5 năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### **BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ văn bản số 1342/KCNĐN-MT ngày 14/04/2023 của Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường;*

*Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam tại Văn bản số 01-23/BBVĐ đề ngày 03/02/2023 về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất sơ-mi-rơ-moóc; bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm (có bao gồm công đoạn xi mạ với công suất 40.000 tấn sản phẩm/năm)” tại KCN Biên Hòa II, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất sơ-mi-rơ-moóc; bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm (có bao gồm công đoạn xi mạ với công suất 40.000 tấn sản phẩm/năm)” tại KCN Biên Hòa II, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

## **1. Thông tin chung của dự án:**

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy sản xuất sơ-mi-rơ-moóc; bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm (có bao gồm công đoạn xi mạ với công suất 40.000 tấn sản phẩm/năm)”.

1.2. Địa điểm hoạt động: KCN Biên Hòa II, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Mã số doanh nghiệp: 3600358427 đăng ký lần đầu ngày 25/6/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20/7/2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án: 2152552120 chứng nhận lần đầu ngày 25/6/1996, chứng nhận thay đổi lần thứ 6 ngày 03/8/2022 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3600358427.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất sơ-mi-rơ-moóc; bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích khu đất của dự án 28.648,5 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: sản xuất sơ-mi-rơ-moóc; bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác công suất :60.000 tấn sản phẩm/năm (có bao gồm công đoạn xi mạ với công suất: 40.000 tấn sản phẩm/năm).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam:

1. Công ty có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 07 năm (từ ngày 17 tháng 5 năm 2023 đến ngày 17 tháng 5 năm 2030).

**Điều 4.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 593/QĐ-KCNĐN ngày 31/12/2021 của Ban Quản lý các KCN cấp cho dự án “Nhà máy sản xuất sơ-mi-rơ-moóc; bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm (có bao gồm công đoạn xi mạ với công suất 40.000 tấn sản phẩm/năm)” tại KCN Biên Hòa II, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực.

**Điều 5.** Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Biên Hòa;
- Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình;
- Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam (thực hiện);
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (AD).

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Dương Thị Xuân Nương**

## PHỤ LỤC 1

### **YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI** (Kèm theo Giấy phép môi trường số 65 /GPMT-KCNĐN ngày 17/5 / 2023 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

##### **1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt, lưu lượng lớn nhất 16,9 m<sup>3</sup>/ngày.
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ dây chuyền mạ kẽm, lưu lượng lớn nhất 14 m<sup>3</sup>/ngày.
- Nguồn số 03: Nước thải từ 02 hệ thống xử lý khí thải, lưu lượng lớn nhất 2,5 m<sup>3</sup>/ngày.

##### **2. Dòng nước thải đầu nối vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí đầu nối nước thải với KCN:**

###### **2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân của công nhân viên, lao động sau xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II qua 01 điểm đầu nối trên đường 3A.
- Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế 20 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý sau đó tuần hoàn lại cho dây chuyền rửa trước mạ, định kỳ 02 tuần/lần chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý. Công ty không đầu nối nước thải sản xuất về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II.

###### **2.2. Vị trí đầu nối nước thải:**

- Vị trí: 01 hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Biên Hòa II để xử lý đạt quy chuẩn quy định.
- Tọa độ vị trí: X= 1.206.752; Y= 402.314 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>45', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

###### **2.3. Lưu lượng đầu nối nước thải lớn nhất: 16,9 m<sup>3</sup>/ngày.**

###### **2.3.1. Phương thức đầu nối thải: Tự chảy.**

###### **2.3.2. Chế độ xả, đầu nối nước thải: Liên tục 24 giờ khi phát sinh.**

**2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: phải đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Biên Hòa II theo hợp đồng, thỏa thuận giữa Chủ đầu tư dự án và đơn vị kinh doanh hạ tầng KCN (Hợp đồng xử lý nước thải số 46/HĐNT ngày 12/2/2001).**

#### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

##### **1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh cá nhân của công nhân viên, lao động được dẫn về bể tự hoại 3 ngăn bằng các ống nhựa PVC đường kính 114mm, nước thải sau bể tự hoại 3 ngăn được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II.

- Nước thải sản xuất phát sinh lớn nhất dự kiến 16,5 m<sup>3</sup>/ngày, bao gồm nước thải từ quá trình rửa trước mạ và nước thải từ các hệ thống xử lý khí thải, để đảm bảo thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sản xuất, giảm thiểu chi phí xử lý chất thải Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất thiết kế 20 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý, sau đó tuần hoàn lại các bể rửa nước của công đoạn mạ, định kỳ dự kiến 02 tuần/lần sẽ được chuyển giao dưới dạng chất thải nguy hại, Công ty cam kết không đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất:

Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế 20 m<sup>3</sup>/ngày.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: *Nước thải sản xuất* → *Bể thu gom* → *Bể điều hòa* → *Bể trung hòa pH* → *Bể keo tụ* → *Bể tạo bông* → *Bể lắng* → *Bể Trung gian* → *Bồn lọc áp lực* → *Tuần hoàn cho công đoạn rửa trước mạ (định kỳ 02 tuần/lần chuyển giao cho đơn vị xử lý chất thải theo đúng quy định hiện hành).*

- Công suất thiết kế: 20 m<sup>3</sup>/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng chính (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm): NaOCl, PAC, Polyme.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tại bể điều hòa (đối với nước thải sinh hoạt có thể tích 4,4 m<sup>3</sup>, đối với nước thải sản xuất có thể tích 35,34 m<sup>3</sup>) trong thời gian khắc phục sự cố. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, thông báo tạm ngưng tiếp nhận nước thải phát sinh tại dự án để khắc phục sự cố.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến bắt đầu từ tháng 05/2023 (thời gian vận hành thử nghiệm không quá 06 tháng).

2.2. Công trình, xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế 20 m<sup>3</sup>/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) trước khi tái sử dụng (cụ thể đối với các thông số: pH, BOD, COD, Fe, Zn, Cu, Cr<sup>3+</sup>, Cr<sup>6+</sup>, Tổng dầu mỡ khoáng).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường:

b) Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tần suất và thông số quan trắc được quy định như sau: Tần suất quan trắc nước thải tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

c) Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh quy định tại điểm b khoản này; trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp. Tần suất và thông số quan trắc được quy định như sau: Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của KCN Biên Hòa II theo thỏa thuận giữa Chủ đầu tư dự án và đơn vị kinh doanh hạ tầng KCN Biên Hòa II, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Cam kết không đầu nối nước thải sản xuất về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của dự án.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

**PHỤ LỤC 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 65 /GPMT-KCNĐN ngày 17/5 /2023*  
*của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ bề mặt mạ kẽm.
- Nguồn số 02: Bụi, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm.
- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ công đoạn làm sạch bề mặt bằng phun bi.
- Nguồn số 05: Khí thải máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 06: Khí thải lò nhiệt sử dụng khí CNG cho bề mặt mạ kẽm.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

2.1. Vị trí xả khí thải (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107<sup>0</sup>45, múi chiều 3<sup>0</sup>):

- Dòng khí thải số 01 (nguồn số 01): Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi từ bề mặt mạ kẽm. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.206.763; Y = 402.319.

- Dòng khí thải số 02 (nguồn số 02): Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.206.752; Y = 402.347.

- Dòng khí thải số 03 (nguồn số 03): Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm ống thải 1. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.206.780; Y = 402.303.

- Dòng khí thải số 04 (nguồn số 03): Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm ống thải 2. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.206.782; Y = 402.303.

- Dòng khí thải số 05 (nguồn số 03): Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm ống thải 3. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.206.783; Y = 402.304.

- Dòng khí thải số 06 (nguồn số 03): Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm ống thải 4. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.206.785; Y = 402.307.

- Dòng khí thải số 07 (nguồn số 03): Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm ống thải 5. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.206.778; Y = 402.305.

- Dòng khí thải số 08 (nguồn số 03): Tương ứng với 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý hơi hóa chất từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm ống thải 6. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.206.779; Y = 402.308.

- Dòng khí thải số 09 (nguồn số 05): Tương ứng với 01 ống thoát khí thải máy phát điện dự phòng. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1.206.779; Y = 402.311.

Vị trí xả khí thải của hệ thống xử lý khí thải tại KCN Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

## 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Tổng lưu lượng khí thải lớn nhất của dự án dự kiến 54.000 m<sup>3</sup>/giờ, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 25.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 6.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 3.330 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 3.330 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 3.330 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 06: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 3.330 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 07: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 3.330 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 08: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 3.330 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 09: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 3.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả thải liên tục 24/24 giờ khi phát sinh.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ cột B, với các hệ số K<sub>p</sub> = 0,9 và K<sub>v</sub> = 0,6 và QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
<b>I Nguồn số 01</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	03 tháng/lần
2	Bụi kim loại	mg/Nm <sup>3</sup>	144	
<b>II Nguồn số 02</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	03 tháng/lần
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	144	
3	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	870	06 tháng/lần
4	n-Butyl Acetate	mg/Nm <sup>3</sup>	950	
<b>III Nguồn số 03</b>				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	03 tháng/lần
2	HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	27	

### **Ghi chú:**

(1) Giá trị giới hạn cho phép theo: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với K<sub>v</sub> = 0,6 và K<sub>p</sub> = 0,9) và QCVN 20:2009/BTNMT.

(2) Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam có trách nhiệm thường xuyên kiểm

tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với  $K_v = 0,6$  và  $K_p$  theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải) và QCVN 20:2009/BTNMT.

## **B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

#### **1.1 Mạng lưới thu gom khí thải**

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ bề mặt kẽm được quạt đẩy và quạt hút thu gom về nhà chứa khí, tại đây bụi theo đường ống Ø600mm bằng thép về hệ thống xử lý khí thải để xử lý sau đó thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí thải kích thước Ø1.000mm, cao dự kiến 9m tính từ mặt đất.

- Nguồn số 02: Bụi, hơi dung môi phát sinh từ quá trình sơn được thu gom bằng hệ thống đường ống kích thước Ø300mm bằng thép về hệ thống xử lý khí thải để xử lý sau đó thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí thải kích thước Ø600mm.

- Nguồn số 03: Khí phát sinh từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm được 06 quạt đẩy đẩy về 01 hệ thống xử lý khí thải, công nghệ hấp thụ bằng dịch dịch NaOH, khí thải sau khi xử lý theo quạt hút thoát ra môi trường qua 06 ống thải đường kính Ø1.000 mm.

- Nguồn số 04: Công đoạn phun bi được bố trí trong phòng kín, bụi được thu gom qua 02 hệ thống thu hồi bụi bi (công nghệ: cyclon tách bi và lọc bụi túi vải), không có ống thải.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:**

##### **1.2.1. Hệ thống xử lý bụi, khí thải của nguồn số 01: 01 hệ thống.**

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Bụi* → *nhà chứa bụi* → *Cyclone đơn* → *Túi vải* → *Ống thoát khí thải* → *Đạt Quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 25.000 m<sup>3</sup>/giờ (tương ứng dòng số 01).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi vải.

##### **1.2.2. Hệ thống xử lý bụi, khí thải nguồn số 02: 01 hệ thống**

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Khí thải* → *Quạt hút* → *Màng nước* → *Ống thoát khí thải* → *Đạt Quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 6.000 m<sup>3</sup>/giờ (tương ứng dòng số 02).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước.

##### **1.2.3. Hệ thống xử lý khí thải nguồn số 03: 01 hệ thống**

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Khí thải* → *Màng nước* → *Ống thoát khí thải* → *Đạt Quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 20.000 m<sup>3</sup>/giờ (tương ứng dòng số 03), 06 ống thải.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH.

##### **1.2.4. Hệ thống thu hồi bụi bi: 02 hệ thống.**

- Tóm tắt quy trình thu gom: *Bụi* → *Cyclon tách bi* → *Lọc túi vải* → *Phát tán không qua ống thải*. Túi vải được định kỳ rửa thu gom bụi, sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

- Công suất thiết kế: 15.000 m<sup>3</sup>/giờ/hệ thống (tương ứng dòng số 04), không có ống thải.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi vải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ tiến hành kiểm tra các thiết bị thu gom chất thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến bắt đầu từ tháng 05/2023 (thời gian vận hành thử nghiệm không quá 06 tháng).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi từ bề mặt mạ kẽm, công suất thiết kế 25.000 m<sup>3</sup>/giờ (nguồn số 01).

- Hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn, công suất thiết kế 6.000 m<sup>3</sup>/giờ (nguồn số 02).

- Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm, công suất thiết kế 20.000 m<sup>3</sup>/giờ (nguồn số 03).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 Ống thải sau hệ thống xử lý xử lý bụi từ bề mặt mạ kẽm, công suất thiết kế 25.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- 01 Ống thải sau hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn, công suất thiết kế 6.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- 06 Ống thải sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm, công suất thiết kế 20.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

+ Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của từng công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tần suất và thông số quan trắc được quy định như sau: tần suất quan trắc bụi, khí thải tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào (nếu có) và mẫu tổ hợp đầu ra).

+ Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định các công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh quy định tại điểm b khoản này; trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp. Tần suất và thông số quan trắc được quy định như sau: tần suất quan trắc bụi, khí thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**PHỤ LỤC 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 65 /GPMT -KCNDN ngày 17/5 /2023*  
*của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Khu vực cắt.
- Nguồn số 02: Khu vực cán dập.
- Nguồn số 03: Khu vực phun bi.
- Nguồn số 04: Khu vực mạ kẽm.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>45, múi chiếu 3<sup>0</sup>)**

- Nguồn số 01: từ khu vực cắt. Tọa độ (X= 1.206.713; Y = 402.368).
- Nguồn số 02: từ khu vực cán dập. Tọa độ (X= 1.206.783; Y = 402.347).
- Nguồn số 03: từ khu vực phun bi. Tọa độ (X= 1.206.723; Y = 402.355).
- Nguồn số 04: từ khu vực mạ kẽm. Tọa độ (X= 1.206.789; Y = 402.373).

**3. Tiếng ồn:** Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT, cụ thể như sau:

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L <sub>aeq</sub> ) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT.

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

**PHỤ LỤC 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 65 /GPMT -KCNĐN ngày 17/5 /2023  
của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh dự kiến:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 24.465 kg/năm.

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Số lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Lỏng/Rắn	12 06 05	KS	3.200
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	NH	8
3	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	420
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	18 01 02	KS	163
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	KS	270
7	Nước thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	19 10 01	KS	5.464
8	Axit tẩy thải	Lỏng	07 01 01	NH	1.200
9	Bazơ tẩy thải	Lỏng	07 01 03	NH	1.200
10	Que hàn thải	Rắn	07 04 01	KS	340
11	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại (bi thải)	Rắn	07 03 08	KS	11.550
12	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 05	NH	250

13	Phoi từ quá trình gia công tạo hình	Rắn	07 03 11	KS	400
14	Xi có các thành phần nguy hại	Rắn	05 07 01	KS	6.600
<b>Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)</b>					<b>24.465</b>

### 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh dự kiến:

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 7.595 kg/năm.

STT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Số lượng (kg/năm)
1	Nhóm giấy văn phòng, thùng carton, bao bì PE, nhựa xốp, dây nẹp, thùng nhựa không nhiễm thành phần nguy hại	TT	10
2	Phế liệu: Các loại phôi bào, phôi tiện, dải cắt cuộn,...	-	7.580
3	Hộp mực in thải	TT	5
<b>Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)</b>			<b>7.595</b>

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến:

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 28.080 kg/năm.

STT	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	28.080
<b>Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)</b>		<b>28.080</b>

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 25 m<sup>2</sup> (trên tổng diện tích khu vực lưu chứa chất thải của dự án 50 m<sup>2</sup>).

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải nguy hại có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy.

2.2.2. Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: khu lưu chứa chất thải thông thường 25 m<sup>2</sup> (trên tổng diện tích khu vực lưu chứa chất thải của dự án 50 m<sup>2</sup>) và khu lưu giữ phế liệu diện tích 50 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có tường bao và mái che bằng tôn, nền được gia cố bằng bê tông. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

- Khu vực lưu chứa phế liệu được bố trí bên trong nhà xưởng sản xuất.

## **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, đặt tại các khu vực nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng làm việc và khu vực đường nội bộ xung quanh nhà máy.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

### **1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:**

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

### **2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:**

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Dự án theo quy định.

### **3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:**

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

**PHỤ LỤC 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 65 /GPMT -KCNDN ngày 17/5 /2023*  
*của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

Không.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.
2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án.
4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.
5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.
6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân

thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Sonadezi Long Bình, UBND thành phố Biên Hòa, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan, Chủ dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện quản lý sử dụng đất, trình tự thủ tục xây dựng, PCCC theo quy định pháp luật hiện hành

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI**

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án  
“Nhà máy sản xuất sơ mi rơ móc, bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng  
dầu và các sản phẩm cơ khí khác công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm (có  
bao gồm công đoạn xi mạ với công suất 40.000 tấn sản phẩm/năm)”  
của Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam tại KCN Biên Hòa II,  
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai**

### TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 5062/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các KCN Đồng Nai thực hiện thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trong khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ văn bản số 3884/TCMT-TD ngày 21/12/2021 của Tổng cục Môi trường gửi Công ty CP Sonadezi Long Bình V/v hướng dẫn việc bổ sung công đoạn mạ kẽm trong quy trình sản xuất vào dự án của Công ty CP Chien You Việt Nam;*

*Căn cứ văn bản số 5816/KCNĐN-MT ngày 30/12/2021 của Ban quản lý các KCN về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án của Công ty Cổ phần Chien You;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án của Công ty Cổ phần Chien You đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản giải trình số 01/CV-CHIENYOU đề ngày 30/12/2021 của Công ty Cổ phần Chien You;*

*Xét đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất sơ mi rơ móc, bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm (có bao gồm công đoạn xi mạ với công suất 40.000 tấn sản phẩm/năm)” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại KCN Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có các trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 245/QĐ.QLMT ngày 25/06/1996 của Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Đồng Nai./.

**Nơi nhận:**

- Chủ dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Biên Hòa;
- Cty Cổ phần Sonadezi Long Bình;
- Website của Ban Quản lý;
- Lưu VT, MT (Dững).

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Lê Văn Danh**

### Phụ lục

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “Nhà máy sản xuất sơ mi rơ móc, bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm (có bao gồm công đoạn xi mạ với công suất 40.000 tấn sản phẩm/năm)” của Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam tại KCN Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.**

(Kèm theo Quyết định số 593 /QĐ-KCNĐN ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai)

#### 1. Thông tin về dự án:

**1.1. Chủ dự án:** Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam.

**1.2. Vị trí dự án:** KCN Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**1.3. Diện tích dự án:** 28.648,5m<sup>2</sup>.

**1.4. Quy mô, công suất của dự án:**

Sản xuất sơ mi rơ móc, bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm (có bao gồm công đoạn xi mạ với công suất 40.000 tấn sản phẩm/năm).

**1.5. Công nghệ sản xuất:**

- Quy trình sản xuất sơ mi rơ móc, bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác: Nguyên liệu → Cắt → Cán dập → Hàn/kết nối → (1)/(2).

(1): Phun bi → Sơn → Lắp ráp hoàn thiện → Sản phẩm.

(2): Mạ kẽm → phun bi → Sơn → Lắp ráp hoàn thiện → Sản phẩm.

- Quy trình mạ kẽm: Dung dịch tẩy dầu (hỗn hợp Axit H<sub>3</sub>PO<sub>4</sub> và Surfactant Mixture) → Nước → HCl → Nước → Bể hoạt hóa bề mặt (Flux) → Bể mạ → Nước → Bể hoàn nguyên → Đưa qua công đoạn tiếp theo của quy trình sản xuất.

- Nguồn nguyên liệu chính phục vụ sản xuất là thép cuộn cán nóng, kẽm thời 99,995 (nóng chảy ở 450 – 460<sup>0</sup>C) được mua từ các nguồn trong nước và nhập khẩu. Công ty không sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

**1.6. Các hạng mục công trình chính của dự án:**

- Hạng mục công trình xây dựng chính: nhà xưởng A, nhà xưởng B (thực hiện công đoạn mạ kẽm và phun sơn), kho chứa (bao gồm kho chứa hóa chất) với tổng diện tích 14.174 m<sup>2</sup>.

- Hạng mục công trình phụ trợ: Văn phòng, nhà vệ sinh, nhà xe, nhà chiết nạp ga LPG, nhà bảo vệ,... với tổng diện tích 1.147,2 m<sup>2</sup>.

- Công trình bảo vệ môi trường: Khu xử lý nước thải với diện tích 50 m<sup>2</sup>, khu xử lý khí thải 140 m<sup>2</sup>, khu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường 85m<sup>2</sup>, khu chứa chất thải nguy hại (CTNH) 65 m<sup>2</sup>.

- Cây xanh, thảm cỏ: diện tích 5.730 m<sup>2</sup>, đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích dự án.

#### 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

**2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:**

- Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên; nước thải từ quá trình mạ và nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải.

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất (bụi từ công đoạn cắt, uốn tạo

hình; khói hàn từ quá trình hàn nối các chi tiết kết cấu kim loại; bụi từ công đoạn phun bi; công đoạn sơn; hơi hóa chất từ quá trình tẩy rửa bề mặt trước mạ; bụi từ bề mặt mạ kẽm)

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Phát sinh từ quá trình sinh hoạt của nhân viên, từ quá trình sản xuất (thức ăn thừa, giấy lau tay, vỏ hộp, bao bì giấy carton, túi đựng nguyên liệu, các loại phôi bào, phôi tiện, dải cắt cuộn, xỉ dạng khối,...).

- CTNH: Phát sinh từ quá trình sản xuất và văn phòng (bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại, bao bì cứng bằng kim loại thải, bao bì cứng bằng nhựa thải, dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thải, Phế liệu kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại, axit tẩy thải, Bazơ tẩy thải, xỉ không đóng khối (từ quá trình mạ nhúng nóng), hộp mực in thải, que hàn thải, nước thải có chứa thành phần nguy hại, Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải,...).

### **2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt với lưu lượng 16,875 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, TSS, COD, BOD<sub>5</sub>, Nitơ tổng, Phốt pho tổng, Amoni, Coliform.

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa mạ, xử lý khí thải với lưu lượng 6,8 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Tổng P, Cr, Fe, Zn, Cu.

### **2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:**

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra của dự án, từ các phương tiện đi lại của cán bộ công nhân viên nhà máy,...: Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub> và CO.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub> và CO.

- Bụi từ quá trình sản xuất tại công đoạn cắt, uốn tạo hình, phun bi, bề mạ và công đoạn sơn.

- Khói hàn từ quá trình hàn nối các chi tiết kết cấu kim loại. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Pb, CO, NO, NO<sub>2</sub>,...

- Hơi hóa chất từ quá trình tẩy rửa bề mặt trước mạ. Thông số ô nhiễm đặc trưng: HCl, H<sub>3</sub>PO<sub>4</sub>.

### **2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Thành phần: phát sinh từ hoạt động của công nhân viên: thức ăn thừa, giấy lau tay,...

+ Khối lượng khoảng: 75 kg/ngày.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường

+ Thành phần: Nhóm giấy văn phòng, thùng carton, bao bì PE, nhựa xốp, dây nẹp, thùng nhựa không nhiễm thành phần nguy hại; phế liệu: các loại phôi bào, phôi tiện, dải cắt cuộn; xỉ dạng khối.

+ Khối lượng khoảng: 10.748 kg/năm.

### **2.5. Quy mô, tính chất của CTNH:**

- Thành phần: bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại, bao bì cứng bằng kim loại thải, bao bì cứng bằng nhựa thải, dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thải, Phế liệu kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại, axit

tẩy thải, Bazo tẩy thải, xỉ không đóng khối (từ quá trình mạ nhúng nóng), hộp mực in thải, que hàn thải, nước thải có chứa thành phần nguy hại, Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải,...

- Khối lượng: 19.301 kg/năm.

### **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án**

#### **3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:**

- Hệ thống thoát nước mưa của dự án đã được xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước thải và được đấu nối với hệ thống thoát nước mưa của KCN Biên Hòa II tại 01 vị trí trên đường số 3A.

- Nước thải sinh hoạt của dự án được thu gom, xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn trước khi đấu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II tại 01 vị trí trên đường số 3A.

- Nước thải từ quá trình rửa mạ và nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất thiết kế 20 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý sau đó tuần hoàn sử dụng lại cho quá trình sản xuất (không đấu về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II.) Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố Công ty sẽ chuyển giao lượng nước thải này theo CTNH.

- Bùn từ bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải được giao cho đơn vị thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện tách riêng triệt để tuyến thu gom, thoát nước mưa và nước thải của Dự án.

+ Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của Nhà máy đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Biên Hòa II theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN.

+ Đảm bảo nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn mạ kẽm trong quy trình sản xuất của dự án không đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II để không làm không làm công nghệ, công suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Biên Hòa II.

#### **3.2. Về xử lý bụi, khí thải:**

- Lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải, công suất 20.000 m<sup>3</sup>/giờ tại công đoạn tẩy rửa bề mặt.

- Lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi, công suất 25.000 m<sup>3</sup>/giờ tại công đoạn mạ kẽm.

- Lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi, công suất 6.000 m<sup>3</sup>/giờ tại công đoạn phun sơn.

- Lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi, công suất 15.000 m<sup>3</sup>/giờ tại công đoạn làm sạch bề mặt

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thu gom, xử lý toàn bộ bụi, mùi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; K<sub>v</sub>=0,6; K<sub>p</sub> theo tổng lưu lượng các nguồn thải), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT.

+ Thực hiện các biện pháp không chế, giảm thiểu mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường.

### **3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường có diện tích: 85 m<sup>2</sup> để lưu giữ tạm thời, sau đó được chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ.

+ Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

### **3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):**

- Bố trí các thùng chứa CTNH tại các khu vực có phát sinh, vận chuyển về kho lưu giữ tạm thời CTNH của Công ty với diện tích khoảng 65 m<sup>2</sup> để lưu giữ tạm thời, sau đó được chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường:

+ Thu gom, xử lý các loại CTNH phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại; Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ.

+ Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải nguy hại theo quy định.

### **3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:**

Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án; thực hiện các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi, không phát tán mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường (tại khu chứa chất thải,...) theo các biện pháp đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt.

### **3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:**

- Đảm bảo nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan khác.

- Xây dựng phương án, kế hoạch/biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nguy hiểm trong công nghiệp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

#### **4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án**

- 1 hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- 1 hệ thống xử lý khí thải công đoạn tẩy rửa bề mặt, công suất 20.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- 1 hệ thống xử lý bụi từ bề mạ kẽm, công suất 25.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- 1 hệ thống xử lý bụi công đoạn sơn, công suất 6.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- 1 hệ thống xử lý bụi công đoạn làm sạch bề mặt, công suất 15.000 m<sup>3</sup>/giờ (mới)
- Khu lưu giữ chất thải rắn thông thường là 85 m<sup>2</sup>.
- Khu lưu chứa CTNH có tổng diện tích 65 m<sup>2</sup>.

#### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án trong giai đoạn hoạt động**

##### **5.1. Giám sát nước thải:**

- Vị trí: 01 vị trí tại hố ga đầu nổi nước thải của KCN Biên Hòa 2.
- Thông số giám sát: pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Amoni, Tổng N, Tổng P, Dầu mỡ khoáng, Fe, Cu, Zn, Cr.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Tiêu chuẩn so sánh: Giới hạn tiếp nhận theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt của KCN Biên Hòa II.

##### **5.2. Giám sát khí thải:**

- Vị trí:
  - + 01 điểm sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn tẩy rửa bề mặt, công suất 20.000 m<sup>3</sup>/giờ (Thông số giám sát: Lưu lượng, HCl)
  - + 01 điểm sau hệ thống xử lý bụi từ bề mạ kẽm, công suất 25.000 m<sup>3</sup>/giờ (Thông số giám sát: Lưu lượng, Bụi)
  - + 03 điểm sau hệ thống xử lý bụi công đoạn sơn, công suất 6.000 m<sup>3</sup>/giờ (Thông số giám sát: Lưu lượng, Bụi)
  - + 01 điểm sau hệ thống xử lý bụi công đoạn làm sạch bề mặt, công suất 15.000 m<sup>3</sup>/giờ (Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi)
- + Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 19: 2009/BTNMT, QCVN 20: 2009/BTNMT, cột B, K<sub>v</sub> = 0,6, K<sub>p</sub> theo tổng lưu lượng nguồn khí thải.

**5.3. Giám sát chất thải rắn, CTNH:** Giám sát khối lượng chất thải rắn phát sinh, phân định, phân loại các loại chất thải rắn phát sinh để bảo quản theo quy định.

#### **6. Các điều kiện liên quan đến môi trường:**

##### **6.1. Trong giai đoạn lắp đặt thiết bị của dự án:**

Quản lý, kiểm soát, xử lý nước thải, chất thải rắn xây dựng, CTNH và các loại chất thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường, quy định về quản lý chất thải xây dựng theo Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng, quy định về quản lý CTNH theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày

30/06/2015 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

### **6.2. Trong giai đoạn vận hành dự án:**

- Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

- Bảo đảm nguồn lực; trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan khác.

- Đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh đạt 20% tổng diện tích mặt bằng theo quy định.

### **6.3. Trách nhiệm của Chủ dự án:**

- Thực hiện và gửi thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải cho Ban Quản lý các KCN Đồng Nai và Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm và Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường cho Ban Quản lý các KCN để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Khoản 10, Điều 1, Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo quy định tại khoản 7, 8, 9, 10 Điều 1, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ (quy định về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt) và khoản 6, Điều 4 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (quy định đối với Dự án đã đi vào vận hành có những thay đổi so với báo cáo ĐTM được duyệt).

- Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

**BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI**

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
BAN QUẢN LÝ  
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4401 /KCNĐN-MT  
V/v kết quả kiểm tra hoàn thành vận  
hành thử nghiệm các công trình xử  
lý chất thải của Công ty Cổ phần  
Chien You Việt Nam

Đồng Nai, ngày 10 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam  
(Địa chỉ: KCN Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

Ban Quản lý các KCN Đồng Nai nhận được văn bản số 01.11/CV-CY ngày 01/11/2023 về việc thông báo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải và văn bản số 02/VHTN/NT ngày 30/6/2023 của Công ty CP Chien You Việt Nam về việc thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở “Nhà máy sản xuất sơ-mi-rơ-móc; bồn chứa khí hoá lỏng, hoá chất, xăng dầu và các sản phẩm cơ khí khác công suất 60.000 tấn sản phẩm/năm (có bao gồm công đoạn xi mạ với công suất 40.000 tấn sản phẩm/năm)” tại KCN Biên Hòa II, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Cơ sở đã được Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp giấy phép môi trường số 65/GPMT-KCNĐN ngày 17/5/2023).

Ngày 27/9/2023, Ban Quản lý các KCN Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 361/QĐ-KCNĐN về việc cử công chức kiểm tra thực tế công trình xử lý chất thải của cơ sở nêu trên; tiến hành kiểm tra thực tế tại Công ty vào ngày 11/10/2023 và lập biên bản kiểm tra theo quy định.

Ban Quản lý các KCN Đồng Nai thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Công ty như sau:

### 1. Kết quả kiểm tra

#### 1.1. Hệ thống, công trình, thiết bị, thu gom, xử lý nước thải

- Công ty đã xây dựng tách riêng tuyến thoát nước mưa và nước thải, đã thực hiện đấu nối nước mưa, nước thải với hạ tầng KCN Biên Hòa II.

- Theo Giấy phép môi trường số 65/GPMT-KCNĐN ngày 17/5/2023: Công ty có 01 hệ thống xử lý (HTXL) nước thải sản xuất, công suất thiết kế 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm phải vận hành thử nghiệm.

- Thời gian vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải: Từ ngày 01/6/2023 đến ngày 01/11/2023.

- Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm đã được lắp đặt và đang vận hành bình thường. Sơ đồ quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải đúng theo giấy phép môi trường được cấp, như sau:

Nước thải sản xuất → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể trung hòa pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Tuần hoàn cho công đoạn rửa trước mạ (định kỳ 02 tuần/lần chuyển giao cho đơn vị

xử lý chất thải theo đúng quy định hiện hành).

Bùn thải phát sinh từ HTXL sử dụng máy ép bùn, lưu giữ tại khu vực chứa CTNH, ký hợp đồng thu gom, xử lý với đơn vị có chức năng; Công ty đang lưu giữ bùn thải tại kho chứa CTNH theo quy định, chưa chuyển giao xử lý.

- Hoá chất sử dụng: Nước vôi trong, HCl, PAC 40, Polymer.

- Công ty có lập Sổ nhật ký vận hành HTXL nước thải trong thời gian vận hành thử nghiệm HTXL nước thải.

\* **Kết quả thu, phân tích mẫu:** Theo Phiếu kết quả phân tích số MS2310.0704 ngày 11/10/2023 đối với nước thải sau hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 20 m<sup>3</sup>/ngày.đêm do Trung tâm Công nghệ và Quản lý Môi trường - ETM (VIMCERT 052) thực hiện: 10/10 thông số ô nhiễm (pH, TSS, COD, BOD<sub>5</sub>, Tổng dầu mỡ khoáng, Sắt, Đồng, Kẽm, Crom (III), Crom (VI)) đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT cột A trước khi đưa vào tái sử dụng cho sản xuất (đính kèm Phiếu kết quả phân tích).

### 1.2. Hệ thống, công trình, thiết bị thu gom, xử lý bụi, khí thải:

- Theo Giấy phép môi trường số 65/GPMT-KCNĐN ngày 17/5/2023 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai: Cơ sở có 03 hệ thống xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm, gồm: 01 hệ thống xử lý bụi phát sinh từ bể mạ kẽm công suất thiết kế 25.000 m<sup>3</sup>/giờ; 01 hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn công suất thiết kế 6.000 m<sup>3</sup>/giờ; 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm công suất 20.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Thời gian vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải: Từ ngày 01/6/2023 đến ngày 01/11/2023.

- Tại thời điểm kiểm tra, các hệ thống xử lý bụi, khí thải của Công ty đã được lắp đặt và đang vận hành bình thường. Sơ đồ quy trình xử lý đúng theo giấy phép môi trường được cấp, như sau:

+ 01 hệ thống xử lý bụi phát sinh từ bể mạ kẽm, công suất thiết kế 25.000 m<sup>3</sup>/giờ

Quy trình công nghệ: Bụi → Nhà chứa bụi → Cyclone đơn (02 cyclon) → Túi vải (02 túi vải) → Ống thoát khí thải → Đạt quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.

Hoá chất, vật liệu sử dụng: Túi vải.

+ 01 Hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn, công suất thiết kế 6.000 m<sup>3</sup>/giờ

Khí thải → Màn nước → Ống thoát khí thải → Đạt quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.

Hoá chất, vật liệu sử dụng: Nước.

+ 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm, công suất thiết kế 20.000 m<sup>3</sup>/giờ

Hơi, Khí thải tại các bể tẩy rửa (bố trí quạt đẩy tại đầu bể) → Màng nước → Ống thoát khí thải (06 ống thải, tương ứng 06 quạt hút) → Đạt quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.

Hoá chất sử dụng: Nước vôi trong ( $\text{Ca}(\text{OH})_2$ ) hoặc NaOH.

- Các hệ thống xử lý khí thải của Công ty đã bố trí sẵn thao tác phục vụ quan trắc theo quy định.

- Công ty có lập Sổ nhật ký vận hành 03 công trình xử lý khí thải nêu trên trong giai đoạn vận hành thử nghiệm theo quy định.

\* **Kết quả thu, phân tích mẫu:** Tại thời điểm kiểm tra, các thành viên thống nhất đối với HTXL khí thải, công suất thiết kế  $20.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ , có 06 ống thải, chỉ thực hiện thu đối chứng 01 ống thải do công nghệ, công suất quạt là như nhau, cùng một buồng phun xử lý.

- Theo Phiếu kết quả phân tích số MS2310.0705-0707 ngày 19/10/2023 do Trung tâm Công nghệ và Quản lý Môi trường (VIMCERT 052) thực hiện: (đính kèm Phiếu kết quả phân tích mẫu)

+ Khí thải tại đầu ra của HTXL bụi phát sinh từ bề mặt mạ kẽm, công suất thiết kế  $25.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ : 01/01 thông số ô nhiễm (Kẽm và hợp chất của kẽm) đạt so với QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, với  $K_v = 0,6$  và  $K_p = 0,9$ ).

+ Khí thải tại đầu ra của HTXL bụi, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn, công suất thiết kế  $6.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ : 03/03 thông số ô nhiễm (Bụi tổng, Xylen, n-Butyl Axetat) đạt so với QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, với  $K_v = 0,6$  và  $K_p = 0,9$ ) và QCVN 20:2009/BTNMT.

+ Khí thải tại đầu ra (tại 01 ống thải) của HTXL khí thải phát sinh từ công đoạn tẩy rửa bề mặt dây chuyền mạ kẽm, công suất thiết kế  $20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ : 01/01 thông số ô nhiễm (HCl) đạt so với QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, với  $K_v = 0,6$  và  $K_p = 0,9$ ).

Ngoài ra, cơ sở có 02 hệ thống thu hồi bụi bi của phòng phun bi (kín), công suất thiết kế  $15.000 \text{ m}^3/\text{giờ}/\text{hệ thống}$ ; không có ống thải, không phải vận hành thử nghiệm. Tại thời điểm kiểm tra, 02 hệ thống thu hồi bụi bi đã lắp đặt và đang vận hành bình thường; sơ đồ quy trình công nghệ đúng theo giấy phép môi trường được cấp, như sau:

Bụi → 02 Cyclon tách bi → Lọc túi vải → Phát tán không qua ống thải. Túi vải được định kỳ rũ thu gom bụi, sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

### 1.3. Công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại (CTNH):

- Chất thải rắn sinh hoạt: được lưu chứa trong các thùng nhựa, có nắp đậy, tập kết dọc theo hành lang, xung quanh nhà xưởng, văn phòng,... sau đó chuyển về khu tập kết chất thải sinh hoạt để chuyển giao theo đúng quy định. Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải sinh hoạt với Công ty CP Dịch vụ Sonadezi (theo Hợp đồng số 135/2023/HĐ.RT ngày 03/01/2023).

- Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại: được lưu chứa trong khu vực lưu chứa diện tích 25 m<sup>2</sup>, có mái che, tường bao quanh, nền bê tông và 01 khu lưu giữ phế liệu sắt, thép ngoài trời, diện tích 50 m<sup>2</sup>.

Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp với Công ty TNHH MTV SX TM DV Môi trường Tiến Phát (theo Hợp đồng số 060501/2023/HĐ.TP-CY ngày 06/5/2023).

- Chất thải nguy hại: được chứa trong các thùng chứa chuyên dụng đối với từng loại chất thải và được tập trung chứa trong kho chứa chất thải có diện tích diện tích 25 m<sup>2</sup>. Kho lưu giữ được bố trí có mái che và tường bao quanh, được phân chia khu vực hợp lý, tương ứng với từng loại chất có bố trí biển cảnh báo, thực hiện phân loại CTNH, có dán mã CTNH, bố trí thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH Thương mại Xử lý Môi trường Thành Lập (theo Hợp đồng số 0405/HĐXLTL-TPCY ngày 04/5/2023) và Công ty TNHH MTV SX TM DV Môi trường Tiến Phát (theo Hợp đồng số 0605/2023/HĐ.TP-CY ngày 06/5/2023).

#### 1.4. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Công ty đã được Công an tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 337/TD-PCCC ngày 13/08/2020; số 97/TD – PCCC ngày 08/02/2021; Văn bản số 142/NT-PCCC ngày 04/05/2021 và văn bản số 172/PCCC-NT ngày 31/05/2021 v/v nghiệm thu PCCC.

#### 2. Ý kiến của Ban Quản lý các KCN:

- Căn cứ kết quả kiểm tra nêu trên, các công trình xử lý nước thải và khí thải phải vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường số 65/GPMT-KCNĐN ngày 17/5/2023 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp cho cơ sở nêu trên đã được lắp đặt, vận hành thử nghiệm đúng theo quy định.

- Trong quá trình đưa các công trình xử lý nước thải, khí thải vào hoạt động chính thức, đề nghị Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam tiếp tục thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Giấy phép môi trường số 65/GPMT-KCNĐN ngày 17/5/2023 của Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai.

Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai thông báo đến Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam để biết, thực hiện theo quy định./.

Trân trọng./.

#### Nơi nhận:

- Như trên (thực hiện);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Biên Hòa;
- Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình;
- Website của BQL các KCN;
- Lưu: VT, MT (NT)



Nguyễn Trí Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 08./HĐNT - SDV

- Căn cứ Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2006;
- Căn cứ Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 22/2006/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2006 về việc bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường;
- Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 46/HĐTD, ngày 31/07/1996 và Bản ghi nhớ tổng quát về việc xây dựng nhà máy tại KCN Biên Hòa 2 ngày 31/07/1996 giữa Công ty Phát triển KCN Biên Hòa và Công ty TNHH Chien You Việt Nam;
- Căn cứ nội dung văn bản số 606/PTKCN – TCKT ngày 16/7/2007 về việc chuyển việc xử lý và thu tiền nước thải của Công ty Phát triển KCN Biên Hòa (Sonadezi).

Hôm nay, ngày 01 tháng 8 năm 2007, tại văn phòng Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Sonadezi, Chúng tôi gồm có:

**BÊN THUÊ XỬ LÝ (BÊN A): CÔNG TY TNHH CHIEN YOU VIỆT NAM**

- Địa chỉ : Số 12, đường 3A, Khu Công nghiệp Biên hòa 2
- Điện thoại : 0613. 833017 Fax : 0613. 832912
- Số tài khoản :  
Tại Ngân hàng
- Mã số thuế : 3600358427-1
- Người đại diện : *PHAN THỊ TSAN*
- Chức vụ : *Chủ tịch Giám đốc*

**BÊN NHẬN XỬ LÝ (BÊN B) : CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI**

- Địa chỉ : Số 22B, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2
- Điện thoại : 061. 8809 888 Fax : 061. 8890 199
- Số tài khoản : 0481000043367  
Tại Ngân hàng Vietcombank Biên Hòa - Đồng Nai
- Mã số thuế : 3600890938
- Người đại diện : Bà ĐỖ THỊ THU HẰNG
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Sau khi cùng nhau thảo luận, hai bên đồng ý ký Hợp đồng xử lý nước thải với các điều khoản sau:

**ĐIỀU 1 : NỘI DUNG CÔNG VIỆC.**

- 1.1. Bên A thuê Bên B xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của Bên A tại số 12, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- 1.2. Bên B nhận và xử lý nước thải của Bên A đạt giới hạn cho phép theo qui định tại cột A của tiêu chuẩn nước thải công nghiệp (TCVN 5945 – 2005) theo Luật bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt nam.

**ĐIỀU 2 : ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI.**

- 2.1. Thành phần và tính chất nước thải của bên A chảy vào hệ thống thoát nước thải của KCN:

- 2.1.1. Thành phần và nồng độ nước thải của Bên A khi chảy vào hệ thống thu nước thải của KCN không được vượt quá trị số giới hạn qui định theo **Phụ lục 1** kèm theo Hợp đồng này.
- 2.1.2. Ngừng dịch vụ xử lý nước thải:  
Bên A cam kết có biện pháp và chịu trách nhiệm tự kiểm soát tính chất nước thải trong phạm vi nhà máy cho phù hợp với yêu cầu tại **Phụ lục 1**. Trong quá trình sản xuất, nếu xảy ra trường hợp thành phần và nồng độ nước thải từ nhà máy chảy vào hệ thống thu nước thải của khu công nghiệp mà không đảm bảo theo qui định như trên, Bên B sẽ kiểm tra lấy mẫu và thông báo đề nghị Bên A khắc phục.  
+ Sau 15 ngày, nếu Bên A chưa khắc phục, Bên B ra thông báo lần hai; nếu sau 15 ngày tiếp theo mà Bên A vẫn chưa khắc phục thì Bên B ngưng tiếp nhận nước thải, đồng thời yêu cầu đơn vị cung cấp nước sạch sẽ ngưng cung cấp nước sạch cho Bên A.  
+ Trường hợp tính chất nước thải của Bên A gây ảnh hưởng xấu đến hệ thống xử lý nước thải của Bên B, Bên B sẽ lập Biên bản và yêu cầu Bên A khắc phục ngay. Nếu Bên A không khắc phục, Bên B được quyền ngưng tiếp nhận nước thải và yêu cầu đơn vị cấp nước ngưng cung cấp nước sạch; đồng thời, Bên B sẽ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.
- 2.1.3. Trong trường hợp Bên A vi phạm các điểm nêu ở mục 2.1.1. và 2.1.2. trên đây mà gây thiệt hại cho Bên B thì Bên A phải bồi thường cho Bên B chi phí phát sinh do những thiệt hại đó.

## 2.2. Vị trí và điều kiện kỹ thuật khác:

Nước thải của Bên A sẽ được Bên B tiếp nhận nếu hệ thống thoát nước thải từ nhà máy được đầu nối đúng vị trí vào hệ thống thu nước thải của KCN và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật đã được xác định trong Biên bản thỏa thuận về việc sử dụng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp số 25/KD.KT đã được hai bên ký ngày 19/07/1997.

## ĐIỀU 3 : PHÍ XỬ LÝ, KHỐI LƯỢNG TÍNH PHÍ , PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN.

### 3.1. Phí xử lý nước thải :

- 3.1.1. Phí xử lý là 0,28 USD/m<sup>3</sup> nước thải (chưa có thuế VAT - Bên A sẽ thực hiện thanh toán thuế theo qui định hiện hành của nhà nước).  
Bên A trả phí xử lý nước thải cho Bên B kể từ ngày 01/08/2007.
- 3.1.2. Trong trường hợp Bên A có yêu cầu xử lý nước thải có thành phần và nồng độ vượt quá các giới hạn qui định tại Phụ lục 1 thì Bên A phải báo cho Bên B biết để có những thỏa thuận khác trước khi thực hiện.

### 3.2. Lượng nước thải tính phí:

Lượng nước thải tính phí được xác định bằng 70% lượng nước sạch ghi trên hóa đơn cấp nước cho nhà máy của Bên A.

### 3.3. Điều chỉnh phí thoát nước:

Phí xử lý nước thải được điều chỉnh trong trường hợp có sự thay đổi về cơ chế, chính sách của Nhà nước và Quy định của Khu Công nghiệp.

### 3.4. Phương thức và thời hạn thanh toán:

- 3.4.1. Phương thức thanh toán : Chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt.
- 3.4.2. Thời hạn thanh toán : Hàng tháng Bên B sẽ gửi giấy báo thu phí xử lý nước thải cho Bên A và Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên B.
- 3.4.3. Phí xử lý nước thải được thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá Ngân hàng công bố vào thời điểm thanh toán.



3.4.4. Bên B sẽ ngưng tiếp nhận nước thải của Bên A nếu không nhận được khoản thanh toán sau 2 kỳ giấy báo liên tiếp và sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến lượng nước thải của Bên A .

#### **ĐIỀU 4 : TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN.**

##### **4.1. Trách nhiệm của Bên A :**

- 4.1.1. Thực hiện các cam kết ghi trong Hợp đồng thuê đất và của Hợp đồng này.
- 4.1.2. Thanh toán đủ phí xử lý nước thải theo qui định trong Điều 3 của Hợp đồng này.
- 4.1.3. Không sử dụng các nguồn nước ngầm trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Trường hợp Bên A được phép sử dụng nước ngầm thì phải báo cho Bên B biết để cùng thảo luận trước khi sử dụng. Bên A sẽ phải trả đầy đủ mọi thiệt hại cho Bên B khi sử dụng nước ngầm không được sự chấp thuận của Bên B.

##### **4.2. Trách nhiệm của Bên B :**

- 4.2.1. Thực hiện việc xử lý như qui định tại mục 1.2
- 4.2.2. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý môi trường về việc xử lý nước thải cho Bên A trong phạm vi qui định của Hợp đồng này.

#### **ĐIỀU 5 : THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG.**

Thời hạn của Hợp đồng này sẽ theo thời hạn của Hợp đồng thuê đất số 46/HĐTĐ ngày 31/07/1996.

#### **ĐIỀU 6 : CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG.**

- 6.1. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây :
  - 6.1.1. Khi hết thời hạn như qui định tại điều 5 của Hợp đồng này.
  - 6.1.2. Bên A không thực hiện đủ các trách nhiệm ghi ở mục 4.1 của Hợp đồng này.
  - 6.1.3. Hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
- 6.2. Khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A vẫn phải trả đủ cho Bên B các khoản phí xử lý chưa thanh toán và chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến lượng nước thải phát sinh do hoạt động của mình tại KCN.

#### **ĐIỀU 7 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG.**

- 7.1. Tiếng Việt và Tiếng Anh được dùng làm ngôn ngữ để cắt nghĩa các nội dung của bản Hợp đồng này. Trong trường hợp có sự không đồng nhất giữa hai ngôn ngữ thì Tiếng Việt được dùng làm ngôn ngữ giải thích
- 7.2. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng này trên tinh thần hiểu biết và hợp tác.
- 7.3. Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản Tiếng Việt và 04 (bốn) bản Tiếng Anh. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản Tiếng Việt và 02 (hai) bản Tiếng Anh. Bản tiếng Việt và bản tiếng Anh có cùng giá trị như nhau.
- 7.4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**P. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Phang Jiu Tsan*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



*Đỗ Thị Thu Hằng*

**PHỤ LỤC 1/ANNEX 1**  
**NƯỚC THẢI/WASTE WATER**

Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải  
cho phép xả vào hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Biên Hòa II

Maximum allowable limits of parameters and concentration of waste  
to be discharged into the sewer of Bien Hoa II industrial zone

TT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn tiếp nhận
1	Nhiệt độ	°C	45
2	pH	-	5 - 9
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	500
4	COD	mg/l	800
5	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	300
6	Sắt	mg/l	4
7	Clo dư	mg/l	5
8	Clorua (Cl <sup>-</sup> )	mg/l	800
9	Amoniac (tính theo N)	mg/l	20
10	Tổng Nitơ	mg/l	40
11	Tổng Phot pho	mg/l	12
12	Dầu mỡ khoáng	mg/l	20
13	Dầu động thực vật	mg/l	30
14	Coliform	MPN/100ml	5.000
15	Màu ở pH=7	Co-Pt ở pH=7	20
16	Crom VI	mg/l	0,05
17	Crom III	mg/l	0,2
18	Đồng	mg/l	2
19	Kẽm	mg/l	3
20	Niken	mg/l	0,2
21	Mangan	mg/l	0,5
22	Chì	mg/l	0,1
23	Thiếc	mg/l	0,2
24	Xianua	mg/l	0,07
25	Phenol	mg/l	0,1
26	Thủy ngân	mg/l	0,005
27	PCBs	mg/l	0,003
28	Hóa chất BVTV: Lân hữu cơ	mg/l	0,3
29	Hóa chất BVTV: Clo hữu cơ	mg/l	0,1
30	Sulfua	mg/l	0,2
31	Florua	mg/l	5
32	Asenic	mg/l	0,05
33	Cadmium	mg/l	0,005
34	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
35	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

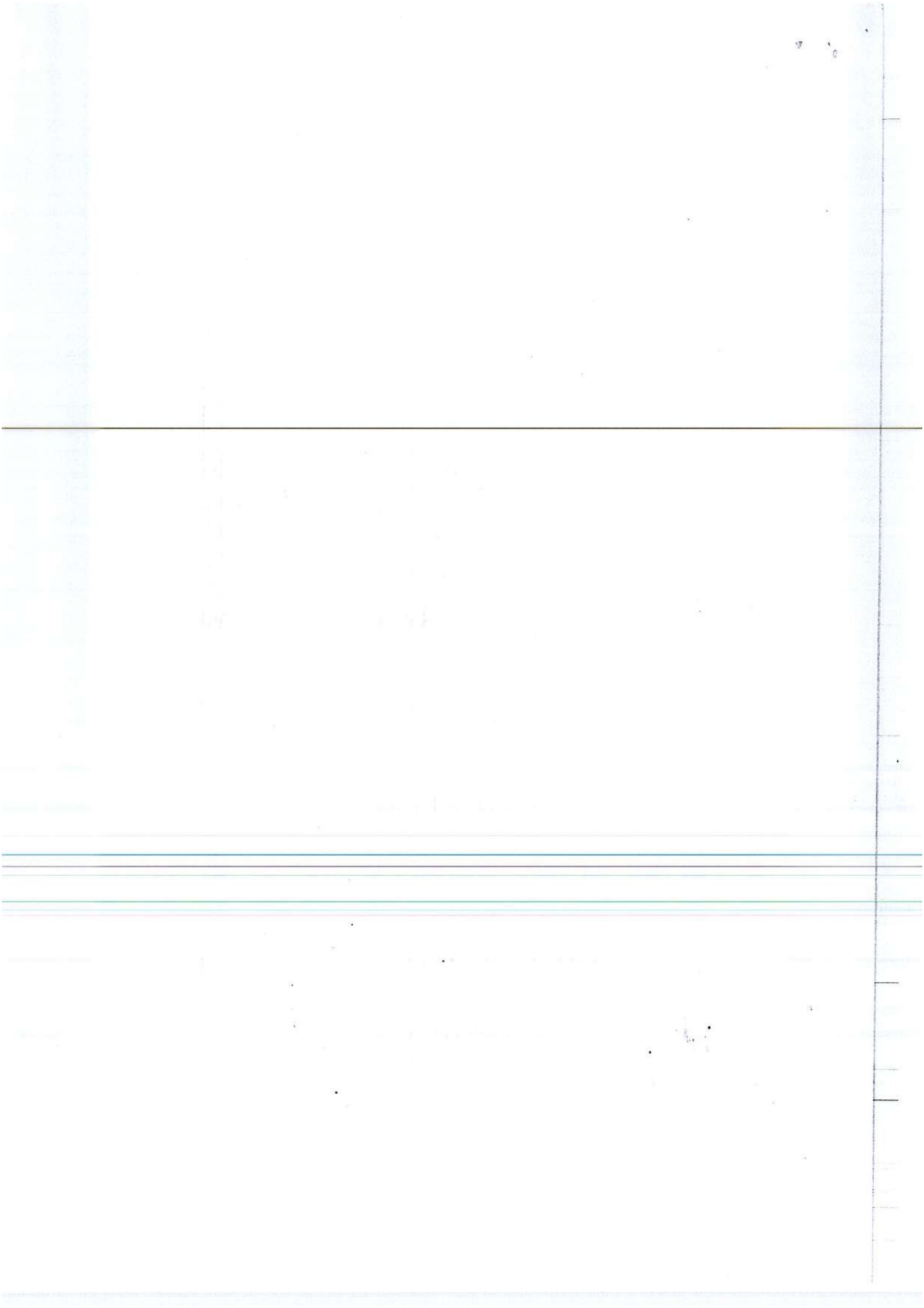
**HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**  
**ĐỂ XÂY DỰNG NHÀ MÁY TẠI KCN BIÊN HÒA II**  
**Số : ..46../HDTĐ**

- Căn cứ Pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê đất tại Việt Nam do Chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt nam ban hành ngày 14 tháng 10 năm 1994.
- Căn cứ Nghị Định số 11/CP ngày 24 tháng 1 năm 1995 của Chính Phủ và Thông Tư số 1124/TT.ĐC ngày 8/9/1995 của Tổng Cục Địa Chính qui định chi tiết thi hành Pháp Lệnh về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê đất tại Việt Nam.
- Căn cứ Nghị Định 192/CP ngày 28 tháng 12 năm 1994 về việc ban hành Quy chế Khu công Nghiệp tập trung.
- Căn cứ quyết định số : 347/TTg ngày 8 tháng 6 năm 1995 của Thủ Tướng Chính Phủ Nước Cộng Hòa xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về việc thành lập KCN Biên Hòa II và cho phép Công Ty Phát Triển Khu Công Nghiệp Biên Hòa xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Biên Hòa II trên diện tích 376 ha tại phường Long Bình - T.P.Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai.
- Căn cứ quyết định số 742/TTg ngày 14 tháng 11 năm 1995 của Thủ Tướng Chính Phủ Nước Cộng Hòa xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về việc cho phép Công Ty Phát Triển Khu Công Nghiệp Biên Hòa thuê đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Biên Hòa II.
- Căn cứ Quyết định số 77/BQL.KCN ngày 21/10/1995 của Ban Quản lý KCN Đồng Nai về việc phê chuẩn giá thuê đất và phí sử dụng hạ tầng trong KCN Biên Hòa II.
- Căn cứ giấy phép đầu tư số 1607/GP ngày 25 tháng 06 năm 1996 do MPI cấp.

Bản Hợp đồng thuê đất này ( sau đây được gọi là Hợp đồng ) được ký ngày 31. tháng 07. năm 1996 giữa hai bên

**BÊN CHO THUÊ ( Bên A ) : CÔNG TY PHÁT TRIỂN KCN BIÊN HÒA**  
**( SONADEZI BIÊN HÒA )**

- Quyết định thành lập số : 1713/QĐ-UBT ngày 15/12/1990 của UBND tỉnh Đồng nai
- Địa chỉ : Ngã Ba Vũng Tàu - Khu công nghiệp Biên Hòa  
Đồng Nai - Việt Nam
- Điện thoại : 84-61-836318 ; 836136 ;
- Fax : 84 - 61 - 836250
- Số tài khoản : - Ngoại tệ : 362111.370015  
- Tiền Đồng : 361111.000015  
Tại VIETCOMBANK DONGNAI  
77- Hưng Đạo Vương - Biên Hòa- Đồng Nai
- Người đại diện : BÀ CHU THỊ THƯ
- Chức vụ : GIÁM ĐỐC



**BÊN THUÊ ( Bên B ) : CÔNG TY TNHH CHIEN YOU VIỆT NAM**

- Giấy phép đầu tư số : 1607/GP ngày 25/06/1996  
- Địa chỉ : Khu Công nghiệp Biên Hòa II  
- Điện thoại : ; Fax :  
- Số tài khoản : - Ngoại tệ :  
- Tiền Việt nam :  
Mở tại ngân hàng .....
- Người đại diện : Ông CHEN YEN JEN  
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Hai bên đã cùng nhau thảo luận và đồng ý ký Bản Hợp đồng thuê đất tại KCN Biên Hòa II để xây dựng nhà máy của Công Ty TNHH Chien You Việt Nam gồm các điều khoản sau :

**ĐIỀU 1 : ĐIỀU KIỆN THUÊ ĐẤT**

Bên A đồng ý cho Bên B thuê một phần lô đất số 33 có diện tích 44.645 m<sup>2</sup> tại KCN Biên Hòa II thuộc phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để đầu tư thành lập nhà máy sản xuất các sản phẩm như Giấy phép đầu tư do Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư cấp.

Vị trí khu đất thuê được xác định theo bản đồ tỷ lệ 1/500 được Ban Quản Lý Khu công nghiệp Đồng Nai xác nhận ngày 01 tháng 01 năm 1996. Bản đồ này là một bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

**1.1 PHÍ SỬ DỤNG ĐẤT :**

**1.1.1 Tiền thuê đất :**

Tiền thuê đất được tính từ ngày Giấy phép đầu tư của Bên B được ký.

Mức tiền thuê đất là 2,25 USD/m<sup>2</sup>/năm và không thay đổi trong suốt thời hạn đầu tư.

**1.1.2 Phương thức chi trả**

Bên B trả tiền thuê đất năm 1996 cho Bên A như sau :

$$\frac{44.645 \text{ m}^2 \times 2,25 \text{ USD/m}^2/\text{năm} \times 6 \text{ tháng}}{12 \text{ tháng}} = 50.225,63 \text{ USD}$$

( Năm mươi ngàn hai trăm hai mươi lăm Đô la Mỹ và sáu mươi ba cents)



\* Số tiền đặt cọc 17.000 USD mà Công ty Chien You Industrial Corporation đã trả theo Bản thỏa thuận thuê đất số 23/BTT ngày 25/08/1995 được khấu trừ vào khoản tiền thuê đất năm 1996 của Bên B.

Số tiền thuê đất năm 1996 còn lại Bên B phải trả là :

$$50.225,63 \text{ USD} - 17.000 \text{ USD} = 33.225,63 \text{ USD}$$

( Ba mươi ba ngàn hai trăm hai mươi lăm đô la Mỹ và sáu mươi ba cents)

Thời hạn thanh toán : Trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký Bản Hợp đồng này.

+ Từ năm 1997 trở đi, Bên B trả tiền thuê đất cho Bên A hàng năm và trả hai lần trong năm theo Giấy báo thanh toán của Bên A, cụ thể như sau :

Số tiền phải trả hàng năm là :

$$44.645 \text{ m}^2 \times 2,25 \text{ USD/m}^2/\text{năm} = 100.451,25 \text{ USD}$$

( Một trăm ngàn bốn trăm năm mươi một đô la Mỹ và hai mươi lăm cents)

Thời hạn thanh toán :

Lần thứ nhất : 50% chậm nhất vào ngày 28/02 hàng năm.  
Lần thứ hai : 50% chậm nhất vào ngày 31/07 hàng năm.

## 1.2 PHÍ SỬ DỤNG HẠ TẦNG :

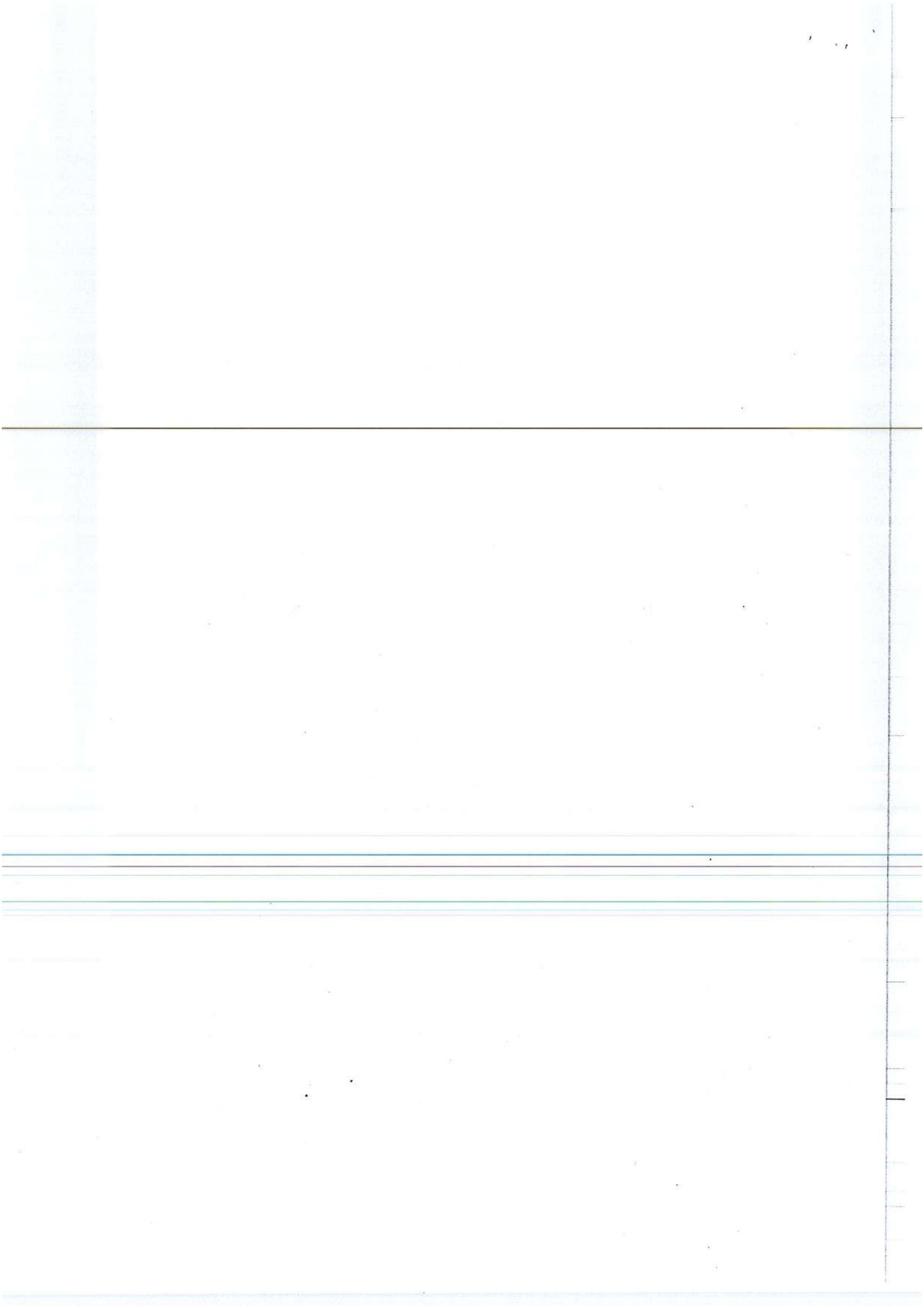
Được sử dụng cho các nội dung : Đền bù, giải tỏa, di chuyển dân cư; duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp như hệ thống giao thông, cấp điện, cấp nước, cây xanh, chiếu sáng đường giao thông, an ninh trật tự, vệ sinh khu công nghiệp.

+ Bên B trả cho Bên A một lần 5 USD/m<sup>2</sup> cho năm năm đầu ( 1996 - 2000 ) số tiền là :

$$44.645 \text{ m}^2 \times 5 \text{ USD/m}^2 = 223.225 \text{ USD}$$

( Hai trăm hai mươi ba ngàn hai trăm hai mươi lăm Đô la Mỹ chẵn )

- Thời hạn thanh toán : Trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký Bản Hợp Đồng này.



+ Từ năm thứ 06 ( 2001) trở đi : Bên B trả cho Bên A với mức 0,5 USD/m<sup>2</sup>/năm

- Số tiền phải trả mỗi năm là :

$$44.645 \text{ m}^2 \times 0,5 \text{ USD/m}^2 = 22.322,5 \text{ USD}$$

( Hai mươi hai ngàn ba trăm hai mươi hai Đô la Mỹ chẵn )

- Thời hạn thanh toán : chậm nhất vào ngày 31 tháng Một hàng năm.

### 1.3 XỬ LÝ CHẤT THẢI.

1.3.1. Nước thải của Khu công nghiệp Biên Hòa II trước khi thải ra sông Đồng Nai phải đạt giới hạn cho phép tại cột A của tiêu chuẩn nước thải công nghiệp (TCVN 5945-1995) theo Luật môi trường của Nhà nước Việt nam (Bảng Tiêu chuẩn nước thải cột A đính kèm).

1.3.2. Bên A sẽ xây dựng hệ thống xử lý nước thải chung cho Khu công nghiệp Biên Hòa II để đảm bảo nước thải trước khi chảy ra sông Đồng Nai đã được xử lý đạt giới hạn cho phép tại cột A của tiêu chuẩn nước thải công nghiệp (TCVN 5945-1995) theo Luật môi trường của Nhà nước Việt nam.

1.3.2.1. Trong trường hợp Bên B không muốn sử dụng hệ thống xử lý nước thải chung của Khu công nghiệp mà muốn tự mình xử lý nước thải thì :

+ Phải được sự đồng ý của Bên A và phê chuẩn của Ban quản lý Khu công nghiệp.

+ Phải cam kết nước thải sau khi tự xử lý sẽ đạt giới hạn cho phép tại cột A của tiêu chuẩn nước thải công nghiệp (TCVN 5945-1995) theo Luật môi trường của Nhà nước Việt nam

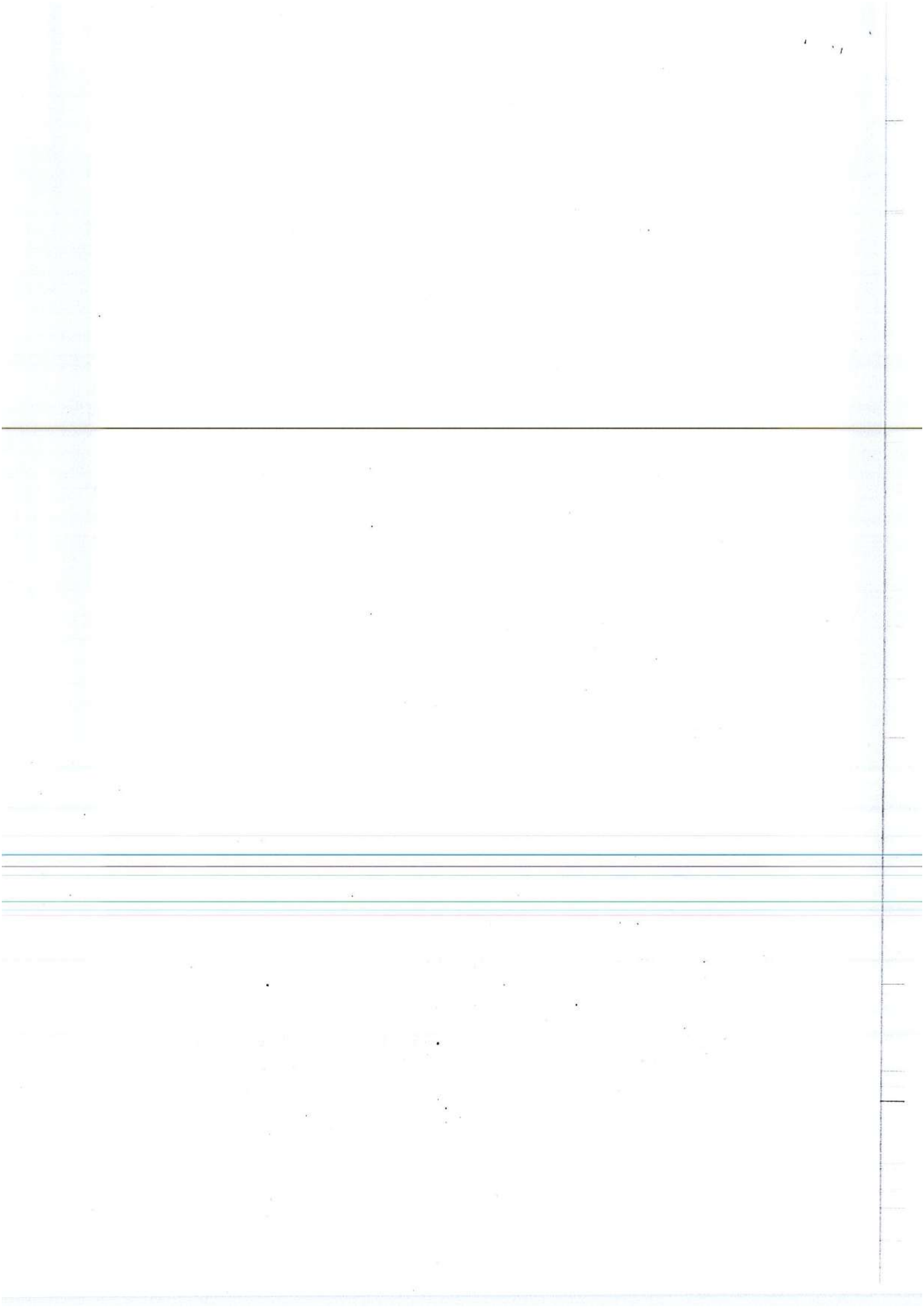
+ Việc xử lý nước thải của Bên B sẽ chịu sự quản lý, kiểm tra của Bên A và các cơ quan quản lý môi trường.

1.3.2.2. Trong trường hợp Bên B muốn sử dụng hệ thống xử lý nước thải chung của Khu công nghiệp thì :

+ Phải thông báo bằng văn bản cho Bên A biết.

+ Phải cam kết, bằng phí tổn của mình, sẽ xử lý nước thải trong phần đất thuê đạt tiêu chuẩn theo Bản tiêu chuẩn nước thải đính kèm (Phụ lục 1) trước khi chảy vào hệ thống xử lý chung của Khu công nghiệp Biên Hòa II.

+ Phí xử lý nước thải được tính trên khối lượng nước thải của nhà máy, mức phí do Ban Quản lý Khu công nghiệp phê chuẩn nhưng không nhiều hơn so với các khu công nghiệp khác cùng loại tại Việt Nam. Bên B trả phí xử lý chất thải hàng tháng theo Giấy báo của Bên A.



#### 1.4 THỜI HẠN THUÊ ĐẤT :

Thời hạn thuê đất là 20 ( hai mươi ) năm kể từ ngày 25 tháng 6 năm 1996. Khi hết hạn thuê đất nếu Giấy phép Đầu tư của Bên B được Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư gia hạn thì thời hạn thuê đất cũng được Bên A xem xét cho gia hạn tương ứng. Giá tiền thuê đất trong thời gian gia hạn thêm sẽ được hai bên thảo luận theo giá thời điểm phù hợp với các quy định của Nhà nước Việt Nam.

#### ĐIỀU II : QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

2.1. Kể từ ngày ký Bản Hợp đồng này, Bên B được quyền đo đạc, khảo sát, khoan địa chất công trình phục vụ cho việc xây dựng nhà máy, xí nghiệp trên phần đất thuê.

2.2. Bên B được phép bắt đầu xây dựng nhà xưởng và triển khai dự án trên khu đất thuê sau khi :

- Nhận được giấy phép xây dựng,
- Trả đầy đủ các khoản tiền nêu tại Điều 1.1 và 1.2
- Ký bản ghi nhớ các tiêu chuẩn tổng quát cho nhà thầu xây dựng được đề cập theo phụ lục đính kèm trong Bản Hợp Đồng này.

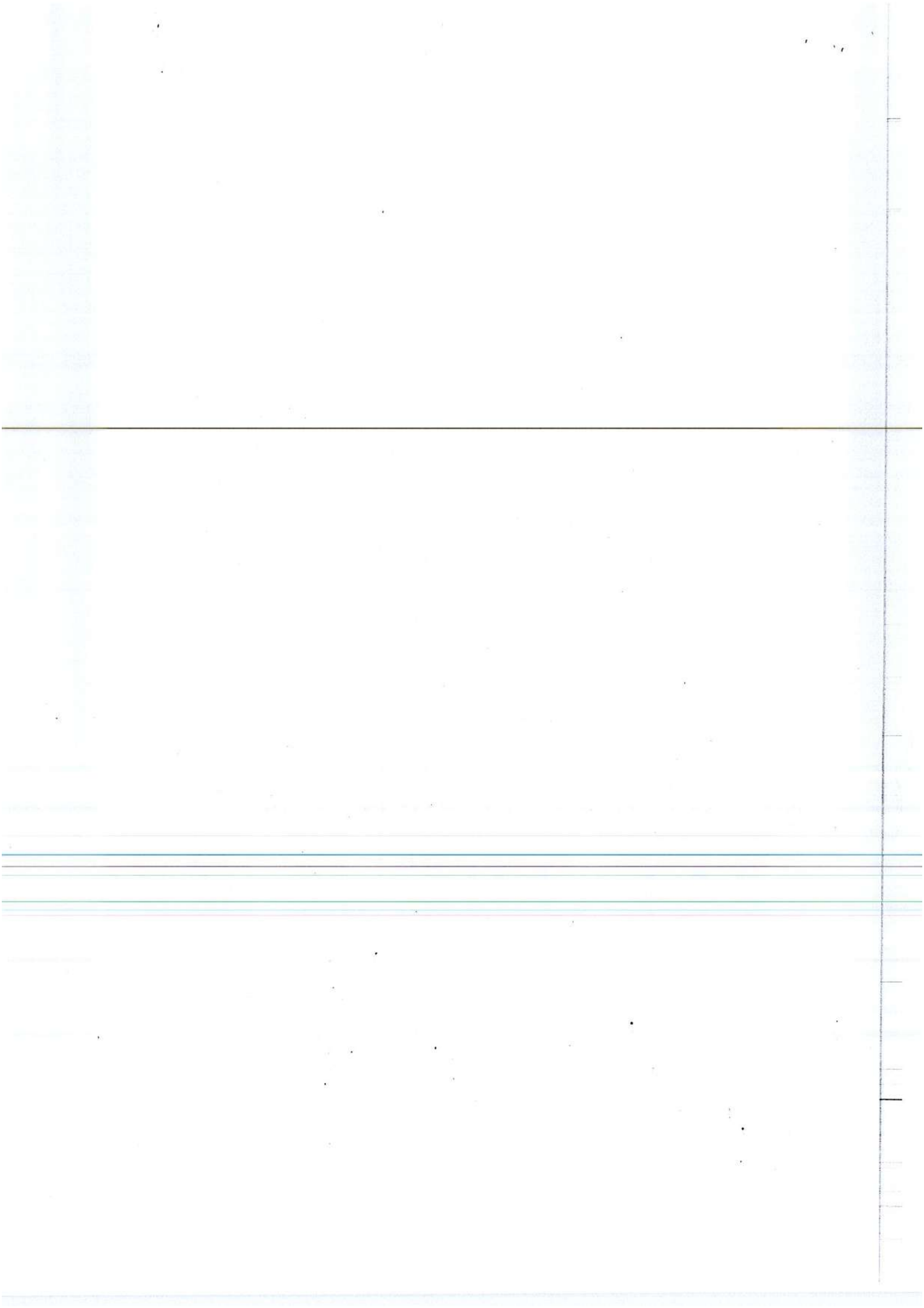
2.3. Nhà xưởng, nhà kho, văn phòng, hay vật kiến trúc được xây cất hay tạo ra trên khu đất thuê là tài sản của Bên B . Bên B được quyền thế chấp tại ngân hàng Việt Nam giá trị tài sản của mình gắn liền với quyền sử dụng đất để vay vốn cho sản xuất.

#### ĐIỀU III : CAM KẾT CỦA BÊN A ĐỐI VỚI KHU ĐẤT CHO THUÊ.

3.1. Bên A sẵn sàng giúp đỡ Bên B tiến hành các thủ tục cần thiết để Bên B nhận được Giấy phép xây dựng, Giấy phép xuất nhập khẩu, Giấy đăng ký chế độ kế toán cũng như các công việc khác theo sự ủy thác của Bên B với mức phí thấp nhất do hai Bên thỏa thuận.

3.2. Bên A cam kết dành cho Bên B trọn quyền sử dụng đất để thực hiện dự án như giấy phép đầu tư đã được cấp và quyền này không bị tước đoạt dưới bất cứ hình thức nào.

3.3. Bên A đồng ý cung cấp dịch vụ thông tin : điện thoại, fax ... bằng mạng thông tin chuyên dùng của khu công nghiệp đến khu đất thuê. Tiền lắp đặt và cước phí sử dụng dịch vụ thông tin Bên B trả cho Bên A theo qui định của Tổng Công ty Bưu chính viễn thông.



3.4. Bên A chịu trách nhiệm xây dựng đường dây điện 22 KV đến trước tường rào của khu đất thuê vào cuối năm 1996 để cấp điện cho trạm biến áp của Bên B với công suất là 100 KVA. Bên B sẽ trả cho Công ty Điện Lực số tiền cho máy biến thế và chi phí lắp đặt theo giá biểu chính thức. Bên B sẽ ký hợp đồng sử dụng điện với Công ty Điện Lực và trả mọi khoản phí tổn do sử dụng điện cho Công ty Điện Lực. Việc quản lý lưới điện và cung cấp điện năng do Công ty Điện Lực thực hiện.

3.5. Bên A chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống cấp nước đến khu đất Bên B thuê để cung cấp với lượng nước khoảng 40 m<sup>3</sup> ngày đêm. Phí tổn về đồng hồ nước, đường ống nối từ đường phân phối đến đồng hồ nước của Bên B do Bên A chịu. Bên B sẽ ký hợp đồng sử dụng nước và trả tiền nước cho Bên A. Chất lượng nước do Công ty Cấp nước Đồng nai thực hiện.

3.6. Bên A có trách nhiệm bảo trì, quản lý cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Biên Hòa II trong suốt thời gian cho thuê đất.

3.7. Thực hiện việc cấm mốc và giao đất chính thức cho Bên B chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày nhận được các khoản tiền của Bên B ghi tại Điều 1.1 và 1.2 của Bản hợp đồng này

#### **ĐIỀU IV : CAM KẾT CỦA BÊN B TRONG QUÁ TRÌNH THUÊ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT Ở KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA II.**

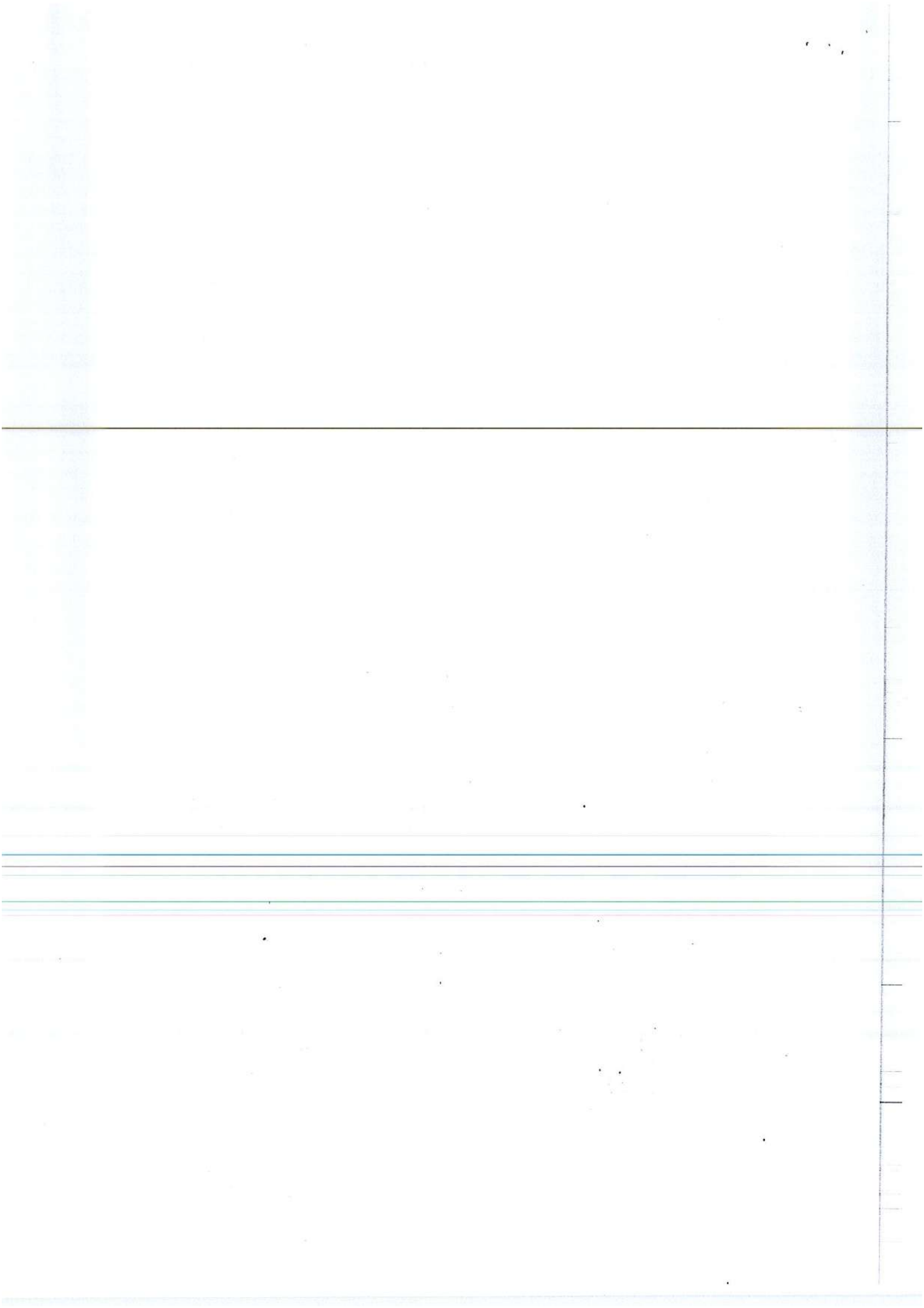
4.1. Bên B sẽ sử dụng đất vào mục đích như Giấy phép đầu tư quy định và tuân thủ theo đúng luật pháp Việt Nam cũng như các điều khoản trong Bản Hợp Đồng này.

4.2. Bên B khẩn trương chuẩn bị mọi hồ sơ cần thiết để xin giấy phép xây dựng nhà máy.

4.3. Bên B sẽ xây dựng nhà máy và điều hành sản xuất, kinh doanh trên khu đất đã thuê theo đúng nội dung của Giấy phép đầu tư và các qui định cụ thể của Khu Công nghiệp Biên Hòa II.

4.4. Bên B chịu mọi khoản thuế theo qui định của Giấy phép đầu tư và các khoản thuế khác theo qui định của Luật pháp Việt Nam.

4.5. Bên B có thể bán toàn bộ hay một phần tài sản thuộc quyền sở hữu của mình trên khu đất thuê trên cơ sở tuân thủ theo đúng Luật pháp Việt Nam và các qui định cụ thể của Khu Công nghiệp Biên Hòa II cũng như của Bản Hợp đồng này. Người mua phải ký lại Hợp đồng thuê đất với Bên A, cam kết bằng văn bản về việc chấp hành của Luật pháp Việt Nam và mọi qui định của Khu công nghiệp Biên Hòa II.



4.6. Bên B sẽ hoàn tất việc xây dựng và đưa nhà máy vào hoạt động trong thời gian 12 tháng kể từ khi ký Bản Hợp đồng này.

4.7. Bên B cần chuẩn bị một bể chứa nước hoặc tháp nước riêng bằng phí tổn của mình để dự trữ nước trong trường hợp thiếu nước và để duy trì áp suất nước ổn định trong quá trình sử dụng.

4.8. Bên B sẽ ký một Bản thỏa thuận về xây dựng kèm theo dưới đây với Bên A trước khi bắt đầu xây dựng.

Bên B sẽ nhận được sự thỏa thuận của Bên A bằng văn bản về cách bố trí nhà máy của mình trước khi nộp đơn xin giấy phép xây dựng đồng thời sẽ nộp bản vẽ thiết kế mặt bằng tổng thể, cấp thoát nước, cấp điện, san nền, bản vẽ tường rào và bản vẽ kiến trúc mặt chính của nhà máy cho Bên A trước khi bắt đầu xây dựng. Bên A bảo đảm giải quyết công việc một cách nhanh chóng để không làm ảnh hưởng đến công tác xây dựng của Bên B.

4.9. Bên B cam kết tuân thủ đúng các quy định của Luật bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam.

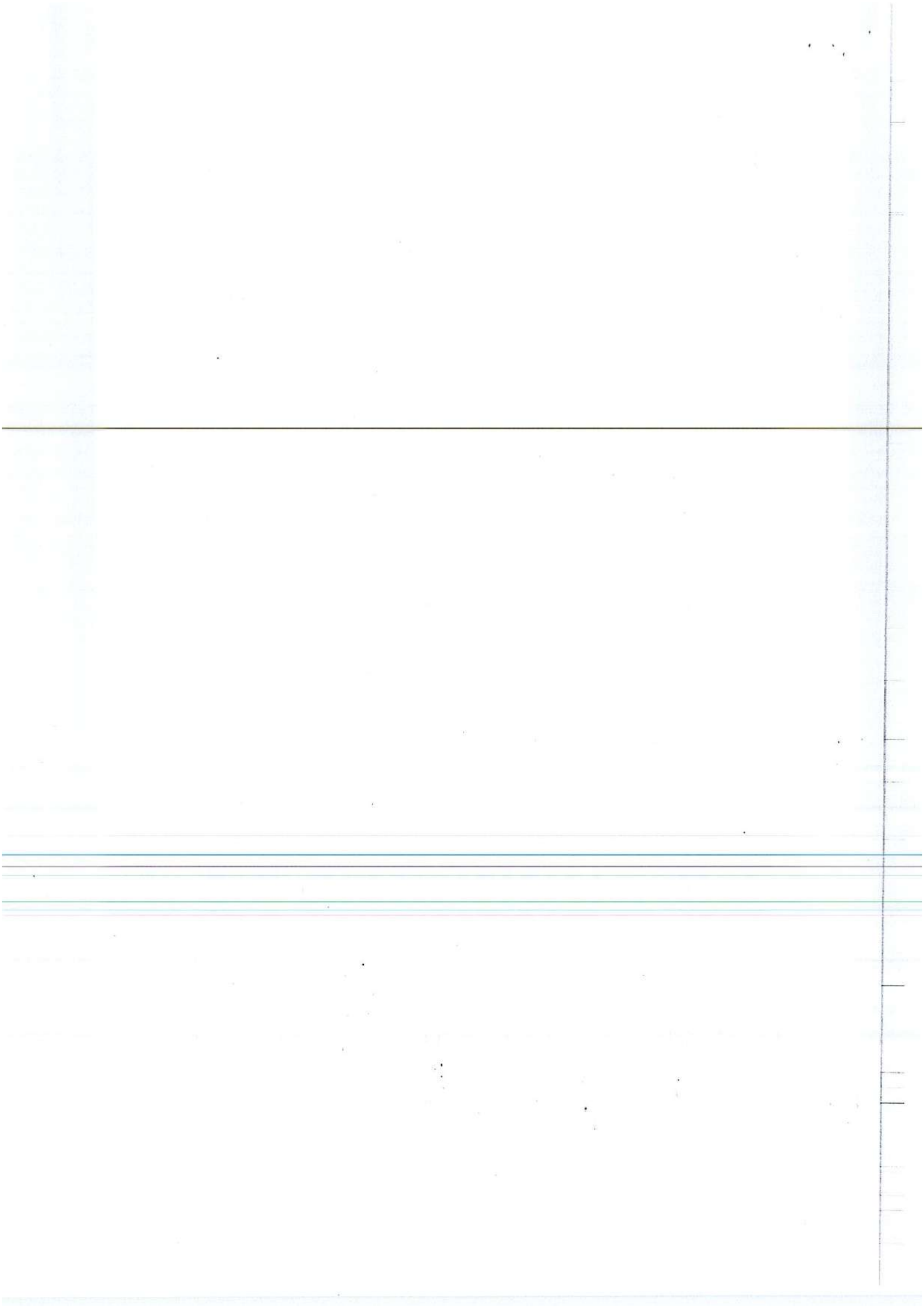
4.10. Bên B chịu trách nhiệm và sẽ bồi thường đầy đủ cho Bên A mỗi khi Bên A chịu thiệt hại về bất cứ lý do nào phát sinh do việc làm cố ý hay không cố ý của Bên B hay nhân viên hoặc người thừa hành của Bên B gây ra.

4.11. Chậm nhất trong vòng 10 ngày kể từ khi ký Bản Hợp đồng thuê đất này, Bên B phải nộp các khoản tiền đề cập ở điều 1.1 và 1.2 cho Bên A để thực hiện các thủ tục giao nhận đất.

## **ĐIỀU V : CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

5.1. Vào cuối thời gian thuê như đã nói ở điều 1.4 Bản hợp đồng thuê đất này sẽ chấm dứt nếu đơn xin gia hạn đầu tư không được chính phủ Việt Nam chấp thuận, Bên B đồng ý ngừng hoạt động và dọn dẹp các kiến trúc, thiết bị, vật liệu, ... khỏi khu đất đã thuê trong vòng 90 ngày kể từ ngày hết hạn thuê đất và tự chịu mọi phí tổn, đồng thời giao lại mặt bằng sạch cho Bên A.

5.2. Nếu Bên B không trả tiền đúng ngày như đã nói ở điều I Bên A có quyền tính tiền lãi trên khoản tiền trả chậm mà không cần thông báo bằng văn bản cho Bên B theo lãi suất 10 %/năm cho đến khi Bên A nhận được khoản tiền trả trễ hay đến ngày Bản Hợp đồng thuê đất này bị Bên A chấm dứt do việc Bên B không trả tiền thuê đúng hạn.



## **ĐIỀU VI : VIỆC MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG.**

Các Bên đồng ý miễn trừ trách nhiệm về sự mất mát, tổn thương, trễ nải, thiệt hại hay bất cứ tổn thất nào xảy đến cho Bên kia do những sự phê duyệt qui chế hay hướng dẫn của Chính Phủ, do việc bộc phát tình trạng khẩn trương, các hoạt động thù nghịch chiến tranh, các chấn động dân sự, bạo loạn, bệnh dịch, bão táp, hỏa hoạn hay những nguyên nhân tương tự xảy ra bên ngoài tầm kiểm soát của Bên kia.

## **ĐIỀU VII : NGÔN NGỮ, SỬA ĐỔI VÀ BÃI MIỄN.**

7.1. Tiếng Việt và tiếng Anh được dùng làm ngôn ngữ để cắt nghĩa các nội dung của Bản Hợp đồng này. Trong trường hợp có sự không đồng nhất giữa hai ngôn ngữ thì tiếng Việt được dùng là ngôn ngữ để giải thích. Bản Hợp đồng này sẽ do luật pháp Việt Nam chi phối và ràng buộc các Bên.

7.2. Trừ khi được hai bên đồng ý bằng một văn bản khác, các quyền và nghĩa vụ qui định tại Bản Hợp đồng này không được cải biến, sửa đổi, chuyển nhượng bởi một trong hai Bên mà không được sự đồng ý của Bên kia.

7.3. Việc một bên không áp dụng bất cứ một điều khoản nào trong Bản Hợp đồng này sẽ không tạo nên sự bãi miễn của điều khoản đó hay các tác động, chi phối của nó đến các điều khoản khác của Bản Hợp đồng.

## **ĐIỀU VIII : XỬ LÝ VI PHẠM.**

Các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng trước hết phải được hai Bên giải quyết qua con đường thương lượng hòa giải. Trong trường hợp thương lượng hòa giải không giải quyết được tranh chấp thì hai Bên sẽ đồng ý đưa vụ tranh chấp đó ra Tòa Án Kinh tế Tỉnh Đồng Nai hoặc một tòa án có thẩm quyền khác của Việt Nam do hai Bên thỏa thuận để phân xử và hai Bên chịu sự phán quyết theo quyết định của Tòa án trên.



**ĐIỀU IX : ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

Bản Hợp đồng này thay thế cho tất cả các thỏa thuận bằng lời nói hay các trao đổi cam kết bằng văn bản trước đây.

Mọi điều khoản không được quy định cụ thể tại bản Hợp đồng này sẽ được các Bên thực hiện theo Luật pháp Việt nam.

Bản Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản tiếng Việt và bốn (04) bản tiếng Anh, mỗi bên giữ hai (02) bản tiếng Việt và hai (02) bản tiếng Anh. Cả hai bên đã đọc nội dung, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận là thể hiện đúng ý định của mình.



*Chu Chi Chiu*

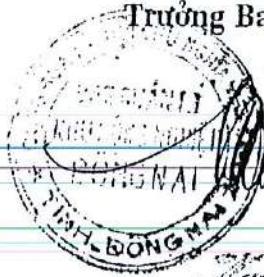
**ĐẠI DIỆN BÊN B**



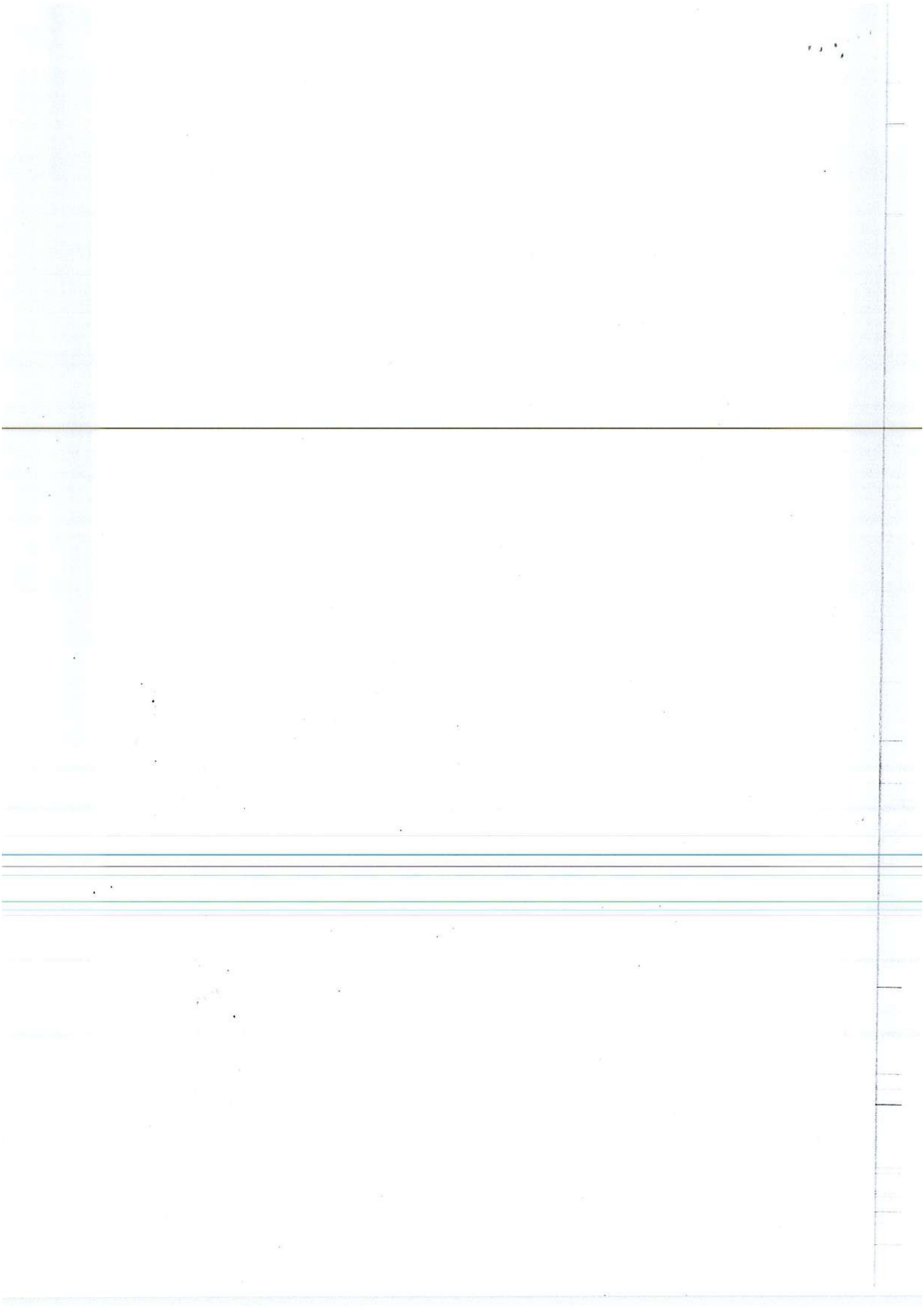
**XÁC NHẬN CỦA BAN QUẢN LÝ KCN ĐỒNG NAI**

Ngày 04 tháng 03 năm 1996

Trưởng Ban



*Nguyễn Văn Thành*



**PHỤ LỤC**  
**HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT VÀ SỬ DỤNG HẠ TẦNG**  
**TẠI KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HOÀ 2**  
**Số: 46/HĐTĐ/BH2.PL1**

- Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Biên Hòa 2 số 46/HĐTĐ/BH2 ngày 30/9/2010 ký giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình và Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam (sau đây gọi là "**Hợp đồng**");
- Căn cứ văn bản số 05/15/CY ngày 02/7/2015 về việc gia hạn hợp đồng thuê lại đất của Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam;

Bản Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Biên Hòa 2 số 46/HĐTĐ/BH2.PL1 (sau đây gọi là "**Phụ lục 01**") được ký ngày 07 tháng 01 năm 2016 giữa hai Bên:

**BÊN CHO THUÊ (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG BÌNH**

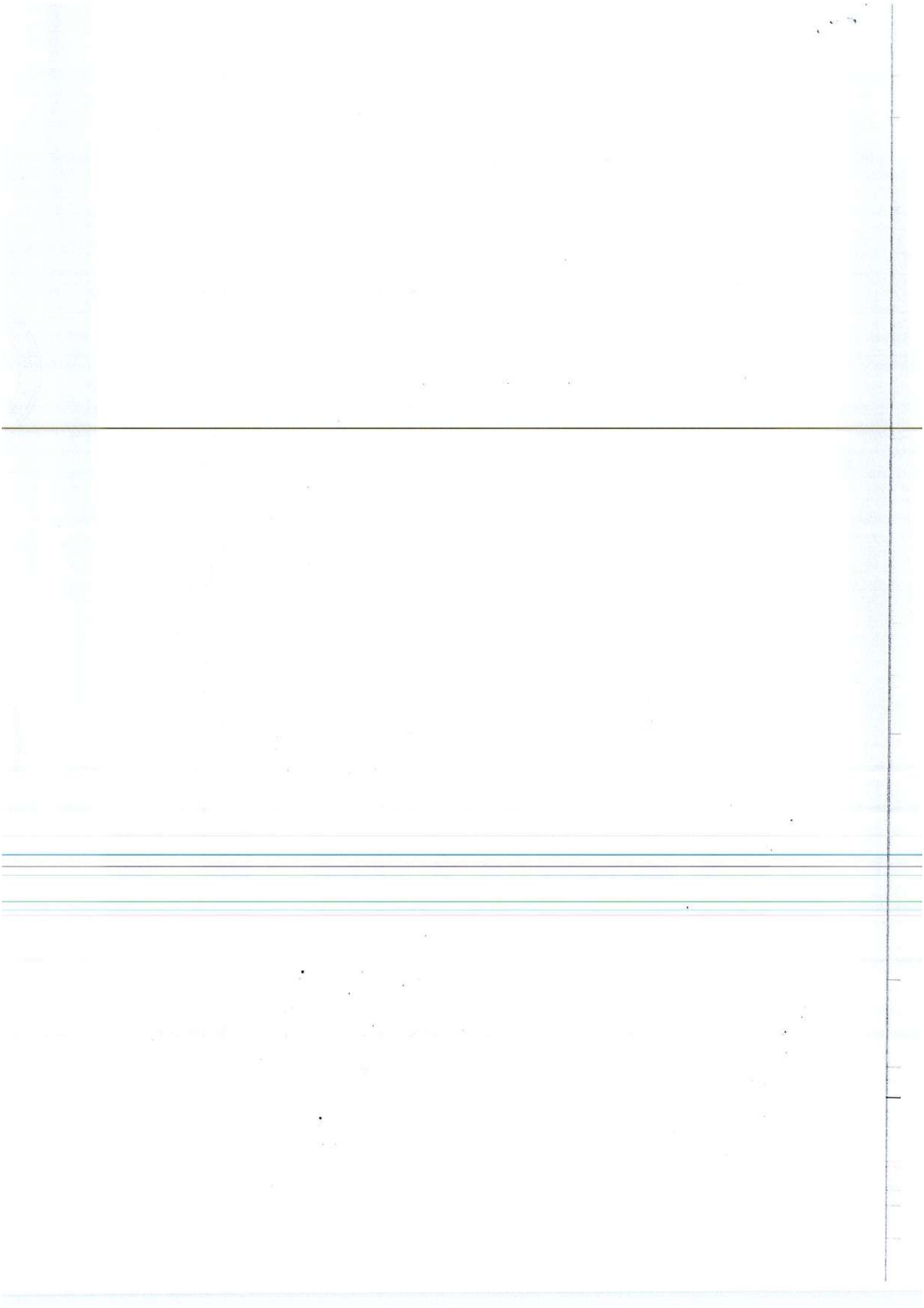
- Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 3601867699 ngày 01/7/2009 và thay đổi lần thứ hai ngày 11/05/2015 do Sở KHĐT Đồng Nai cấp.
- Địa chỉ : Số 1, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Biên Hòa – Đồng Nai
- Điện thoại : 061. 3834 700 Fax: 061.3835 164
- Số tài khoản : 102010000267676 Tại NH Công thương KCN Biên Hòa
- Mã số thuế : 3 6 0 1 8 6 7 6 9 9
- Người đại diện : Bà **LƯƠNG MINH HIỀN**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

**BÊN THUÊ (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU VIỆT NAM**

- Giấy chứng nhận đầu tư số 472033000212 ngày 25/6/1996, điều chỉnh lần thứ ba ngày 04/9/2015 Ban quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.
- Địa chỉ : Số 12, Đường 3A, khu công nghiệp Biên Hòa 2, Đồng Nai
- Điện thoại : 0613-832 911
- Fax : 0613-836 912
- Mã số thuế : 3600 358 427
- Người đại diện : Ông **CHEN SHUI MING**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Xét vì Bên B có nhu cầu gia hạn thời gian thuê lại đất cho khu đất thuê với diện tích **28.648,5 m<sup>2</sup>** tại KCN Biên Hòa 2 để tiếp tục hoạt động sản xuất, hai Bên đã cùng nhau thảo luận và đồng ý ký Phụ lục 01 với nội dung và điều khoản như sau:

**Phần 1:** Thay đổi toàn bộ nội dung Mục 1.2, Mục 1.3 và điều chỉnh nội dung Mục 1.4 tại Điều 1 của Hợp đồng như sau:



## 1.2. Phí sử dụng đất

Phí sử dụng đất bao gồm Tiền sử dụng đất, Phí sử dụng mặt bằng công nghiệp (SDMBCN) và Phí quản lý.

– Từ ngày 26/6/2016 đến hết ngày 31/12/2021, Phí sử dụng đất như sau:

Năm	Tiền sử dụng đất (đồng/m <sup>2</sup> /năm)	Phí SDMBCN (đồng/m <sup>2</sup> /năm)	Phí quản lý (đồng/m <sup>2</sup> /năm)
2016	10.000	70.000	23.500
2017	10.000	72.000	24.000
2018	10.000	74.000	25.000
2019	10.000	76.500	25.500
2020	10.000	78.500	26.500
2021	10.000	81.000	27.000

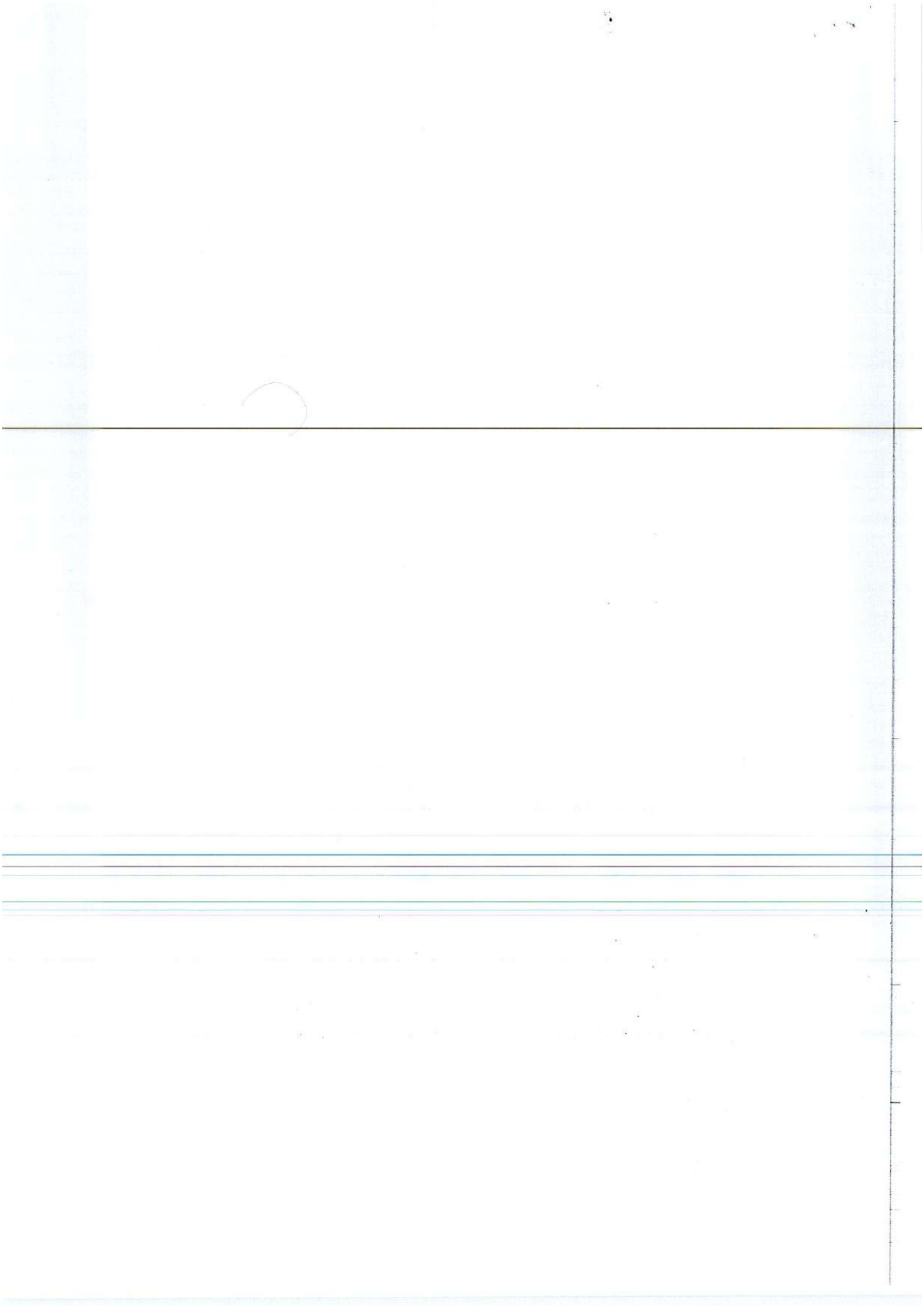
✓ Các đơn giá nêu trên chưa bao gồm Thuế Giá trị gia tăng.

- Từ ngày 01/01/2022 trở đi: Đơn giá thuê lại đất sẽ được hai Bên thỏa thuận lại theo giá tại thời điểm thỏa thuận.
- Thời hạn thanh toán:
  - + Tiền sử dụng đất: chậm nhất ngày 31/01 hàng năm
  - + Phí quản lý: chậm nhất ngày 31/01 hàng năm
  - + Phí sử dụng mặt bằng công nghiệp:
    - Đợt 1: 50% chậm nhất ngày 28/02 hàng năm
    - Đợt 2: 50% chậm nhất ngày 31/07 hàng năm

## 1.4. Thời hạn thuê lại đất

Thời hạn thuê lại đất kể từ ngày 26 tháng 06 năm 2016 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2036. Khi hết thời hạn thuê, nếu Bên B có nhu cầu gia hạn, Bên B phải gửi văn bản thông báo cho Bên A ít nhất 06 (sáu) tháng trước khi hết thời hạn thuê để Bên A xem xét gia hạn. Phí sử dụng đất trong thời gian gia hạn thêm sẽ được hai Bên thỏa thuận lại theo giá thời điểm phù hợp các quy định của Nhà nước Việt Nam.

**Phần 2: Thay đổi nội dung Mục 1.5: Đồng tiền thanh toán tại Điều 1 của Hợp đồng thành Các khoản thuế và phí khác**



### 1.5. Các khoản thuế và phí khác

- Bên B có trách nhiệm Thuế giá trị gia tăng theo các quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.
- Bên B chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí phát sinh như phí công chứng hoặc phí giao dịch tại Ngân hàng như: phí ngân hàng, phí chuyển tiền ...

### Phần 3: Điều khoản thi hành

- Ngoại trừ nội dung được điều chỉnh trong Phụ lục này, tất cả các điều khoản khác của Hợp đồng đều không thay đổi và giữ nguyên hiệu lực.
- Phụ lục 01 là bộ phận pháp lý không tách rời của Hợp đồng.
- Phụ lục 01 được lập thành bốn (4) bản Tiếng Việt và bốn (04) bản Tiếng Anh, mỗi Bên giữ hai (02) bản Tiếng Việt, hai (02) bản Tiếng Anh có giá trị như nhau.
- Phụ lục 01 có hiệu lực kể từ ngày 26/06/2016. Cả hai Bên đã đọc nội dung, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận là thể hiện đúng ý định của mình.

ĐẠI DIỆN BÊN A  
TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
SONADEZI  
LONG BÌNH

S.Đ.K.Đ. 260  
T. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Lương Minh Hiền

ĐẠI DIỆN BÊN B  
TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CHIEN YOU  
VIỆT NAM

S.G.C.N. 3300021  
T. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Chen Shui Ming



**BẢN GHI NHỚ TỔNG QUÁT VỀ VIỆC XÂY DỰNG  
NHÀ MÁY TẠI KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA II**

Căn cứ Bản Hợp Đồng thuê đất số .A6./HDTT ngày 31. tháng 07 năm 1996 giữa Công ty Phát triển Khu công nghiệp Biên hòa và Công ty TNHH Chien You Việt nam. Hôm nay, ngày 31 tháng 07 năm 1996 tại Biên hòa, Đồng nai .

Chúng tôi gồm :

**BÊN CHO THUÊ ( Bên A) : CÔNG TY PHÁT TRIỂN KCN BIÊN HÒA  
( SONADEZI BIÊN HÒA)**

- Trụ sở : Ngã ba Vũng tàu - Khu công nghiệp Biên Hòa  
Đồng Nai - Việt Nam  
- Điện thoại : 84-61-836318 ; 836136  
- Fax : 84 - 61 - 836250  
- Người đại diện : BÀ CHU THỊ THU  
- Chức vụ : GIÁM ĐỐC

**BÊN THUÊ ( Bên B) : CÔNG TY TNHH CHIEN YOU VIỆT NAM**

- Trụ sở : Khu Công Nghiệp Biên Hòa II  
- Điện thoại :  
- Fax :  
- Người đại diện : Ông CHEN YEN JEN  
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết bản Ghi nhớ tổng quát về việc xây dựng nhà máy tại khu công nghiệp Biên hòa với các điều khoản sau:

**ĐIỀU I : ĐƠN VỊ THẦU XÂY DỰNG.**

Bên B có quyền chọn lựa đơn vị thầu xây dựng để ký kết hợp đồng xây dựng đối với các hạng mục công trình của mình trong phạm vi khu đất thuê. Đơn vị thầu xây dựng phải được Nhà nước Việt nam đồng ý cho phép tiến hành các hoạt động xây dựng tại Việt nam.



### ĐIỀU III: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A.

- Bàn giao ranh giới khu đất và giải phóng mặt bằng đối với khu đất bên B thuê đúng thời hạn đã ghi trong Bản Hợp đồng.

- Thông qua các bản vẽ về cách bố trí nhà máy; mặt bằng tổng thể; cấp, thoát nước; cấp điện; san nền một cách nhanh chóng để không làm ảnh hưởng tới công việc xây dựng của Bên B.

### ĐIỀU IV: YÊU CẦU KỸ THUẬT

- Tỷ lệ các công trình có mái che tối đa không được vượt quá 51% trên tổng diện tích đất thuê và phải cách tường rào nhà máy ít nhất 7 mét.

- Ít nhất 15% trên tổng diện tích đất thuê được dùng để trồng cây xanh, thảm cỏ.

- Tường rào tiếp giáp giữa nhà máy và đường giao thông chung phải xây thoáng ( hàng rào lưới hoặc hàng rào song)

- Hệ thống đường ống, đường mương dẫn nước mưa và nước thải phải được xây dựng riêng rẽ và cách ly nhau.

- Độ cao san nền được thực hiện theo quy định hoặc thỏa thuận với Bên A.

### ĐIỀU V: CAM KẾT.

Hai bên cam kết thực hiện đúng các nội dung đã ghi trong bản ghi nhớ này. Nếu một Bên không thực hiện bất cứ một điều khoản nào thì phải bồi thường mọi khoản thiệt hại do việc làm đó gây ra.



*Chu Chí Châu*

ĐẠI DIỆN BÊN B





UBND TỈNH ĐỒNG NAI

SỞ XÂY DỰNG

CS\*20

SỐ : 244/SXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CS\*20

Biên Hòa, ngày 16 tháng 6 năm 1997

### VĂN BẢN THỎA THUẬN KẾT QUA KIỂM TRA TKKT

- Kính gửi : - Công ty TNHH. CHIEN YOU (VIỆT NAM)  
- Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc Miền Nam  
- Công ty Kiểm định Xây dựng Sài Gòn

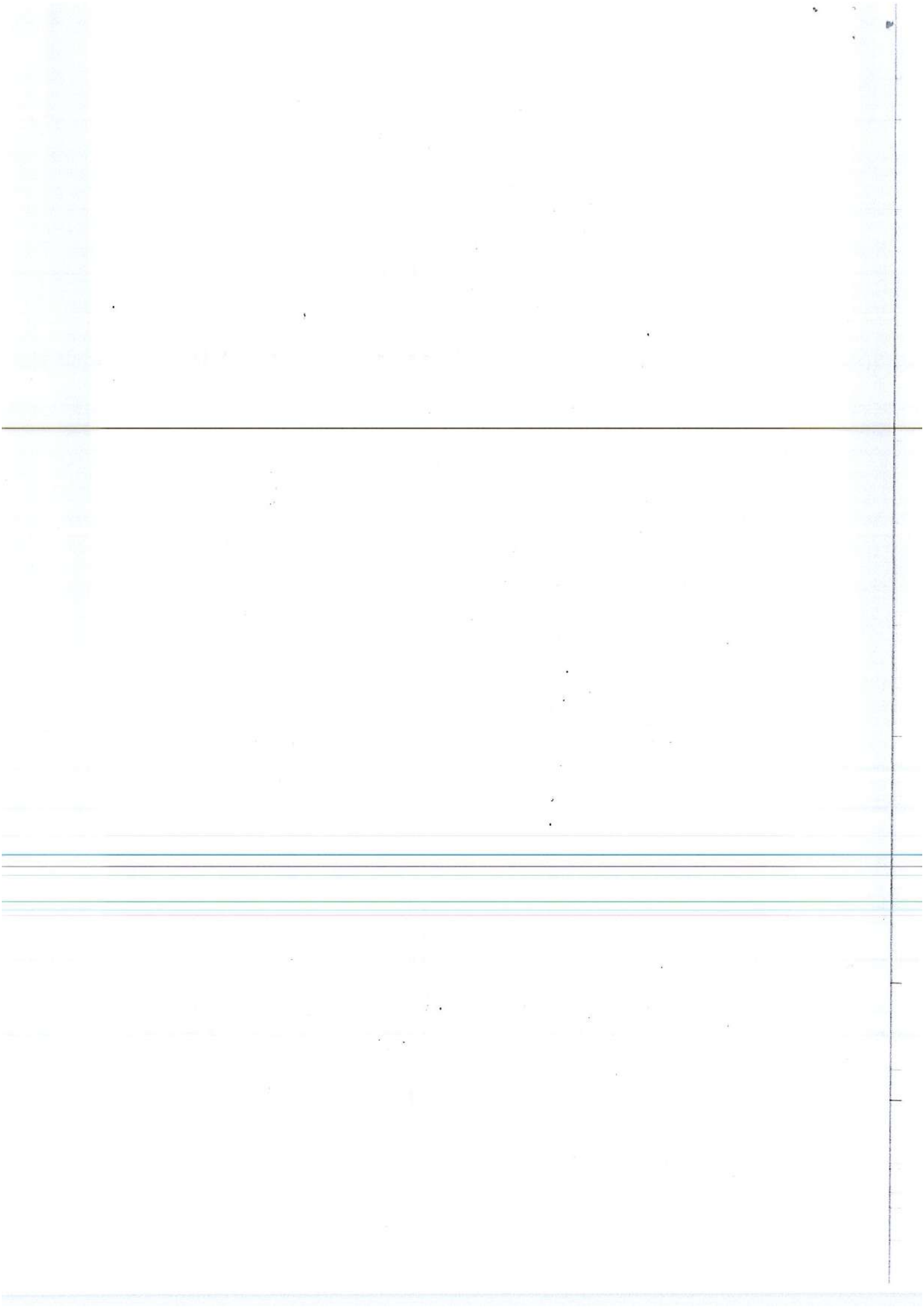
Sở Xây Dựng Đồng Nai đã nhận hồ sơ xin thẩm định TKKT công trình : Nhà máy sản xuất các loại : khung giàn kéo, thiết bị romoóc, thùng, bồn chuyên dùng và từ đó lắp ráp thành các loại romoóc chuyên dùng, của Công ty TNHH CHIEN YOU VIỆT NAM do Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc Miền Nam thực hiện.

Qua xem xét thẩm định hồ sơ TKKT công trình, Sở Xây Dựng có ý kiến như sau :

#### I. Về thủ tục hồ sơ ban đầu :

Sở Xây Dựng đã nhận được các tài liệu sau :

- Giấy phép đầu tư số : 1607/GP ngày 25-6-1996 của Bộ Kế Hoạch và đầu tư cấp.
- Dự án đầu tư xin thành lập Công ty.
- Hợp đồng thuê đất để xây dựng Nhà máy số : 46/HĐTD ngày 31-7-1996 giữa Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Biên Hòa và Công ty TNHH CHIEN YOU VIỆT NAM, với diện tích 44.645 m<sup>2</sup> tại lô đất số 33 Khu Công nghiệp Biên Hòa II Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai (kèm theo sơ đồ cắm mốc giao đất).
- Quyết định phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án số : 245/QĐQLMT ngày 22-5-1997 của Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Tỉnh Đồng Nai cấp.
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án do Viện môi trường và tài nguyên Cefinea lập.
- Giấy chứng nhận thỏa thuận về thiết kế và thiết bị PCCC công trình số : 18/97/PC23 ngày 10-4-1997 của Công An Tỉnh Đồng Nai (kèm theo bảng đối chiếu)



- Tài liệu khảo sát địa chất công trình do Viện nghiên cứu Khoa học Thủy lợi Nam bộ thực hiện.

- Giấy phép hành nghề của đơn vị thực hiện lập TKKT và thẩm tra TKKT công trình.

- Kết quả thẩm tra TKKT số : 62/KĐ/BC-TK ngày 31-03-1997 của Công ty Kiểm định Xây dựng Sài Gòn.

- Văn bản xin thẩm định hồ sơ TKKT công trình của Công ty.

## **II. Về quy hoạch kiến trúc :**

Qua nghiên cứu phương án thiết kế, bố trí tổng mặt bằng công trình, có ý kiến như sau :

### **1. Tổng mặt bằng bố trí các hạng mục công trình :**

- Các hạng mục thiết kế được thực hiện trong diện tích đất được thuê  
- Mật độ xây dựng các hạng mục công trình có mái che, đảm bảo mật độ xây dựng theo quy định.

- Diện tích bố trí trồng cây xanh thảm cỏ đạt yêu cầu quy định.

- Có dự trữ khu đất trống dự kiến phát triển mở rộng theo các giai đoạn.

### **2. Thống nhất phương án thiết kế của các hạng mục công trình đã thực hiện lập TKKT gồm :**

- Xưởng sản xuất :	36m x 168,2m	=	6.055 m <sup>2</sup>
- Nhà văn phòng	26,4m x 15m x 2	=	792 m <sup>2</sup>
- Nhà bảo vệ	5,5m x 4,3m	=	23 m <sup>2</sup>
- Nhà ăn	20m x 7,5m	=	150 m <sup>2</sup>
- Nhà xe	28m x 6m	=	168 m <sup>2</sup>

- Hệ thống cấp nước

- Hệ thống thoát nước

- Hệ thống cấp điện

### **3. Đề nghị cần bổ sung thiết kế các hạng mục sau :**

- Cổng + tường rào

- Hệ thống đường nội bộ

- Hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống cây xanh thảm cỏ

- Thiết kế sân nền

- Trạm hạ thế

- Tháp nước



### III. Những vấn đề cần lưu ý sửa đổi bổ sung :

1. *Đối với thiết kế san nền* : Khi thực hiện thiết kế, đề nghị cần tham khảo ý kiến của Công ty Sonadezi để xác định cao độ san nền cho phù hợp với quy hoạch chung trước khi tiến hành thi công.

- Không đặt chân móng công trình trên nền đất đắp.

2. *Đối với hệ thống thoát nước* : đề nghị đơn vị thiết kế và Chủ đầu tư, phải xây dựng hệ thống thoát nước thải sản xuất tách biệt và riêng rẽ với hệ thống thoát nước thải sinh hoạt và phải được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định mới được thoát ra hệ thống thoát nước chung.

3. *Đối với thiết kế tường rào* : Khi thực hiện thiết kế, đề nghị cần lưu ý

- Các mặt tường rào tiếp giáp với giao thông bên ngoài phải xây dựng thoáng đẹp, hài hòa với công trình xung quanh.

- Móng tường rào phải được đặt trong diện tích đất được thuê.

4. *Đối với hệ thống cây xanh thảm cỏ* : Đề nghị đơn vị thiết kế và chủ đầu tư cần nghiên cứu bố trí thiết kế diện tích trồng cây xanh, thảm cỏ trong nhà máy, đảm bảo mỹ quan, cải tạo môi trường, với diện tích tối thiểu đạt 15% diện tích đất được thuê.

#### 5. Về kết quả thẩm tra thiết kế kỹ thuật :

Sở Xây Dựng chấp thuận tư cách pháp nhân để thẩm tra TKKT công trình của Công ty Kiểm định Xây dựng Sài Gòn thực hiện tại văn bản số 62/KĐ/BCTK ngày 31-03-1997, Công ty Kiểm định Xây dựng Sài Gòn hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định của mình.

Đề nghị Chủ đầu tư cần rút kinh nghiệm trong công việc trình duyệt hồ sơ TKKT cho đúng quy định, (Sở Xây Dựng là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ thẩm định TKKT).

#### 6. Những lưu ý khác :

- Đề nghị cần xác định quy mô và diện tích khu vệ sinh trong nhà xưởng cho phù hợp, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của công nhân được thuận lợi.



- Đề nghị cần có biện pháp xử lý trách tạt mưa ở cửa trời trong nhà xưởng.

- Không chấp thuận bố trí phòng ngủ cho CB-CNV trong Nhà hành chính, đề nghị cần bố trí chức năng khác. Trường hợp Công ty có nhu cầu nơi ăn ở cho công nhân viên, đề nghị liên hệ với Sở Xây Dựng để hướng dẫn giải quyết.

- Trong quá trình lắp dựng các vì kèo thép khi thi công, đề nghị cần kiểm tra lại các mối hàn liên kết (độ dài, chiều cao đường hàn) về cường độ và tuân thủ các quy trình lắp dựng theo quy định.

#### 7. Môi trường :

Đề nghị chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các ý kiến đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án do Sở Khoa học Công nghệ Môi trường Tỉnh cấp.

#### 8. Về an toàn PCCC :

Yêu cầu chủ đầu tư và đơn vị thiết kế cần thực hiện theo các vấn đề thỏa thuận theo giấy chứng nhận về thiết kế và thiết bị PCCC của Công an Tỉnh Đồng Nai cấp.

#### IV. Kết luận :

- Chấp thuận thẩm định hồ sơ TKKT công trình

- Đề nghị Chủ đầu tư và đơn vị thiết kế cần bổ sung và lưu ý các vấn đề đã nêu ở mục 3 phần II và phần III trước khi thi công.

- Đơn vị Chủ đầu tư, đơn vị thiết kế và Công ty Kiểm định Sài Gòn, chịu trách nhiệm về các phần việc của mình trước pháp luật về an toàn công trình. Có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Nghị định 42/CP ngày 16-7-1996 về ban hành điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng, Nghị định 12/CP ngày 18-12-1996 về quy định chi tiết thực hiện Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, và Thông tư 01/BXD-CS.XD ngày 15/4/1997 của Bộ Xây Dựng về hướng dẫn quản lý xây dựng các công trình có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài và nhà thầu nước ngoài nhận thầu xây dựng tại Việt Nam.

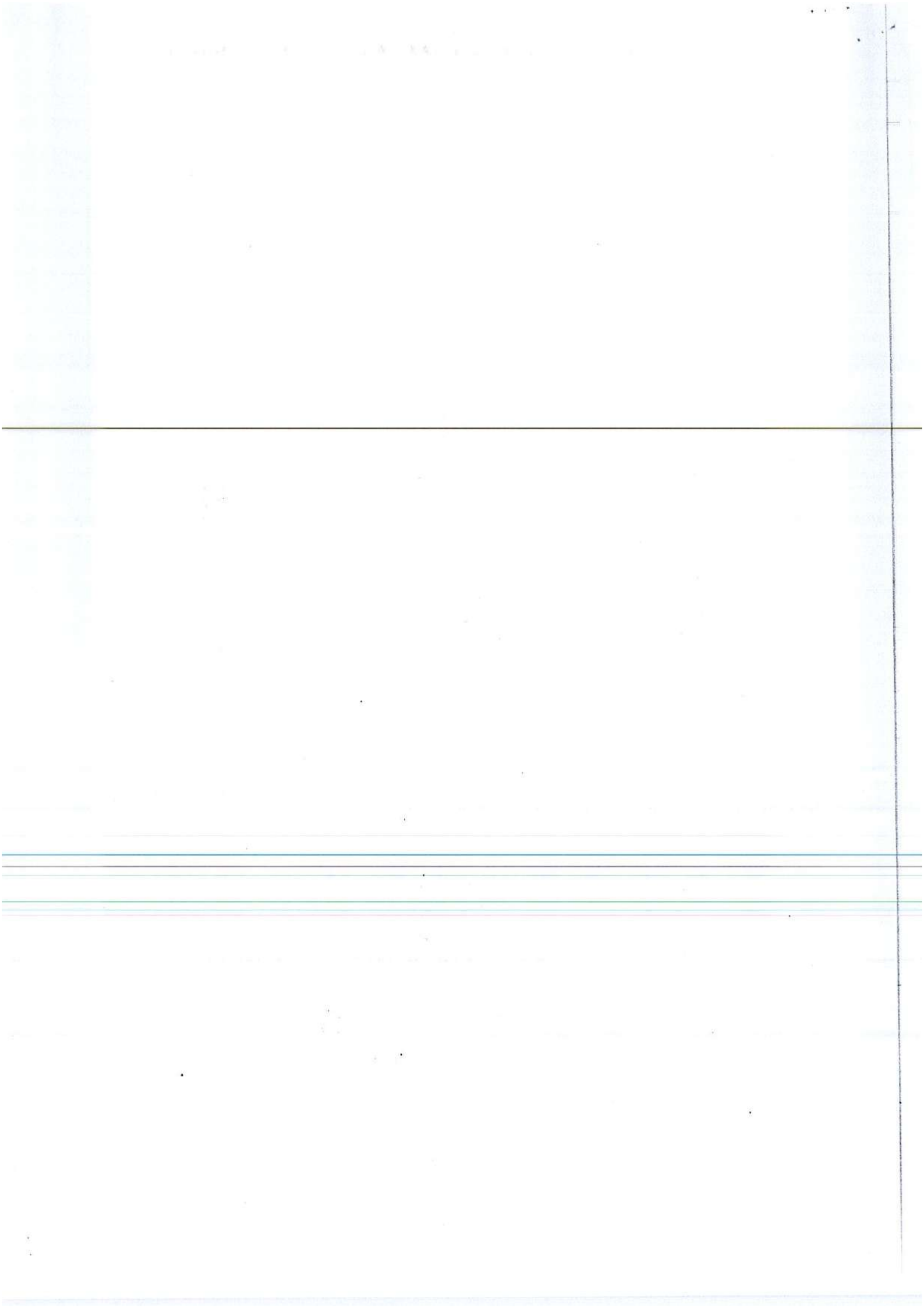
Nơi nhận :

- Như trên
- Phòng XD/CB
- Lưu : VT



GIÁM ĐỐC,

NGUYỄN-CẢNH



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
Số: 01-08/PL.HĐNT-SDV-BH2

- Căn cứ hợp đồng xử lý nước thải số: 08/HĐNT-SDV ngày 01/08/2007 đã ký giữa Công ty TNHH Chien You Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi.

Hôm nay, ngày 27... tháng 12 năm 2010..., tại văn phòng Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Sonadezi, Chúng tôi gồm có:

**BÊN THUÊ XỬ LÝ (BÊN A): CÔNG TY TNHH CHIEN YOU VIỆT NAM**

- Địa chỉ : Số 12 đường 3A Khu công nghiệp Biên Hòa II, ĐN
- Điện thoại : 061.3833 017 Fax :061.3832 912
- Số tài khoản : NA Tại NA
- Mã số thuế : 3600358427-1
- Người đại diện : SHANG JUI TSAN
- Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

**BÊN NHẬN XỬ LÝ (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI**

- Địa chỉ : Số 22B, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2
- Điện thoại : 061. 8890 888 Fax: 061. 8890 199
- Số tài khoản : 0481000043367 Tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Biên Hòa
- Mã số thuế : 3600890938
- Người đại diện : Bà LƯƠNG MINH HIỀN
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Sau khi cùng nhau thảo luận, hai bên đồng ý ký bản Phụ lục Hợp đồng xử lý nước thải với các điều khoản sau:

**ĐIỀU I: Điều chỉnh Phụ lục 1 của Hợp đồng số 08/HĐNT-SDV ngày 01/08/2007 (Giới hạn tiếp nhận vào nhà máy XLNT) như sau:**

Chỉ tiêu điều chỉnh	Giới hạn cũ	Giới hạn điều chỉnh
Coliform	5.000 MPN/100mL	Không giới hạn

**ĐIỀU II: Sửa đổi mục 3.1.1 – Khoản 3.1 – Điều 3 của Hợp đồng số 08/HĐNT-SDV ngày 01/08/2007 như sau:**

**3.1. Phí xử lý nước thải:**



3.1.1. Phí xử lý là **0,32 USD/m<sup>3</sup>** nước thải (chưa có thuế VAT) trong trường hợp thành phần và nồng độ nước thải của Bên A đạt yêu cầu quy định tại Phụ lục 1 đính kèm.

+ Bên A thực hiện thanh toán thuế VAT theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Thời gian áp dụng: từ ngày 01/01/2011.

### ĐIỀU III: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Tiếng Việt và tiếng Anh được dùng làm ngôn ngữ để cắt nghĩa các nội dung của bản phụ lục hợp đồng này. Trong trường hợp không có sự đồng nhất giữa hai ngôn ngữ thì tiếng Việt được dùng làm ngôn ngữ giải thích.
- Tất cả những nội dung không nêu trong phụ lục hợp đồng này đều được thực hiện theo Hợp đồng xử lý nước thải số 08/HĐNT-SDV ngày 01/08/2007 và Luật pháp Việt Nam.
- Phụ lục này là một phần pháp lý không thể tách rời Hợp đồng xử lý nước thải số 08/HĐNT-SDV ngày 01/08/2007.
- Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản Tiếng Việt và 04 bản Tiếng Anh, mỗi Bên giữ 02 bản Tiếng Việt và 02 bản Tiếng Anh có giá trị pháp lý ngang nhau.

#### ĐẠI DIỆN BÊN A



P. TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Phung Jui Tsan*

#### ĐẠI DIỆN BÊN B

TỔNG GIÁM ĐỐC



*Lương Minh Hiền*

## PHỤ LỤC 1

Giới hạn tiếp nhận và tiêu chuẩn nước thải sau xử lý  
của hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Biên Hòa 1 & 2  
Áp dụng kể từ ngày 01/11/2010.

### 1. Giới hạn tiếp nhận vào nhà máy XLNT


Stt	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận
	(1)	(2)	(3)
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	45
2	pH	-	5 – 10
3	Độ màu (ở pH = 7)	Co-Pt	20
4	BOD <sub>5</sub> (20 $^{\circ}\text{C}$ )	mg/l	500
5	COD	mg/l	800
6	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	300
7	Asen (As)	mg/l	0,2
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,1
9	Chì (Pb)	mg/l	0,11
10	Cadimi (Cd)	mg/l	0,01
11	Crom (VI) (Cr <sup>6+</sup> )	mg/l	0,25
12	Crom (III) (Cr <sup>3+</sup> )	mg/l	1,0
13	Đồng (Cu)	mg/l	2,2
14	Kẽm (Zn)	mg/l	3,3
15	Niken (Ni)	mg/l	0,22
16	Mangan (Mn)	mg/l	1,0
17	Sắt (Fe)	mg/l	4,0
18	Thiếc (Sn)	mg/l	1,0
19	Xianua (CN)	mg/l	0,077
20	Phenol	mg/l	0,11
21	Dầu mỡ khoáng	mg/l	20
22	Dầu động thực vật	mg/l	30
23	Clo dư	mg/l	5
24	PCBs	mg/l	0,0033
25	Hoá chất bảo vệ thực vật lân hữu cơ	mg/l	0,33
26	Hoá chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,11
27	Sunfua (S)	mg/l	0,5
28	Florua (F)	mg/l	5,5



Stt	Thông số	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận
	(1)	(2)	(3)
29	Clorua(Cl <sup>-</sup> )	mg/l	800
30	Amoni (tính theo Nito)	mg/l	20
31	Tổng Nito	mg/l	40
32	Tổng Phôpho	mg/l	12
33	Coliform	MPN/100ml	<b>Không giới hạn</b>
34	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,1
35	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1,0

## 2. Tiêu chuẩn nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải

Tiêu chuẩn nước thải đầu ra của nhà máy xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Biên Hòa 1 & 2 được áp dụng theo Quy chuẩn số QCVN 24:2009/BTNMT.

Khi Nhà nước Việt Nam ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn mới thì sẽ điều chỉnh nội dung của tiêu chuẩn nước thải sau xử lý cho phù hợp. 

Đồng Nai, ngày 27 tháng 5 năm 2022

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

Số: 78/GPXD

**1. Cấp cho: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU VIỆT NAM.**

- Địa chỉ: Đường 3A, KCN Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Nhà máy sản xuất (giai đoạn mở rộng).**

- Theo thiết kế: Tại bản vẽ đề nghị cấp phép do Chủ đầu tư phê duyệt.

- Do: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kiến Tín lập thiết kế; chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số DON-00007356 ngày 12/01/2018 do Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai cấp, phạm vi hoạt động: Thiết kế xây dựng công trình công nghiệp Hạng III.

+ Chủ trì thiết kế kiến trúc: Ngô Minh Tâm; chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HAN-00081328 ngày 23/12/2019 do Sở Xây dựng thành phố Hà Nội cấp, phạm vi hoạt động: Thiết kế kiến trúc công trình Hạng II.

+ Chủ trì thiết kế kết cấu: Lê Minh Tùng; chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HCM-00115542 ngày 05/2/2021 do Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh cấp, phạm vi hoạt động: Thiết kế kết cấu công trình công nghiệp Hạng II.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Đất Thành; chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HCM-00045549 ngày 21/9/2020 do Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh cấp, phạm vi hoạt động: Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp Hạng III.

+ Chủ trì thẩm tra thiết kế kiến trúc: Cao Đình Sơn; chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00069261 ngày 27/8/2019 do Cục Quản lý Hoạt động Xây dựng cấp, phạm vi hoạt động: Thiết kế kiến trúc công trình Hạng I.

+ Chủ trì thẩm tra thiết kế kết cấu: Lê Hữu Hoàng; chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HCM-00032176 ngày 19/6/2018 do Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh cấp, phạm vi hoạt động: Thiết kế kết cấu công trình công nghiệp Hạng II.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Đường 3A, KCN Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ Mật độ xây dựng: 35,20 %.

+ Chỉ giới đường đỏ: Theo ranh giới lô đất.

+ Chỉ giới xây dựng: Tối thiểu 6,0 m từ chỉ giới đường đỏ (công trình chính).

- Tổng số công trình: 03 công trình chính, các công trình phụ trợ, cụ thể:

**2.1. Nhà xưởng 02:**

- + Diện tích xây dựng tầng 1 : 2.660,00 m<sup>2</sup>.
- + Tổng diện tích sàn : 2.660,00 m<sup>2</sup>.
- + Chiều cao công trình : + 17,35 m; số tầng: 01.
- + Cốt nền xây dựng : ± 0,00 m (so với cốt mặt đất).
- + Cấp công trình : Cấp III.
- + Màu sắc : Vàng, trắng, xanh.

**2.2. Kho chứa vật tư sản xuất:**

- + Diện tích xây dựng tầng 1 : 357,00 m<sup>2</sup>.
- + Tổng diện tích sàn : 357,00 m<sup>2</sup>.
- + Chiều cao công trình : + 7,30 m; số tầng: 01.
- + Cốt nền xây dựng : ± 0,00 m (so với cốt mặt đất).
- + Cấp công trình : Cấp III.

**2.3. Nhà văn phòng + nhà kho:**

- + Diện tích xây dựng tầng 1 : 105,00 m<sup>2</sup>.
- + Tổng diện tích sàn : 105,00 m<sup>2</sup>.
- + Chiều cao công trình : + 4,00 m; số tầng: 01.
- + Cốt nền xây dựng : ± 0,00 m (so với cốt mặt đất).
- + Cấp công trình : Cấp IV.

**2.4. Các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật:**

- Trạm điện : DTXD: 70,00 m<sup>2</sup>.
- Nhà vệ sinh nam : DTXD: 11,72 m<sup>2</sup>.
- Nhà vệ sinh nam nữ : DTXD: 15,92 m<sup>2</sup>.
- Khu xử lý khí thải : DTXD: 112,00 m<sup>2</sup>.
- Khu xử lý khói : DTXD: 28,00 m<sup>2</sup>.
- Nhà chứa rác thải rắn : DTXD: 25,00 m<sup>2</sup>.
- Nhà chứa rác nguy hại : DTXD: 25,00 m<sup>2</sup>.
- Khu xử lý nước thải : DTXD: 50,00 m<sup>2</sup>, thể tích: 69,77 m<sup>3</sup>.
- Bể nước ngầm PCCC : DTXD: 100,00 m<sup>2</sup>, thể tích: 400 m<sup>3</sup>.

**3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:** Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CD 582242 ngày 04/4/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai chứng nhận cho Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam; diện tích lô đất: 28.648,50 m<sup>2</sup>.

**4. Ghi nhận công trình đã khởi công:**

- Các công trình hiện hữu trong lô đất: Theo liệt kê của Chủ đầu tư tại bản vẽ hiện trạng mặt bằng tổng thể đính kèm.
- Công trình theo đề nghị tại giấy phép xây dựng này: Chưa ghi nhận thông báo khởi công.

5. Giấy phép này cấp cho Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

**Nơi nhận:**

- Như mục 1;
- Trang Website BQL;
- Lưu VT, QHXD (M).

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Phạm Văn Cường**

**CHỦ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.
6. Chịu trách nhiệm thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng theo quy định.



Đồng Nai, ngày 27 tháng 5 năm 2022

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

Số: 78/GPXD

**1. Cấp cho: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU VIỆT NAM.**

- Địa chỉ: Đường 3A, KCN Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Nhà máy sản xuất (giai đoạn mở rộng).**

- Theo thiết kế: Tại bản vẽ đề nghị cấp phép do Chủ đầu tư phê duyệt.

- Do: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kiến Tín lập thiết kế; chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số DON-00007356 ngày 12/01/2018 do Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai cấp, phạm vi hoạt động: Thiết kế xây dựng công trình công nghiệp Hạng III.

+ Chủ trì thiết kế kiến trúc: Ngô Minh Tâm; chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HAN-00081328 ngày 23/12/2019 do Sở Xây dựng thành phố Hà Nội cấp, phạm vi hoạt động: Thiết kế kiến trúc công trình Hạng II.

+ Chủ trì thiết kế kết cấu: Lê Minh Tùng; chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HCM-00115542 ngày 05/2/2021 do Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh cấp, phạm vi hoạt động: Thiết kế kết cấu công trình công nghiệp Hạng II.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Đất Thành; chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HCM-00045549 ngày 21/9/2020 do Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh cấp, phạm vi hoạt động: Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp Hạng III.

+ Chủ trì thẩm tra thiết kế kiến trúc: Cao Đình Sơn; chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00069261 ngày 27/8/2019 do Cục Quản lý Hoạt động Xây dựng cấp, phạm vi hoạt động: Thiết kế kiến trúc công trình Hạng I.

+ Chủ trì thẩm tra thiết kế kết cấu: Lê Hữu Hoàng; chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HCM-00032176 ngày 19/6/2018 do Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh cấp, phạm vi hoạt động: Thiết kế kết cấu công trình công nghiệp Hạng II.

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Đường 3A, KCN Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ Mật độ xây dựng: 35,20 %.

+ Chỉ giới đường đỏ: Theo ranh giới lô đất.

+ Chỉ giới xây dựng: Tối thiểu 6,0 m từ chỉ giới đường đỏ (công trình chính).

- Tổng số công trình: 03 công trình chính, các công trình phụ trợ, cụ thể:

**2.1. Nhà xưởng 02:**

- + Diện tích xây dựng tầng 1 : 2.660,00 m<sup>2</sup>.
- + Tổng diện tích sàn : 2.660,00 m<sup>2</sup>.
- + Chiều cao công trình : + 17,35 m; số tầng: 01.
- + Cốt nền xây dựng : ± 0,00 m (so với cốt mặt đất).
- + Cấp công trình : Cấp III.
- + Màu sắc : Vàng, trắng, xanh.

**2.2. Kho chứa vật tư sản xuất:**

- + Diện tích xây dựng tầng 1 : 357,00 m<sup>2</sup>.
- + Tổng diện tích sàn : 357,00 m<sup>2</sup>.
- + Chiều cao công trình : + 7,30 m; số tầng: 01.
- + Cốt nền xây dựng : ± 0,00 m (so với cốt mặt đất).
- + Cấp công trình : Cấp III.

**2.3. Nhà văn phòng + nhà kho:**

- + Diện tích xây dựng tầng 1 : 105,00 m<sup>2</sup>.
- + Tổng diện tích sàn : 105,00 m<sup>2</sup>.
- + Chiều cao công trình : + 4,00 m; số tầng: 01.
- + Cốt nền xây dựng : ± 0,00 m (so với cốt mặt đất).
- + Cấp công trình : Cấp IV.

**2.4. Các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật:**

- Trạm điện : DTXD: 70,00 m<sup>2</sup>.
- Nhà vệ sinh nam : DTXD: 11,72 m<sup>2</sup>.
- Nhà vệ sinh nam nữ : DTXD: 15,92 m<sup>2</sup>.
- Khu xử lý khí thải : DTXD: 112,00 m<sup>2</sup>.
- Khu xử lý khói : DTXD: 28,00 m<sup>2</sup>.
- Nhà chứa rác thải rắn : DTXD: 25,00 m<sup>2</sup>.
- Nhà chứa rác nguy hại : DTXD: 25,00 m<sup>2</sup>.
- Khu xử lý nước thải : DTXD: 50,00 m<sup>2</sup>, thể tích: 69,77 m<sup>3</sup>.
- Bể nước ngầm PCCC : DTXD: 100,00 m<sup>2</sup>, thể tích: 400 m<sup>3</sup>.

**3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:** Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CD 582242 ngày 04/4/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai chứng nhận cho Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam; diện tích lô đất: 28.648,50 m<sup>2</sup>.

**4. Ghi nhận công trình đã khởi công:**

- Các công trình hiện hữu trong lô đất: Theo liệt kê của Chủ đầu tư tại bản vẽ hiện trạng mặt bằng tổng thể đính kèm.
- Công trình theo đề nghị tại giấy phép xây dựng này: Chưa ghi nhận thông báo khởi công.

5. Giấy phép này cấp cho Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

**Nơi nhận:**

- Như mục 1;
- Trang Website BQL;
- Lưu VT, QHXD (M).

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Phạm Văn Cường**

**CHỦ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.
6. Chịu trách nhiệm thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng theo quy định.



☆  
Số 18197/PC23

ĐỒNG NAI, ngày 10 tháng 04 năm 1997

# GIẤY CHỨNG NHẬN

## THỎA THUẬN VỀ THIẾT KẾ VÀ THIẾT BỊ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY CÔNG TRÌNH :

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHIEM YOU VIỆT NAM

- Căn cứ nghị định số 220/CP ngày 28-12-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng PCCC chuyên nghiệp.
- Căn cứ thông tư số 03-TTLB ngày 3-11-1989 của liên bộ Nội vụ - Xây dựng quy định chế độ an toàn PCCC, phòng nổ trong xây dựng công trình.
- Căn cứ điều lệ về việc lập, thẩm tra, xét duyệt thiết kế các công trình xây dựng ban hành theo Nghị định số 237-HĐBT ngày 19-9-1985 của Hội đồng Bộ trưởng.

Trưởng phòng cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Công an : Tỉnh ĐỒNG NAI

Thỏa thuận về thiết kế và thiết bị phòng cháy, chữa cháy và phòng nổ cho công trình:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHIEM YOU VIỆT NAM

Thuộc : ĐẠI LỘN

Địa chỉ : KEN - Biên Hòa II - TP Biên Hòa - ĐỒNG NAI

Theo các bản vẽ : 1/ Mặt Bằng Tổng thể

2/ Mặt Bằng cách KT 7/12

3/ Mặt Bằng - KT 4/12

4/ Mặt Bằng cấp nước sinh hoạt và PCCC N 1/10

5/ Mặt Bằng chiếu sáng - D 4/7 - D 6/7 - D 7/7

và công văn số ..... ngày ..... tháng ..... năm 19..... của .....

Để đảm bảo an toàn về phòng cháy và chữa cháy cho công trình yêu cầu :

- 1/ Thực hiện theo các yêu cầu của bảng đối chiếu
- 2/ Phòng PCCC Công an Đồng Nai tiến hành kiểm tra thường định trạng bị Tẩy Trĩ các phương tiện dụng cụ PCCC và cấp bản chấp thuận an toàn trước khi đơn vị đi vào hoạt động

Phòng cảnh sát PCCC sẽ cử cán bộ theo dõi việc thi công và làm thủ tục nghiệm thu về an toàn PCCC trước khi đưa công trình vào sử dụng.

NƠI NHẬN

T/L GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI  
TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC



- Bộ nội vụ (C23) để báo cáo
- Lưu PC23

Minh Vũ Hoài Ngọc Dân

Số: 86/98 PCCC

Đồng Nai, ngày 14 tháng 7 năm 1998

## GIẤY CHỨNG NHẬN NGHIỆM THU HỆ THỐNG PHÒNG CHỐNG CHÁY

- Căn cứ Điều 3 Pháp lệnh Quy định việc quản lý của Nhà nước đối với công tác phòng cháy chữa cháy.

- Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-BNV ngày 9/2/1993 của Bộ Nội vụ quy định nhiệm vụ quyền hạn, tổ chức của cảnh sát PCCC.

Sau khi xem xét các hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật hệ thống phòng chống cháy của Chủ đầu tư công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu của phòng cảnh sát PCCC lập ngày..... tháng ..... năm 199....

Trưởng phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy Công an Đồng Nai chứng nhận :

Công trình : Hệ thống cấp nước chữa cháy

Chủ đầu tư là : Công ty TNHH CHEN YAU - VIỆT NAM

Xây dựng tại : Khu Công Nghiệp Bình Hòa D

Đã được nghiệm thu hệ thống phòng chống cháy gồm có :

- 1) Hệ thống cấp nước chữa cháy
- 2) Các điều kiện an toàn nhà xưởng, khu vực phụ
- 3) Các quy thiết bị chữa cháy cứu trợ

**Đảm bảo theo các tiêu chuẩn, quy định về phòng cháy, chữa cháy.**

Ghi chú :  
.....  
.....  
.....

TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

Nơi nhận :

.....  
.....  
.....



Số: /NT-PCCC

Đồng Nai, ngày tháng năm 2023

Kính gửi: Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 171/TD-PCCC ngày 26/04/2022 đối với công trình Nhà xưởng sản xuất của Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 01/2023/NTPCCC ngày 26/4/2023 của Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Đặng Văn Điềm; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 06 tháng 6 năm 2023 của đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai,

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình Nhà xưởng sản xuất với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng/chế tạo/hoán cải: Số 12, Đường 3A, KCN Biên Hòa II, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam.

Đơn vị thi công: Công ty TNHH MTV Phú Phú Thọ, Công ty TNHH Cơ khí kỹ thuật Phương Nam.

Quy mô công trình/phương tiện:

- Nhà xưởng 2 có diện tích: 2.660 m<sup>2</sup>; 01 tầng;
- Các hạng mục phụ trợ:
  - + Nhà văn phòng xưởng + nhà kho có diện tích : 105 m<sup>2</sup>, 01 tầng;
  - + Nhà chứa chất thải rắn có diện tích: 50 m<sup>2</sup>, 01 tầng;
  - + Nhà vệ sinh nam, nữ: 15,9 m<sup>2</sup>, 01 tầng;
  - + Bể nước chữa cháy: 350 m<sup>3</sup>

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

- Đường giao thông phục vụ chữa cháy; Bãi đỗ xe chữa cháy;

- Khoảng cách an toàn PCCC;
- Bậc chịu lửa;
- Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Đường, lối thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy;
- Giải pháp bảo vệ chống khói;
- Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
- Phương tiện chữa cháy tại chỗ; Dụng cụ phá dỡ thông thường;
- Hệ thống chống sét;
- Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Cục C07 (báo cáo);
- Lưu: VT, PC.

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Thượng tá Nguyễn Văn Hải**

Số: 134 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

*Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;*

*Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 03/2023.TD. ngày 30 tháng 6 năm 2023 của: Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam.....*

*Người đại diện theo pháp luật là ông: Đặng Văn Diễm.. Chức vụ: ..Tổng Giám đốc.....*

**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ  
CHỨNG NHẬN:**

Công trình: Trạm cấp khí.CNG.....

Địa điểm xây dựng: KCN Biên Hòa 2, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.....

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam.....

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH cơ khí kỹ thuật Phương Nam.....

**Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:**

Phân hạng nguy hiểm cháy, nổ; Yêu cầu trạm cấp.CNG.tồn chứa.bằng bồn chứa.di động;  
Khoảng cách an toàn PCCC; Quy định với đường ống; Thiết bị cảnh báo rò rỉ khí; Thiết bị điện; Phương tiện PCCC; Hệ thống chống sét, nổi đất.....


Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./.

**Nơi nhận:**

- Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam;
- Lưu: VT, PC.

Đồng Nai, ngày 14 tháng 7 năm 2023




**QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ**  
**ĐƯỢC THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**  
 (Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy)

số 134 /TD-PCCC, ngày 14 /07/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai)

TT	Nội dung	Ghi chú
<b>I</b>	<b>QUY MÔ CÔNG TRÌNH</b>	
	<p><b>* Quy mô:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt trạm cấp khí CNG 200Sm<sup>3</sup>, diện tích (18,5 x 10) 185m<sup>2</sup>, cao 4,5m.</li> </ul> <p><b>* Hệ thống, phương tiện PCCC và hệ thống khác liên quan đến PCCC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cảnh báo rò rỉ khí</li> <li>- Giải pháp cấp điện cho hệ thống</li> <li>- Hệ thống chống sét gồm: 01 kim thu sét và cáp đồng trần 50 mm<sup>2</sup></li> <li>- Bình chữa cháy gồm các bình bột ABC chữa cháy xách tay loại 8kg, bình chữa cháy CO<sub>2</sub> xách tay loại 5 kg</li> </ul>	
<b>II</b>	<b>DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ</b>	
1	Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công thể hiện những nội dung yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy	01 quyển
2	Mặt bằng tổng thể, kiến trúc, kết cấu: TT:01; KC: 01, 02	
3	Hệ thống kỹ thuật đường ống: KT:01, ..., KT:04	
4	Phân vùng nguy hiểm cháy, nổ: PC:01, 02	
5	Bình chữa cháy: PC:03	
6	Giải pháp cấp điện cho hệ thống: Đ:01, 02	
7	Hệ thống chống sét: PC:04, ..., PC:06	
Mã hồ sơ Công Dịch vụ công Bộ Công an: G01.895.307.000-230630-0021		

**Lưu ý:** Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

Số: 171 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số.....ngày 02... tháng 4.... năm 2022. của: Công ty CP.Chien You.Việt Nam.....

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: ..Chien, Shui-Ming..... Chức vụ: Tổng Giám đốc.

**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ  
CHỨNG NHẬN:**

.....**Nhà xưởng sản xuất**.....

Địa điểm xây dựng/chế tạo/hoán cải: KCN Biên Hòa II, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.....

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: ..Công ty CP.Chien You Việt Nam.....

Đơn vị tư vấn thiết kế: .. Cty TNHH TV TK XD Kiến Tín; Cty TNHH TM DV Phú Thịnh Lộc

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông phục vụ chữa cháy; Bậc chịu lửa; giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;

- Khoảng cách PCCC; Giải pháp thoát nạn; Bãi đỗ xe chữa cháy;

- Hệ thống cấp nước chữa cháy;

- Hệ thống báo cháy tự động; Giải pháp bảo vệ chống khói;

- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; Hệ thống chống sét;

- Phương tiện chữa cháy tại chỗ; Dụng cụ phá dỡ thông thường;

- Hệ thống cấp điện cho hệ thống PCCC.

Quy mô dự án/công trình/phương tiện và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2/1

**Nơi nhận:**

Công ty CP.Chien You Việt Nam;

- Cục C07 (báo cáo);

- Lưu: VT, PC.

Đồng Nai, ngày 02 tháng 4 năm 2022



**Thượng tá Nguyễn Văn Hải**

**QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN VÀ DANH MỤC  
TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ  
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

Số...../TD-PCCC ngày...../...../2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai)

TT	Nội dung	Ghi chú
<b>I</b>	<b>QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH</b>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà xưởng có diện tích 2660m<sup>2</sup>, 01 tầng, cao 10,6m.</li> <li>- Kho chứa vật tư sản xuất diện tích 357m<sup>2</sup> 01 tầng, cao 7,3m</li> </ul>	Nhà xưởng thiết kế cột thép, dầm thép, kèo thép, giằng liên kết thép GHLC 15 phút => Nhà xưởng bậc IV Nhà kho vật tư thiết kế cột thép, dầm thép, kèo thép, giằng liên kết thép GHLC 15 phút => Nhà kho bậc IV
<b>II</b>	<b>DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ</b>	
1	Thuyết minh của công trình liên quan đến PCCC	01 quyển
2	Mặt bằng tổng thể	
3	Kiến trúc; Kết cấu.	NX2.01 – NX2.21, TCNG01 – TCNG10
4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống cấp nước chữa cháy;</li> <li>- Hệ thống báo cháy tự động;</li> <li>- Hệ thống chữa cháy tự động;</li> <li>- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;</li> <li>- Hệ thống chống sét;</li> <li>- Dụng cụ phá dỡ thông thường; Phương tiện chữa cháy tại chỗ.</li> </ul>	HTCNC HTBCTĐ HTCCTĐ HTCSSC HTCS TM

**Lưu ý:** Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.



Số: /NT-PCCC

Đồng Nai, ngày tháng năm 2023

Kính gửi: Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 134/TD-PCCC ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam với mã hồ sơ G01.895.307.000-230720-0022 tại Công dịch vụ công Bộ Công an;

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Đặng Văn Điềm, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 28 tháng 8 năm 2023 của đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Đồng Nai,

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Đồng Nai chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình Trạm cấp khí CNG với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: KCN Biên Hòa 2, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Chien You Việt Nam.

Đơn vị thi công: Công ty TNHH Cơ khí Kỹ thuật Phương Nam.

**Quy mô công trình:**

Lắp đặt trạm khí CNG 200 Sm<sup>3</sup>/h, có diện tích 185 m<sup>2</sup>.

**Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:**

- Đường giao thông cho xe chữa cháy;
- Khoảng cách an toàn PCCC;
- Hạn nguy hiểm cháy, nổ;
- Đường ống công nghệ;
- Phương án chống sét, nối đất;
- Phương tiện chữa cháy tại chỗ.

**Các yêu cầu kèm theo:**

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở trong suốt quá trình hoạt động theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ;

- Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy là một trong những căn cứ để cơ quan có thẩm quyền cấp phép đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại khoản 9 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên (để thực hiện);
- Cục C07 (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC.

**TRƯỞNG PHÒNG****Thượng tá Nguyễn Văn Hải**

Số: 85/2026/HĐ.RT

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ  
Về việc vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết về Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài Nguyên Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.

Hôm nay, ngày **31** tháng **12** năm **2025**, đại diện các bên ký hợp đồng chúng tôi gồm có:

**BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU VIỆT NAM**

- Địa chỉ : Số 12, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại : (0251) 3833019
- Mã số thuế : 3600358427
- Tài khoản :
- E-mail nhận hóa đơn điện tử: *chienvietnam@gmail.com*
- Đại diện : **Ông Hà Ngọc Dũng** - Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

**BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI (tên viết tắt SZE)**

- Địa chỉ : Số 12, đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai.
- Tổng đài hỗ trợ: 19003160 - Điện thoại: (0251) 3951771
- Mã số thuế : 3600274914
- Tài khoản : 117000012889 - Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai.
- Đại diện : **Bà Trần Võ Hoài Hương** - Chức vụ: **Phó Tổng Giám Đốc**  
(Theo Giấy ủy quyền số 413/UQ-SZE-NSHC ngày 01/7/2025 về việc đại diện Tổng Giám đốc Công ty ký các văn bản, hồ sơ)

Hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung cụ thể như sau:

**Điều 1. Nội dung dịch vụ**

1. Bên B nhận thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (viết tắt là CTRSH) được chứa trong thùng rác loại **660L** của **bên B** lắp đặt tại địa điểm **bên A** (và thu gom trong các thùng chứa rác loại 240L do bên A tự trang bị, trường hợp bên A có trang bị thùng 120L hai bên thống nhất quy đổi 02 thùng 120L = 01 thùng 240L).
2. **Số lượng thùng chứa rác bên B đã cung cấp cho bên A là: 1 thùng 660L ( Một thùng).**
3. **Cơ sở xác định khối lượng CTRSH 01 thùng/lần giao:** CTRSH chứa tối đa đến miệng thùng.
4. **Địa điểm thu gom:**
5. **Tần suất thu gom:**
  - **Lịch cố định:** Thứ 3,5,7 hàng tuần (Thời gian thu gom từ 17h30' ngày hôm trước đến 03h30' hôm sau).
  - **Lịch phát sinh:** Bên A thông báo cho bên B trước tối thiểu 01 ngày (trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu, sáng: Từ 7h30-11h30, chiều: Từ 13h30 - 15h00 qua tổng đài hỗ trợ 19003160 (bấm phím 2) hoặc điện thoại: (0251) 3951 771, (0251) 38850 784.
6. **Thông tin liên hệ:** Trong giờ hành chính từ thứ hai đến thứ sáu, sáng: Từ 7h30-11h30, chiều: Từ 13h30-16h30. Tổng đài hỗ trợ 19003160.
  - Phòng Tài chính Kế toán: Phụ trách hóa đơn và công nợ, liên lạc qua các số điện thoại: (0251) 3952 257, (0251) 3952 694, 19003160 (bấm phím 4)
  - Phòng Kinh doanh: Phụ trách hợp đồng, khối lượng và lịch thu gom, liên lạc qua các số điện thoại: (0251) 3951 771, (0251) 38850 784, 19003160 (bấm phím 2)

## **Điều 2. Quyền và trách nhiệm bên A**

### **1. Quyền**

- a. Yêu cầu bên B thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH đúng theo Điều 01 của hợp đồng.
- b. Tạm ngưng hợp đồng và phải thông báo chính thức cho bên B bằng văn bản trước 15 ngày.

### **2. Trách nhiệm**

- a. Chỉ sử dụng thùng rác bên B cung cấp để chứa CTRSH giao cho bên B. Thực hiện việc phân loại, quản lý chất thải theo đúng quy định trước khi giao CTRSH cho bên B. Bỏ gọn CTRSH vào thùng rác đã nêu tại điều 1. Bố trí nơi đặt thùng rác đảm bảo cho xe bên B ra, vào thu gom - vận chuyển được thuận lợi.
- b. Cử người giám sát, ký xác nhận khối lượng thực hiện và lưu giữ biên bản bàn giao chất thải. Trong trường hợp bên A làm mất/thất lạc biên bản giao nhận chất thải thì bên A phải thanh toán theo biên bản giao nhận chất thải do bên B lưu giữ.
- c. Đảm bảo an toàn trong quá trình thu gom chất thải tại khuôn viên của bên A.
- d. Chịu trách nhiệm lập biên bản bàn giao chất thải giữa 02 bên để làm cơ sở thanh toán cho bên B.
- e. Không được để lẫn chất thải công nghiệp, các loại chất thải nguy hại hoặc chất thải nặng, cứng, cồng kềnh như: Đất, đá, xà bần, tủ bàn ghế, cành nhánh cây to, ... vào CTRSH giao bên B. Nếu phát sinh chất thải trên, bên A phải phân loại riêng với CTRSH và thông báo cho bên B để hai bên thống nhất đơn giá và phương tiện vận chuyển.

- f. Bên A có trách nhiệm bảo quản thùng rác do bên B cung cấp, không được sử dụng ngoài mục đích chứa CTRSH giao cho bên B. Bên A phải bồi thường cho bên B nếu để thùng rác bị cháy, hỏng, mất. Chi phí bồi thường thùng rác là: **6.300.000 đồng/thùng 660L** (giá đã bao gồm thuế GTGT). Hoàn trả thùng lại cho bên B khi hợp đồng hết hiệu lực hoặc thanh lý hợp đồng trước thời hạn.
- g. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước các cơ quan chức năng và bồi thường mọi chi phí phát sinh cho bên B và các bên có liên quan trong trường hợp bên A để lẫn các loại chất thải khác vào chất thải giao cho bên B, bao gồm nhưng không giới hạn các loại chất thải sau: Chất thải nguy hại, các loại hóa chất độc hại, các chất dễ gây cháy nổ, chất thải lây nhiễm, ...
- h. Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, bên A không được giao CTRSH cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy. Nếu bên A vi phạm điều khoản này, bên B được quyền thanh lý hợp đồng trước thời hạn và bên A sẽ chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật.
- i. Thanh toán cho bên B giá trị dịch vụ đã thực hiện theo điều 4 của hợp đồng.

### **Điều 3. Quyền và trách nhiệm bên B**

#### **1. Quyền**

- a. Khi xe bên B đến địa điểm giao nhận chất thải theo lịch điện thoại hoặc lịch cố định mà 2 bên đã thống nhất trước đó, nhưng bên A không giao CTRSH cho bên B, hoặc vì bất kỳ lý do nào do lỗi của bên A mà bên B không được thu gom, thì bên B có quyền không thu gom và bên A phải thanh toán chi phí cho bên B số tiền 240.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT).
- b. Thu hồi các thùng rác đã lắp đặt cho bên A, nếu bên A sử dụng thùng rác của bên B ngoài mục đích chứa CTRSH giao bên B hoặc hợp đồng hết hiệu lực.
- c. Tạm ngưng thu gom chất thải trong các trường hợp sau: Bên A chưa thanh toán giá trị dịch vụ đúng thời hạn đã thỏa thuận tại điều 4; Bên A vi phạm khoản 3 điều 5 của hợp đồng; tạm ngưng thu gom theo yêu cầu của các cơ quan chức năng; Các trường hợp bất khả kháng được nêu tại Điều 6.

#### **2. Trách nhiệm**

- a. Đảm bảo thu gom, vận chuyển chất thải ở vị trí cố định tại điều 1 của hợp đồng, tránh để rơi vãi trong quá trình chuyển chất thải từ các thùng lên phương tiện vận chuyển.
- b. Đảm bảo đủ yêu cầu về nhân lực, phương tiện và thiết bị để thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải theo lịch trình đã thỏa thuận giữa hai bên hoặc theo lịch bên A đã báo cho bên B trước tối thiểu 01 ngày.
- c. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thực hiện dịch vụ.
- d. Ký xác nhận số lượng thực hiện vào sổ của bên A để làm cơ sở thanh toán trong tháng (nếu bên A có nhu cầu).

### **Điều 4. Đơn giá và phương thức thanh toán**

1. Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt như sau:
- **Thùng 240L: 145.000 đồng/thùng** (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)
  - **Thùng 660L: 240.000 đồng/thùng** (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi ngàn đồng)
  - Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT, thuế GTGT được áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. **Khối lượng tiếp nhận tối thiểu/tháng là: 02 thùng 660L/tháng.**  
**Trong thời gian 01 tháng (từ ngày 21 tháng trước đến ngày 20 tháng liền kề):** Nếu bên A không phát sinh khối lượng hoặc phát sinh khối lượng nhưng ít hơn khối lượng tiếp nhận tối thiểu, bên A vẫn phải thanh toán cho bên B theo khối lượng tối thiểu tương ứng với số tiền là: 480.000 đồng
3. Đơn giá này có thể thay đổi trong thời gian thực hiện hợp đồng, trong trường hợp thay đổi giá, bên B sẽ thông báo cho bên A biết trước **15 ngày** và hai bên sẽ tiến hành ký kết phụ lục hợp đồng. Trường hợp 02 bên không thỏa thuận được thì sẽ thanh lý hợp đồng trước thời hạn.
4. Hàng tháng, bên B sẽ tổng hợp biên bản giao nhận chất thải (nếu có) trong tháng giữa hai bên để làm cơ sở xuất hóa đơn thanh toán giá trị dịch vụ. Kỳ quy ước khối lượng là ngày 20 hàng tháng (từ ngày 21 tháng trước đến ngày 20 tháng này). Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu một trong hai bên có nhu cầu điều chỉnh thời gian chốt khối lượng thì bên cần điều chỉnh sẽ thông báo cho bên còn lại để hai bên cùng nhau thống nhất.
5. Phương thức thanh toán: *Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (Theo quy định của Nhà nước).*  
Bên A phải thanh toán cho bên B giá trị dịch vụ đã thực hiện trong tháng, trước **ngày 16 của tháng liền kề** (phí chuyển khoản do bên A chi trả).
6. Nếu quá thời hạn thanh toán mà bên A vẫn chưa thanh toán chi phí cho bên B thì bên A phải nộp phạt cho bên B theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Đồng Nai (**tính từ ngày 16 của tháng liền kề đến** ngày bên A thanh toán chi phí dịch vụ cho bên B) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
7. Nếu sau thời gian **60 ngày** kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn mà bên A vẫn chưa thanh toán chi phí cho bên B thì bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào do việc chấm dứt hợp đồng gây ra. Bên A phải thanh toán cho bên B các chi phí mà bên B đã thực hiện trước đó.

#### **Điều 5. Các trường hợp phát sinh**

1. Trường hợp bên A thay đổi thành phần chất thải, tuần suất thu gom, thời gian thu gom, khối lượng, ... mà hai bên đã thống nhất trước đó thì bên A phải thông báo cho bên B biết trước 03 ngày để hai bên thống nhất đơn giá và phương tiện vận chuyển.
2. Trong trường hợp phương tiện gặp sự cố đột xuất, bên B phải thông báo cho bên A biết để hai bên thỏa thuận biện pháp giải quyết.
3. Sau thời gian 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc từ ngày thu gom chất thải gần nhất, nếu bên A không giao chất thải cho bên B mà không có lý do chính đáng bằng văn bản, bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào do việc chấm dứt hợp đồng gây ra. Đồng thời bên A phải hoàn trả nguyên vẹn thùng rác và thanh toán đầy đủ chi phí mà bên B đã thực hiện cho bên A.
4. Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu bên A có ca bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo quy định của Nhà nước, bên A phải chủ động thông báo cho bên B để tiến hành các biện pháp xử lý phù hợp theo quy định hiện hành. Trường hợp bên A không cung cấp thông tin đầy đủ cho bên B dẫn đến việc lây nhiễm trong cộng đồng thì bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.

5. Đối với các cơ sở của bên A có quyết định cách ly, phong tỏa của cơ quan chức năng; sau thời gian cách ly, phong tỏa, bên A có nhu cầu thu gom chất thải trở lại tại cơ sở trên phải cung cấp cho bên B văn bản xác nhận hết thời gian cách ly, phong tỏa của cơ quan chức năng. Đồng thời, bên A phải gửi văn bản cam kết không bỏ lẩn chất thải lây nhiễm vào khối lượng chất thải giao cho bên B. Sau khi nhận được văn bản bên A cung cấp, bên B sẽ tiến hành thu gom trở lại.

#### **Điều 6. Trường hợp bất khả kháng**

1. Tất cả những trường hợp/sự kiện xảy ra sau khi hợp đồng này có hiệu lực do những nguyên nhân ngoài ý muốn hay ngoài sự kiểm soát của hai bên và nó ảnh hưởng trực tiếp đến sự thực hiện toàn bộ hay một phần những điều khoản của hợp đồng này, được xem là những trường hợp bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn: Chiến tranh dù được chính thức tuyên bố hay không, bạo động hay nổi loạn, chính trị, khủng bố, động đất, hỏa hoạn, lũ lụt, bão, cháy nổ, bệnh dịch hay các thiên tai khác, sự thay đổi các chính sách của Nhà nước, ...
2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này.
3. Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài liên tục trong thời gian nhiều hơn 1 (một) tháng, cả hai Bên sẽ thảo luận với nhau để tìm biện pháp tốt nhất ngăn ngừa sự chậm trễ hơn nữa.

#### **Điều 7. Hiệu lực của hợp đồng**

1. Thời gian hiệu lực hợp đồng: **Từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026**
2. Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực nếu những quy định của pháp luật có liên quan ảnh hưởng đến hợp đồng hoặc hai bên có nhu cầu điều chỉnh nội dung hợp đồng. Hai bên sẽ điều chỉnh bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.
3. Trong trường hợp hợp đồng hết hiệu lực mà bên A vẫn tiếp tục sử dụng dịch vụ của bên B, thì bên A có trách nhiệm thanh toán toàn bộ giá trị dịch vụ mà bên B đã thực hiện trong thời gian chờ tái ký hợp đồng.
4. Hai bên có thể kết thúc hợp đồng trước thời hạn, và việc kết thúc hợp đồng phải được thông báo cho bên kia trước **15 ngày** bằng văn bản.
5. Sau khi hợp đồng hết hiệu lực và các bên đã thực hiện hoàn tất nghĩa vụ tài chính với nhau, hai bên không có nhu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng và **bên B đã thu hồi thùng rác đã lắp đặt cho bên A trước đó** thì hợp đồng được xem như chính thức thanh lý.

#### **Điều 8. Điều khoản chung.**

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng và nghiêm túc các điều khoản trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có những khó khăn, trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác và hai bên cùng có lợi. Nếu hai bên thương lượng không đạt được kết quả, sẽ đưa ra Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai để giải quyết, kết quả phán quyết của Tòa án là kết quả cuối cùng, mọi chi phí phát sinh tại Tòa án do bên thua kiện chi trả.

2. Hợp đồng này thay thế tất cả các thỏa thuận, cam kết trước đây bằng miệng hoặc bằng văn bản.
3. Hai bên cam kết bảo mật thông tin các điều khoản của hợp đồng này. Trường hợp có nhu cầu cung cấp thông tin cho bên thứ ba phải được sự đồng ý của bên kia.
4. Bên nào đơn phương vi phạm hợp đồng sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.
5. Hợp đồng này được lập thành 04 bản. Mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*[Handwritten signature]*  
**Hà Ngọc Dũng**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



*[Handwritten signature]*  
**Trần Võ Hoài Hương**

# Certificate of Registration

ENVIRONMENTAL MANAGEMENT SYSTEM – ISO 14001:2015

This is to certify that:

**SONADEZI ENVIRONMENT  
JOINT STOCK COMPANY (SZE)**

No. 12 Huynh Van Nghe Street,  
Buu Long Ward, Bien Hoa City,  
Dong Nai Province,  
Vietnam

Holds Certificate Number:

**EMS 671703**

and operates an Environmental Management System which complies with the requirements of ISO 14001:2015 for the following scope:

**Collecting, Transporting and Treatment of domestic solid waste, non-hazardous industrial solid waste.**

For and on behalf of BSI:

Michael Lam  
Managing Director Assurance, APAC

Original Registration Date: **22/09/2017**

Latest Revision Date: **08/08/2023**

On behalf of BSI Vietnam:

Le Duyen Anh  
Managing Director Vietnam

Effective Date: **22/09/2023**

Expiry Date: **21/09/2026**



Page: 1 of 1

...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract. An electronic certificate can be authenticated [online](#). Printed copies can be validated at [www.bsigroup.com/ClientDirectory](http://www.bsigroup.com/ClientDirectory) or telephone +84 (28) 38 200 066. Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 14001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000. BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK. Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066. A member of the BSI Group of Companies

# Giấy Chứng Nhận

HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG – ISO 14001:2015

Xác nhận rằng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**  
Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,  
Phường Bửu Long, Thành Phố Biên Hòa,  
Tỉnh Đồng Nai,  
Việt Nam

Giữ giấy chứng nhận số:

**EMS 671703**

và thực hiện Hệ thống Quản lý Môi trường phù hợp với các yêu cầu của ISO 14001:2015 cho phạm vi:

**Thu gom, Vận chuyển và Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường.**

Đại diện cho Tập đoàn BSI:

Ông Michael Lam  
Giám đốc Điều hành Assurance, APAC

Đại diện cho BSI Việt Nam:

Ông Lê Duyên Anh  
Tổng Giám đốc BSI Việt Nam

Ngày đăng ký đầu tiên: **22/09/2017**

Ngày sửa đổi sau cùng: **08/08/2023**

Ngày hiệu lực: **22/09/2023**

Ngày hết hiệu lực: **21/09/2026**

Trang: 1/1



...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.

An electronic certificate can be authenticated [online](#). Printed copies can be validated at [www.bsigroup.com/Client\\_Directory](http://www.bsigroup.com/Client_Directory) or telephone +84 (28) 38 200 066.

Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 14001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.

BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.

Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066. A member of the BSI Group of Companies.

# Certificate of Registration

QUALITY MANAGEMENT SYSTEM - ISO 9001:2015

This is to certify that:

**SONADEZI ENVIRONMENT  
JOINT STOCK COMPANY (SZE)**

No. 12 Huynh Van Nghe Street,  
Buu Long Ward, Bien Hoa City,  
Dong Nai Province,  
Vietnam

Holds Certificate Number:

**FS 671702**

and operates a Quality Management System which complies with the requirements of ISO 9001:2015 for the following scope:

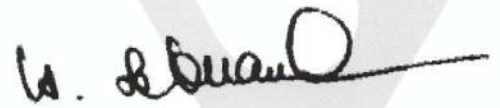
**Collecting, Transporting and Treatment of domestic solid waste, non-hazardous industrial solid waste.**

For and on behalf of BSI:



Michael Lam  
Managing Director Assurance, APAC

On behalf of BSI Vietnam:



Le Duyen Anh  
Managing Director Vietnam

Original Registration Date: **22/09/2017**

Latest Revision Date: **08/08/2023**

Effective Date: **22/09/2023**

Expiry Date: **21/09/2026**



Page: 1 of 1

...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract. An electronic certificate can be authenticated [online](#). Printed copies can be validated at [www.bsigroup.com/Client\\_Directory](http://www.bsigroup.com/Client_Directory) or telephone +84 (28) 38 200 066. Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.  
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.  
Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.  
A member of the BSI Group of Companies.

# Giấy Chứng Nhận

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG - ISO 9001:2015

Xác nhận rằng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ,  
Phường Bửu Long, Thành Phố Biên Hòa,  
Tỉnh Đồng Nai,  
Việt Nam

Giữ giấy chứng nhận số:

**FS 671702**

và thực hiện Hệ thống Quản lý Chất lượng phù hợp với các yêu cầu của ISO 9001:2015 cho phạm vi:

**Thu gom, Vận chuyển và Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường.**

Đại diện cho Tập đoàn BSI:

Ông Michael Lam  
Giám đốc Điều hành Assurance, APAC

Đại diện cho BSI Việt Nam:

Ông Lê Duyên Anh  
Tổng Giám đốc BSI Việt Nam

Ngày đăng ký đầu tiên: **22/09/2017**

Ngày sửa đổi sau cùng: **08/08/2023**

Ngày hiệu lực: **22/09/2023**

Ngày hết hiệu lực: **21/09/2026**



Trang: 1/1

...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.

An electronic certificate can be authenticated [online](#). Printed copies can be validated at [www.bsigroup.com/Client\\_Directory](http://www.bsigroup.com/Client_Directory) or telephone +84 (28) 38 200 066.

Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.

BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.

Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066. A member of the BSI Group of Companies.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

## HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

Về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải

Số: 10/2026/HĐXLCT/MTS.K-CY

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2020.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Giấy phép Môi trường số: 130/GPMT-BTNM của Công ty TNHH xử lý môi trường sạch Việt Nam do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 25/2/2025.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày 20/03/2026 tại văn phòng Công ty TNHH Xử lý Môi trường sạch Việt Nam, đại diện hai bên gồm:

**BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU VIỆT NAM**

Địa chỉ : Khu công nghiệp Biên Hoà 2, Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 02513 832 911

Mã số thuế : 3600358427

Người đại diện : Ông HÀ NGỌC DŨNG Chức vụ: Tổng Giám đốc

**BÊN B : CÔNG TY TNHH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG SẠCH VIỆT NAM**

Địa chỉ : Lô 2, Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, Xã Châu Pha, TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 02543.948 354

Mã số thuế : 3501556403

Người đại diện : Ông NGUYỄN ĐỨC CHUYỀN Chức vụ: Giám đốc

Tài khoản số : 9906897979 tại Ngân hàng MB, Chi nhánh Vũng Tàu

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

### ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý thực hiện công việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) các loại theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Hợp đồng số: /2026/HĐXLCT/MTS.K-CY

1/4



## ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN

- Địa điểm giao nhận chất thải tại kho Công ty CP Chien You Việt Nam, địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai
- Địa điểm xử lý: Nhà máy Xử lý chất thải công nghiệp, dầu khí và chất thải nguy hại tại khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, Xã Châu Pha, TP Hồ Chí Minh.

## ĐIỀU 3: THỜI GIAN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng có hiệu lực hai (02) năm kể từ ngày ký. Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng trao đổi gia hạn hoặc ký mới hợp đồng.

## ĐIỀU 4: KHỐI LƯỢNG VÀ ĐƠN GIÁ XỬ LÝ

### 4.1. Khối lượng:

Khối lượng giao nhận được xác định bằng biên bản thu gom trong ngày giao nhận. Đại diện hai bên ký xác nhận khối lượng thực tế trên biên bản giao nhận.

### 4.2. Đơn giá xử lý chất thải:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Đvt	Đơn giá xử lý (VNĐ)
1	Vụn kim loại thải bị nhiễm TPNH	07 03 11	Kg	3.000
2	Que hàn thải có kim loại nặng nhiễm TPNH	07 04 01	Kg	3.000
3	Cặn sơn thải	08 01 01	Kg	3.000
4	Dầu thải	15 02 05	Kg	3.000
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	3.000
6	Bao bì cứng bằng nhựa	18 01 03	Kg	3.000
7	Bao tay, giẻ lau nhiễm TPNH	18 02 01	Kg	3.000
8	Các vật liệu mài dạng hạt có thành phần nguy hại (Bi thải)	07 03 08	Kg	3.000
9	Axit thải từ gia công kim loại	07 01 01	Kg	3.000
10	Nước thải có thành phần nguy hại	19 10 01	Kg	3.000
11	Dầu tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	07 03 05	Kg	3.000
12	Bazo tẩy thải	07 01 03	Kg	3.000
13	Phoi từ quá trình gia công tạo hình	07 03 11	Kg	3.000
14	Bùn thải nguy hại	12 06 05	Kg	3.000
15	Bao bì kim loại	18 01 02	Kg	3.000
16	Xỉ có thành phần nguy hại	05 07 01	Kg	3.000
17	Chất thải công nghiệp		Kg	1.700

### Ghi chú:

- Khối lượng chất thải thu gom tối thiểu 3.000kg/chuyến. Nếu khối lượng ít hơn 3.000kg thì vẫn tính đủ 3.000kg/chuyến.
- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT.

## **ĐIỀU 5: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

Bên A thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản, phí chuyển khoản do bên người thụ hưởng chịu. Bên A thanh toán trong vòng 20 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hoá đơn tài chính.

Nếu quá thời hạn nêu trên mà Bên A không thanh toán đủ cho Bên B thì Bên A phải chịu phạt với tỷ lệ 1,2%/tháng đối với phần chưa thanh toán.

Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

## **ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN**

### **1. Trách nhiệm của Bên A:**

- Khi có kế hoạch thu gom chất thải, Bên A thông báo qua địa chỉ email: [info@mtsvn.vn](mailto:info@mtsvn.vn), hoặc điện thoại qua SĐT: 02543.948354 cho Bên B trước 03 ngày làm việc để Bên B có kế hoạch thu gom, vận chuyển chất thải về nơi xử lý.
- Có trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn và lưu giữ các loại chất thải nguy hại theo quy định.
- Bên A lập 01 bộ chứng từ CTNH gồm 03 liên (theo Thông từ 02/2022/TT-BTNMT) đã được ký tên, đóng dấu mục 6 và chuyển giao cho Bên B sau khi thu gom CTNH.
- Bên A có trách nhiệm cung cấp địa chỉ email của bộ phận kế toán cho Bên B để Bên B gửi hoá đơn tài chính và công nợ (nếu phát sinh)
- Tạo điều kiện cho Bên B vào địa điểm tập kết chất thải để nhận chất thải được thuận tiện.
- Cam kết bàn giao đúng và đầy đủ các chất thải nguy hại và các vật chứa nhiễm chất thải cho Bên B, không để thất thoát ra ngoài gây ô nhiễm môi trường.
- Hỗ trợ các vấn đề liên quan đến công tác an toàn trong quá trình làm việc.
- Cử cán bộ có chuyên môn phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan với Bên B. Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của Bên B thực hiện hợp đồng.
- Thanh toán chi phí thực hiện theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

### **2. Trách nhiệm của Bên B:**

- Khi nhận được yêu cầu thu gom chất thải, Bên B phải lập kế hoạch thu gom vận chuyển trong vòng 03 ngày làm việc.
- Chịu trách nhiệm vận chuyển chất thải của Bên A tới kho lưu giữ và xử lý tại nhà máy của Bên B.
- Cán bộ, nhân viên của Bên B khi ra vào làm việc tại khu vực của Bên A phải chấp hành quy định tại nơi làm việc của Bên A. Thực hiện theo đúng hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của Bên A. Nhân viên của Bên B phải tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của người đại diện của Bên A về việc đi lại, vị trí thu gom chất thải.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện vận chuyển, xử lý chất thải nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường hoặc xử lý không đúng quy định sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho của Bên A.
- Thực hiện kiểm tra, xác nhận việc vận chuyển và xử lý số chất thải đã bàn giao. Sau đó giao lại Chứng từ đã xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định cho Bên A.

## ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Thời gian thu gom chất thải nguy hại sẽ được thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên bằng văn bản hoặc điện thoại.
- Trong trường hợp bất khả kháng như: chiến tranh, bão lụt, động đất, chính sách quốc gia... nằm ngoài khả năng kiểm soát của mỗi bên mà hợp đồng không thực hiện được thì các bên phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia trong vòng 05 ngày và các bên sẽ được miễn trách nhiệm thực hiện hợp đồng.
- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nếu có tranh chấp giữa các bên liên quan đến hợp đồng, thì sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án kinh tế TP Hồ Chí Minh giải quyết. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng. Chi phí tòa án do bên có lỗi chi trả.
- Hợp đồng được lập thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ hai (02) để làm cơ sở thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Hà Ngọc Dũng*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Đức Chuyên*



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPMT-BTNMT Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 122/2024/CV-TT ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Công ty Cổ phần TM Tài Tiến về việc hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần TM Tài Tiến, địa chỉ tại số F228, đường Võ Thị Sáu, khu phố 7, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Chi nhánh nhà máy xử lý chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt - Công ty Cổ phần TM Tài Tiến” tại ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở:**

1.1. Tên cơ sở: “Chi nhánh nhà máy xử lý chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt - Công ty Cổ phần TM Tài Tiến”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp Nhân Hòa, xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602168686 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 11/11/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28/12/2023. Giấy chứng nhận đầu tư số 47121000252 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 31/12/2009, thay đổi lần 2 ngày 31/3/2014.

1.4. Mã số thuế: 3602168686.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Thu gom, vận chuyển, xử lý và tái chế chất thải.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích: 203.572,7 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ 01 lò đốt chất thải công nghiệp và nguy hại, công suất 1.000 kg/giờ.

+ 01 lò đốt chất thải sinh hoạt, công suất 2.000 kg/giờ.

+ 01 hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang, công suất 50 kg/giờ (1 tấn/ngày).

+ 01 hệ thống hoá rắn ổn định CTNH (sản xuất gạch block), công suất 50 tấn/ngày.

+ 01 hệ thống tẩy rửa kim loại nhiễm thành phần nguy hại, công suất 24 tấn/ngày.

+ 01 hệ thống tái chế dung môi, công suất 2 m<sup>3</sup>/ngày.

+ 01 hệ thống tái chế chì, công suất 2 tấn/ngày.

+ 01 hệ thống súc rửa, tái chế bao bì, thùng phuy, công suất 350 kg/giờ (7 tấn/ngày).

+ 01 hệ thống xử lý chất thải lỏng nguy hại, công suất 120 m<sup>3</sup>/ngày.

+ 01 hố chôn lấp hợp vệ sinh chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 7.000 m<sup>2</sup> (với chiều cao còn lại có thể sử dụng để chôn lấp là khoảng 2,2 m).

+ 03 hố chôn lấp hợp vệ sinh chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 5.000 m<sup>2</sup>/hố (với chiều cao còn lại có thể sử dụng để chôn lấp lần lượt là khoảng 2,7 m, 2,7 m và 1,7 m).

+ 01 hố chôn lấp an toàn chất thải nguy hại có diện tích 5.500 m<sup>2</sup> (với chiều cao còn lại có thể sử dụng là khoảng 2,6 m).

- Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất: Chi tiết tại các Phụ lục ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Được phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.6. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần TM Tài Tiến:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần TM Tài Tiến có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(từ ngày ..... tháng ..... năm 2024 đến ngày ..... tháng ..... năm 2031).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

**Điều 4.** Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đồng Nai (để phối hợp chi đạo);
- Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai;
- Cổng thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần TM Tài Tiến;
- Lưu: VT, KSONMT, Đ.15

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Công Thành**

## Phụ lục 1

### YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ NƯỚC THẢI:

Nước thải sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng lại toàn bộ, không xả ra môi trường.

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

##### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

###### 1.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh khu văn phòng, khu nhà ăn, khu nhà xưởng được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn; sau đó được thu gom bơm theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

###### 1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải sản xuất:

- Nước thải phát sinh từ hệ thống tẩy rửa kim loại nhiễm thành phần nguy hại; từ hệ thống súc rửa, phục hồi bao bì, thùng phuy được thu gom theo đường ống chảy về hệ thống xử lý chất thải lỏng nguy hại công suất 120 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý sơ bộ sau đó tiếp tục dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò đốt chất thải công nghiệp và nguy hại; từ hệ thống xử lý khí thải lò đốt chất thải sinh hoạt; từ hoạt động rửa xe vận chuyển chất thải được thu gom theo đường ống chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nước thải từ các hố chôn lấp chất thải được bơm hút thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nước thải thu gom từ các chủ nguồn thải bên ngoài được lưu giữ tại các bồn, bể lưu giữ chất thải lỏng, sau đó được bơm vào hệ thống xử lý chất thải lỏng nguy hại công suất 120 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý sơ bộ sau đó tiếp tục dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý.

Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A) được tuần hoàn sử dụng cho hoạt động sản xuất của cơ sở, không thải ra môi trường.

##### 1.2. Công trình thiết bị xử lý nước thải:

###### 1.2.1. Hệ thống xử lý sơ bộ nước thải nhà ăn:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ khu nhà ăn → bể tách mỡ 3 ngăn có dung tích 8 m<sup>3</sup> → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Không.

### 1.2.2. Hệ thống xử lý chất thải lỏng nguy hại:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải phát sinh từ hệ thống tẩy rửa kim loại nhiễm thành phần nguy hại; từ hệ thống súc rửa, phục hồi bao bì, thùng phuy; thu gom từ các chủ nguồn thải bên ngoài → bể gom nước thải → bể khuấy trộn → bể keo tụ - tạo bông/bể phản ứng oxy hóa → bể lắng đứng 1/bể lắng đứng 2 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày.

- Công suất thiết kế: 120 m<sup>3</sup>/ngày.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, NaOH, PAC, Polyme, FeSO<sub>4</sub>, H<sub>2</sub>O<sub>2</sub> (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu).

### 1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: (Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại, bể tách mỡ; nước thải từ hoạt động rửa xe vận chuyển chất thải sau khi qua bể lắng cát tách dầu mỡ; nước thải từ các hố chôn lấp chất thải → hồ chứa nước rác → bể trộn vôi → bể điều hòa → bể lắng cặn vôi → bể chỉnh pH → tháp Stripping → bể chỉnh pH → tháp Stripping 2) + (Nước thải phát sinh từ hệ thống tẩy rửa kim loại nhiễm thành phần nguy hại; từ hệ thống súc rửa, phục hồi bao bì, thùng phuy; thu gom từ các chủ nguồn thải bên ngoài sau xử lý sơ bộ tại hệ thống xử lý chất thải lỏng nguy hại công suất 120 m<sup>3</sup>/ngày) + (Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò đốt chất thải công nghiệp và nguy hại; từ hệ thống xử lý khí thải lò đốt chất thải sinh hoạt) → bể khử Canxi → bể Anoxic → bể selector → bể Aerotank → bể lắng 2 → bể phản ứng lắng → bể Fenton 2 bậc → bể keo tụ → bể lắng thứ cấp → bể trung gian → lọc áp lực → lọc MBR → khử trùng → hồ hoàn thiện → tuần hoàn tái sử dụng lại toàn bộ, không xả thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 150 m<sup>3</sup>/ngày.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, NaOH, PAC, Polyme, FeSO<sub>4</sub>, H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>, FeCl<sub>3</sub>, vôi (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu).

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.2. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở bảo đảm đáp ứng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn trước khi tuần hoàn tái sử dụng; không xả thải nước thải ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện xử lý nước thải và tuần hoàn, tái sử dụng nước thải cho quá trình sản xuất.

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI  
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2024  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò đốt chất thải công nghiệp và nguy hại, công suất 1.000 kg/giờ.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ lò đốt chất thải sinh hoạt, công suất 2.000 kg/giờ.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ hệ thống tái chế chì, công suất 2.000 kg/ngày.
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ hệ thống súc rửa, tái chế bao bì, thùng phuy, công suất 350 kg/giờ.
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang, công suất 50 kg/giờ.
- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ hệ thống tái chế dung môi, công suất 2 m<sup>3</sup>/ngày.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Dòng số 01 (từ nguồn số 01):**

- Vị trí xả khí thải: Ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò đốt chất thải công nghiệp và nguy hại; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1214131; Y = 424487.
- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 40.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói xả liên tục 24/24 giờ.

**2.2. Dòng số 02 (từ nguồn số 02):**

- Vị trí xả khí thải: Ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò đốt chất thải sinh hoạt; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1214274; Y = 424419.
- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 60.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói xả liên tục 24/24 giờ.

**2.3. Dòng số 03 (từ nguồn số 03):**

- Vị trí xả khí thải: Ống khói của hệ thống xử lý bụi từ lò nấu chì; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1214218; Y = 424791.
- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói xả gián đoạn theo ca làm việc.

**2.4. Dòng số 04 (từ nguồn số 04):**

- Vị trí xả khí thải: Ống thải của hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi từ hệ thống súc rửa, tái chế bao bì, thùng phuy; tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1214147; Y = 424378.

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải xả gián đoạn theo ca làm việc.

2.5. Dòng số 05 (từ nguồn số 05):

- Vị trí xả khí thải: Ống thải của hệ thống xử lý bụi từ hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1214307; Y = 424286.

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 100 m<sup>3</sup>/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải xả gián đoạn theo ca làm việc.

2.6. Dòng số 06 (từ nguồn số 06):

- Vị trí xả khí thải: Ống thải của hệ thống xử lý khí không ngưng từ hệ thống tái chế dung môi, tọa độ vị trí xả khí thải: X = 1214548; Y = 424376.

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 350 m<sup>3</sup>/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải xả gián đoạn theo ca làm việc.

*(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°)*

2.7. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

2.7.1. Đối với dòng số 01:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp (cột B); cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Axít clohydric, HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	50	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Cacbon monoxyt, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	250		
3	Lưu huỳnh dioxyt, SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	250		
4	Nitơ oxyt, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
5	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	100		
6	Cadmi và hợp chất tính theo Cadmi, Cd	mg/Nm <sup>3</sup>	0,16	06 tháng/lần	
7	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg	mg/Nm <sup>3</sup>	0,2		
8	Chì và hợp chất tính theo chì, Pb	mg/Nm <sup>3</sup>	1,2		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
9	Tổng hydrocacbon, HC	mg/Nm <sup>3</sup>	50		
10	Tổng các kim loại nặng khác (As, Sb, Ni, Co, Cu, Cr, Sn, Mn, Tl, Zn) và hợp chất tương ứng	mg/Nm <sup>3</sup>	1,2		
11	Tổng dioxin/furan PCDD/PCDF	ngTEQ/Nm <sup>3</sup>	0,6	01 năm/lần	

### 2.7.2. Đối với dòng số 02:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 61-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt ( $K_v = 1,0$ ); cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Axít clohydric, HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	50	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Cacbon monoxyt, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	250		
3	Lưu huỳnh dioxyt, SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	250		
4	Nitơ oxyt, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	500		
5	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	100	06 tháng/lần	
6	Cadmi và hợp chất tính theo Cadmi, Cd	mg/Nm <sup>3</sup>	0,16		
7	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg	mg/Nm <sup>3</sup>	0,2		
8	Chì và hợp chất tính theo chì, Pb	mg/Nm <sup>3</sup>	1,2		
9	Tổng dioxin/furan PCDD/PCDF	ngTEQ/Nm <sup>3</sup>	0,6	01 năm/lần	

### 2.7.3. Đối với dòng số 03:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B,  $K_p = 0,8$  và  $K_v = 1,0$ ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	160	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Chì và hợp chất, tính theo Pb	mg/Nm <sup>3</sup>	4	06 tháng/lần	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
3	Axit clohydric, HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	40		
4	Hơi H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	40		

#### 2.7.4. Đối với dòng số 04 và dòng số 6:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K<sub>p</sub> = 0,8 và K<sub>v</sub> = 1,0) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT		
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	160	-	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Styren	mg/Nm <sup>3</sup>	-	100	06 tháng/lần	
3	Toluene	mg/Nm <sup>3</sup>	-	750		
4	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	5		
5	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	870		
6	Vinylclorua	mg/Nm <sup>3</sup>	-	20		
7	Etylen oxyt	mg/Nm <sup>3</sup>	-	20		

#### 2.7.5. Đối với dòng số 05:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K<sub>p</sub> = 0,8 và K<sub>v</sub> = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	160	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

#### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Được thu gom theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý khí thải lò đốt chất thải công nghiệp và nguy hại để xử lý.

- Nguồn số 02: Được thu gom theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý khí thải lò đốt chất thải sinh hoạt để xử lý.

- Nguồn số 03: Được thu gom theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý bụi từ lò nấu chì để xử lý.

- Nguồn số 04: Được thu gom theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi từ hệ thống súc rửa bao bì, thùng phuy để xử lý.

- Nguồn số 05: Được thu gom theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý bụi từ hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang để xử lý.

- Nguồn số 06: Được thu gom theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý khí không ngưng từ hệ thống tái chế dung môi để xử lý.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

### 1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải lò đốt chất thải công nghiệp và nguy hại:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → bộ trao đổi nhiệt khí thải bằng nước → tháp ổn định nhiệt độ → tháp hấp thụ và pháp phụ → lọc bụi túi vải → tháp hấp thụ ướt → ống khói số 01.

- Công suất: 40.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Vôi bột, than hoạt tính, Ca (OH)<sub>2</sub>, NaOH, Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub> (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

### 1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải từ lò đốt chất thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → bộ trao đổi nhiệt khí thải bằng không khí → tháp Venturi → tháp hấp thụ ướt → tháp hấp phụ và ly tâm tách nước → ống khói số 02.

- Công suất: 60.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub>, Ure, than hoạt tính (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

### 1.2.3. Hệ thống xử lý bụi từ lò nấu chì:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải phát sinh từ lò nấu chì → chụp hút và đường ống dẫn → tháp hấp thụ → ống khói số 03.

- Công suất thiết kế: 2.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này).

### 1.2.4. Hệ thống xử lý bụi, hơi dung môi từ hệ thống súc rửa, tái chế bao bì, thùng phuy:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh từ hoạt động súc rửa, chà sét, phun sơn → tháp lọc bụi ướt → hấp phụ bằng than hoạt tính → ống thải số 04.

- Công suất thiết kế: 1.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

### 1.2.5. Hệ thống xử lý bụi từ hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động đập, nghiền bóng đèn → tháp lọc bụi bằng 1 lớp vải ni → tháp khử hơi thủy ngân bằng than hoạt tính và bột lưu huỳnh → ống thải số 05.

- Công suất thiết kế: 100 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính và bột lưu huỳnh.

1.2.6. Hệ thống xử lý khí không ngưng từ hệ thống tái chế dung môi:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí không ngưng từ hoạt động chưng cất dung môi → hấp phụ bằng than hoạt tính → ống thổi số 06.

- Công suất thiết kế: 350 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Khi các hệ thống xử lý khí thải của các hệ thống, thiết bị gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Phần A của Phụ lục này thì phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường không khí và thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Định kỳ hàng năm thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý khí thải lò đốt chất thải sinh hoạt.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Một (01) vị trí tại một (01) ống khói lò đốt chất thải sinh hoạt.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu ra của các công trình xử lý bụi, khí thải) trong ít nhất 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả thải ra môi trường của các công trình xử lý bụi, khí thải) trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, chủ cơ sở phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai theo quy định.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải. Kiểm soát chặt chẽ việc vận hành các công đoạn hấp thụ, hấp phụ trong hệ thống xử lý khí thải của các lò đốt chất thải.

3.5. Tăng cường biện pháp kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ các hoạt động sản xuất của nhà máy (đặc biệt là các hố chôn lấp được cấp phép và các hố chôn lấp đang chờ đóng bãi), không để ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư và các doanh nghiệp xung quanh.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2024  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Quạt hút tại lò đốt chất thải công nghiệp và nguy hại.
- Nguồn số 02: Quạt hút tại lò đốt chất thải sinh hoạt.
- Nguồn số 03: Máy nghiền bóng đèn huỳnh quang.
- Nguồn số 04: Máy đóng ép gạch Block.
- Nguồn số 05: Hệ thống bơm dung dịch rửa kim loại dính thành phần nguy hại.
- Nguồn số 06: Hệ thống bơm dung dịch súc rửa bao bì, thùng phuy.
- Nguồn số 07: Máy thổi khí tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1214298; Y = 424387.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1214658; Y = 424654.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1214548; Y = 424876.
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1214159; Y = 424659.
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 1214149; Y = 424271.
- Nguồn số 06: Tọa độ X = 1214761; Y = 424490.
- Nguồn số 07: Tọa độ X = 1214809; Y = 424500.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.
- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

**Phụ lục 4****NỘI DUNG CẤP PHÉP THỰC HIỆN DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI:****1. Công trình, hệ thống, thiết bị sơ chế, xử lý, tái chế chất thải nguy hại:**

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
1	Lò đốt chất thải công nghiệp và nguy hại	1.000 kg/giờ	01
2	Hệ thống tái chế chì	2.000 kg/ngày	01
3	Hệ thống tẩy rửa kim loại nhiễm thành phần nguy hại	24 tấn/ngày	01
4	Hệ thống súc rửa, tái chế bao bì, thùng phuy	350 kg/giờ	01
5	Hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang	50 kg/giờ	01
6	Hệ thống tái chế dung môi	2 m <sup>3</sup> /ngày	01
7	Hệ thống hoá rắn ổn định CTNH (sản xuất gạch block)	50 tấn/ngày	01
8	Hố chôn lấp an toàn chất thải nguy hại có diện tích 5.500 m <sup>2</sup> (với chiều cao còn lại có thể sử dụng là 2,6 m)	-	01
9	Hệ thống xử lý chất thải lỏng nguy hại	120 m <sup>3</sup> /ngày	01

**2. Danh mục mã chất thải nguy hại và khối lượng theo năm:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Phương án xử lý
I	Nhóm CTNH được bằng lò đốt chất thải công nghiệp và nguy hại			7.200.000	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn
1	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại				
1.1	Bùn thải có chứa dầu	Rắn/lỏng/bùn	01 03 01 01 04 01 01 04 02 01 04 03 01 04 05 15 02 13 17 05 02 17 05 03		
1.2	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	Rắn/lỏng/bùn	04 02 05 12 07 05 12 09 02 12 09 03 19 10 02		

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Phương án xử lý
1.3	Bùn thải lẫn sơn, véc ni, mực in, chất kết dính	Rắn/lỏng/bùn	08 01 02 08 02 02 08 03 02 17 08 05		
1.4	Bùn thải từ quá trình xử lý đất	Rắn/bùn	11 05 02 12 09 02		
1.5	Bùn hoặc nhũ tương thải từ thiết bị khử muối	Bùn/lỏng	17 07 01		
1.6	Bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	Rắn/bùn	05 01 03 05 02 09 05 03 06 05 04 03 05 05 03 05 07 05 06 01 05		
1.7	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt kim loại và các vật liệu bằng phương pháp hóa học	Rắn/lỏng/bùn	07 01 04 07 01 08 07 01 10		
1.8	Bùn thải và chất thải rắn từ quá trình tôi luyện	Rắn/bùn	05 11 01 05 11 02 05 02 04 05 02 06 05 02 07		
2	Các loại chất thải khác	Rắn/lỏng/bùn	01 03 02 05 10 01		
3	Cặn phản ứng và các cặn đáy tháp chưng cất	Rắn/bùn	03 01 05 03 02 05 03 03 05 03 04 05 03 05 05 03 06 05 03 07 05		
4	Chất hấp thụ và bã lọc thải	Rắn	03 01 07 03 02 07 03 03 07 03 04 07 03 05 07 03 06 07 03 07 07 12 01 01		
5	Chất thải từ quá trình tẩy mỡ nhờn	Lỏng	01 04 08 07 01 07 07 03 04 17 01 03 17 07 02		
6	Hóa chất thải				
6.1	Hóa chất, dược phẩm thải	Rắn/lỏng	13 01 02 13 01 03 13 02 02		

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Phương án xử lý
			13 02 03 16 01 05 16 01 11		
6.2	Hoá chất bảo vệ thực vật, bảo quản gỗ thải	Rắn/lỏng/bùn	02 11 01 03 04 09 09 02 01 09 02 03 09 02 04 09 02 05 14 01 01 14 01 02 14 01 03 14 01 04		
6.3	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế và cung ứng dược phẩm	Rắn	03 05 09		
6.4	Hóa chất chống đông thải	Lỏng	15 01 08 15 02 06		
6.5	Các hợp chất isoxyanat thải	Rắn/lỏng	08 04 01		
6.6	Các loại hóa chất thải chưa nêu tại mã khác	Rắn/lỏng	19 05 02 19 05 03 19 05 04		
7	Xúc tác, phụ gia thải	Rắn/lỏng	03 02 09 19 08 01 19 08 02 19 08 03 19 08 04		
8	Gỗ thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	12 08 01 16 01 14 09 01 01		
9	Chất thải từ ngành dệt nhuộm	Rắn/lỏng/bùn	10 02 01 10 02 02 10 02 04		
10	Mực in, hộp mực in thải, sơn, chất kết dính có chứa các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	08 01 01 08 01 03 08 02 01 08 02 04 08 03 01 08 03 03 15 02 09 16 01 09		
11	Chất thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải, nước cấp và khí thải	Rắn/lỏng	04 02 03 06 01 04 06 01 06 12 01 03 12 06 04 12 07 06 12 01 08 12 02 01		

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Phương án xử lý
			12 02 04 12 02 05 12 02 06		
12	Bao bì mềm thải	Rắn	14 01 05 18 01 01		
13	Các loại hắc ín thải	Rắn/bùn	01 04 06 01 05 01 05 02 05 05 07 03 11 03 01 11 03 02 12 07 02		
14	Chất thải có chứa thành phần nguy hại từ quá trình sản xuất silic, photpho, nitơ	Rắn/lỏng	02 08 01 02 09 01 02 10 01 03 02 10		
15	Nhựa trao đổi ion, chất hấp phụ thải	Rắn	07 01 09 12 06 01 12 06 02 18 02 01		
16	Chất thải từ quá trình chế biến da và lông	Rắn/bùn	10 01 01 10 01 02 10 01 06		
17	Chất thải từ chăn nuôi gia súc, gia cầm	Rắn/lỏng/bùn	14 02 01 14 02 02		
18	Thủy tinh, nhựa và gỗ thải có chứa hoặc nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	11 02 01		
19	Chất thải từ quá trình xử lý đất	Rắn	12 09 01		
20	Chất thải từ thiết bị tách dầu nước	Rắn	17 05 01		
21	Sản phẩm vô cơ, hữu cơ thải	Rắn/lỏng	19 03 01 19 03 02		
22	Các loại chất thải khác có chứa các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng/bùn	19 07 02 19 12 01 19 12 02 19 12 03 19 12 04 19 12 05		
23	Dầu thải, chất thải nhiễm dầu				
23.1	Chất thải lẫn dầu	Rắn/lỏng	01 04 10 05 01 02 05 02 10 05 03 07 05 04 04 05 05 04 05 06 01 05 07 06		

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Phương án xử lý
			12 02 03 12 07 01 15 01 02 17 05 05 17 05 06 19 07 01 15 02 02		
23.2	Dầu mỡ thải	Rắn/lỏng	01 04 04 01 04 09 08 02 05 16 01 08 07 03 06 17 07 04		
23.3	Các loại dầu thải	Lỏng	17 03 03 17 03 04 17 03 05 17 04 01 17 04 02 17 04 03 17 05 04 17 07 03 15 01 07 15 02 05		
23.4	Nhiên liệu lỏng thải	Lỏng	17 06 01 17 06 02 17 06 03		
23.5	Dầu thải từ quá trình gia công tạo hình thải	Lỏng	07 03 02 07 03 05		Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn
23.6	Dầu thủy lực thải	Lỏng	17 01 05 17 01 06 17 01 07		
23.7	Dầu động cơ, hộp số thải	Lỏng	17 02 02 17 02 03 17 02 04		
24	Chất thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải và khí thải	Rắn/lỏng	04 02 08 05 02 08 05 03 05 05 04 02 05 05 02 06 01 04 06 02 01 06 03 02 07 02 01 12 06 03		
25	Chất gắn, tách khuôn thải	Rắn/lỏng	05 08 04 05 08 05 05 09 04 05 09 05		
26	Chất thải từ quá trình chế biến khoáng sản,	Rắn/lỏng/bùn	01 01 01 01 01 02		

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Phương án xử lý
	quặng sắt, quặng sunfua, thủy luyện đồng,...		01 01 03 01 02 01 01 02 02 01 02 03 01 07 01 05 10 02 05 10 03 12 03 01 12 03 02		
27	Các loại dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor)	Lỏng	03 01 03 03 02 03 03 03 03 03 04 03 03 05 03 03 06 03 03 07 03 19 01 05		
28	Chất thải từ ngành y tế và thú y	Rắn/lỏng	13 01 01 13 01 02 13 01 03 13 01 04 13 02 01 13 02 02 13 02 03		
<b>II</b>	<b>Nhóm chất thải đưa vào hệ thống súc rửa, tái chế bao bì, thùng phuy</b>			2.520.000	Súc rửa, thu hồi bao bì sạch, nước thải phát sinh xử lý tại hệ thống xử lý chất thải lỏng nguy hại
1	Bao bì cứng thải	Rắn	14 01 06 18 01 02 18 01 03 18 01 04 19 05 01		
<b>III</b>	<b>Nhóm chất thải đưa vào hệ thống tái chế dung môi</b>			600.000	Thu hồi, tái chế, cặn rắn hóa rắn, chôn lấp tại hố chôn lấp an toàn chất thải nguy hại
1	Dung môi thải	Rắn/lỏng	08 01 04 08 01 05 16 01 01 17 08 03		
<b>IV</b>	<b>Nhóm chất thải đưa vào hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang</b>			360.000	Sơ chế, chất thải phát sinh hóa rắn, chôn lấp an toàn tại hố chôn lấp chất thải nguy hại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06		
<b>V</b>	<b>Nhóm chất thải đưa vào hệ thống tẩy rửa kim loại dính thành phần nguy hại</b>			7.200.000	Tẩy rửa thu hồi kim loại, nước thải phát sinh xử lý tại hệ thống

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Phương án xử lý
1	Phoi từ quá trình gia công tạo hình nhiễm dầu và phế liệu kim loại nhiễm dầu	Rắn	07 03 11 11 04 01 11 04 02		xử lý chất thải lỏng nguy hại
2	Thiết bị, bộ phận của phương tiện giao thông vận tải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	15 01 01 15 02 01 15 02 07		
3	Khuôn đúc thải	Rắn	05 08 01 05 09 01		
4	Bao bì cứng thải là thủy tinh	Rắn	18 01 04		
<b>VI</b>	<b>Nhóm chất thải đưa vào hệ thống tái chế chì</b>			700.000	Phá dỡ, nấu luyện thu hồi sản phẩm tái chế. Tro xỉ hóa rắn, chôn lấp an toàn tại hố chôn lấp chất thải nguy hại
1	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	16 01 12 19 06 01		
2	Chất thải từ quá trình nhiệt luyện chì	Rắn	05 03 01 05 03 03		
<b>VII</b>	<b>Nhóm chất thải đưa vào xử lý tại hệ thống xử lý chất thải lỏng nguy hại</b>			36.000.000	Xử lý tại hệ thống xử lý chất thải lỏng nguy hại, phân bùn chôn lấp tại hố chôn lấp an toàn chất thải nguy hại
1	Dung dịch chất điện phân thải	Lỏng	19 06 04		
2	Axit các loại thải	Lỏng	02 01 01 02 01 02 02 01 03 02 01 04 02 01 05 02 01 06 02 07 04 04 01 02 07 01 01 07 01 02 16 01 02		
3	Bazơ các loại thải	Lỏng	01 04 08 02 02 01 02 02 02 07 01 03 12 07 04 16 01 03		
4	Dung dịch từ ngành phim ảnh thải	Lỏng	19 01 01 19 01 02 19 01 03 19 01 04 19 01 05		
5	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung	Lỏng	08 02 03		

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Phương án xử lý
	ứng và sử dụng mực in				
6	Dung dịch nước tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	07 01 06		
7	Chất thải lỏng và nước thải nhiễm thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ khác	Lỏng	03 01 01 03 02 01 03 03 01 03 04 01 03 05 01 03 06 01 03 07 01 07 02 03 12 01 02 12 05 01 12 07 03 15 02 11 16 01 10 19 10 01		
8	Nước thải có thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước cấp	Lỏng	12 09 04		
<b>VIII</b>	<b>Nhóm chất thải đưa vào hóa rắn ổn định CTNH (sản xuất gạch block)</b>			5.550.000	Hóa rắn, sản xuất gạch block
1	Chất thải từ các cơ sở đốt khác	Rắn	04 02 05		
2	Than hoạt tính đã qua sử dụng	Rắn	02 11 02		
3	Chất hàn răng alagam	Rắn	13 01 04		
4	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	04 02 03 05 04 02		
	<b>Tổng khối lượng</b>			<b>60.130.000</b>	

**3. Danh mục mã chất thải nguy hại và khối lượng tối đa được phép đưa vào hồ chôn lấp chất thải nguy hại:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg)	Phương án xử lý
1	Bồ hóng, muối, bụi	Rắn	02 11 04 05 02 07		Cô lập trong hồ chôn lấp an toàn chất thải nguy hại
2	Tro có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	04 01 03 04 02 01 04 02 02 12 01 06 12 04 01		
3	Bụi khí thải từ lò hơi, nhiệt điện	Rắn	04 01 01 12 01 07		
4	Các vật liệu mài thải có các thành phần nguy hại	Rắn	07 03 08 07 03 10		

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg)	Phương án xử lý
			15 02 08		
5	Than hoạt tính thải	Rắn	02 07 02 12 01 04		
6	Xi và tro đáy có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	05 02 01 05 02 02 05 02 03 05 03 02 05 03 04 05 04 01 05 04 05 05 05 01 05 07 01 05 07 02 05 07 04 05 08 02 05 08 03 05 08 06 05 09 02 05 09 03 05 09 06 12 01 05		
7	Vật liệu cách nhiệt, amiang thải	Rắn	02 07 01 02 11 03 06 03 01 11 06 01 11 06 02 11 06 03 11 08 01 15 01 03 15 01 06 15 02 03 15 02 10 19 02 04 19 11 01 19 11 02 19 11 03		
8	Bùn thải từ quá trình xử lý khí thải, nước thải	Rắn/bùn	02 07 03 04 02 05 05 01 01 05 01 03 05 02 09 05 03 06 05 04 03 05 05 03 05 07 05 05 10 01 05 11 02 06 01 03 06 01 05 07 01 05		

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg)	Phương án xử lý
			12 06 05		
9	Bùn thải từ quá trình photphat hóa, mạ...	Bùn	07 01 04 07 01 08 07 03 07 07 03 09 12 02 02		
10	Các chất thải xây dựng và phá dỡ có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	11 01 01 11 05 01 11 07 01 11 08 03		
11	Muối và oxit kim loại thải	Rắn	02 03 01 02 03 02 02 03 03 02 04 01 02 04 02 02 04 03 02 06 01 05 02 11 05 03 08 06 02 02 07 02 02 11 05 03 12 04 02 12 06 03 19 09 01 19 09 02 19 09 03 19 09 03 19 09 04		
12	Thủy tinh thải	Rắn	06 01 01 06 01 02 06 01 03		
13	Xi, que hàn thải	Rắn	07 04 01 07 04 02		
14	Chất thải từ quá trình xử lý cơ học chất thải	Rắn	12 08 02 15 02 12		
15	Chất thải chứa bạc từ quá trình xử lý chất thải phim ảnh	Rắn	19 01 06 19 01 08		
16	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện khác có các linh kiện điện tử có các thành phần nguy hại	Rắn	15 01 09 15 02 14 16 01 07 16 01 13		Thu hồi các bộ phận có thể tái chế, phần còn lại chôn lấp an toàn
17	Các thiết bị y tế và thú y thải	Rắn	13 03 01 13 03 02		Cô lập trong hố chôn lấp an toàn chất thải nguy hại
18	Chất thải từ quá trình tinh chế, vận chuyển khí tự nhiên	Rắn	01 06 01		
19	Pin thải	Rắn	19 06 02		

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg)	Phương án xử lý
			19 06 03 19 06 05		
	<b>Tổng khối lượng</b>			<b>6.000.000</b>	

**4. Trạm trung chuyển chất thải nguy hại:** Không có

**5. Địa bàn hoạt động:**

Vùng	Tỉnh
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	Bình Định, Bình Thuận, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi
Tây Nguyên	“Toàn bộ vùng”
Đông Nam Bộ	“Toàn bộ vùng”
Đồng bằng sông Cửu Long	“Toàn bộ vùng”

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI:**

**1. Yêu cầu đối với thiết bị, kho, khu vực lưu giữ, trạm trung chuyển chất thải nguy hại:**

1.1. Thiết bị lưu giữ chất thải:

- Thùng chứa các loại (theo nhu cầu thực tế).
- Bao bì mềm PE, PP.

1.2. Kho/khu lưu giữ chất thải:

- Một (01) Kho phân loại, lưu giữ có diện tích 2.250 m<sup>2</sup>, khả năng lưu giữ tối đa khoảng 6.750 tấn.

- Một (01) Kho lưu giữ, sơ chế có diện tích 1.014 m<sup>2</sup>, khả năng lưu giữ tối đa khoảng 3.042 tấn.

- Một (01) Kho phân loại, tiếp nhận, lưu giữ có diện tích 2.400 m<sup>2</sup>, khả năng lưu giữ tối đa khoảng 7.200 tấn.

- Một (01) Kho lạnh chứa chất thải y tế, diện tích 20 m<sup>2</sup>, khả năng lưu giữ tối đa khoảng 60 tấn.

- Thiết kế cấu tạo: Có tường bao, có mái che, nền bê tông, có rãnh thu và hố thu gom chất thải lỏng, có gờ đê bao, có gắn biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

**2. Hệ thống, công trình, thiết bị sơ chế, tái chế, xử lý chất thải nguy hại:**

2.1. Lò đốt chất thải công nghiệp và nguy hại:

- Quy trình công nghệ: Chất thải → thiết bị cấp rác vào lò → buồng đốt sơ cấp → buồng đốt thứ cấp → hệ thống xử lý bụi, khí thải → ống khói số 01.

- Số lượng: 01.

- Công suất thiết kế: 1.000 kg/giờ.

- Sản phẩm sau xử lý: Xi, tro sau đốt.

2.2. Hệ thống tái chế chì:

- Quy trình công nghệ: Ấc quy → tháo gỡ tách riêng bộ phận chứa chì → lò nấu chì bằng điện → khuôn đúc → làm nguội → tháo khuôn → chì thời sau tái chế.

- Số lượng: 01.
- Công suất thiết kế: 2.000 kg/ngày.
- Sản phẩm sau tái chế: Chì thỏi.

### 2.3. Hệ thống tẩy rửa kim loại dính thành phần nguy hại:

- Quy trình công nghệ: Kim loại dính thành phần nguy hại → bể tẩy rửa bằng hóa chất hoặc nước → kim loại sạch.

- Số lượng: 01.
- Công suất thiết kế: 24 tấn/ngày.
- Sản phẩm sau xử lý: Kim loại sạch.

### 2.4. Hệ thống súc rửa, tái chế bao bì, thùng phuy:

- Quy trình công nghệ:

+ Vỏ bao bì, thùng phuy đã qua sử dụng với dung tích từ 30 lít trở lên → loại bỏ cặn, súc rửa → chà sơn, rỉ sét → thổi tròn → sơn → bao bì, thùng phuy thành phẩm.

+ Vỏ bao bì, xô đã qua sử dụng với dung tích từ 30 lít trở xuống → loại bỏ cặn, súc rửa → ráo nước → bao bì, xô thành phẩm.

- Số lượng: 01.
- Công suất thiết kế: 350 kg/giờ.
- Sản phẩm sau xử lý: Bao bì, thùng phuy thành phẩm sau khi rửa sạch và được phục hồi.

### 2.5. Hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang:

- Quy trình công nghệ: Bóng đèn → máy đập vỡ → băng tải → sàn phân loại → chuôi bóng đèn, thủy tinh.

- Số lượng: 01.
- Công suất thiết kế: 50 kg/giờ.
- Sản phẩm sau xử lý: Chuôi nhôm bóng đèn, vụn thủy tinh.

### 2.6. Hệ thống tái chế dung môi:

- Quy trình công nghệ: Dung môi thải → thùng chứa → tháp chưng cất → thiết bị ngưng tụ → thùng chứa dung môi tái sinh.

- Số lượng: 01.
- Công suất thiết kế: 2 m<sup>3</sup>/ngày.
- Sản phẩm sau xử lý: Dung môi tái sinh.

### 2.7. Hệ thống hoá rắn ổn định CTNH (sản xuất gạch block):

- Quy trình công nghệ: Tro, xỉ, bùn thải (tối đa 30,3%) → phối trộn (Xi măng 10,61%, vôi 3,03%, cát sỏi 30,3%, nước 19,7%) → máy ép gạch → phơi dưỡng → gạch không nung → lưu trữ và xây dựng nội bộ.

- Số lượng: 01.
- Công suất thiết kế: 50 tấn/ngày.
- Sản phẩm sau xử lý: Gạch Block.

### 2.8. Hồ chôn lấp an toàn chất thải nguy hại:

- Quy trình công nghệ: Bùn, tro xỉ lò đốt,... → hóa rắn → chôn lấp an toàn.

- Số lượng: 01.

- Quy mô thiết kế: Hồ chôn lấp an toàn chất thải nguy hại có diện tích 5.500 m<sup>2</sup> (với chiều cao còn lại có thể sử dụng là khoảng 2,6 m).

2.9. Hệ thống xử lý chất thải lỏng nguy hại:

- Quy trình công nghệ: Chất thải lỏng nguy hại → bể gom nước thải → bể khuấy trộn → bể keo tụ - tạo bông/bể phản ứng oxy hóa → bể lắng đứng 1/bể lắng đứng 2 → hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày → tuần hoàn tái sử dụng lại toàn bộ, không xả thải ra môi trường.

- Số lượng: 01.

- Công suất thiết kế: 120 m<sup>3</sup>/ngày.

### 3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường:

3.1. Không được phép đốt các CTNH có chứa hợp chất halogen hữu cơ (đặc biệt là PCB), Hg, Pb, Cd vượt ngưỡng CTNH theo quy định tại QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

3.2. Trong trường hợp tiếp nhận thêm CTNH từ các chủ xử lý CTNH khác theo hợp đồng được cơ quan cấp phép chấp thuận thì phải cân đối để đảm bảo tổng công suất xử lý không vượt quá khối lượng CTNH được cấp theo Giấy phép môi trường này.

3.3. Đảm bảo lượng chất thải tiếp nhận tại một thời điểm nhất định không vượt quá công suất của khu tập kết, phân loại và kho lưu giữ CTNH hoặc thiết bị lưu chứa chất thải lỏng được ghi trong Giấy phép môi trường này.

3.4. Đối với các loại CTNH phát sinh trong quá trình hoạt động sau khi được phân định, phân loại CTNH nếu không có khả năng xử lý tại dự án/cơ sở thì phải chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để xử lý.

3.5. Được phép sử dụng các hệ thống, thiết bị xử lý CTNH đã được cấp phép để xử lý các loại chất thải thông thường có tính chất tương tự với các nhóm CTNH được cấp phép. Công ty phải cân đối để đảm bảo lượng chất thải nguy hại (bao gồm chất thải nguy hại thu gom về, chất thải nguy hại phát sinh từ các hệ thống, thiết bị khác của cơ sở) và chất thải thông thường không vượt công suất xử lý chất thải của hệ thống, thiết bị xử lý CTNH đã được cấp phép.

3.6. Việc xử lý chất thải tại các hệ thống, công trình, thiết bị xử lý phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật môi trường tương ứng.

3.7. Không được đưa các loại chất thải dạng lỏng vào cô lập tại bể đóng kén.

3.8. Sản phẩm hóa rắn (sau hệ thống ổn định hóa rắn) phải được quản lý theo quy định tại Mục 5.2.5 của QCVN 07:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

3.9. Các sản phẩm tái chế khi lưu hành, đưa vào thị trường, tiêu dùng thông qua trao đổi, mua bán, cho, tặng, tiếp thị thì phải thực hiện hợp chuẩn, hợp quy theo quy định và phải đáp ứng theo yêu cầu, quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3.10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm của chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

**Phụ lục 5****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2024  
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	15.000
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	40
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	200
4	Than hoạt tính đã qua sử dụng	02 11 02	5.350
5	Bã lọc từ quá trình xử lý khí thải	12 01 01	4.800
6	Chất thải rắn, bùn thải từ quá trình xử lý khí thải	12 01 03	180.400
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>205.790</b>

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các tông	18 01 05	200.000
2	Nhựa	12 02 04	450.000
3	Sắt thép phế liệu	-	1.220.000
4	Chất thải từ thiết bị làm mát	01 04 11	1.380.000
5	Bùn từ hệ thống công thoát nước mưa và bùn từ hầm tự hoại (phát sinh không thường xuyên)	-	1.250.000
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>4.500.000</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 11,06 tấn/năm.****1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	110
2	Bao bì mềm thải	18 01 01	1.250
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	130.000
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	420.000
5	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác	18 01 04	210.000
6	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	100
7	Xỉ và tro đáy có các thành phần nguy hại	12 01 05	4.000.000
8	Gỗ thải có các thành phần nguy hại	16 01 14	2.800
9	Chất thải lẫn dầu	19 07 01	12.500
10	Chất thải có các thành phần nguy hại (khác với dầu)	19 07 02	30.240
11	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước (hệ thống xử lý nước)	12 06 05	300.847
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>5.107.847</b>

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy, bao bì mềm PE, PP.

2.1.2. Khu phân loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích: 7.812 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Khu phân loại được xây dựng dạng kết cấu khung thép tiền chế có mái lợp tôn chống nóng, tường tôn vây quanh, nền bê tông cốt thép, có hệ thống phần mái hiên che nhằm tránh tác động của mưa gió xâm nhập vào khu phân loại, bên trong kho bố trí đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy nhằm ứng phó khi xảy ra sự cố cháy.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Lưu giữ chung tại các kho, khu vực phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại được cấp phép thực hiện dịch vụ xử lý CTNH tại phần B Phụ lục 4 Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

## **3. Hoạt động tự xử lý chất thải:**

Được phép tự xử lý các loại chất thải nguy hại có tên trong danh mục chất thải nguy hại được cấp phép bằng các hệ thống, thiết bị được nêu tại Phần A Phụ lục 4 Giấy phép môi trường này; các loại chất thải nguy hại khác phát sinh mà không có khả năng xử lý tại nhà máy thì phải chuyển giao cho đơn vị có năng lực và chức năng phù hợp.

## **4. Các hệ thống, thiết bị xử lý chất thải thông thường:**

4.1. Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Chất thải rắn sinh hoạt → sàn tách rác khó cắt → máy đánh toi - xé bọc → băng tải phân loại thủ công → lồng phân loại → hệ thống sấy rác → buồng đốt sơ cấp → buồng đốt thứ cấp → hệ thống xử lý khí thải → ống khói số 02.

- Số lượng: 01.

- Công suất thiết kế: 2.000 kg/giờ.

- Sản phẩm sau xử lý: Tro, xỉ lò đốt.

4.2. Hồ chôn lấp hợp vệ sinh chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: chất thải công nghiệp thông thường và sinh hoạt → phân loại → vận chuyển → chôn lấp hợp vệ sinh.

- Số lượng: 04.

- Quy mô thiết kế:

+ 01 hồ chôn lấp hợp vệ sinh chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường có diện tích 7.000 m<sup>2</sup> (với chiều cao còn lại có thể sử dụng để chôn lấp là khoảng 2,2 m).

+ 03 hồ chôn lấp hợp vệ sinh chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường có diện tích 5.000 m<sup>2</sup>/hố (với chiều cao còn lại có thể sử dụng để chôn lấp lần lượt là khoảng 2,7 m, 2,7 m và 1,7 m).

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 6****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Thực hiện theo các quy định xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải theo quy định tại Điều 80 Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

Các hạng mục, công trình và yêu cầu bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 2123/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ tiếp tục triển khai trong thời gian tới, cụ thể như sau:

**1. Các hệ thống, thu hồi thiết bị sơ chế, xử lý, tái chế chất thải:**

- Đầu tư mới 01 lò đốt chất thải công nghiệp và nguy hại công suất 1.000 kg/giờ.
- Đầu tư mở rộng hệ thống tái chế dung môi hiện có từ công suất 2 m<sup>3</sup>/ngày lên 7 m<sup>3</sup>/ngày.
- Đầu tư mở rộng hệ thống tái chế chì hiện có từ công suất 2 tấn/ngày lên 10 tấn/ngày.
- Đầu tư mở rộng hệ thống súc rửa, tái chế bao bì, thùng phuy hiện có từ công suất 7 tấn/ngày lên 38 tấn/ngày.
- Đầu tư mới hệ thống tái chế nhớt thải công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày.
- Đầu tư mới dây chuyền sản xuất viên nhiên liệu công suất 20 tấn/ngày.
- Đầu tư mới dây chuyền tái chế nhựa thành dầu FO công suất 60 tấn/ngày.
- Đầu tư mới hệ thống tái chế nhựa công suất 70 tấn/ngày.
- Nâng công suất hệ thống xử lý chất thải lỏng nguy hại từ 120 m<sup>3</sup>/ngày lên 200 m<sup>3</sup>/ngày.
- Xây dựng, hoàn thiện các hố chôn lấp an toàn CTNH, hố chôn lấp hợp vệ sinh chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường còn lại theo các văn bản pháp lý đã được phê duyệt.

**1.1. Lò đốt chất thải công nghiệp và nguy hại:**

- Quy trình công nghệ: Chất thải → thiết bị cấp rác vào lò → buồng đốt sơ cấp → buồng đốt thứ cấp → hệ thống xử lý bụi, khí thải → ống khói.
- Công suất thiết kế: 1.000 kg/giờ.
- Sản phẩm sau xử lý: Xi, tro sau đốt.

**1.2. Hệ thống tái chế dung môi:**

- Quy trình công nghệ: Dung môi thải → thùng chứa → tháp chưng cất → thiết bị ngưng tụ → thùng chứa dung môi tái sinh.

- Tổng công suất thiết kế: 7 m<sup>3</sup>/ngày.

- Sản phẩm sau xử lý: Dung môi tái sinh.

### 1.3. Hệ thống tái chế chì:

- Quy trình công nghệ: Ấc quy → tháo gỡ tách riêng bộ phận chứa chì → lò nấu chì bằng điện → khuôn đúc → làm nguội → tháo khuôn → chì thỏi sau tái chế.

- Tổng công suất thiết kế: 8 tấn/ngày.

- Sản phẩm sau xử lý: Chì thỏi.

### 1.4. Hệ thống súc rửa, tái chế bao bì, thùng phuy:

- Quy trình công nghệ: Vỏ bao bì, thùng phuy đã qua sử dụng → súc rửa → chà son, rỉ sét → thổi tròn → son → bao bì, thùng phuy thành phẩm.

- Tổng công suất thiết kế: 31 tấn/ngày.

- Sản phẩm sau xử lý: Bao bì, thùng phuy thành phẩm sau khi rửa sạch và được phục hồi.

### 1.5. Hệ thống tái chế nhớt thải:

- Quy trình công nghệ: Nhớt thải → thùng chứa → hệ thống gia nhiệt tách nước → tháp chưng cất → thiết bị ngưng tụ → thiết bị tinh chế → thùng chứa nhớt tái sinh.

- Công suất thiết kế: 15 m<sup>3</sup>/ngày.

- Sản phẩm sau xử lý: Nhớt tái sinh.

### 1.6. Dây chuyền sản xuất viên nhiên liệu:

- Quy trình công nghệ: Chất thải → phân loại → chất thải rắn thông thường → phối trộn → ép viên → sấy → viên nhiên liệu.

- Công suất thiết kế: 20 tấn/ngày.

- Sản phẩm sau xử lý: Viên nhiên liệu.

### 1.7. Dây chuyền tái chế nhựa thành dầu FO:

- Quy trình công nghệ: Chất thải → phân loại → nhựa, cao su → băm nhỏ → cấp liệu → nhiệt phân → ngưng tụ → tách nước → sản phẩm dầu FO.

- Công suất thiết kế: 60 tấn/ngày.

- Sản phẩm sau xử lý: Dầu FO.

### 1.8. Hệ thống tái chế nhựa:

- Quy trình công nghệ: Chất thải → phân loại → nhựa không nguy hại → phân loại theo từng loại nhựa → làm sạch → cắt → nhựa tái sinh.

- Công suất thiết kế: 70 tấn/ngày.

- Sản phẩm sau xử lý: Nhựa tái sinh.

### 1.9. Hệ thống xử lý chất thải lỏng nguy hại:

- Quy trình công nghệ: Nước thải phát sinh từ hệ thống tẩy rửa kim loại nhiễm thành phần nguy hại; từ hệ thống súc rửa, phục hồi bao bì, thùng phuy; thu gom từ các chủ nguồn

thải bên ngoài → bể gom nước thải → bể khuấy trộn → bể keo tụ - tạo bông/bể phản ứng oxy hóa → bể lắng đứng 1/bể lắng đứng 2 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Tuần hoàn tái sử dụng lại toàn bộ, không xả thải ra môi trường.

- Tổng công suất thiết kế: 200 m<sup>3</sup>/ngày.

1.10. Hồ chôn lấp an toàn chất thải nguy hại:

- Quy trình công nghệ: Bùn, tro xỉ lò đốt, ... → hóa rắn → chôn lấp an toàn.

- Quy mô thiết kế: theo các văn bản pháp lý đã được phê duyệt.

1.11. Hồ chôn lấp hợp vệ sinh chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường:

- Quy trình công nghệ: Chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường → phân loại → Chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường không thể tái chế, tái sử dụng, không thể xử lý được tại các dây chuyền xử lý, tái chế khác → ép giảm thể tích (nếu có) → chôn lấp hợp vệ sinh.

- Quy mô thiết kế: theo các văn bản pháp lý đã được phê duyệt.

## 2. Các công trình bảo vệ môi trường tiếp tục thực hiện trong giai đoạn sau:

2.1. Hệ thống xử lý khí thải từ lò đốt chất thải công nghiệp và nguy hại:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → bộ trao đổi nhiệt khí thải bằng nước → cyclon tách tro, bụi → tháp hấp thụ cấp 1 → tháp hấp thụ cấp 2 → tách ẩm → ống khói số 01 (có công đoạn xử lý dioxin/furan).

- Công suất: 40.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub> (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

2.2. Hệ thống xử lý khí không ngưng từ hệ thống tái chế dung môi:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí không ngưng từ hoạt động chung cất dung môi → hấp phụ bằng than hoạt tính → ống thải.

- Công suất thiết kế: 875 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

2.3. Hệ thống xử lý bụi từ lò nấu chì:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải phát sinh từ lò nấu chì → chụp hút và đường ống dẫn → buồng lắng → cyclon tách bụi → lọc bụi túi vải → tháp lọc ướt → ống khói.

- Công suất thiết kế: 8.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub> (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

2.4. Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ dây chuyền sản xuất viên nhiên liệu:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → chụp hút và đường ống dẫn → cyclon tách bụi → lọc bụi túi vải → tháp lọc ướt → ống khói.

- Công suất thiết kế: 15.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

## 2.5. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: (Các dòng nước thải có pH cao và hàm lượng N cao → hồ chứa nước rác → bể trộn vôi → bể điều hòa → bể lắng cặn vôi → bể chỉnh pH → tháp Stripping → bể chỉnh pH → tháp Stripping 2) + (Nước thải phát sinh từ các hệ thống tái chế và xử lý) → bể khử Canxi → bể Anoxic → bể selector → bể Aerotank → bể lắng 2 → bể phân ứng lắng → bể Fenton 2 bậc → bể keo tụ → bể lắng thứ cấp → bể trung gian → lọc áp lực → khử trùng → hồ hoàn thiện → Tuần hoàn tái sử dụng lại toàn bộ, không xả thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 600 m<sup>3</sup>/ngày.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, NaOH, PAC, Polyme, FeSO<sub>4</sub>, H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>, FeCl<sub>3</sub>, vôi (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

3. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, Công ty có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét cấp giấy phép môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Đối với các chất thải phát sinh mà không tự xử lý được tại cơ sở thì phải thực hiện việc chuyển giao cho đơn vị xử lý có chức năng phù hợp. Các sản phẩm tái chế khi đưa vào lưu hành trên thị trường, tiêu dùng thông qua trao đổi, mua bán, tiếp thị, cho, tặng thì phải đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu và thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 5 Giấy phép môi trường này) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Trong quá trình hoạt động, không được phép chôn, lấp, đổ, thải chất thải trái quy định ra môi trường.

6. Các hạng mục công trình của cơ sở chỉ được phép hoạt động khi bảo đảm phù hợp theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai, xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

7. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

8. Đảm bảo tỷ lệ chất thải sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp theo đúng Văn bản số 183/KH-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo yêu cầu và quy định tại Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải, khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 1 Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải, khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; các quy định khác của chính quyền địa phương.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG** **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BNNMT-MT  
V/v chấp thuận liên kết chuyển giao chất thải  
nguy hại của Công ty Cổ phần TM Tài Tiến

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Kính gửi:

- Công ty Cổ phần TM Tài Tiến<sup>1</sup>;
- Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh<sup>2</sup>.

Phúc đáp Công văn số 06/2025-CV-TT ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Công ty Cổ phần TM Tài Tiến về việc liên kết chuyển giao chất thải nguy hại (CTNH) với Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 73 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận cho Công ty Cổ phần TM Tài Tiến được sử dụng Giấy phép môi trường số 433/GP-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 21 tháng 10 năm 2024 để thực hiện việc liên kết, vận chuyển và chuyển giao các mã CTNH nêu tại Phụ lục 1 kèm theo Công văn này cho Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh để xử lý theo Giấy phép môi trường số 220/GP-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30 tháng 6 năm 2023; chấp thuận cho Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh được sử dụng Giấy phép môi trường số 220/GP-BTNMT để thực hiện việc liên kết, vận chuyển và chuyển giao các mã CTNH nêu tại Phụ lục 2 kèm theo Công văn này cho Công ty Cổ phần TM Tài Tiến để xử lý theo Giấy phép môi trường số 433/GP-BTNMT. Việc liên kết, chuyển giao trách nhiệm xử lý CTNH giữa Công ty Cổ phần TM Tài Tiến với Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện trên cơ sở Hợp đồng liên kết số 1051/HĐLK.MTĐT-TAITIEN và phụ lục hợp đồng số 1051/HĐLK.MTĐT-TAITIEN ngày 28 tháng 03 năm 2025.

2. Việc liên kết, chuyển giao CTNH được thực hiện kể từ ngày ký ban hành Công văn này đến hết ngày 29 tháng 6 năm 2030 và phải đảm bảo thực hiện đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trong đó, lưu ý:

- Công ty Cổ phần TM Tài Tiến và Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh phải xử lý được ít nhất một loại CTNH đã tiếp nhận, phù hợp với giấy phép môi trường đã được cấp và phải được sự

<sup>1</sup> Tầng 8 Tòa nhà Tinnghia Plaza, 224 Hà Huy Giáp, phường Trung Dũng, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

<sup>2</sup> 42-44 Võ Thị Sáu, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

đồng ý bằng văn bản của chủ nguồn thải hoặc có hợp đồng ba bên về việc liên kết thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.

- Công ty Cổ phần TM Tài Tiến và Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh phải trực tiếp xử lý CTNH đã nhận liên kết, chuyển giao, không được chuyển giao tiếp CTNH cho bên thứ ba để xử lý và phải bảo đảm khối lượng chất thải nhận liên kết không được vượt quá tổng khối lượng (tương ứng với loại chất thải liên kết) được cấp phép trong giấy phép môi trường đã được cấp.

3. Trong quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý CTNH, Công ty Cổ phần TM Tài Tiến và Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh phải bảo đảm thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, quy định pháp luật có liên quan và thực hiện đúng các yêu cầu, điều kiện trong giấy phép môi trường đã được cấp.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo để các Công ty biết và thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở NN&MT tỉnh Đồng Nai;
- Sở NN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- VPTN&TKQGQTTHC, Bộ NN&MT;
- Lưu: VT, MT, Đ.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Công Thành**

**PHỤ LỤC 1****Danh sách và khối lượng các mã CTNH Công ty Cổ phần TM Tài Tiến liên kết, chuyển giao cho Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh để xử lý**

(Kèm theo Công văn số: /BNNMT-MT ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
<b>I</b>	<b>Nhóm chất thải đưa vào lò đốt BI250S và CSH 503SW</b>		<b>10.000</b>
1	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm	13 01 05	
<b>II</b>	<b>Nhóm chất thải đưa vào hệ thống sơ chế chất thải điện tử</b>		<b>40.000</b>
1	Máy ảnh dùng một lần đã qua sử dụng còn chứa pin	19 01 07	
2	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 05	
3	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 06	
	<b>Tổng khối lượng (kg/năm)</b>		<b>50.000</b>

## PHỤ LỤC 2

### Danh sách và khối lượng các mã CTNH Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Thành phố Hồ Chí Minh liên kết, chuyển giao cho Công ty Cổ phần TM Tài Tiến để xử lý

(Kèm theo Công văn số: /BNNMT-MT ngày tháng năm 2025 của Bộ  
Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
<b>I</b>	<b>Nhóm CTNH được đưa vào lò đốt chất thải công nghiệp và nguy hại</b>		<b>1.000.000</b>
1	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại		
1.1	Bùn thải có chứa dầu	01 03 01	
		01 04 01	
		01 04 03	
		01 04 05	
1.2	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	04 02 05	
		12 07 05	
		12 09 02	
1.3	Bùn thải lẫn sơn, véc ni, mực in, chất kết dính	08 03 02	
		17 08 05	
1.4	Bùn thải từ quá trình xử lý đất	11 05 02	
		12 09 02	
1.5	Bùn hoặc nhũ tương thải từ thiết bị khử muối	17 07 01	
1.6	Bùn thải và bã lọc có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải	05 01 03	
		05 02 09	
		05 03 06	
		05 04 03	
		05 07 05	
1.7	Chất thải từ quá trình xử lý, che phủ bề mặt kim loại và các vật liệu bằng phương pháp hóa học	06 01 05	
		07 01 04	
		07 01 08	
1.8	Bùn thải và chất thải rắn từ quá trình tôi luyện	07 01 10	
		05 11 01	
		05 11 02	
		05 02 04	
2	Các loại chất thải khác	05 02 06	
		05 02 07	
		01 03 02	
3	Cặn phản ứng và các cặn đáy tháp chưng cất	05 10 01	
4	Cặn phản ứng và các cặn đáy tháp chưng cất	03 04 05	
5	Chất hấp thụ và bã lọc thải	12 01 01	
5	Hóa chất chống đông thải	15 02 06	
6	Xúc tác, phụ gia thải	19 08 01	
		19 08 02	
		19 08 03	
		19 08 04	
7	Chất thải từ ngành dệt nhuộm	10 02 01	
		10 02 04	
8	Chất thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá	06 01 06	

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
	trình xử lý nước thải, nước cấp và khí thải	12 01 03	
		12 07 06	
		12 01 08	
		12 02 01	
		12 02 06	
9	Chất thải có chứa thành phần nguy hại từ quá trình sản xuất silic, photpho, nitơ	02 08 01	
		02 09 01	
10	Nhựa trao đổi ion, chất hấp phụ thải	12 06 02	
11	Chất thải từ quá trình chế biến da và lông	10 01 06	
12	Chất thải từ quá trình xử lý đất	12 09 01	
13	Các loại chất thải khác có chứa các thành phần nguy hại	19 12 01	
		19 12 02	
		19 12 04	
14.1	Chất thải lẫn dầu	01 04 10	
		12 07 01	
14.2	Dầu thải từ quá trình gia công tạo hình thải	07 03 05	
15	Chất thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải và khí thải	04 02 08	
		07 02 01	
		12 06 03	
16	Chất gắn, tách khuôn thải	05 08 05	
17	Chất thải từ quá trình chế biến khoáng sản, quặng sắt, quặng sunfua, thủy luyện đồng,..	01 01 01	
		01 01 02	
		01 01 03	
		01 02 01	
		01 02 02	
		01 02 03	
		01 07 01	
		05 10 02	
		12 03 01	
12 03 02			
<b>II</b>	<b>Nhóm chất thải đưa vào hệ thống súc rửa, tái chế bao bì, thùng phuy</b>		<b>10.000</b>
1	Bao bì cứng thải	19 05 01	
<b>III</b>	<b>Nhóm chất thải đưa vào hệ thống tẩy rửa kim loại dính thành phần nguy hại</b>		<b>100.000</b>
1	Phoi từ quá trình gia công tạo hình nhiễm dầu và phế liệu kim loại nhiễm dầu	07 03 11	
		11 04 01	
		11 04 02	
2	Thiết bị, bộ phận của phương tiện giao thông vận tải nhiễm thành phần nguy hại	15 01 01	
		15 02 01	
3	Khuôn đúc thải	05 08 01	
		05 09 01	
<b>IV</b>	<b>Nhóm chất thải đưa vào hệ thống tái chế chì</b>		<b>50.000</b>
1	Chất thải từ quá trình nhiệt luyện chì	05 03 03	
		05 03 01	
<b>V</b>	<b>Nhóm chất thải đưa vào xử lý tại hệ thống xử lý chất thải lỏng nguy hại</b>		<b>100.000</b>
1	Axit các loại thải	02 01 01	
		02 01 02	

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
		02 01 03	
		02 01 04	
		02 01 05	
		02 01 06	
		04 01 02	
		07 01 01	
		07 01 02	
		16 01 02	
2	Bazơ các loại thải	07 01 03	
3	Chất thải lỏng và nước thải nhiễm thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ khác	07 02 03	
		12 01 02	
		12 05 01	
<b>VI</b>	<b>Nhóm chất thải đưa vào hoá rắn ổn định CTNH (sản xuất gạch Block)</b>		<b>50.000</b>
1	Chất thải từ các cơ sở đốt khác	04 02 05	
	<b>Tổng khối lượng (kg/năm)</b>		<b>1.310.000</b>



*Sau đây gọi tắt là Bên A.*

**BÊN B : CHI NHÁNH NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT - CÔNG TY CỔ PHẦN TM TÀI TIẾN**

Địa chỉ : Ấp Nhân Hòa, Xã Hưng Thịnh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Đại diện : Ông **VŨ VĂN LỘC** Chức vụ: **Giám đốc**

Mã số thuế : 3602168686-001

Số điện thoại : 0251.6294986

Tài khoản số : 113002994224 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai

*Sau đây gọi tắt là Bên B.*

Hai bên đã cùng nhau bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng Thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp và thu mua phế liệu sau khi xử lý với những nội dung như sau:

### **ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN:**

Bên A đồng ý thuê bên B làm đối tác duy nhất trong việc Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A. Danh mục chất thải được thể hiện trong điều 3 của hợp đồng.

### **ĐIỀU 2: ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN CHẤT THẢI**

#### **2.1 Đơn vị tiếp nhận chất thải**

Bên B sẽ tiếp nhận chất thải tại các kho chứa chất thải của Bên A theo các địa chỉ sau:

- Số 12, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

#### **2.2 Thời gian tiếp nhận chất thải**

Việc tiếp nhận chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, phế liệu thực hiện theo yêu cầu của Bên A.

Sau khi nhận được yêu cầu trong vòng 02 (hai) ngày làm việc, Bên B tiến hành kiểm tra sơ bộ chất thải (chủng loại, số lượng, điều kiện lưu chứa...), trong vòng 03 ngày kể từ ngày kiểm tra sơ bộ, bên B có trách nhiệm tiến hành thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp.

#### **2.3 Điều kiện lưu chứa chất thải**

Chất thải nguy hại được Bên B thu gom, phân loại đảm bảo không để lẫn chất thải khác, đồng thời lưu chứa trong các thùng chứa hoặc bao bì đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, phải dán nhãn chất thải nguy hại theo quy định và tập trung trong kho chứa có mái che. (Việc phân loại, đóng gói bao bì và dán nhãn CTNH do bên A tự thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022). Tất cả bao bì, thùng chứa sẽ được tiêu hủy và xử lý cùng với CTNH tại nhà máy Bên B.

### ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ XỬ LÝ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

#### 3.1 Danh mục chất thải nguy hại và phương pháp xử lý

Danh mục chất thải và phương pháp xử lý

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Phương pháp xử lý
1	Bùn thải nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	Cô lập trong hố chôn lấp an toàn chất thải nguy hại
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Sơ chế, chất thải phát sinh hóa rắn, chôn lấp an toàn tại hố chôn lấp chất thải nguy hại
3	Giẻ lau nhiễm TPNH	18 02 01	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm TPNH	18 01 02	Súc Rửa
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm TPNH	18 01 03	Súc Rửa
6	Nước thải có TPNH	19 10 01	Xử lý tại hệ thống xử lý chất thải lỏng nguy hại, phần bùn cặn chôn lấp tại hố chôn lấp an toàn chất thải nguy hại
7	Axit tẩy thải	07 01 01	Xử lý tại hệ thống xử lý chất thải lỏng nguy hại, phần bùn cặn chôn lấp tại hố chôn lấp an toàn chất thải nguy hại
8	Bazo tẩy thải	07 01 03	Xử lý tại hệ thống xử lý chất thải lỏng nguy hại, phần bùn cặn chôn lấp tại hố chôn lấp an toàn chất thải nguy hại
9	Que hàn thải	07 04 01	Cô lập trong hố chôn lấp an toàn chất thải nguy hại
10	Các vật liệu mài dạng hạt có TPNH (Bi Thải)	07 03 08	Cô lập trong hố chôn lấp an toàn chất thải nguy hại

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Phương pháp xử lý
11	Dầu thải tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	07 03 05	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn
12	Phoi từ quá trình gia công tạo hình	07 03 11	Súc rửa
13	Xi có TPNH	05 07 01	Cô lập trong hố chôn lấp an toàn chất thải nguy hại

### 3.2 Danh mục chất thải công nghiệp thông thường:

STT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Phương pháp xử lý
1	Chất thải công nghiệp thông thường	KG	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn
2	Rác sinh hoạt	KG	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hóa rắn

### 3.3 Danh mục phế liệu tái chế:

STT	Tên chất thải	Đơn vị tính
1	Sắt phế liệu sau xử lí ( các loại phoi bào, phoi tiện)	KG
2	Giấy Carton phế	KG
3	Thùng nhựa không nhiễm TPNH ( thùng rỗng)	KG
4	Nilong trắng dẻo	KG
5	Mút xốp trắng	KG

- Căn cứ vào khối lượng chất thải thu gom thực tế được hai bên xác nhận bằng
- chứng từ chất thải nguy hại hoặc biên bản, bên B sẽ xuất hóa đơn cho bên A.
- Phương pháp xác định khối lượng: Khối lượng chất thải được xác định tại trạm cân của bên A (Bên A sẽ gửi giấy kiểm định cân có hiệu lực pháp luật cho bên B để lưu hồ sơ). Trong trường hợp bên A không có trạm cân thì khối lượng chất thải sẽ được xác định bằng thiết bị cân phù hợp có sự thống nhất của đại diện hai bên. Việc xác định khối lượng chất thải sẽ chịu sự giám sát của đại diện hai bên.

### **3.3 Phương thức thanh toán**

- Đối với Phí xử lý CTNH và CTCNTT: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B chi phí xử lý chất thải bằng hình thức chuyển khoản theo số tài khoản nêu trong hợp đồng (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày Bên A nhận được hóa đơn do Bên B phát hành.

- Đối với thu mua phế liệu: Bên B sẽ thanh toán cho Bên A chi phí thu mua phế liệu bằng hình thức chuyển khoản theo số tài khoản nêu trong hợp đồng (phí chuyển khoản do bên B chi trả). Thời gian thanh toán chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày Bên B nhận được hóa đơn do Bên A phát hành.

- Định kỳ việc tổng hợp, thống kê số liệu chất thải thống nhất kết thúc vào ngày 25 của tháng đó. Thời gian đối chiếu và xuất hoá đơn tài chính cho Bên A sẽ được thực hiện trong vòng 5 ngày tiếp theo).

- Bên A phải thông báo cho Bên B trong trường hợp thay đổi thông tin trong hoá đơn tài chính sẽ được phát hành bởi Bên B. Nếu không nhận được thông báo của Bên A, Bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

## **ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

### **4.1 Trách nhiệm của bên A**

- Thực hiện đúng như Điều 01.  
- Thanh toán đúng như Điều 03.  
- Đào tạo/Huấn luyện các nội dung về an toàn lao động, vệ sinh môi trường của bên A (nếu có) cho các nhân viên của Bên B khi nhân viên Bên B lần đầu đến thu gom CTNH tại địa điểm phát sinh CTNH của bên A và cấp chứng chỉ/giấy phép an toàn nội bộ (nếu có).

- Trước khi yêu cầu Bên B thu gom, Bên A có trách nhiệm thông báo chủng loại, số lượng dự kiến chất thải nguy hại sẽ bàn giao cho Bên B. Trong trường hợp khi thu gom, chủng loại, số lượng dự kiến chất thải nguy hại không đúng như thông báo hoặc không có trong hợp đồng thì bên B có quyền không tiếp nhận và hai bên sẽ thảo luận bổ sung chất thải mới vào phụ lục hợp đồng, sau đó mới thu gom, Bên A vẫn phải chi trả phí cho xe vận chuyển trong trường hợp không thu gom này.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B đến thu gom. Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi Bên B có yêu cầu.

- Phối hợp với Bên B trong việc lập và giao nhận chứng từ CTNH hoặc biên bản bàn giao chất thải theo quy định pháp luật.

- Nếu Bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì Bên A sẽ phải nộp phạt cho Bên B với lãi suất 1% /tháng trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.

### **4.2 Trách nhiệm của bên B:**

- Đảm bảo việc tiếp nhận chất thải đúng với quy định pháp luật và quy định của Việt Nam và đúng như Điều 02.

- Giữ vệ sinh môi trường trong suốt quá trình thu gom và vận chuyển.
- Trang bị Bảo hộ lao động phù hợp trong suốt quá trình thu gom chất thải.
- Bên B có trách nhiệm thực hiện việc vận chuyển và xử lý an toàn lượng chất thải đã được Bên A bàn giao theo đúng pháp luật và quy định Việt Nam, và cam kết thực hiện đúng theo các phương pháp xử lý đã thoả thuận với Bên A (theo phụ lục của hợp đồng này)
- Phải tuân thủ triệt để các quy định về đăng ký cấp phép hành nghề vận chuyển, thu gom, và xử lý chất thải theo quy định của Pháp luật và theo giấy phép môi trường của bên B đính kèm hợp đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn những nội dung trong đó bên B được cấp phép cung cấp dịch vụ theo hợp đồng này. Trong trường hợp có sự thay đổi về hồ sơ pháp lý có liên quan, Bên B có trách nhiệm cung cấp cho bên A trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày thay đổi.
- Có trách nhiệm cung cấp cho Bên A các giấy tờ pháp lý cần thiết có liên quan đến hoạt động xử lý chất thải nguy hại theo quy định pháp luật để chứng minh bên B xử lý đúng quy trình
- Bên B có trách nhiệm cung cấp cho bên A liên 4 của chứng từ CTNH hoặc biên bản bàn giao chất thải trong vòng 45 ngày kể từ ngày tiếp nhận chất thải nguy hại theo quy định của Thông tư 07/2025/TT-BTNMT (có sự xác nhận và đóng dấu ở mục số 8 – xác nhận hoàn thành xử lý).
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi kho chứa của Bên A.
- Bên B cam kết không liên kết với bên thứ ba trong việc xử lý chất thải theo hợp đồng này.
- Cung cấp phương tiện chuyên dụng, đủ điều kiện vận chuyển và mang các trang thiết bị dụng cụ an toàn cần thiết khi đến thu gom tại Nhà máy của Bên A.
- Bên B có trách nhiệm vận chuyển CTNH và CTCNTT từ Bên A đến Nhà máy xử lý của Bên B để xử lý (địa chỉ: ấp Nhân Hoà, xã Hưng Thịnh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.)
- Phối hợp với Bên A trong việc lập và giao nhận chứng từ CTNH hoặc biên bản bàn giao chất thải theo quy định pháp luật. (Chứng từ CTNH, CTCN theo mẫu của Bộ Tài nguyên – Môi trường do bên B cung cấp, có ký tên và đóng dấu của người đại diện theo pháp luật công ty hoặc người được uỷ quyền hợp pháp).

## **ĐIỀU 5: BẢO MẬT THÔNG TIN**

**5.1.** Tất cả các thông tin, bí quyết kỹ thuật và bất cứ tài liệu kỹ thuật bảo mật nào khác xuất phát từ bản hợp đồng này sẽ là tài sản của mỗi bên và trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không được phép tiết lộ cho bên thứ ba nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của bên sở hữu còn lại.

**5.2.** Trách nhiệm giữ bí mật của cả hai bên tại khoản 5.1 nêu trên không áp dụng đối với các thông tin trình báo cáo, công ty mẹ của mỗi bên, các cổ đông hoặc các công ty con, chi nhánh, .....

## **ĐIỀU 6: THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG**

Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày 21/11/2025.đến ngày 20/11/2026 Trong vòng 30 ngày trước khi hợp đồng hết thời hạn hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hoặc thanh lý hợp đồng.

## **ĐIỀU 7: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Theo Điều 6 của hợp đồng này.
- Nếu Bên A hoặc Bên B vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của hợp đồng này, Bên kia có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này bằng cách gửi văn bản thông báo cho bên vi phạm. Mọi chi phí phát sinh liên quan do bên vi phạm chịu trách nhiệm thanh toán. Hợp đồng bị chấm dứt khi bên vi phạm nhận được văn bản thông báo của bên còn lại.
- Nếu một trong hai bên A và B mong muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do có sự thay đổi chính sách kinh Doanh của công ty. Trường hợp này, bên muốn chấm dứt hợp đồng phải thông báo cho bên kia ít nhất 60 ngày làm việc trước ngày đề xuất kết thúc.
- Khi chấm dứt hợp đồng, các tài sản/phương tiện/thiết bị do bên A hoặc B đầu tư/cung cấp cho bên còn lại sẽ được thu hồi. Trường hợp tài sản/phương tiện/thiết bị có sự hư hao thì hai bên sẽ thống nhất chi phí đền bù thiệt hại để bồi hoàn cho bên cung cấp tài sản/phương tiện/thiết bị (nếu có).

## **ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**8.1.** Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

**8.2.** Nếu bên A để chất thải nguy hại, rác thải công nghiệp, rác y tế và rác sinh hoạt lẫn vào nhau thì bên B sẽ từ chối tiếp nhận lô hàng để lẫn đó hoặc xử lý lô hàng để lẫn đó như chất thải nguy hại nếu bên A có yêu cầu thu gom, đơn giá do hai bên thỏa thuận. Hai bên sẽ căn cứ vào Chứng từ CTNH và biên bản bàn giao chất thải (theo mẫu thông tư 07/2025/TT-BTNMT) để báo cáo các cơ quan chức năng liên quan.

**8.3.** Các phụ lục, biên bản thỏa thuận kèm theo là bộ phận không thể tách rời và có hiệu lực theo hiệu lực của hợp đồng này.

**8.4.** Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem

vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để giải quyết và phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

**8.5.** Khi hợp đồng được tiến hành thanh lý, mỗi bên có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với bên kia, cụ thể:

- Bên B có nghĩa vụ hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại và các chứng từ liên quan gửi bên A trước khi tiến hành thanh lý hợp đồng.

- Bên A có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính đầy đủ cho Bên B trước khi tiến hành thanh lý hợp đồng.

**8.6.** Hợp đồng trên được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau (hợp đồng gồm 07 trang và 01 phụ lục kèm theo).

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**HÀ NGỌC DŨNG**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**GIÁM ĐỐC**  
  
**VŨ VĂN LỘC**



STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá xử lý (VNĐ)
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm TPNH	18 01 02	KG	2.000
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm TPNH	18 01 03	KG	2.000
6	Nước thải có TPNH	19 10 01	KG	3.000
7	Axit tẩy thải	07 01 01	KG	3.000
8	Bazo tẩy thải	07 01 03	KG	3.000
9	Que hàn thải	07 04 01	KG	2.000
10	Các vật liệu mài dạng hạt có TPNH (Bi Thải)	07 03 08	KG	2.000
11	Dầu thải tổng hợp thải từ quá trình gia công tạo hình	07 03 05	KG	2.000
12	Phoi từ quá trình gia công tạo hình	07 03 11	KG	2.000
13	Xi có TPNH	05 07 01	KG	2.000

- Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển

- Định mức khối lượng mỗi chuyến thu gom thải từ 5 tấn trở lên. Trường hợp mỗi chuyến khối lượng chất thải dưới 5 tấn thì phí vận chuyển sẽ được tính 1.700.000vnd/ chuyến

- Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chưa bao gồm VAT

### 1.2 Danh mục chất thải công nghiệp thông thường

STT	Tên chất thải	ĐVT	Đơn giá xử lý (VNĐ)	Ghi Chú
1	Chất thải công nghiệp thông thường	KG	2.000	Định mức khối lượng chất thải bàn giao mỗi chuyến từ 2.000kg/ chuyến trở lên. Dưới định mức tính phí vận chuyển 1.000.000đ/ chuyến
2	Rác sinh hoạt	KG	2.000	Định mức khối lượng chất thải bàn giao mỗi chuyến từ 300kgkg/ chuyến trở lên. Dưới định mức tính phí vận chuyển 500.000đ/ chuyến

- Đơn giá đã bao gồm phí vận chuyển

- Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chưa bao gồm VAT

### 1.3 Danh mục phế liệu tái chế và đơn giá thu mua ( đã bao gồm VAT)

STT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Đơn giá thu mua
1	Sắt phế liệu sau xử lí ( các loại phoi bào, phoi tiện)	KG	6.000
2	Giấy Carton phế	KG	2.600
3	Thùng nhựa không nhiễm TPNH ( thùng rỗng)	KG	2.000
4	Nilong trắng dẻo	KG	7.000
5	Mút xốp trắng	KG	1.500

## II. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THU GOM CHẤT THẢI:

**Thời gian:** Theo yêu cầu của Bên A (Ngày thu gom do bên A thông báo trước cho bên B 02 ngày)

**Địa điểm:** Tại kho của các cơ sở do Bên A chỉ định, bao gồm:

- Số 12, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường Trảng Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Các bên có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng đã ký. Phụ lục Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A  
TỔNG GIÁM ĐỐC

HÀ NGỌC DŨNG



ĐẠI DIỆN BÊN B  
GIÁM ĐỐC

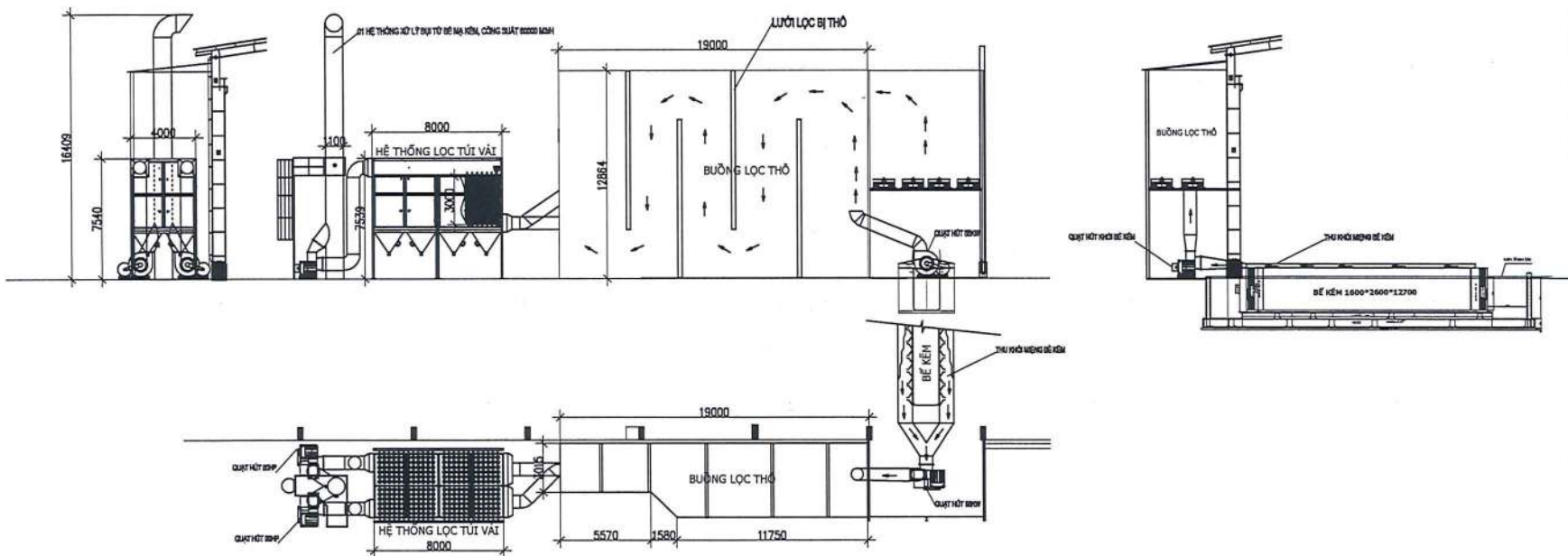
VŨ VĂN LỘC







# HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI KHÓI BỂ KẼM CÔNG SUẤT 60000 M3



MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR	
THIẾT KẾ CƠ SỞ / BASIC DESIGN	<input type="checkbox"/>
XIN PHÉP XÂY DỰNG / APPROVAL	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ KỸ THUẬT / TECHNICAL DESIGN	<input checked="" type="checkbox"/>
THIẾT KẾ THI CÔNG / CONSTRUCTION DESIGN	<input type="checkbox"/>
HOÀN CÔNG / AS-BUILD	<input type="checkbox"/>

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:  
 Công ty CHIENYOU

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ / DESIGN CONSULTANT:  
**THÀNH VINH PHÁT**  
 OFFICE:  
 A44 Số 147/13, số 11B, khu phố An Bình,  
 Phường Trảng Bàng, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
 Tel: 0251.826.774  
 Fax: 0251.826.501  
 Email: thanhvinhphat2009@gmail.com

CÔNG TY TNHH MTV THÀNH VINH PHÁT  
 GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

NGUYỄN THÀNH VINH  
 CHỦ TRÌ KỸ THUẬT / P.S.Architect

NGUYỄN THÀNH VINH  
 THIẾT KẾ / DESIGNER

NGUYỄN CHÍ LINH  
 VẼ / DRAWING

NGUYỄN CHÍ LINH  
 CÔNG TRÌNH / PROJECT:  
 THÁP XỬ LÝ KHÍ THẢI

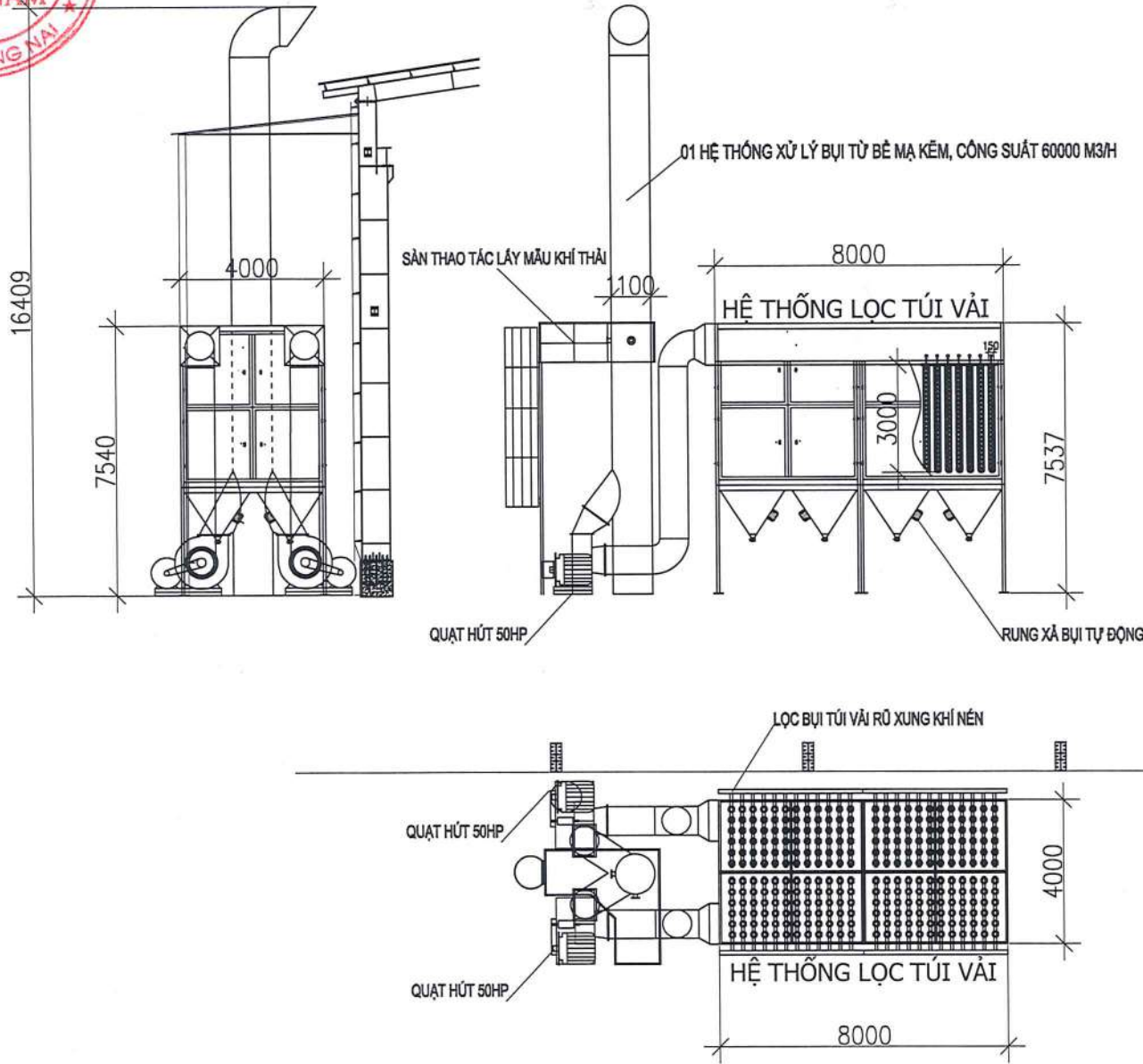
HẠNG MỤC / ITEM:  
 BẢN VẼ THIẾT KẾ

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:  
 BẢN VẼ MẶT BÊN

NGÀY / DATE : 14/04/2026	
TỈ LỆ / SCALE	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1 : 1	CY-TVP/001



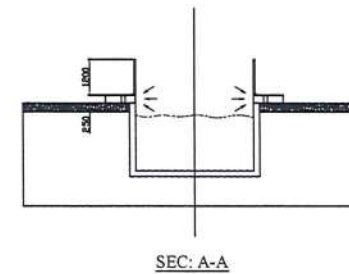
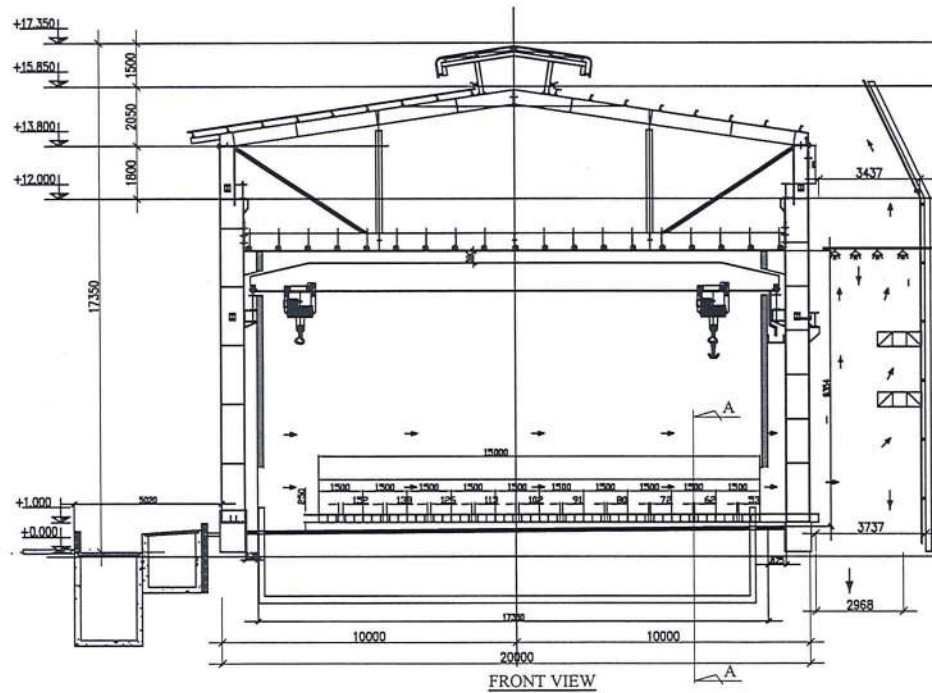
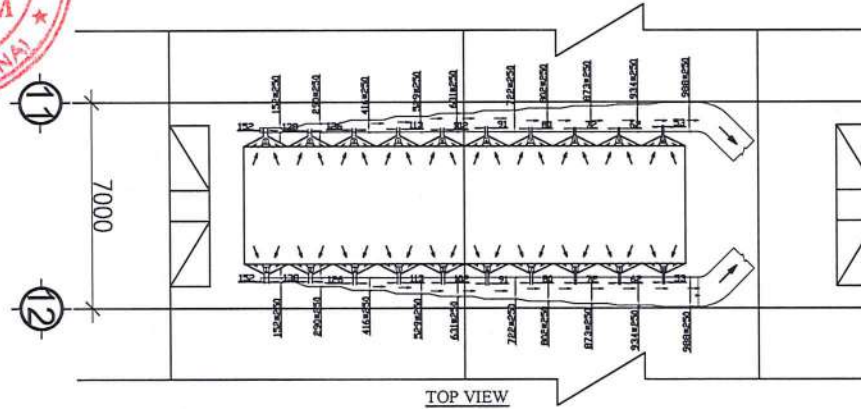
# HỆ THỐNG RỬ BỤI TÚI VÀI



MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR	
THIẾT KẾ CƠ SỞ / BASIC DESIGN	<input type="checkbox"/>
XIN PHÉP XÂY DỰNG / APPROVAL	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ KỸ THUẬT / TECHNICAL DESIGN	<input checked="" type="checkbox"/>
THIẾT KẾ THI CÔNG / CONSTRUCTION DESIGN	<input type="checkbox"/>
HOÀN CÔNG / AS-BUILD	<input type="checkbox"/>
CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:	
Công ty CHIENYOU	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ / DESIGN CONSULTANT:	
<b>THÀNH VINH PHÁT</b>	OFFICE: Add: Số 147/13, tổ 11B, khu phố An Bình, Phường Trãn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Tel: 0251.826.774 Fax: 0251.826.501 Email: thanhvinhphat2009@gmail.com
CÔNG TY TNHH MTV THÀNH VINH PHÁT GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	
NGUYỄN THÀNH VINH	
CHỦ TRƯỞNG KỸ THUẬT / P.S. ARCHITECT	
NGUYỄN THÀNH VINH	
THIẾT KẾ / DESIGNER	
NGUYỄN CHÍ LINH	
VẼ / DRAWING	
NGUYỄN CHÍ LINH	
CÔNG TRÌNH / PROJECT:	
THÁP XỬ LÝ KHÍ THẢI	
HẠNG MỤC / ITEM:	
BẢN VẼ THIẾT KẾ	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:	
BẢN VẼ MẶT BẰN	
NGÀY / DATE : 14/04/2026	
TỈ LỆ / SCALE	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1 : 1	CY-TVP/001



# BẢN VẼ MIỆNG THU KHỐI



MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR	
THIẾT KẾ CƠ SỞ / BASIC DESIGN	<input type="checkbox"/>
XIN PHÉP XÂY DỰNG / APPROVAL	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ KỸ THUẬT / TECHNICAL DESIGN	<input checked="" type="checkbox"/>
THIẾT KẾ THI CÔNG / CONSTRUCTION DESIGN	<input type="checkbox"/>
HOÀN CÔNG / AS-BUILD	<input type="checkbox"/>

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:  
 Công ty CHIENYOU

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ / DESIGN CONSULTANT:  
**THÀNH VINH PHÁT**  
 OFFICE:  
 Add: Số 147/13, tổ 11B, khu phố An Bình,  
 Phường Trãn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
 Tel: 0251.826.774  
 Fax: 0251.826.501  
 Email: thanhvinhphat2009@gmail.com

CÔNG TY TNHH MTV THÀNH VINH PHÁT  
 GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

NGUYỄN THÀNH VINH  
 CHỦ TRÍ KỸ THUẬT / P. ARCHITECT

NGUYỄN THÀNH VINH  
 THIẾT KẾ / DESIGNER

*(Signature)*  
 NGUYỄN CHÍ LINH

VẼ / DRAWING  
*(Signature)*  
 NGUYỄN CHÍ LINH

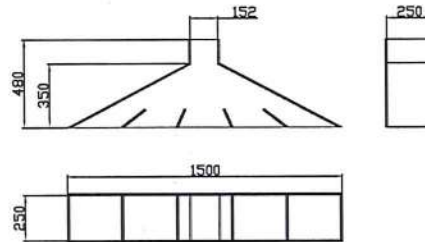
CÔNG TRÌNH / PROJECT:  
 THÁP XỬ LÝ KHÍ THẢI

HẠNG MỤC / ITEM:  
 BẢN VẼ THIẾT KẾ

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:  
 BẢN VẼ MẶT BÊN

NGÀY / DATE : 14/04/2026

TỈ LỆ / SCALE	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1 : 1	CY-TVP/001



Chi tiết điển hình chụp hút

THÔNG SỐ KỸ THUẬT HỆ THỐNG HÚT MÙI																
Danh mục	Vật liệu	TIẾT DIỆN CHỤP HÚT (mm)				TIẾT DIỆN CỬA HÚT (mm)				TIẾT DIỆN ỚNG HÚT (mm)				Vận tốc gió (m/s)	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /s)	Lưu lượng tổng (m <sup>3</sup> /s)
		Số lượng	Dài (mm)	Rộng (mm)	Dày (mm)	Số lượng	Dài (mm)	Rộng (mm)	Dày (mm)	Số lượng	Dài (mm)	Rộng (mm)	Dày (mm)			
Cửa hút-Ớng hút 1	SUS316	2	1500	250	8	2	152	250	8	2	152	250	8	35	4.787	62.214
Cửa hút-Ớng hút 2	SUS316	2	1500	250	8	2	138	250	8	2	290	250	8	35	9.149	
Cửa hút-Ớng hút 3	SUS316	2	1500	250	8	2	126	250	8	2	416	250	8	35	13.106	
Cửa hút-Ớng hút 4	SUS316	2	1500	250	8	2	113	250	8	2	529	250	8	35	16.676	
Cửa hút-Ớng hút 5	SUS316	2	1500	250	8	2	102	250	8	2	631	250	8	35	19.881	
Cửa hút-Ớng hút 6	SUS316	2	1500	250	8	2	91	250	8	2	722	250	8	35	22.739	
Cửa hút-Ớng hút 7	SUS316	2	1500	250	8	2	80	250	8	2	802	250	8	35	25.272	
Cửa hút-Ớng hút 8	SUS316	2	1500	250	8	2	71	250	8	2	873	250	8	35	27.497	
Cửa hút-Ớng hút 9	SUS316	2	1500	250	8	2	62	250	8	2	934	250	8	35	29.436	
Cửa hút-Ớng hút 10	SUS316	2	1500	250	8	2	53	250	8	2	988	250	8	35	31.107	

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

- THIẾT KẾ CƠ SỞ / BASIC DESIGN   
 XIN PHÉP XÂY DỰNG / APPROVAL   
 THIẾT KẾ KỸ THUẬT / TECHNICAL DESIGN   
 THIẾT KẾ THI CÔNG / CONSTRUCTION DESIGN   
 HOÀN CÔNG / AS-BUILD

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:

Công ty CHIENYOU

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ / DESIGN CONSULTANT:

**THÀNH VINH PHÁT** OFFICE:  
 Address: Số 14/713, tổ 11B, Khu phố An Bình,  
 Phường Trồn Đĩa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
 Tel: 0251.826.774  
 Fax: 0251.826.501  
 Email: thanhvinhphat2009@gmail.com

CÔNG TY TNHH MTV THÀNH VINH PHÁT  
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

NGUYỄN THÀNH VINH

CHỦ TRÌ KỸ THUẬT / P.S. ARCHITECT

NGUYỄN THÀNH VINH

THIẾT KẾ / DESIGNER

*(Signature)*

NGUYỄN CHÍ LINH

VẼ / DRAWING

*(Signature)*

NGUYỄN CHÍ LINH

CÔNG TRÌNH / PROJECT:

THÁP XỬ LÝ KHÍ THẢI

HẠNG MỤC / ITEM:

BẢN VẼ THIẾT KẾ

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:

BẢN VẼ MẶT BÊN

NGÀY / DATE : 14/04/2026

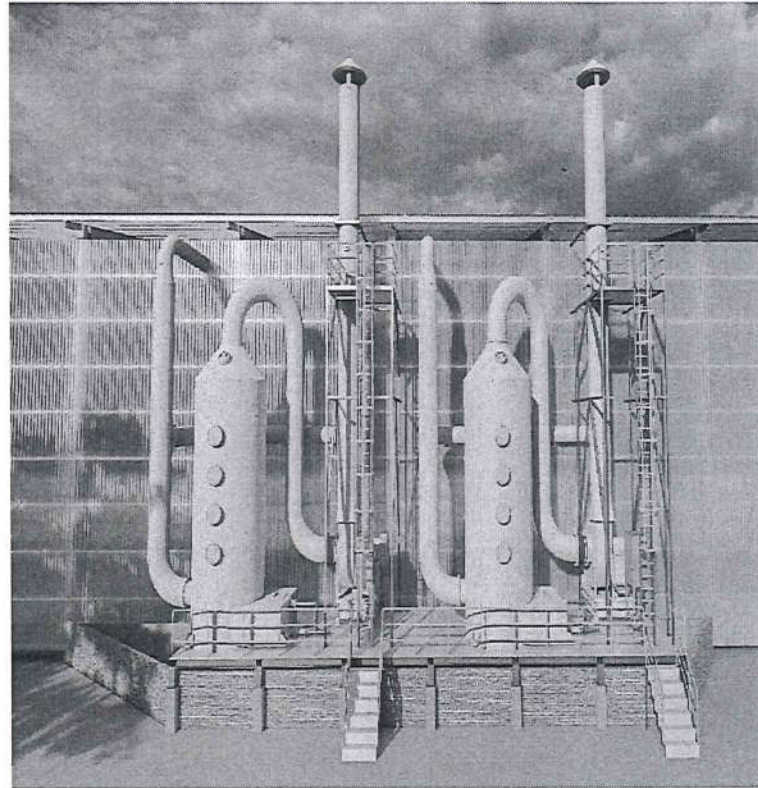
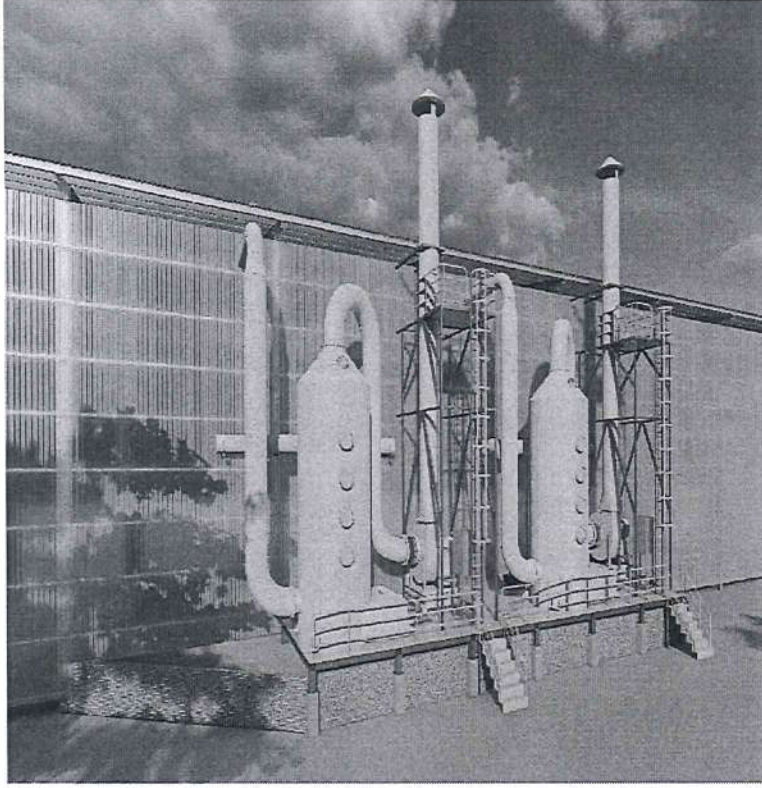
TỈ LỆ / SCALE

1 : 1

KÝ HIỆU BẢN VẼ

CY-TVP/001

BẢN VẼ PHỐI CẢNH 3D THÁP XỬ LÝ KHÍ THẢI



THÔNG SỐ THIẾT KẾ VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT:

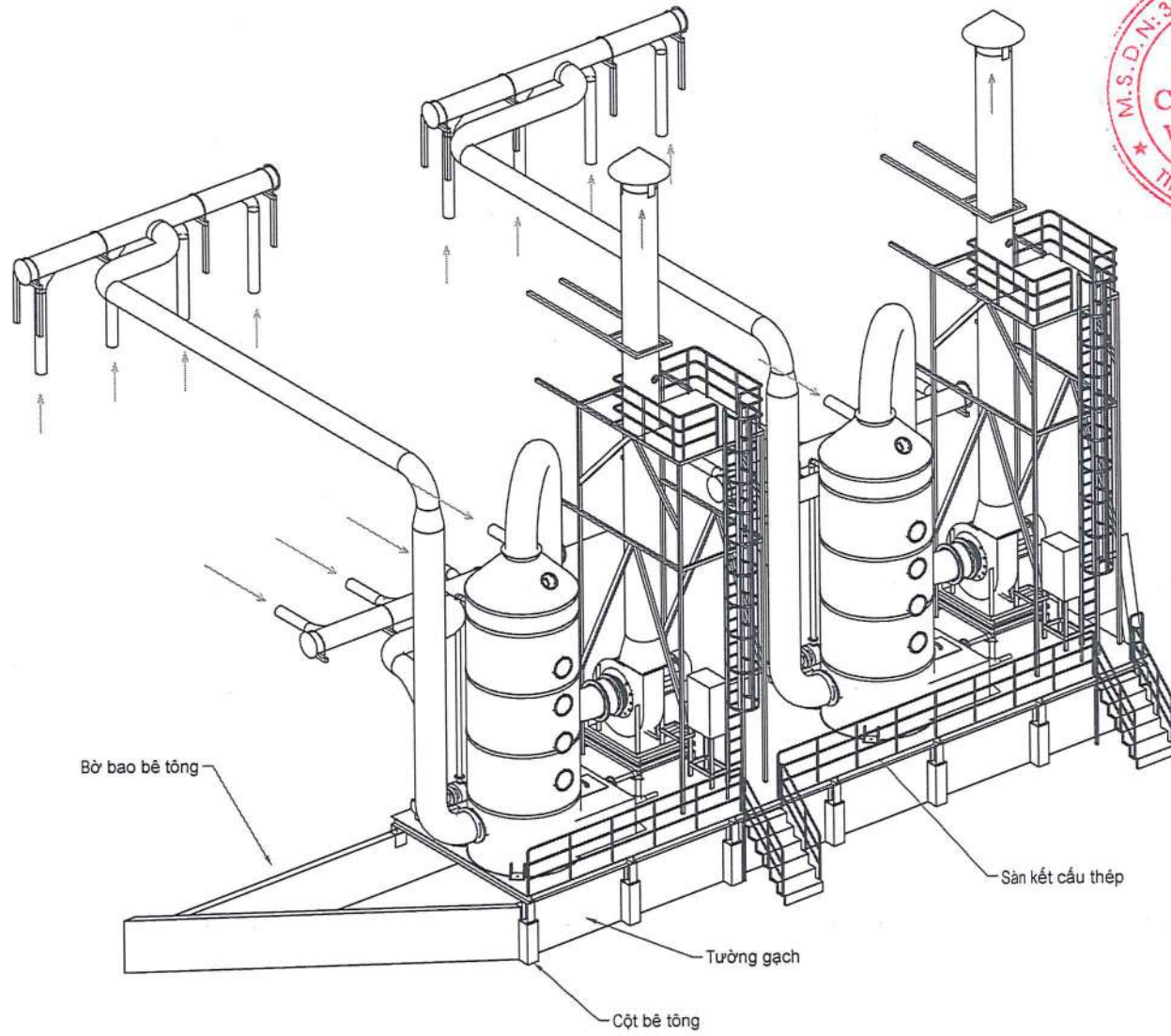
1. Phần thu khí trong xưởng:
  - Hệ thống gồm 2 line độc lập, vận hành riêng từng hệ.
  - Mỗi hệ có 8 nhánh hút, tổng cộng 16 nhánh hút cho toàn bộ công trình
  - Ống nhánh thu khí trong xưởng: Ø250, FRP
  - Ống trực gom trung gian của mỗi hệ: Ø500, FRP
  - Ống chính từ khu hút về tháp: Ø700, FRP
2. Phần xử lý ngoài nhà xưởng
  - Mỗi hệ gồm 1 tháp hấp thụ đứng bằng FRP
  - Kích thước tháp: Ø2500 x H7500 mm
  - Đường ống từ tháp sang quạt: Ø700, nhựa FRP
  - Ống xả khí sạch sau quạt: Ø800, FRP, xả đứng lên cao
  - Chiều cao tổng thể ống xả/cụm ngoài trời: khoảng 16.000 mm
3. Quạt
  - Mỗi hệ dùng 1 quạt hút ly tâm vật liệu PP
  - Lưu lượng danh định: 30.000-32.000 m<sup>3</sup>/h
  - Cột áp: 4500-5500 Pa
  - Công suất motor: 44-55 KW





REMARK:	
BLACKWHITE	EXIST
RED	NEW
GREEN	REUSE
BLUE	CONSIDER
LIGHT GREY	FUTURE
MAGENTA	REMOVE
LINE SCALE : 300	

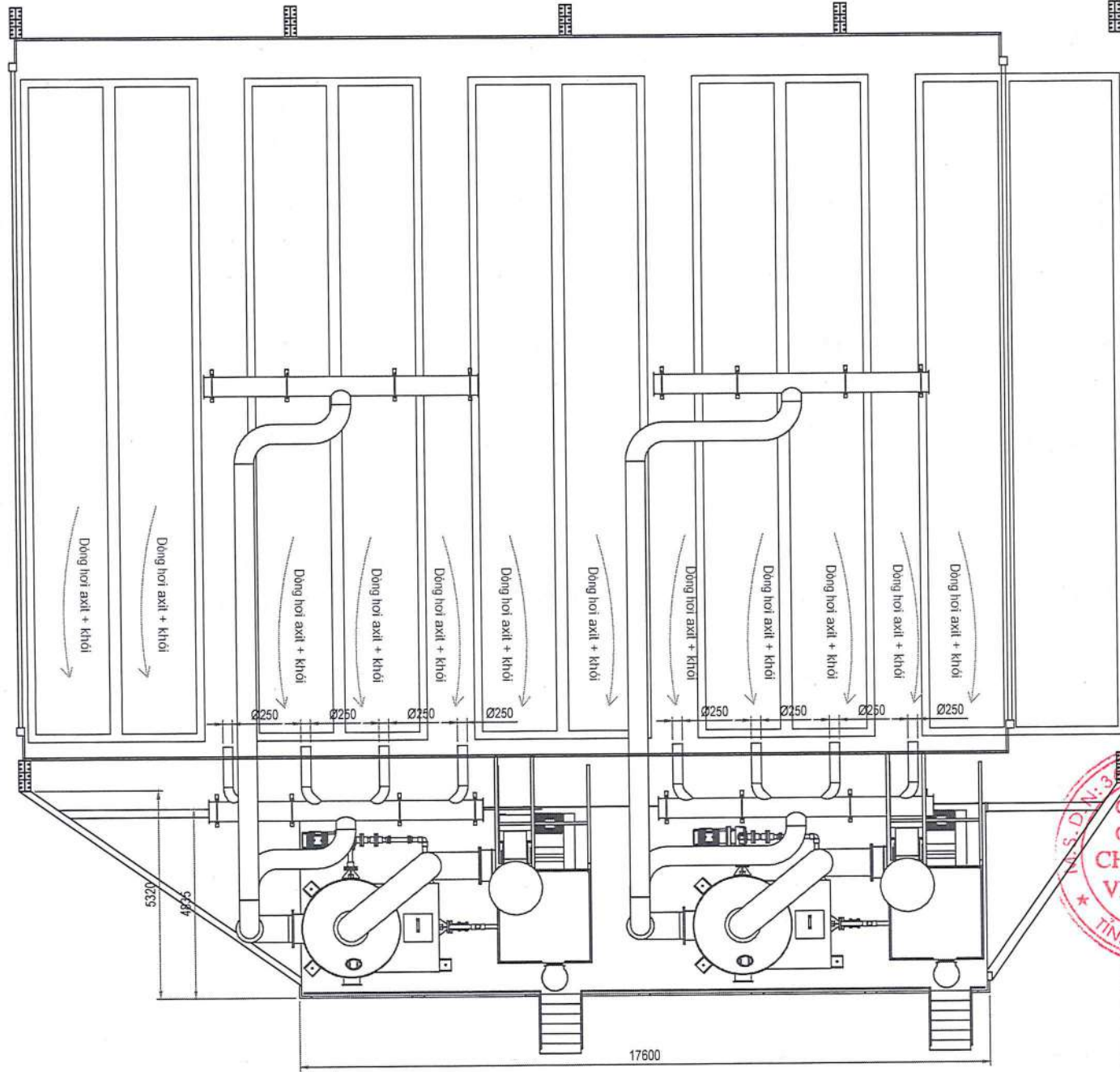
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR	
THIẾT KẾ CƠ SỞ / BASIC DESIGN	<input type="checkbox"/>
XIN PHÉP XÂY DỰNG / APPROVAL	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ KỸ THUẬT / TECHNICAL DESIGN	<input checked="" type="checkbox"/>
THIẾT KẾ THI CÔNG / CONSTRUCTION DESIGN	<input type="checkbox"/>
HOÀN CÔNG / AS-BUILD	<input type="checkbox"/>
CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:	
Công ty CHIENYOU	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ / DESIGN CONSULTANT:	
OFFICE: Ấp 50 147/13, đ. 11B, khu phố An Bình, Phường Tân Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Tel: 0251.826.774 Fax: 0251.826.501 Email: thanhvinhphat2009@gmail.com	
CÔNG TY TNHH MTV THÀNH VINH PHÁT	
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	
NGUYỄN THÀNH VINH	
CHỦ TRƯỞNG KỸ THUẬT / P.S.ARCHITECT	
NGUYỄN THÀNH VINH	
THIẾT KẾ / DESIGNER	
<i>(Signature)</i>	
NGUYỄN CHÍ LINH	
VẼ / DRAWING	
<i>(Signature)</i>	
NGUYỄN CHÍ LINH	
CÔNG TRÌNH / PROJECT:	
THÁP XỬ LÝ KHÍ THẢI	
HẠNG MỤC / ITEM :	
BẢN VẼ THIẾT KẾ	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:	
BẢN VẼ PHỐI CẢNH 3D	
NGÀY / DATE : 14/04/2026	
TI LỆ / SCALE	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1 : 1	CY-TVP/001

BẢN VẼ ISOMETRIC HỆ THỐNG THÁP XỬ LÝ KHÍ THẢI



REMARK:	MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR
BLACK/WHITE : ——— EXIST	THIẾT KẾ CƠ SỞ / BASIC DESIGN <input type="checkbox"/>
RED : ——— NEW	XIN PHÉP XÂY DỰNG / APPROVAL <input type="checkbox"/>
GREEN : ——— REUSE	THIẾT KẾ KỸ THUẬT / TECHNICAL DESIGN <input checked="" type="checkbox"/>
BLUE : ——— CONSIDER	THIẾT KẾ THI CÔNG / CONSTRUCTION DESIGN <input type="checkbox"/>
LIGHT GREY : ——— FUTURE	HOÀN CÔNG / AS-BUILD <input type="checkbox"/>
MAGENTA : ——— REMOVE	
LINE SCALE : 300	
CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER: Công ty CHIENYOU	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ / DESIGN CONSULTANT: THÁI VINH PHÁT OFFICE: Address: 47/11, đ. 11B, khu phố An Bình, Phường Tân Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Tel: 0251.826.774 Fax: 0251.826.501 Email: thanhvinhphat2009@gmail.com	
CÔNG TY TNHH MTV THÁI VINH PHÁT GIÁM ĐỐC / DIRECTOR  NGUYỄN THÀNH VINH	
CHỦ TRÌ KỸ THUẬT / PS-ARCHITECT  NGUYỄN THÀNH VINH	
THIẾT KẾ / DESIGNER  NGUYỄN CHÍ LINH	
VẼ / DRAWING  NGUYỄN CHÍ LINH	
CÔNG TRÌNH / PROJECT: THÁP XỬ LÝ KHÍ THẢI	
HẠNG MỤC / ITEM: BẢN VẼ THIẾT KẾ	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE: BẢN VẼ ISOMETRIC	
NGÀY / DATE : 14/04/2026	
TỈ LỆ / SCALE	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1 : 1	CY-TVP/001

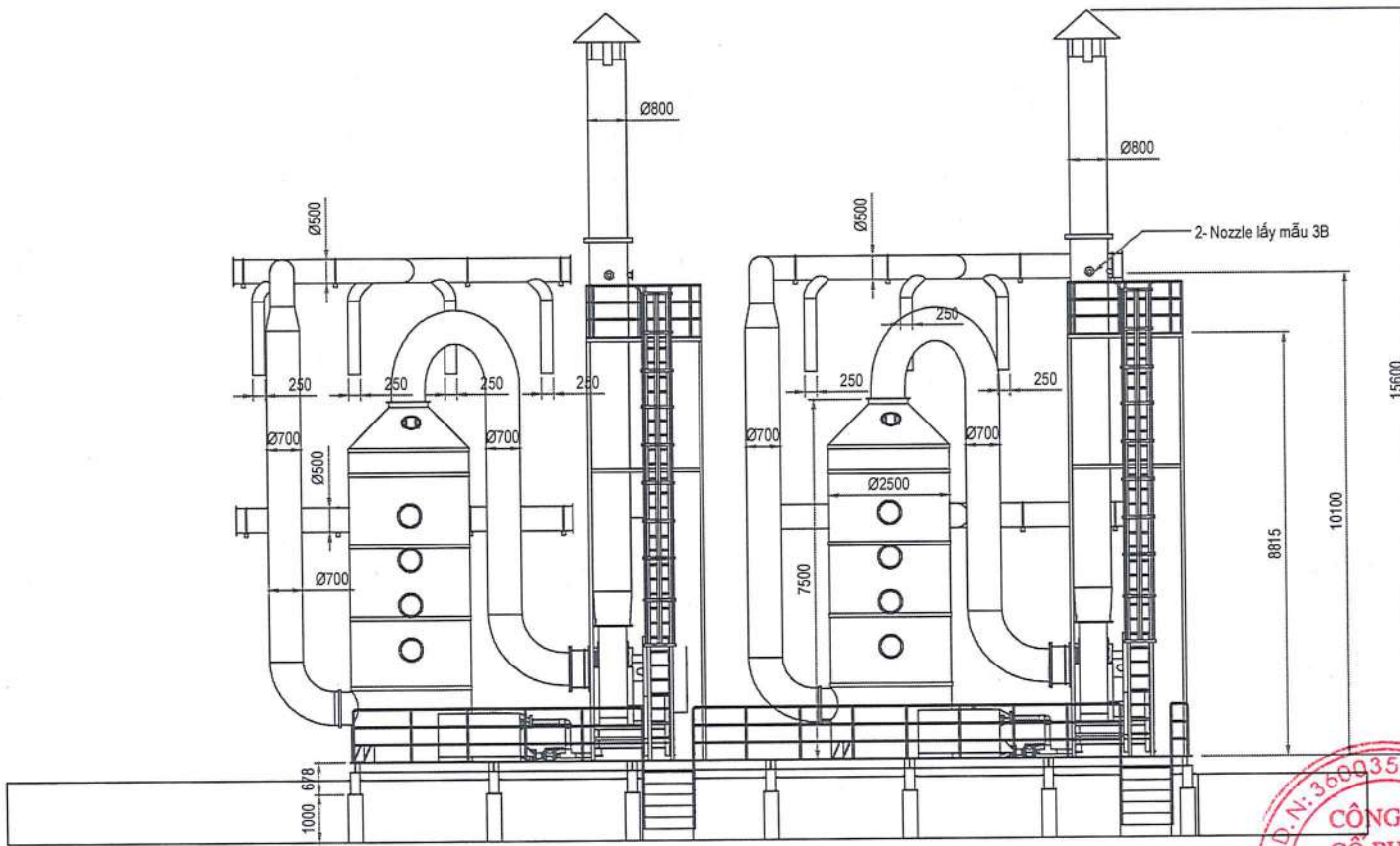
BẢN VẼ MẶT BẰNG HỆ THỐNG THÁP XỬ LÝ KHÍ THẢI



MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR	
THIẾT KẾ CƠ SỞ / BASIC DESIGN	<input type="checkbox"/>
XIN PHÉP XÂY DỰNG / APPROVAL	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ KỸ THUẬT / TECHNICAL DESIGN	<input checked="" type="checkbox"/>
THIẾT KẾ THI CÔNG / CONSTRUCTION DESIGN	<input type="checkbox"/>
HOÀN CÔNG / AS-BUILD	<input type="checkbox"/>
CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:	
Công ty CHIENYOU	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ / DESIGN CONSULTANT:	
OFFICE: Số 147/13, đ. 11B, khu phố An Bình, Phường Tân Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Tel: 0251.826.774 Fax: 0251.826.501 Email: thanhvinhphat2009@gmail.com	
CÔNG TY TNHH MTV THÀNH VINH PHÁT	
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	
NGUYỄN THÀNH VINH	
CHỦ TRÌ KỸ THUẬT / PS-ARCHITECT	
NGUYỄN THÀNH VINH	
THIẾT KẾ / DESIGNER	
<i>(Signature)</i>	
NGUYỄN CHÍ LINH	
VẼ / DRAWING	
<i>(Signature)</i>	
NGUYỄN CHÍ LINH	
CÔNG TRÌNH / PROJECT:	
THÁP XỬ LÝ KHÍ THẢI	
HẠNG MỤC / ITEM :	
BẢN VẼ THIẾT KẾ	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:	
BẢN VẼ MẶT BẰNG	
REMARK:	
BLACK/WHITE :	EXIST
RED :	NEW
GREEN :	REUSE
BLUE :	CONSIDER
LIGHT GREY :	FUTURE
MAGENTA :	REMOVE
LINE SCALE :	300
NGÀY / DATE : 14/04/2026	
TỈ LỆ / SCALE	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1 : 1	CY-TVP/001

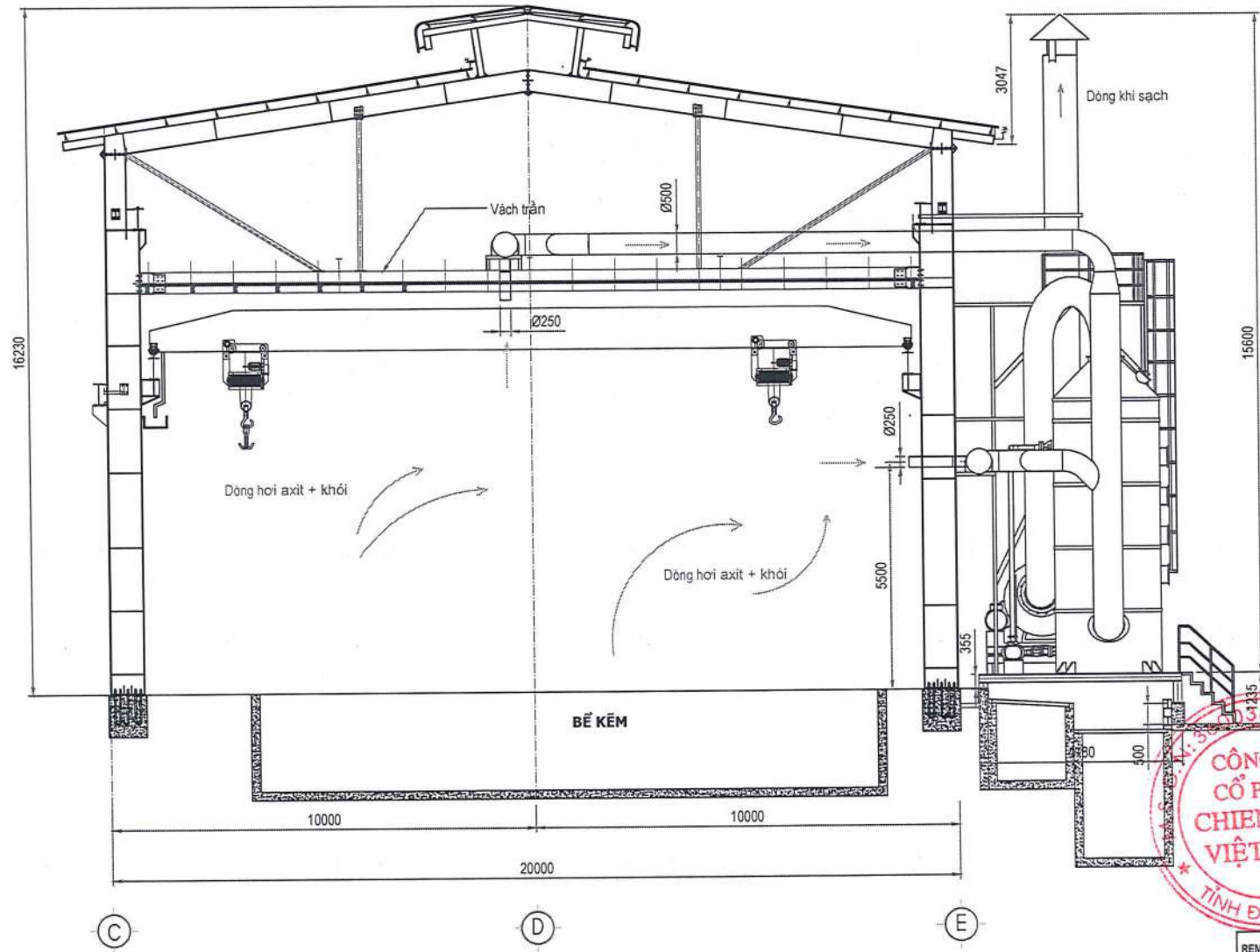


BẢN VẼ MẶT ĐỨNG HỆ THỐNG THÁP XỬ LÝ KHÍ THẢI



MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR	
THIẾT KẾ CƠ SỞ / BASIC DESIGN	<input type="checkbox"/>
XIN PHÉP XÂY DỰNG / APPROVAL	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ KỸ THUẬT / TECHNICAL DESIGN	<input checked="" type="checkbox"/>
THIẾT KẾ THI CÔNG / CONSTRUCTION DESIGN	<input type="checkbox"/>
HOÀN CÔNG / AS-BUILD	<input type="checkbox"/>
CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:	
Công ty CHIENYOU	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ / DESIGN CONSULTANT:	
OFFICE: Address: 147/13, 6/11B, Khu phố An Bình, Phường Tân Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Tel: 0251.826.774 Fax: 0251.826.501 Email: thuanvinhplua2009@gmail.com	
CÔNG TY TNHH MTV THÀNH VINH PHÁT	
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	
NGUYỄN THÀNH VINH	
CHỦ TRƯỞNG KỸ THUẬT / P.S.ARCHITECT	
NGUYỄN THÀNH VINH	
THIẾT KẾ / DESIGNER	
<i>(Signature)</i>	
NGUYỄN CHÍ LINH	
VẼ / DRAWING	
<i>(Signature)</i>	
NGUYỄN CHÍ LINH	
CÔNG TRÌNH / PROJECT:	
THÁP XỬ LÝ KHÍ THẢI	
HẠNG MỤC / ITEM:	
BẢN VẼ THIẾT KẾ	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:	
BẢN VẼ MẶT ĐỨNG	
NGÀY / DATE: 14/04/2026	
TITLE / SCALE	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1 : 1	CY-TVP/001
REMARK:	
BLACK/WHITE : ——— EXIST RED : ——— NEW GREEN : ——— REUSE BLUE : ——— CONSIDER LIGHT GREY : ——— FUTURE MAGENTA : ——— REMOVE LINE SCALE : 300	

BẢN VẼ MẶT BÊN HỆ THỐNG THÁP XỬ LÝ KHÍ THẢI

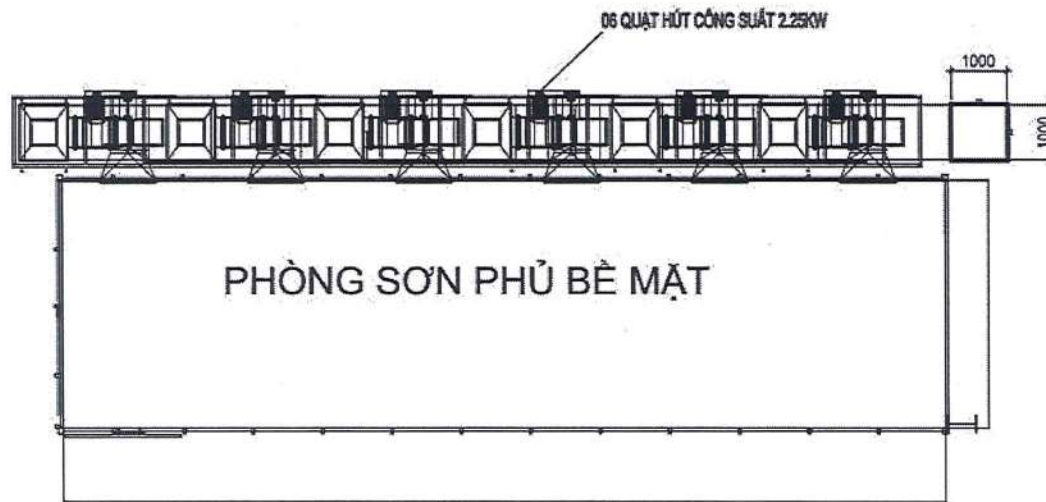
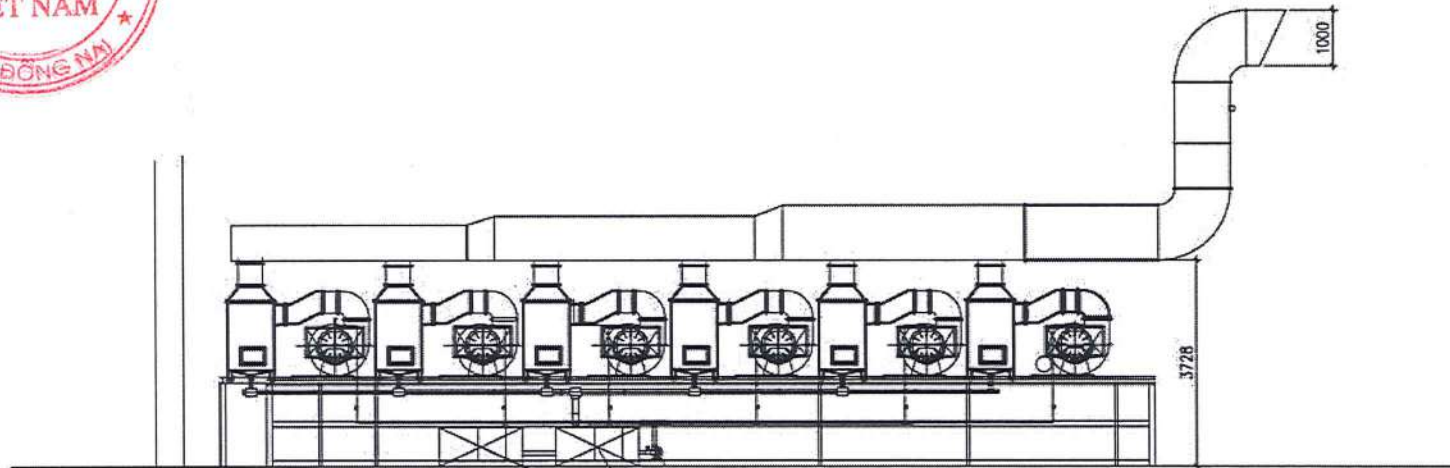


MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR	
THIẾT KẾ CƠ SỞ / BASIC DESIGN	<input type="checkbox"/>
XIN PHÉP XÂY DỰNG / APPROVAL	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ KỸ THUẬT / TECHNICAL DESIGN	<input checked="" type="checkbox"/>
THIẾT KẾ THI CÔNG / CONSTRUCTION DESIGN	<input type="checkbox"/>
HOÀN CÔNG / AS-BUILD	<input type="checkbox"/>
CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER:	
Công ty CHIENYOU	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ / DESIGN CONSULTANT:	
OFFICE: Add: Số 147/11, số 11B, khu phố An Bình, Phường Tân Bình, Thành Đồng Nai, Việt Nam Tel: 0251.826.774 Fax: 0251.826.501 Email: thanhvinhphat2009@gmail.com	
CÔNG TY TNHH MTV THÀNH VINH PHÁT	
GIÁM ĐỐC / DIRECTOR	
NGUYỄN THÀNH VINH	
CHỦ TRƯỞNG KỸ THUẬT / P.ARCHITECT	
NGUYỄN THÀNH VINH	
THIẾT KẾ / DESIGNER	
<i>(Signature)</i>	
NGUYỄN CHÍ LINH	
VẼ / DRAWING	
<i>(Signature)</i>	
NGUYỄN CHÍ LINH	
CÔNG TRÌNH / PROJECT:	
THÁP XỬ LÝ KHÍ THẢI	
HẠNG MỤC / ITEM:	
BẢN VẼ THIẾT KẾ	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:	
BẢN VẼ MẶT BÊN	
NGÀY / DATE: 14/04/2026	
TỈ LỆ / SCALE	KÝ HIỆU BẢN VẼ
1 : 1	CY-TVP/001

REMARK:  
 BLACK/WHITE: ——— EXIST  
 RED: ——— NEW  
 GREEN: ——— REUSE  
 BLUE: ——— CONSIDER  
 LIGHT GREY: ——— FUTURE  
 MAGENTA: ——— REMOVE  
 LINE SCALE: 300



# HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI, HƠI DUNG MÔI BUỒNG SƠN 15000M3



MÔ TẢ:		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY CP CHIEN YOU (VIỆT NAM)		
Số 12 Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.		
CÔNG TRÌNH:		
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI		
TƯ VẤN THIẾT KẾ:		
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỘ		
		
Số 41/11A Quê Lộ 1K, P. Linh Xuân, Tp. Thủ Đức, TP. HCM		
Tel: 94-29 3724 5239   Website: www.vietdojco.com		
QUẢN ĐỐC:		
		
NGUYỄN KIM HUYỆ		
CHỮ TRƯ:		
VỀ:		
KIỂM TRA:		
TÊN BẢN VẼ:		
CHI TIẾT SỐ 4,6,12		
TH. LÊ. 1/1/18	NGÀY HOÀN THÀNH 24/6/2017	
HÀNH VI. SỐ:	TH. H. C. H.	TH. H. B. C.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

**BẢN VẼ THI CÔNG**  
**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 20 M<sup>3</sup>/NGĐ**

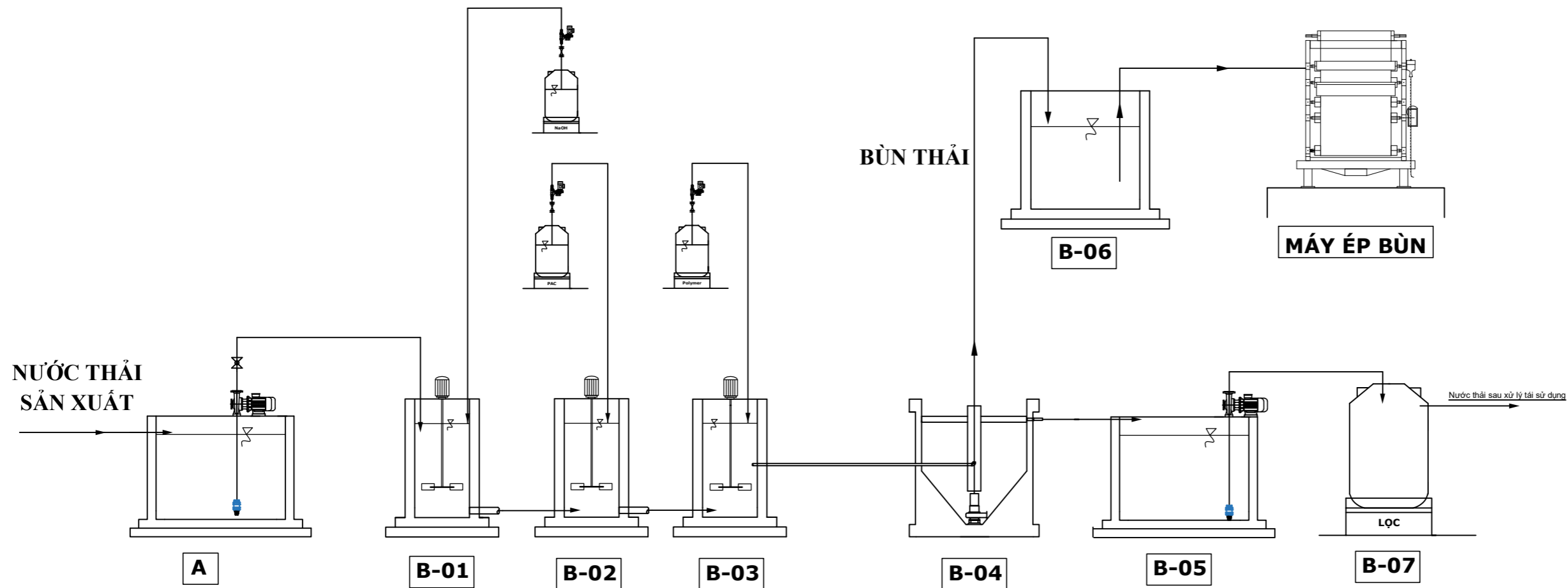
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU VIỆT NAM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH EUC PACK

CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 20 M<sup>3</sup>/NGĐ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

# SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



—→ ĐƯỜNG NƯỚC

—→ ĐƯỜNG BÙN

—→ ĐƯỜNG HÓA CHẤT

**A. BỂ THU GOM/ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI SẢN XUẤT**

**1. BỂ TRUNG HÒA PH**

**2. BỂ KEO TỤ**

**3. BỂ TẠO BÔNG**

**4. BỂ LẮNG HÓA LÝ**

**5. BỂ TRUNG GIAN**

**6. BỂ CHỨA BÙN**

**7. BỒN LỌC ÁP LỰC**

Chủ đầu tư/ Investor:

**CÔNG TY MINH  
CHIEN YOU**

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

**BẢN VẼ SƠ BỘ**

Mục đích phát hành/ Issued for:

Ngày/ Date: Sửa/ Rev.: Mô tả/ Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

Chú ý/ Notes:

Tư vấn thiết kế/ Consultant:

**CÔNG TY TNHH EUC PACK**

Địa chỉ: 85/26 Đường Phú Lợi, P. Phú Lợi, TP.TDM, BĐ  
T: (0274) 3 801 404 Hotline: 0978.17.17.61  
E: eucpack@gmail.com  
W: www.congtymoitruong.com.vn

Giám đốc/ Director:

LÊ TRẦN HOÀNG TÀI

Chủ nhiệm dự án/ Project manager:

LÊ TRẦN HOÀNG TÀI

Chủ trì/ Chief:

THẠCH KHÔI TIẾN

Kiểm tra/ Check by:

THẠCH KHÔI TIẾN

Thiết kế/ Designed by:

NGUYỄN THANH ĐIỀN

Vẽ/ Drawn by:

NGUYỄN THANH ĐIỀN

Tên dự án/ Project name:

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Hạng mục/ Item:

**MÔ TẢ ĐIỂN GIẢI**

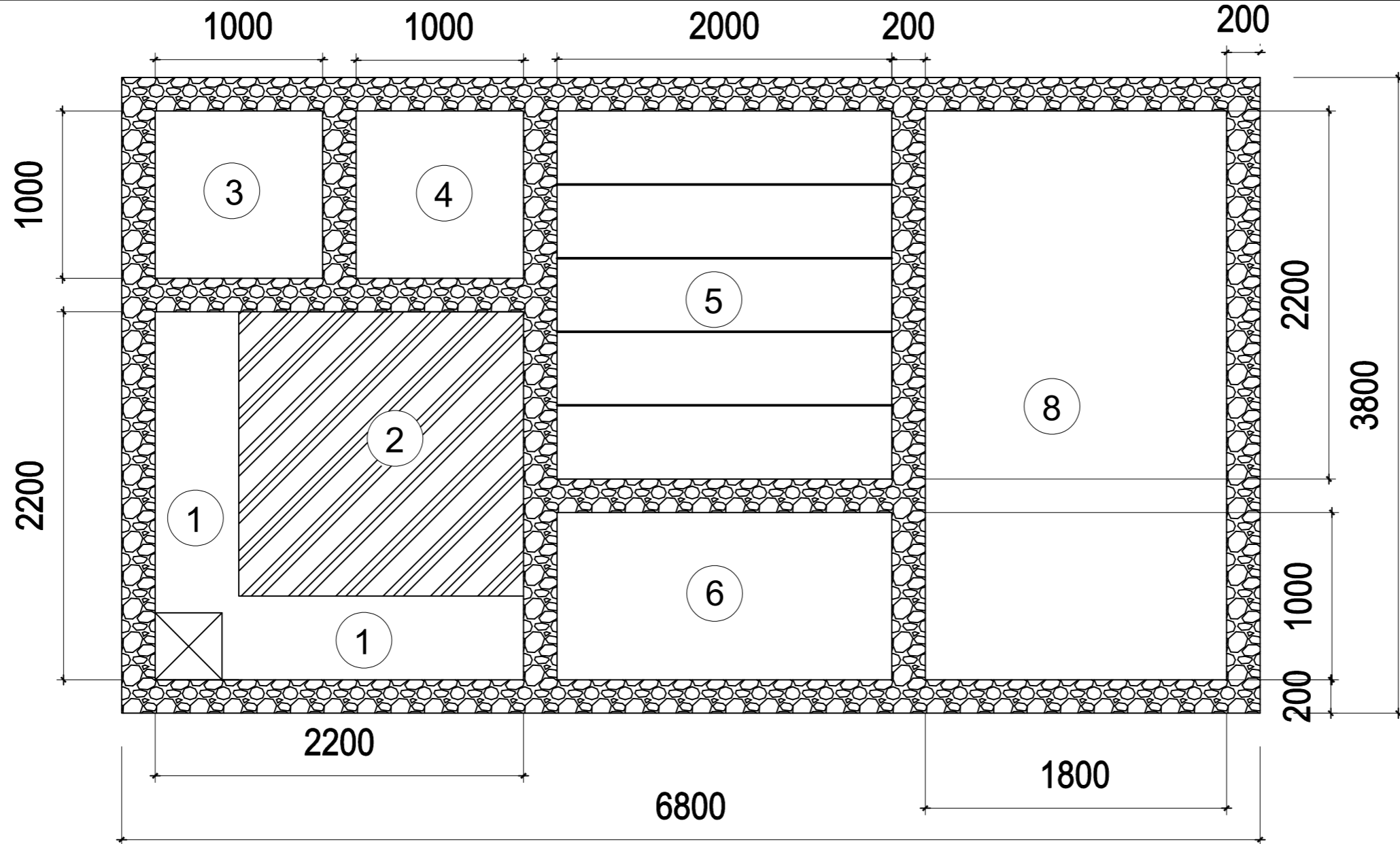
Công suất (m<sup>3</sup>/ngày)/ Capacity ( m<sup>3</sup>/day):

**20 m<sup>3</sup>/ngày đêm**

Tên bản vẽ/ Drawing title:

Tỷ lệ/ Scale: Kích cỡ/ Size: Ngày/ Date:

Bản vẽ số/ Drawing no.: Tổng/ Total:



**CHÚ THÍCH/ NOTES**

- |                   |                    |                       |
|-------------------|--------------------|-----------------------|
| 1: Bể thu gom     | 2: Bể trung hòa pH | 3: Bể keo tụ          |
| 4: Bể tạo bông    | 5: Bể lắng         | 6: Bể chứa trung gian |
| 7: Bồn lọc áp lực | 8: Bể chứa bùn     |                       |

**BẢN VẼ MẶT BẰNG HỆ THỐNG**

Chủ đầu tư/ Investor:

**CÔNG TY MINH CHIEN YOU**

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

**BẢN VẼ SƠ BỘ**

Mục đích phát hành/ Issued for:

Ngày/ Date: Sửa/ Rev.: Mô tả/ Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

Chú ý/ Notes:

Tư vấn thiết kế/ Consultant:

**CÔNG TY TNHH EUC PACK**

Địa chỉ: 85/26 Đường Phú Lợi, P. Phú Lợi, TP.TDM, BĐ  
 T: (0274) 3 801 404 Hotline: 0978.17.17.61  
 E: eucpack@gmail.com  
 W: www.congtymoitruong.com.vn

Giám đốc/ Director:

LÊ TRẦN HOÀNG TÀI

Chủ nhiệm dự án/ Project manager:

LÊ TRẦN HOÀNG TÀI

Chủ trì/ Chief:

THẠCH KHÔI TIẾN

Kiểm tra/ Check by:

THẠCH KHÔI TIẾN

Thiết kế/ Designed by:

NGUYỄN THANH ĐIỀN

Vẽ/ Drawn by:

NGUYỄN THANH ĐIỀN

Tên dự án/ Project name :

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Hạng mục/ Item:

**MÔ TẢ DIỄN GIẢI**

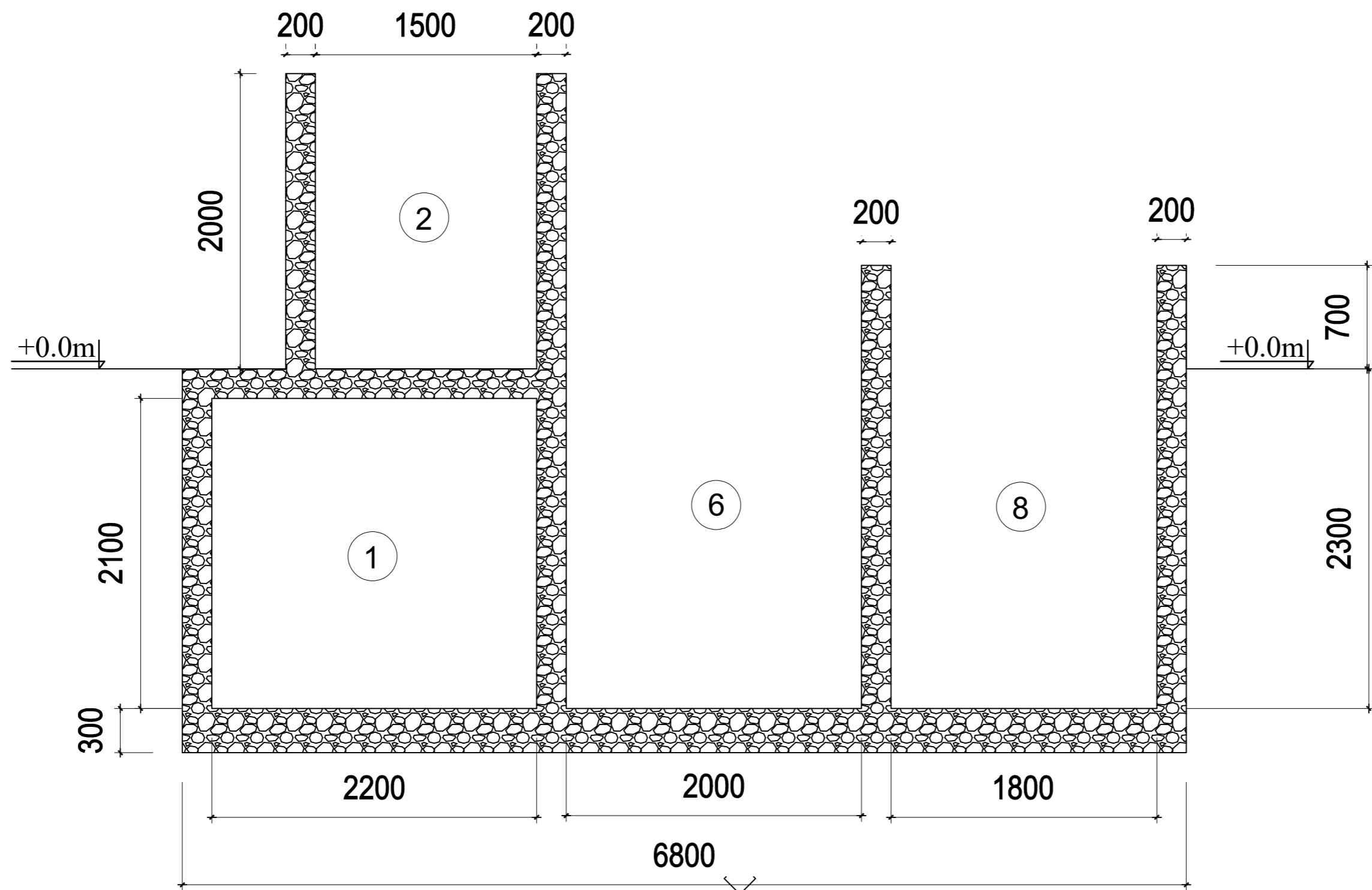
Công suất (m<sup>3</sup>/ngày)/ Capacity ( m<sup>3</sup>/day ):

**20 m<sup>3</sup>/ngày đêm**

Tên bản vẽ/ Drawing title:

Tỷ lệ/ Scale: Kích cỡ/ Size: Ngày/ Date:

Bản vẽ số/ Drawing no.: Tổng/ Total:



- CHÚ THÍCH/ NOTES**
- |                   |                    |                       |
|-------------------|--------------------|-----------------------|
| 1: Bể thu gom     | 2: Bể trung hòa pH | 3: Bể keo tụ          |
| 4: Bể tạo bông    | 5: Bể lắng         | 6: Bể chứa trung gian |
| 7: Bồn lọc áp lực | 8: Bể chứa bùn     |                       |

# MẶT CẮT A-A

Chủ đầu tư/ Investor:

**CÔNG TY MINH CHIEN YOU**

---

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

**BẢN VẼ SƠ BỘ**

---

Mục đích phát hành/ Issued for:

---

Ngày/ Date:	Sửa/ Rev.:	Mô tả/ Description:

---

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

---

Chú ý/ Notes:

---

Tư vấn thiết kế/ Consultant:

**CÔNG TY TNHH EUC PACK**

Địa chỉ: 85/26 Đường Phú Lợi, P. Phú Lợi, TP.TDM, BĐ  
 T: (0274) 3 801 404 Hotline: 0978.17.17.61  
 E: eucpack@gmail.com  
 W: www.congtymoitruong.com.vn

Giám đốc/ Director: LÊ TRẦN HOÀNG TÀI	
Chủ nhiệm dự án/ Project manager: LÊ TRẦN HOÀNG TÀI	
Chủ trì/ Chief: THẠCH KHÔI TIẾN	
Kiểm tra/ Check by: THẠCH KHÔI TIẾN	
Thiết kế/ Designed by: NGUYỄN THANH ĐIỀN	
Vẽ/ Drawn by: NGUYỄN THANH ĐIỀN	

---

Tên dự án/ Project name :

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Hạng mục/ Item:

**MÔ TẢ DIỄN GIẢI**

Công suất (m<sup>3</sup>/ngày)/ Capacity ( m<sup>3</sup>/day ):

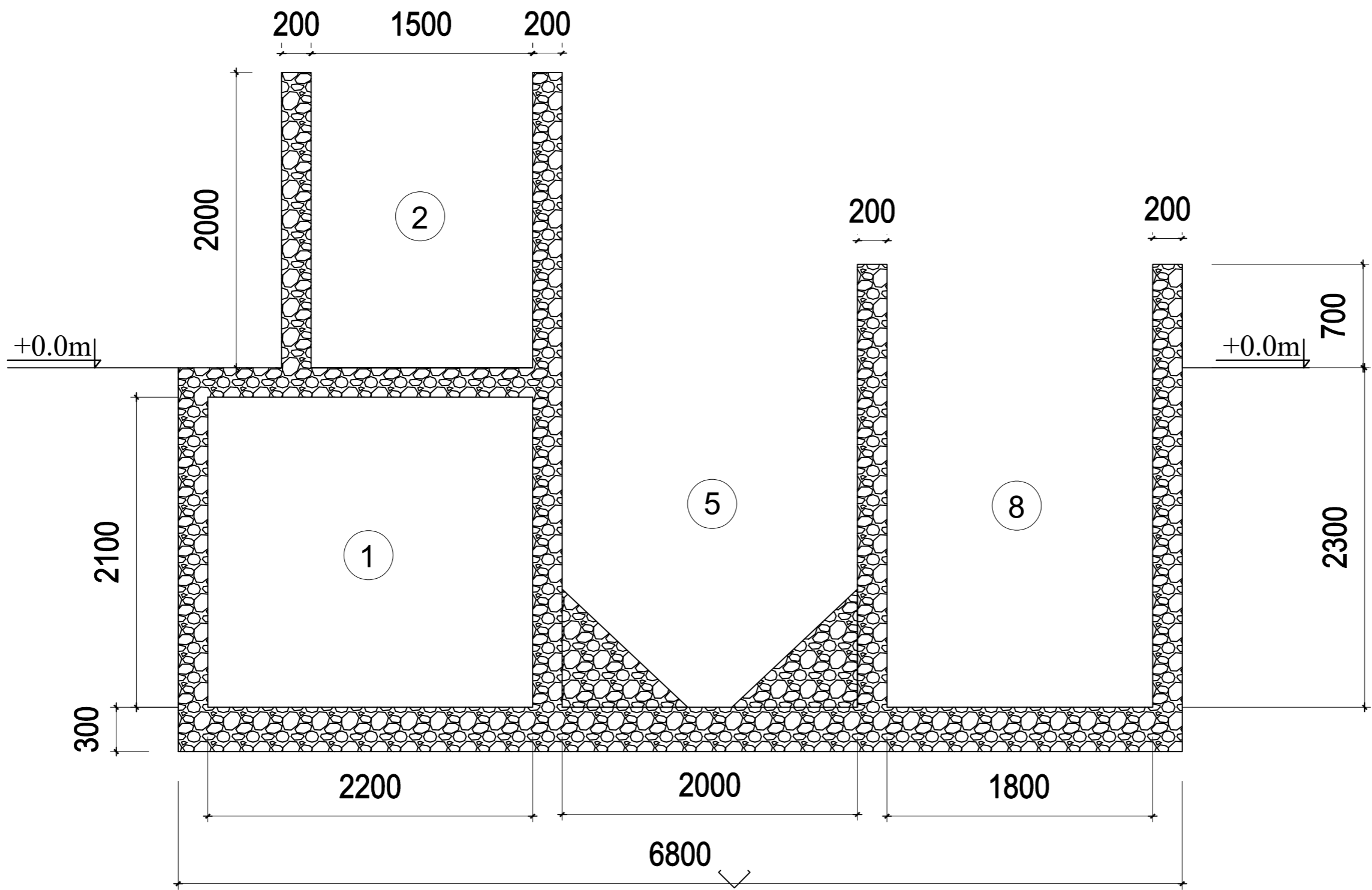
**20 m<sup>3</sup>/ngày đêm**

---

Tên bản vẽ/ Drawing title:

---

Tỷ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:
Bản vẽ số/ Drawing no.:		Tổng/ Total:



- CHÚ THÍCH/ NOTES**
- |                   |                    |                       |
|-------------------|--------------------|-----------------------|
| 1: Bể thu gom     | 2: Bể trung hòa pH | 3: Bể keo tụ          |
| 4: Bể tạo bông    | 5: Bể lắng         | 6: Bể chứa trung gian |
| 7: Bồn lọc áp lực | 8: Bể chứa bùn     |                       |

# MẶT CẮT B-B

Chủ đầu tư/ Investor:  
**CÔNG TY MINH CHIEN YOU**

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:  
**BẢN VẼ SƠ BỘ**

Mục đích phát hành/ Issued for:

Ngày/ Date:	Sửa/ Rev.:	Mô tả/ Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

Chú ý/ Notes:

Tư vấn thiết kế/ Consultant:

**CÔNG TY TNHH EUC PACK**  
 Địa chỉ: 85/26 Đường Phú Lợi, P. Phú Lợi, TP.TDM, BĐ  
 T: (0274) 3 801 404 Hotline: 0978.17.17.61  
 E: eucpack@gmail.com  
 W: www.congtymoitruong.com.vn

Giám đốc/ Director: LÊ TRẦN HOÀNG TÀI	
Chủ nhiệm dự án/ Project manager: LÊ TRẦN HOÀNG TÀI	
Chủ trì/ Chief: THẠCH KHÔI TIẾN	
Kiểm tra/ Check by: THẠCH KHÔI TIẾN	
Thiết kế/ Designed by: NGUYỄN THANH ĐIỀN	
Vẽ/ Drawn by: NGUYỄN THANH ĐIỀN	

Tên dự án/ Project name :  
**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
 Hạng mục/ Item:  
**MÔ TẢ DIỄN GIẢI**  
 Công suất (m³/ngày)/ Capacity ( m³/day ):  
**20 m3/ngày đêm**

Tên bản vẽ/ Drawing title:

Tỷ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:
Bản vẽ số/ Drawing no.:		Tổng/ Total:

Chủ đầu tư/ Investor:

**CÔNG TY MINH  
CHIEN YOU**

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

**BẢN VẼ SƠ BỘ**

Mục đích phát hành/ Issued for:

Ngày/ Date: Sửa/ Rev.: Mô tả/ Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

Chú ý/ Notes:

Tư vấn thiết kế/ Consultant:

**CÔNG TY TNHH EUC PACK**

Địa chỉ: 85/26 Đường Phú Lợi, P. Phú Lợi, TP.TDM, BĐ  
T: (0274) 3 801 404 Hotline: 0978.17.17.61  
E: eucpack@gmail.com  
W: www.congtymoitruong.com.vn

Giám đốc/ Director:

LÊ TRẦN HOÀNG TÀI

Chủ nhiệm dự án/ Project manager:

LÊ TRẦN HOÀNG TÀI

Chủ trì/ Chief:

THẠCH KHÔI TIẾN

Kiểm tra/ Check by:

THẠCH KHÔI TIẾN

Thiết kế/ Designed by:

NGUYỄN THANH ĐIỀN

Vẽ/ Drawn by:

NGUYỄN THANH ĐIỀN

Tên dự án/ Project name:

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

Hạng mục/ Item:

**MÔ TẢ DIỄN GIẢI**

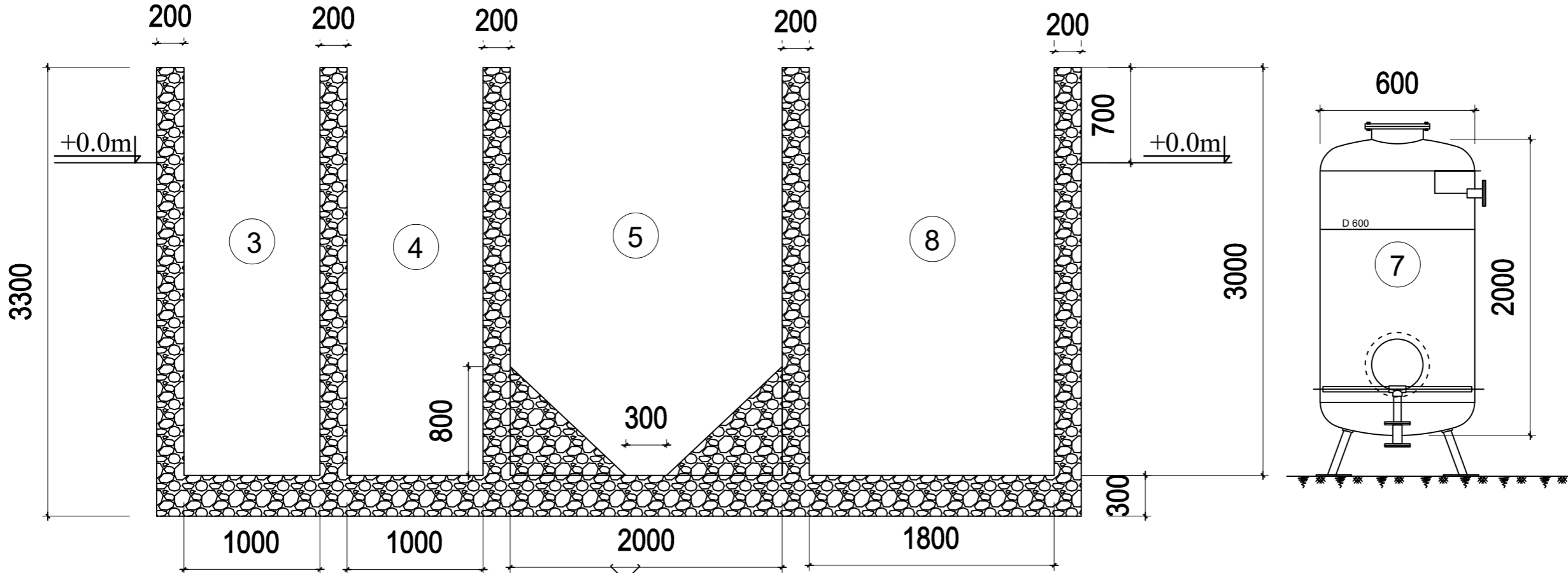
Công suất (m<sup>3</sup>/ngày)/ Capacity ( m<sup>3</sup>/day):

**20 m<sup>3</sup>/ngày đêm**

Tên bản vẽ/ Drawing title:

Tỷ lệ/ Scale: Kích cỡ/ Size: Ngày/ Date:

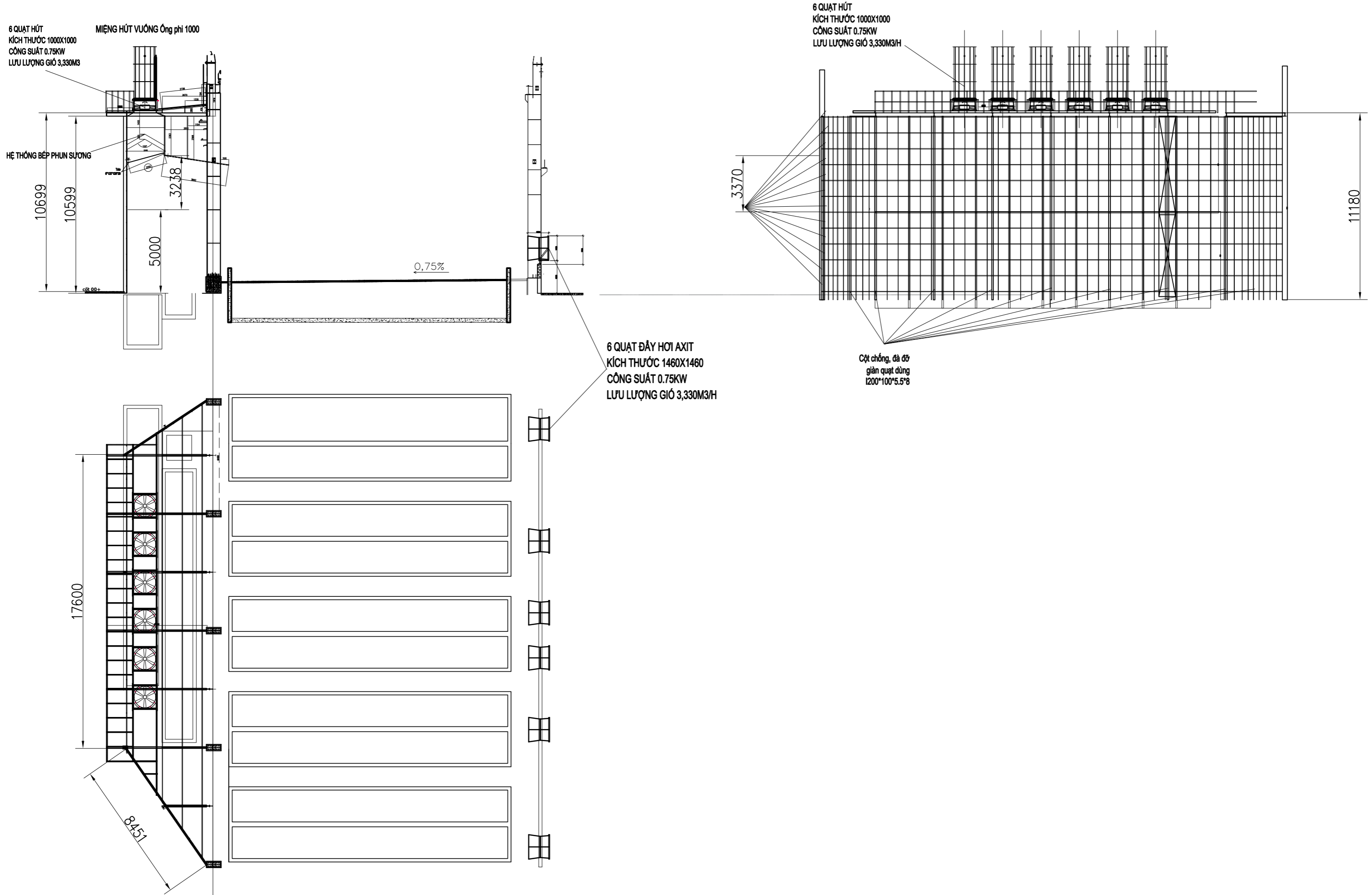
Bản vẽ số/ Drawing no.: Tổng/ Total:



- CHÚ THÍCH/ NOTES**
- |                   |                    |                       |
|-------------------|--------------------|-----------------------|
| 1: Bể thu gom     | 2: Bể trung hòa pH | 3: Bể keo tụ          |
| 4: Bể tạo bông    | 5: Bể lắng         | 6: Bể chứa trung gian |
| 7: Bồn lọc áp lực | 8: Bể chứa bùn     |                       |

# MẶT CẮT C-C

# BẢN VẼ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI BỂ AXIT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
**HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIEN YOU VIỆT NAM**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH EUC PACK  
CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ



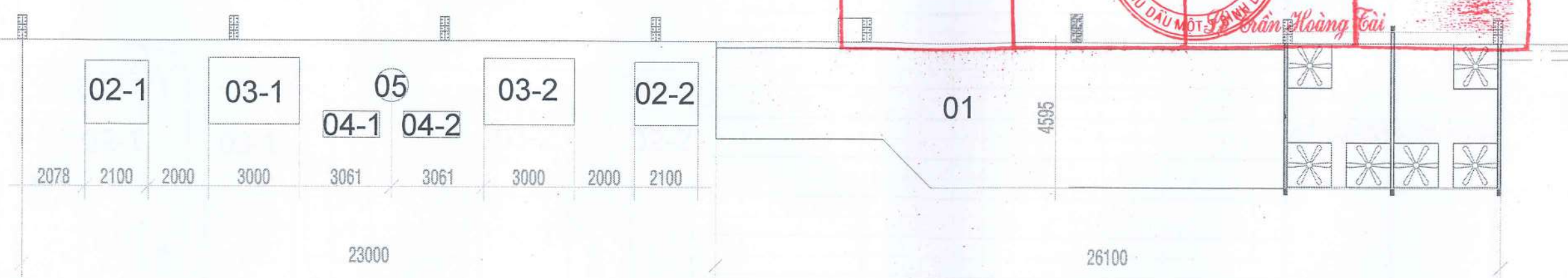
*Lê Trần Hoàng Tài*

Đồng Nai, 2023

**CÔNG TY TNHH EUC PACK**  
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Lập ngày ..... tháng ..... năm 20.....

<b>ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ</b>	<b>ĐẠI DIỆN TƯ TƯ VẤN GIÁM SÁT</b>	<b>ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG</b>	
		<b>GIÁM ĐỐC</b>	<b>NGƯỜI LẬP</b>



**GHI CHÚ:**

- |                     |                     |                     |
|---------------------|---------------------|---------------------|
| 01: Buồng thu khí   | 02-1: Cyclone 1     | 02-2: Cyclone 2     |
| 03-1: Lọc túi vải 1 | 03-2: Lọc túi vải 2 |                     |
| 04-1: Quạt hút 1    | 04-2: Quạt hút 2    | 05: Ống thoát chính |

**BẢN VẼ ĐỊNH VỊ CÁC CÔNG TRÌNH HTXL KHÍ THẢI MẠ KẼM**

Chủ đầu tư/ Investor:  
**CÔNG TY TNHH CHIEN YOU VN**

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:

Ngày/ Date:	Sửa/ Rev.:	Mô tả/ Description:

Mặt bằng chi dẫn/ Key plan:

Chú ý/ Notes:

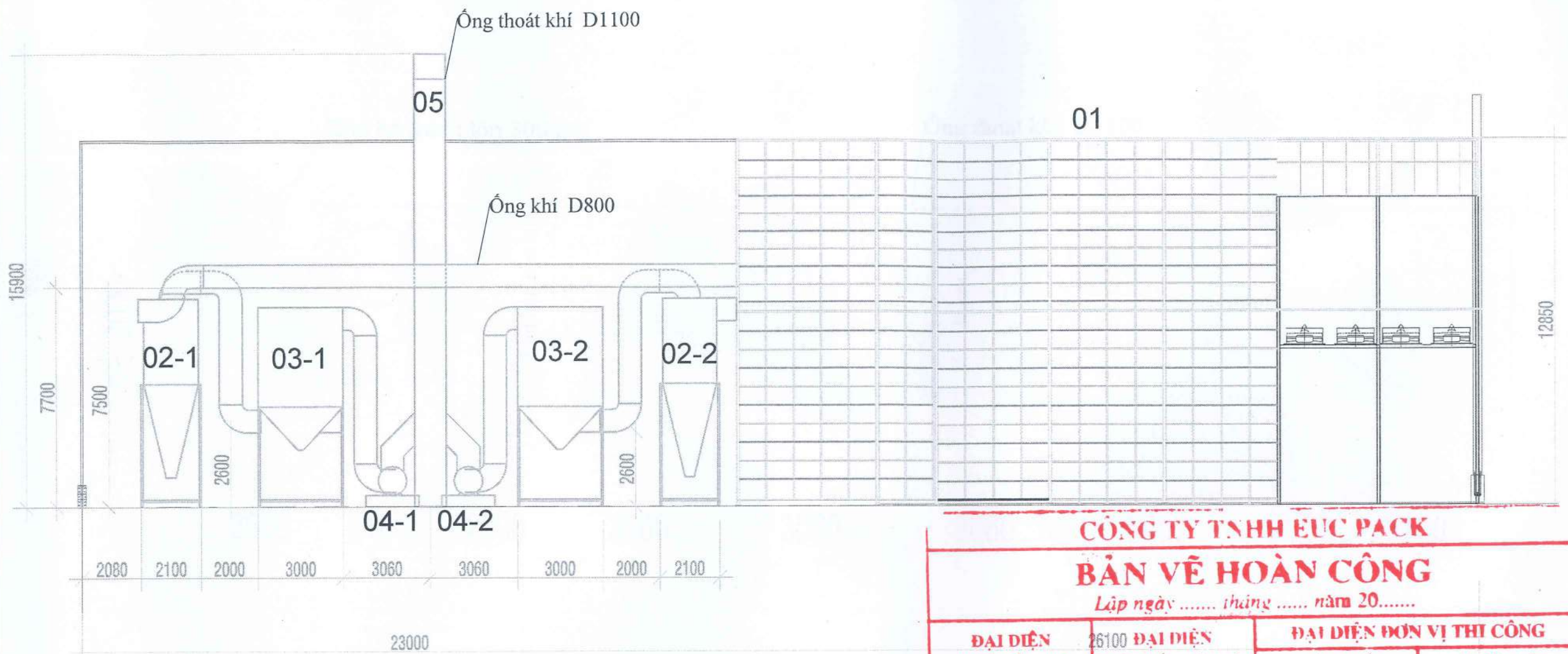
Tư vấn thiết kế/ Consultant:  
**CÔNG TY TNHH EUC PACK**  
 Địa chỉ: 85/26 Đường Phú Lợi, P. Phú Lợi, TP.TDM, BD  
 T: (0274) 3 801 404 Hotline: 0978.17.17.61  
 E: eucpack@gmail.com  
 W: www.congtytruong.com.vn

Giám đốc/ Director: LÊ TRẦN HOÀNG TÀI	
Chủ nhiệm dự án/ Project manager: LÊ TRẦN HOÀNG TÀI	
Chủ trì/ Chief: THẠCH KHÔI TIẾN	
Kiểm tra/ Check by: THẠCH KHÔI TIẾN	
Thiết kế/ Designed by: HUYỀN LÊ GIA BẢO	
Vẽ/ Drawn by: HUYỀN LÊ GIA BẢO	

Tên dự án/ Project name:  
 HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI SX  
 Hàng mục/ Item:  
 HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI MẠ KẼM  
 Công suất (m<sup>3</sup>/ngày)/ Capacity ( m<sup>3</sup>/day ):

Tên bản vẽ/ Drawing title:

Tỷ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:
Bản vẽ số/ Drawing no.:	Tổng/ Total:	



- GHI CHÚ:**
- 01: Bồng thu khí
  - 02-1: Cyclone 1
  - 03-1: Lọc túi vải 1
  - 03-2: Lọc túi vải 2
  - 04-1: Quạt hút 1
  - 04-2: Quạt hút 2
  - 02-2: Cyclone 2
  - 05: Ống thoát chính

# BẢN VẼ MẶT ĐỨNG HỆ THỐNG XLKT MẠ KẼM

**CÔNG TY TNHH EUC PACK**  
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Lập ngày ..... tháng ..... năm 20.....

<b>ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ</b>	26100 <b>ĐẠI DIỆN TƯ TƯ VẤN GIÁM SÁT</b>	<b>ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG</b>	<b>GIÁM ĐỐC</b>
			<b>NGƯỜI LẬP</b>

**CÔNG TY TNHH EUC PACK**  
 TP. THỦ ĐỨC, HỒ CHÍ MINH

*Lê Trần Hoàng Cầu*

Chủ đầu tư/ Investor:  
**CÔNG TY TNHH CHIEN YOU VN**

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:

Ngày/ Date:	Sửa/ Rev.:	Mô tả/ Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

Chú ý/ Notes:

Tư vấn thiết kế/ Consultant:  
**CÔNG TY TNHH EUC PACK**

Địa chỉ: 85/26 Đường Phú Lợi, P. Phú Lợi, TP.TDM, BD  
 T: (0274) 3 801 404 Hotline: 0978.17.17.61  
 E: eucpack@gmail.com  
 W: www.congtymotruong.com.vn

Giám đốc/ Director: LÊ TRẦN HOÀNG CẦU	
Chủ nhiệm dự án/ Project manager: LÊ TRẦN HOÀNG CẦU	
Chủ trì/ Chief: THẠCH KHÔI TIẾN	
Kiểm tra/ Check by: THẠCH KHÔI TIẾN	
Thiết kế/ Designed by: HUYNH LÊ GIA BÁC	
Vẽ/ Drawn by: HUYNH LÊ GIA BÁC	

Tên dự án/ Project name:  
 HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI SX

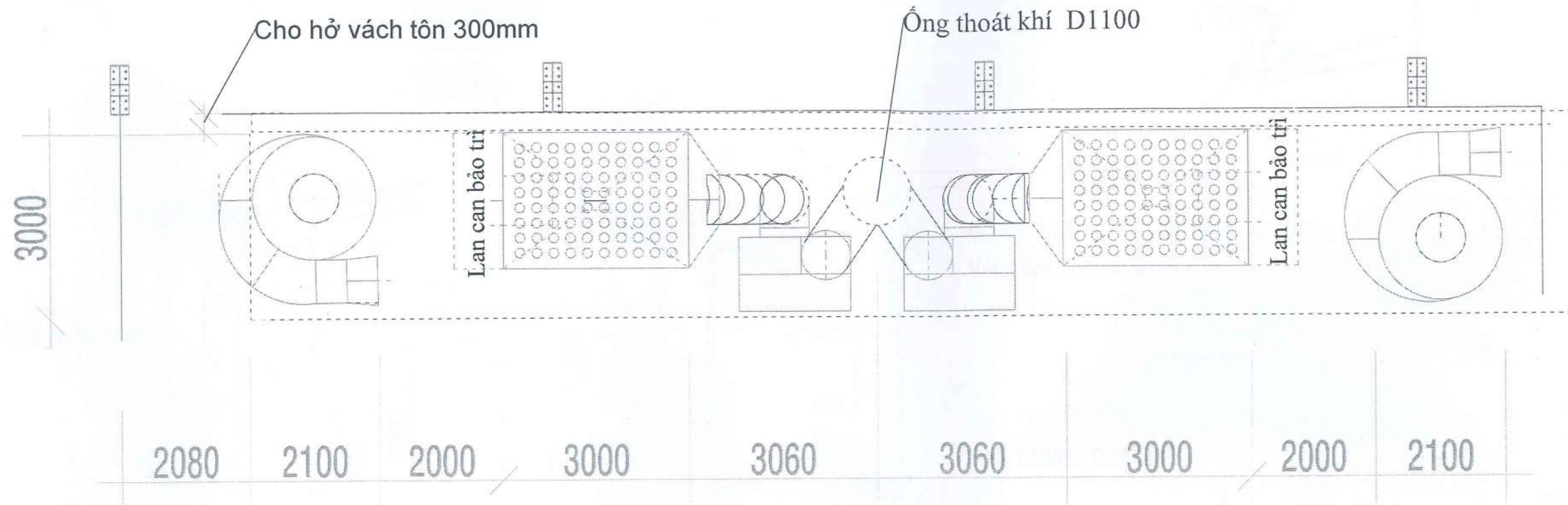
Hạng mục/ Item:  
 HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI MẠ KẼM

Công suất (m<sup>3</sup>/ngày)/ Capacity ( m<sup>3</sup>/day )

Tên bản vẽ/ Drawing title:

Tỷ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:

Bản vẽ số/ Drawing no.:      Tổng/ Total:



**GHI CHÚ:**

- 01: Bồng thu khí
- 02-1: Cyclone 1
- 03-1: Lọc túi vải 1
- 03-2: Lọc túi vải 2
- 04-1: Quạt hút 1
- 04-2: Quạt hút 2

**CÔNG TY TNHH EUC PACK**  
**BẢN VẼ THI CÔNG**  
 Lập ngày ..... tháng ..... năm 20.....

<b>ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ</b>	<b>ĐẠI DIỆN</b>	<b>ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG</b>	<b>NGƯỜI LẬP</b>
	05: Ống thoát chính		

**BẢN VẼ MẶT BẰNG XLKT MẠ KẼM**

Chủ đầu tư/ Investor:  
**CÔNG TY TNHH CHIEN YOU VN**

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:

Ngày/ Date:	Sửa/ Rev.:	Mô tả/ Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

Chú ý/ Notes:

Tư vấn thiết kế/ Consultant:  
**CÔNG TY TNHH EUC PACK**  
 Địa chỉ: 85/26 Đường Phú Lợi, P. Phú Lợi, TP.TDM, BD  
 T: (0274) 3 801 404 Hotline: 0978.17.17.61  
 E: eucpack@gmail.com  
 W: www.conglymotruong.com.vn

Giám đốc/ Director: LÊ TRẦN HOÀNG TÀI	
Chủ nhiệm dự án/ Project manager: LÊ TRẦN HOÀNG TÀI	
Chủ trì/ Chief: THẠCH KHÔI TIẾN	
Kiểm tra/ Check by: THẠCH KHÔI TIẾN	
Thiết kế/ Designed by: HUỖNH LÊ GIÀ BẠO	
Vẽ/ Drawn by: HUỖNH LÊ GIÀ BẠO	

Tên dự án/ Project name:  
 HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI SX

Hạng mục/ Item:  
 HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI MẠ KẼM

Công suất (m<sup>3</sup>/ngày)/ Capacity ( m<sup>3</sup>/day ):

Tên bản vẽ/ Drawing title:

Tỷ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:
Bản vẽ số/ Drawing no.:		Tổng/ Total:

CÔNG TY TNHH EUC PACK

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Lập ngày ..... tháng ..... năm 20.....

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN TƯ TƯ VẤN GIÁM SÁT	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG	
		GIÁM ĐỐC	NGƯỜI LẬP



Lê Trần Hoàng Tài

Chủ đầu tư/ Investor:  
**CÔNG TY TNHH CHIEN YOU VN**

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:

Ngày/ Date:	Sửa/ Rev.:	Mô tả/ Description:

Mặt bằng chi dẫn/ Key plan:

Chú ý/ Notes:

Tư vấn thiết kế/ Consultant:  
**CÔNG TY TNHH EUC PACK**  
Địa chỉ: 85/26 Đường Phú Lợi, P. Phú Lợi, TP.TDM, BD  
T: (0274) 3 801 404 Hotline: 0976.17.17.61  
E: eucpack@gmail.com  
W: www.congtymoi.vn

Giám đốc/ Director: LÊ TRẦN HOÀNG TÀI	
Chủ nhiệm dự án/ Project manager: LÊ TRẦN HOÀNG TÀI	
Chủ trì/ Chief: THẠCH KHÔI TIẾN	
Kiểm tra/ Check by: THẠCH KHÔI TIẾN	
Thiết kế/ Designed by: HUYỀN LÊ GIẢ BẢO	
Vẽ/ Drawn by: HUYỀN LÊ GIẢ BẢO	

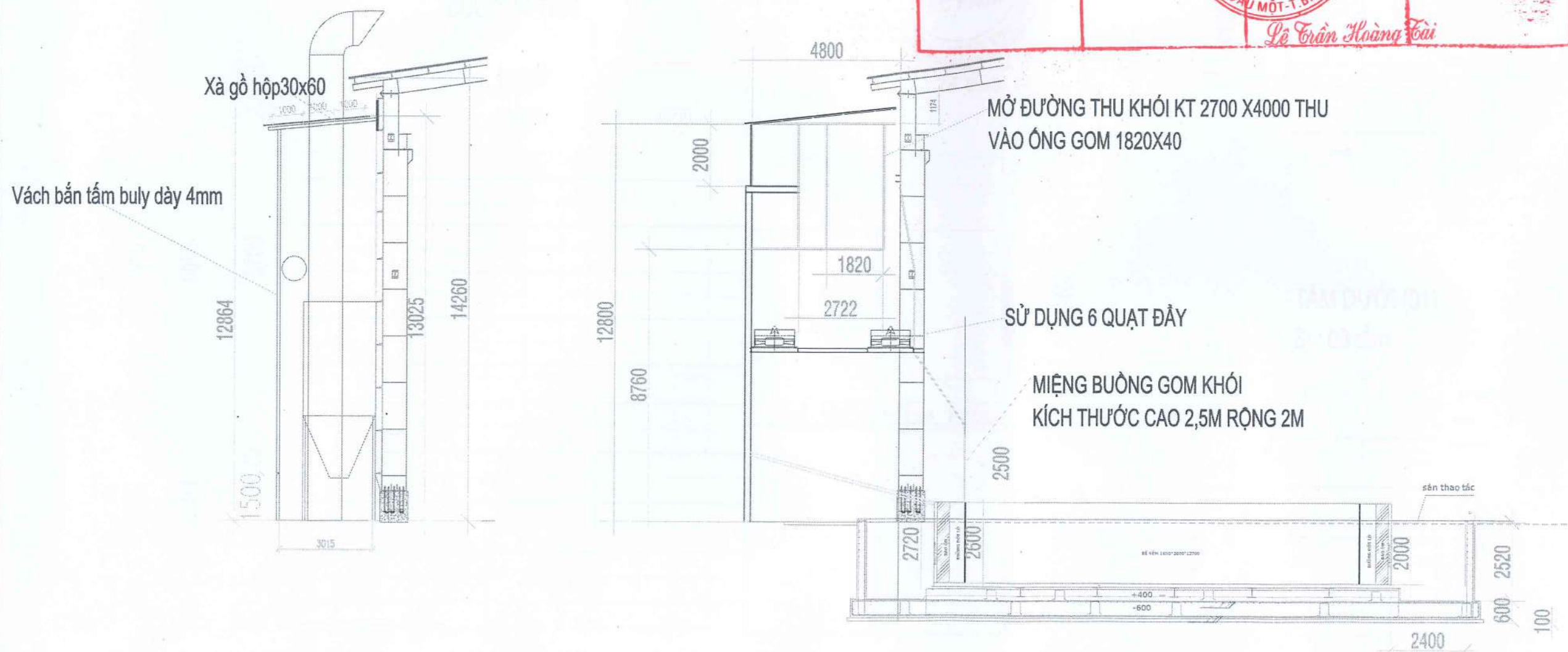
Tên dự án/ Project name:  
**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm**

Hạng mục/ Item:  
**HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI MÀ KÉM**

Công suất (m<sup>3</sup>/ngày)/ Capacity ( m<sup>3</sup>/day ):  
**70 m<sup>3</sup>/ngày đêm**

Tên bản vẽ/ Drawing title:

Tỷ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:
Bản vẽ số/ Drawing no.:	Tổng/ Total:	



**BẢN VẼ MẶT CẮT VÁCH BỒN THU KHÍ**

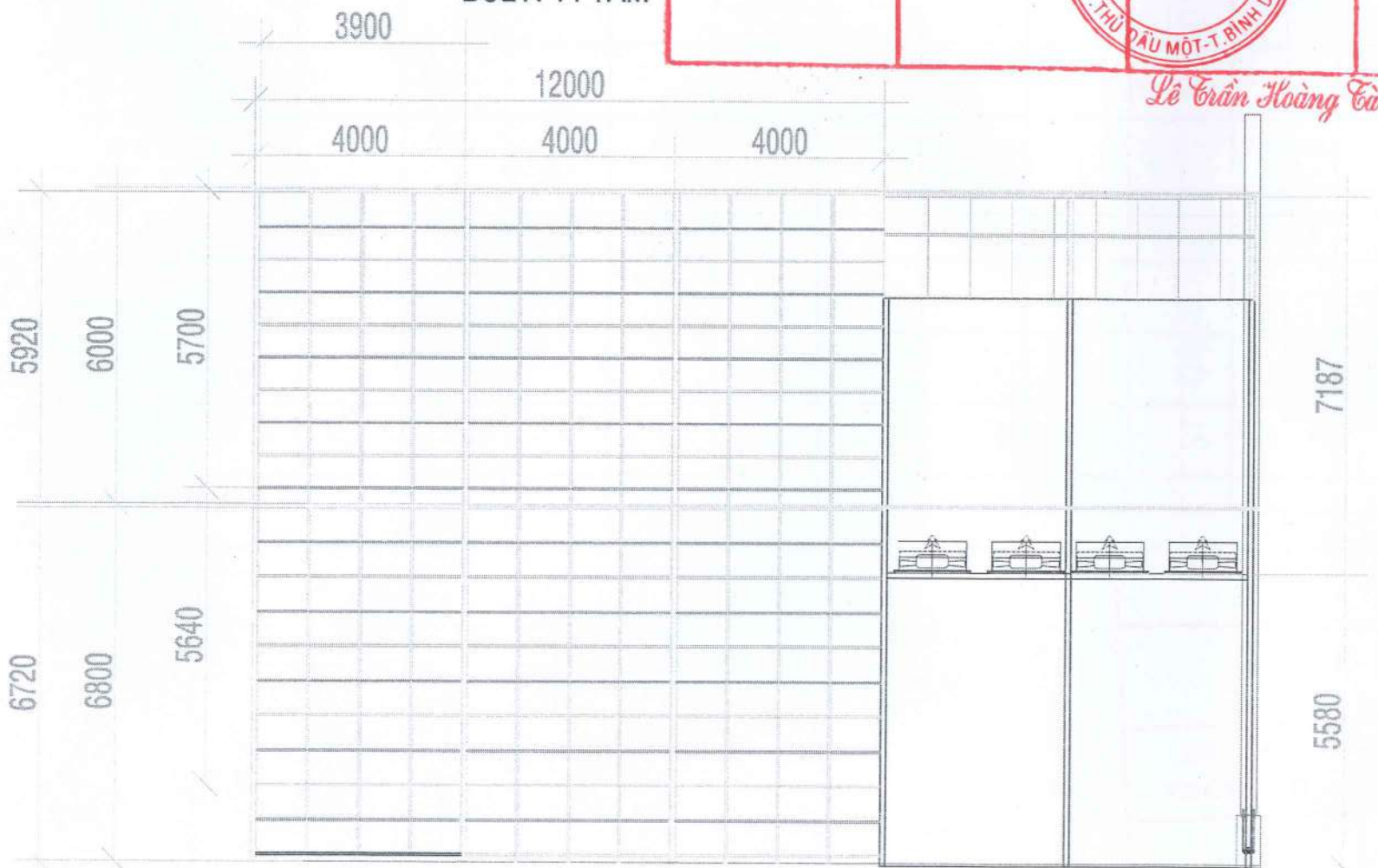
**CÔNG TY TNHH EUC PACK**  
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Lập ngày ..... tháng ..... năm 20.....

<b>ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ</b>	<b>ĐẠI DIỆN TƯ TƯ VẤN GIÁM SÁT</b>	<b>ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG</b>	
		<b>GIÁM ĐỐC</b>	<b>NGƯỜI LẬP</b>

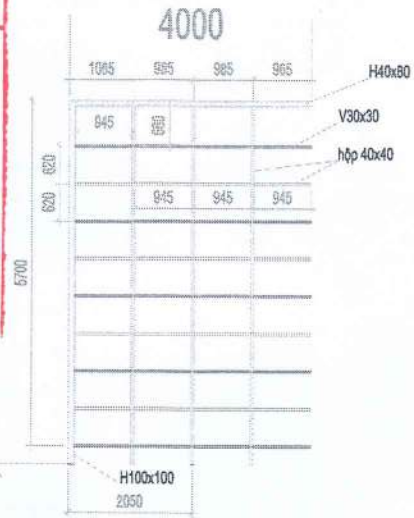


**KHUNG VÁCH SỐ 01**  
**BULY: 14 TẦM**



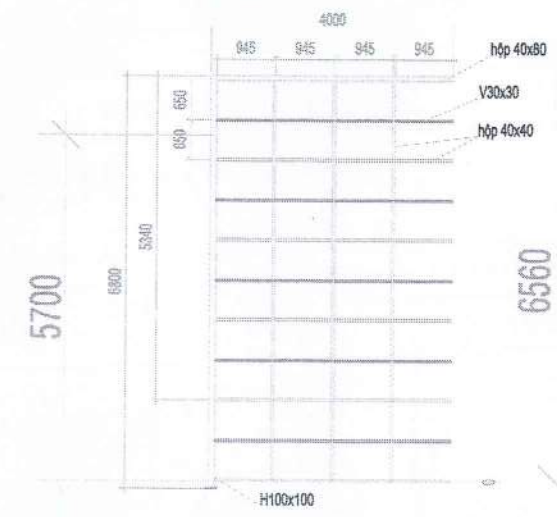
**TẦM TRÊN (02)**

SL: 03pcs



**TẦM DƯỚI (01)**

SI : 03 tấm



**BẢN VẼ HỆ KHUNG VÁCH 01 BUỒNG THU KHÍ**

Chủ đầu tư/ Investor:  
**CÔNG TY TNHH CHIEN YOU VN**

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:

Ngày/ Date: Sửa/ Rev.: Mô tả/ Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

Chú ý/ Notes:

Tư vấn thiết kế/ Consultant:  
**CÔNG TY TNHH EUC PACK**  
Địa chỉ: 85/28 Đường Phú Lợi, P. Phú Lợi, TP.TDM, BD  
T: (0274) 3 801 404 Hotline: 0978.17.17.61  
E: eucpack@gmail.com  
W: www.congtymltrung.com.vn

Giám đốc/ Director:  
LÊ TRẦN HOÀNG TÀI

Chủ nhiệm dự án/ Project manager:  
LÊ TRẦN HOÀNG TÀI

Chủ trì/ Chief:  
THẠCH KHÔI TIẾN

Kiểm tra/ Check by:  
THẠCH KHÔI TIẾN

Thiết kế/ Designed by:  
HUỖNH LÊ GIÀ BẢO

Vẽ/ Drawn by:  
HUỖNH LÊ GIÀ BẢO

Tên dự án/ Project name:  
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI SX

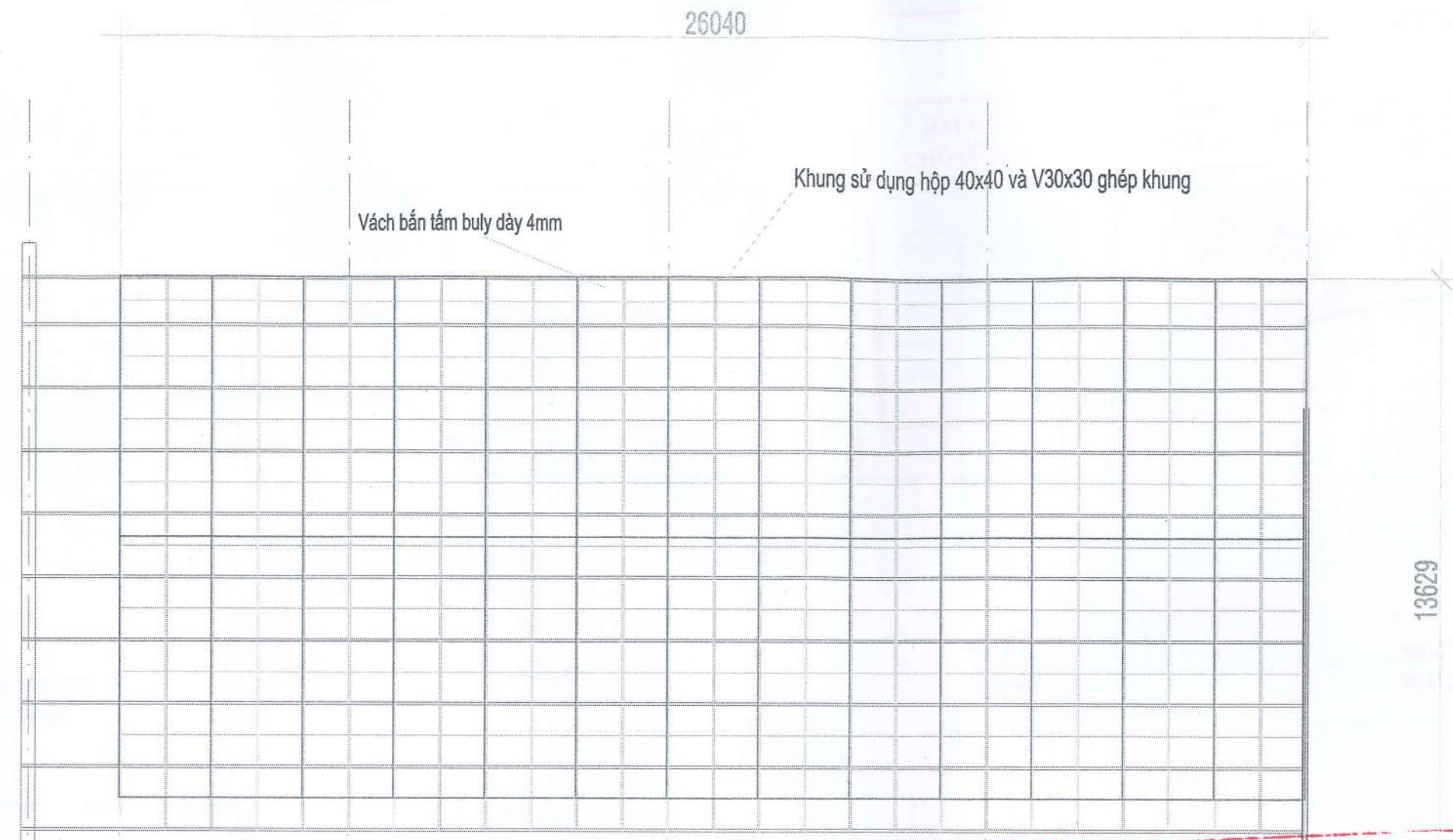
Hạng mục/ Item:  
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI MÀ KÉM

Công suất (m<sup>3</sup>/ngày)/ Capacity ( m<sup>3</sup>/day )

Tên bản vẽ/ Drawing title:

Tỷ lệ/ Scale: Kích cỡ/ Size: Ngày/ Date:

Bản vẽ số/ Drawing no: Tổng/ Total:



Chủ đầu tư/ Investor:  
**CÔNG TY TNHH CHIEN YOU VN**

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:

Ngày/ Date:	Sửa/ Rev.:	Mô tả/ Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

Chú ý/ Notes:

Tư vấn thiết kế/ Consultant:

**CÔNG TY TNHH EUC PACK**  
Địa chỉ: 85/26 Đường Phú Lợi, P. Phú Lợi, TP.TDM, BD  
T: (0274) 3 801 404 Hotline: 0978.17.17.61  
E: eucpack@gmail.com  
W: www.conglymoitruong.com.vn

Giám đốc/ Director: LÊ TRẦN HOÀNG TÀI	
Chủ nhiệm dự án/ Project manager: LÊ TRẦN HOÀNG TÀI	
Chủ trì/ Chief: TRẠCH KHÔI TIẾN	
Kiểm tra/ Check by: TRẠCH KHÔI TIẾN	
Thiết kế/ Designed by: HUỖNH LÊ GIÀ BẢO	
Vẽ/ Drawn by: HUỖNH LÊ GIÀ BẢO	

Tên dự án/ Project name:  
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI SX

Hang mục/ Item:  
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI MÀ KÉM

Công suất (m<sup>3</sup>/ngày)/ Capacity ( m<sup>3</sup>/day ):

Tên bản vẽ/ Drawing title:

Tỷ lệ/ Scale:      Kích cỡ/ Size:      Ngày/ Date:

Bản vẽ số/ Drawing no.:      Tổng/ Total:

**CÔNG TY TNHH EUC PACK**  
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
Lập ngày ..... tháng ..... năm 20.....

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN TƯ TƯ VẤN GIÁM SÁT	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG	NGƯỜI LẬP

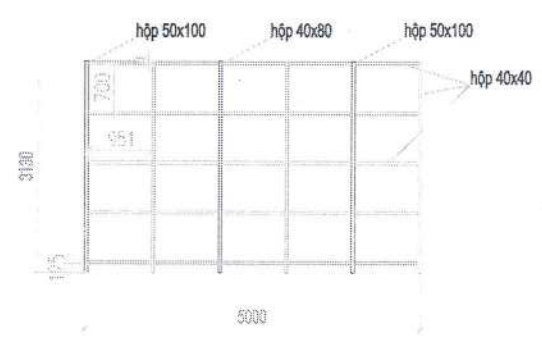
# BẢN VẼ VÁCH MẶT TRONG BUỒNG THU KHÍ



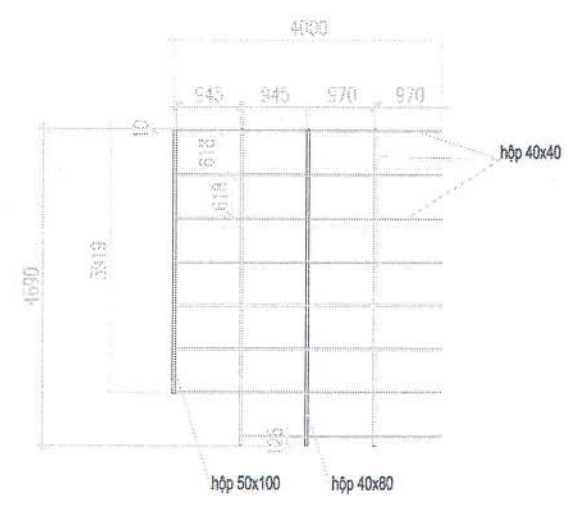
**CÔNG TY TNHH EUC PACK**  
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Lập ngày ..... tháng ..... năm 20.....

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN TỰ TƯ VÀNGIAMSAT	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG	NGƯỜI LẬP
------------------------	------------------------------	--------------------------	-----------

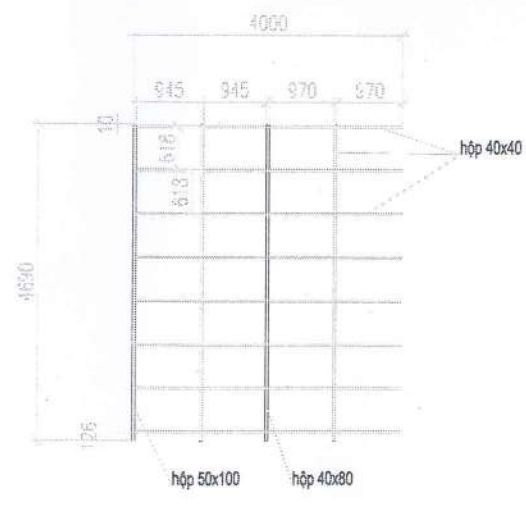
mái số 01 (01)  
SI : 01 tấm



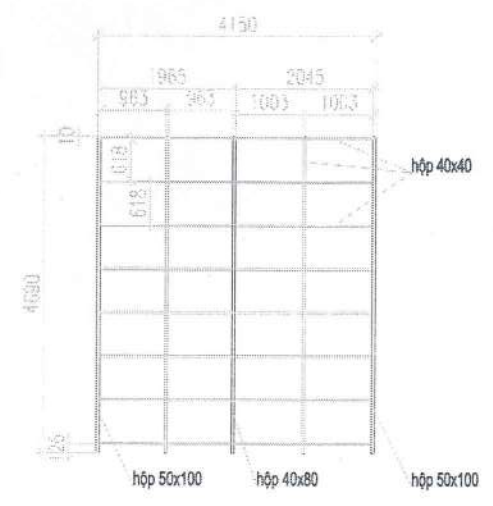
mái số 02  
SI : 01 tấm



mái số 03  
SI : 03 tấm



mái số 4  
SI : 01 tấm



# BẢN VẼ MẶT BẰNG MÁI BUỒNG THU KHÍ

Chủ đầu tư/ Investor:  
**CÔNG TY TNHH CHIEN YOU VN**

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:

Ngày/ Date:	Sửa/ Rev.:	Mô tả/ Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

Chủ ý/ Notes:

Tư vấn thiết kế/ Consultant:  
**CÔNG TY TNHH EUC PACK**  
 Địa chỉ: 85/26 Đường Phú Lợi, P. Phú Lợi, TP.TDM, BD  
 T: (0274) 3 801 404 Hotline: 0978.17.17.61  
 E: eucpack@gmail.com  
 W: www.congtymotruong.com.vn

Giám đốc/ Director: LÊ TRẦN HOÀNG TÀI	
Chủ nhiệm dự án/ Project manager: LÊ TRẦN HOÀNG TÀI	
Chủ trì/ Chief: THẠCH KHÔI TIẾN	
Kiểm tra/ Check by: THẠCH KHÔI TIẾN	
Thiết kế/ Designed by: HUYNH LÊ GIẢNG	
Vẽ/ Drawn by: HUYNH LÊ GIẢNG	

Tên dự án/ Project name:  
**HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI SX**

Hang mục/ Item:  
**HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI MÀ KẼM**

Công suất (m<sup>3</sup>/ngày)/ Capacity ( m<sup>3</sup>/day ):

Tên bản vẽ/ Drawing title:

Tỷ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:
Bản vẽ số/ Drawing no.:	Tổng/ Total:	



## CÔNG TY CP THIẾT BỊ - CÔNG NGHỆ TRIỆU TÍN

34, ĐL Bình Dương, Vĩnh Phú, Huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Tel: (0650) 378 6699

Fax: (0650) 3786 788

E-mail: tranvansu@trieutin.com

Website: www.trieutin.com

*Thiết bị phun cát, phun sơn, hạt thép, bi thép*

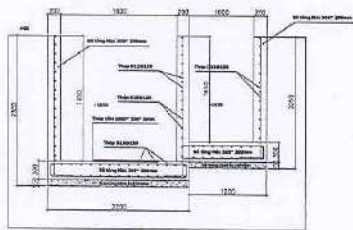


# BẢN VẼ HOÀN CÔNG

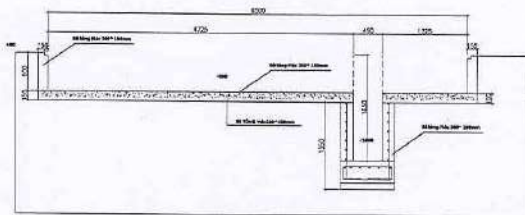
Công trình: **HỆ THỐNG THU HỒI, XỬ LÝ HẠT THÉP VÀ PHUN BI**  
Chủ đầu tư: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHIENYOU VIỆT NAM**  
Địa chỉ: **Số 12, đường 3A, KCN Biên Hòa 2, phường An Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**  
Đơn vị thiết kế: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ TRIỆU TÍN**

## DANH MỤC BẢN VẼ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG THU HỒI XỬ LÝ VÀ PHUN HẠT THÉP

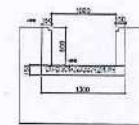
STT	Số hiệu bản vẽ	Nội Dung
1	BV-01	Bản vẽ hồ móng
2	BV-02	Bản vẽ bố trí cửa sổ trợ gió
3	BV-03	Bản vẽ bố trí thiết bị
4	BV-04	Bản vẽ mặt đứng
5	BV-05	Bản vẽ tủ lọc bụi 12 phin
6	BV-06	Bản vẽ phễu thu hồi bi
7	BV-07	Bản vẽ vít tái thu hồi bi
8	BV-08	Bản vẽ cụm tách bi bụi
9	BV-09	Bản vẽ chụp hút bụi
10	BV-10	Bản vẽ co 90°
11	BV-11	Bản vẽ gầu tái



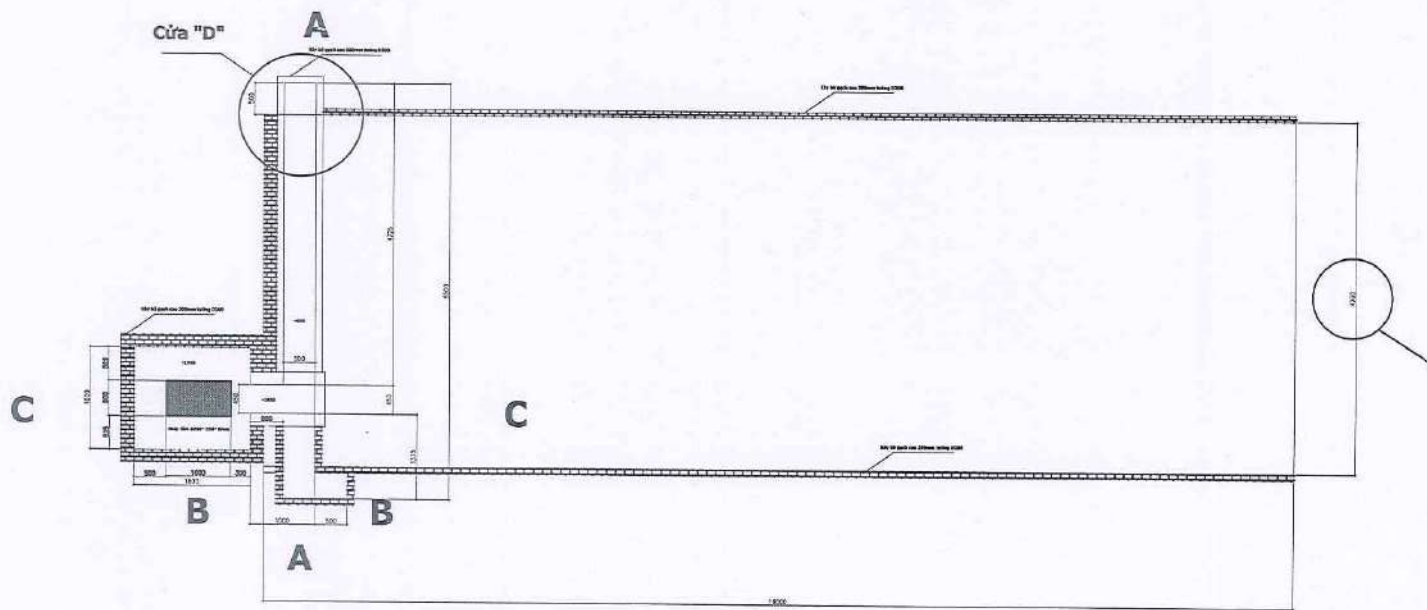
MẶT CẮT CC



MẶT CẮT AA



MẶT CẮT BB



CHỦ ĐẦU TƯ  
CÔNG TY CP  
CHIEN YOU VN

SỐ 12 ĐƯỜNG 3A, KCN BIÊN HÒA 2  
AN BÌNH, TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

CÔNG TY  
CP-TB-CN TRIỆU TÍN



Địa chỉ: 164A-166 Đường Nguyễn Giu Trí, P.25,  
Bình Thạnh TP HCM

GIÁM ĐỐC:	NGUYỄN THỊ BÍCH DUNG
CHỦ TRÌ:	TRẦN VĂN SỰ
THIẾT KẾ:	NGUYỄN THẾ DUY
VẼ:	NGUYỄN THẾ DUY
KIỂM TRA:	TRẦN VĂN SỰ

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THU HỒI &  
PHỤ HẠT THÉP

TÊN BẢN VẼ:

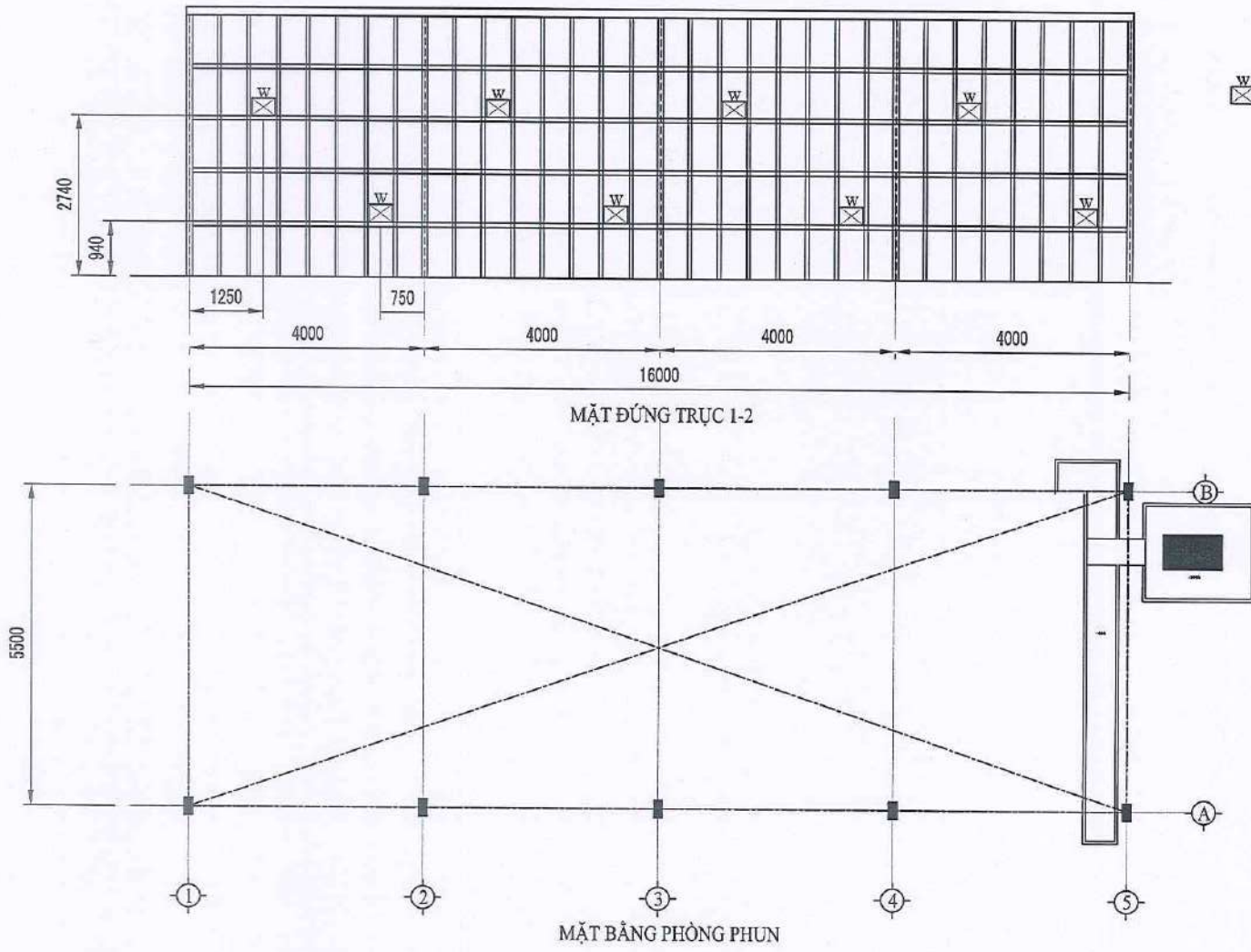
BẢN VẼ THI CÔNG  
HỐ MÔNG

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN

HSTK-PP14TC SH: BV-01

THÁNG: .../.../... TL: 1/50



**GHI CHÚ**  
 ☒ lỗ lắp cửa sổ trợ gió  
 400\*300

CHỦ ĐẦU TƯ  
 CÔNG TY CP  
 CHIEN YOU VN

SỐ 12 ĐƯỜNG 3A, KCN BIÊN HÒA 2  
 AN BÌNH, TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

CÔNG TY  
 CP-TB-CN TRIỆU TÍN

Địa chỉ: 164A-166 Đường Nguyễn Gia Trí, P.25,  
 Bình Thạnh TPHCM

GIÁM ĐỐC:	NGUYỄN THỊ BÍCH DUNG
CHỦ TRÌ:	TRẦN VĂN SỰ
THIẾT KẾ:	NGUYỄN THẾ DUY
VẼ:	NGUYỄN THẾ DUY
KIỂM TRA:	TRẦN VĂN SỰ

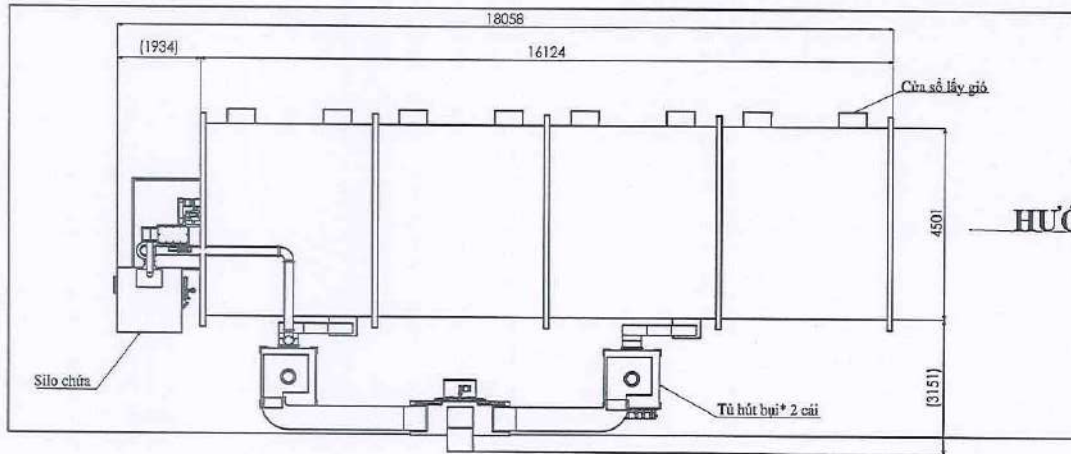
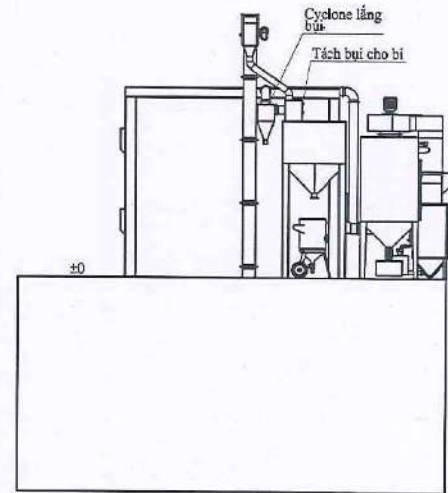
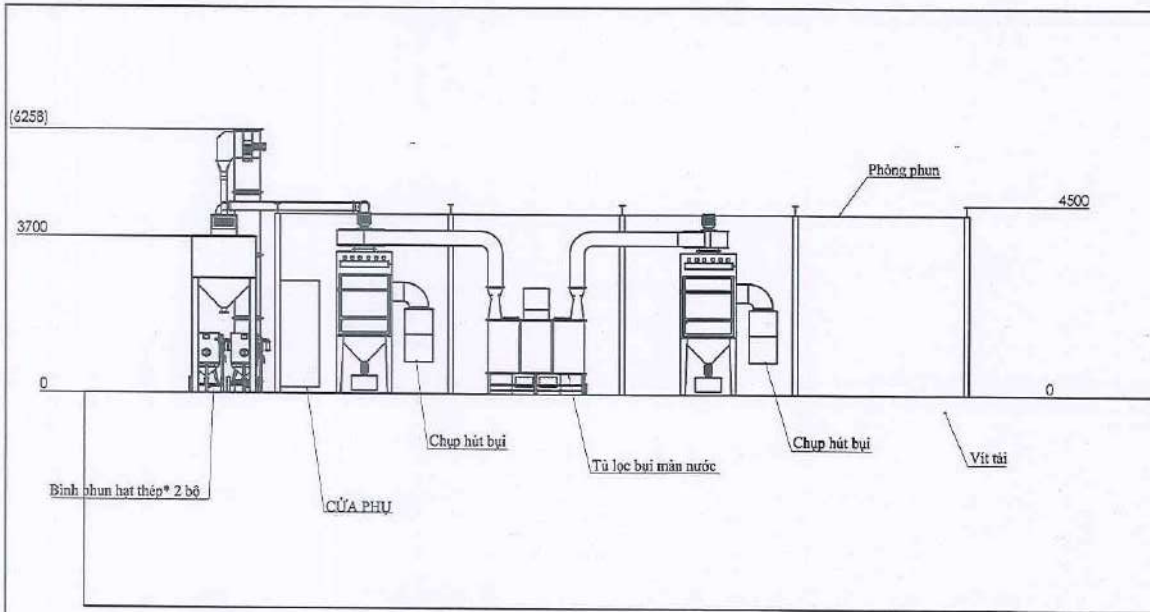
HẠNG MỤC:  
**HỆ THỐNG THU HỒI &  
 PHUN HẠT THÉP**

TÊN BẢN VẼ:  
**BẢN VẼ BỐ TRÍ CỦA SỔ  
 TRỢ GIÓ**

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN

HSTK-PP14TC SH: BV-02  
 THÁNG: .../.../... TL: 1/50



HƯỚNG SẢN PHẨM VÀO

CHỦ ĐẦU TƯ  
CÔNG TY CP  
CHIEN YOU VN

SỐ 12 ĐƯỜNG 3A, KCN BIÊN HÒA 2  
AN BÌNH, TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

CÔNG TY  
CP-TB-CN TRIỆU TÍN



Địa chỉ: 184A-188 Đường Nguyễn Gia Trí, P.25,  
Bình Thạnh TP HCM

GIÁM ĐỐC:	NGUYỄN THỊ BÍCH DUNG
CHỦ TRÌ:	TRẦN VĂN SỰ
THIẾT KẾ:	NGUYỄN THẾ DUY
VẼ:	NGUYỄN THẾ DUY
Kiểm tra:	TRẦN VĂN SỰ

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THU HỒI VÀ  
PHUN HẠT THÉP

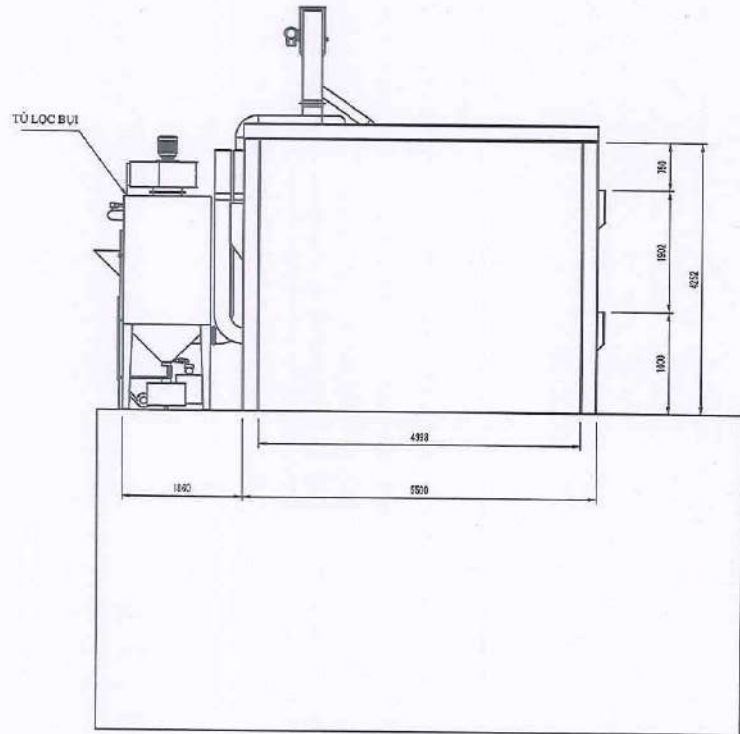
TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ BỐ TRÍ  
THIẾT BỊ

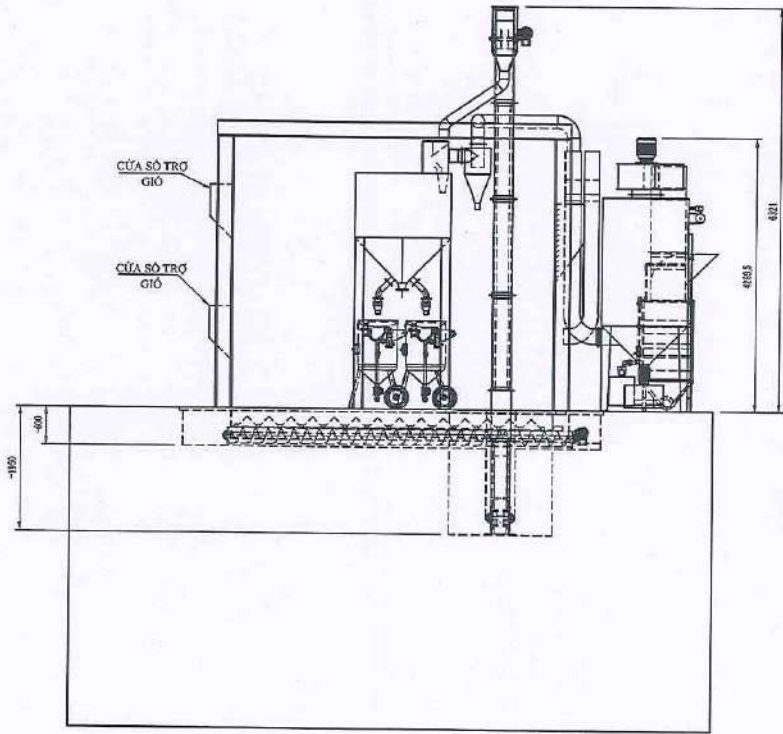
SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN

HSTK-PP14TC SH: BV-03  
THÁNG: .../.../... TL: 1/75



**MẶT ĐỨNG ĐẦU**  
**B-A**



**MẶT ĐỨNG ĐẦU**  
**A-B**

CHỦ ĐẦU TƯ  
CÔNG TY CP  
CHIEN YOU VN

SỐ 12 ĐƯỜNG 3A, KCN BIÊN HÒA 2  
AN BÌNH, TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

CÔNG TY  
CP-TB-CN TRIỆU TÍN



Địa chỉ: 154A-156 Đường Nguyễn Gia Trí, P.25,  
Bình Thạnh TP HCM

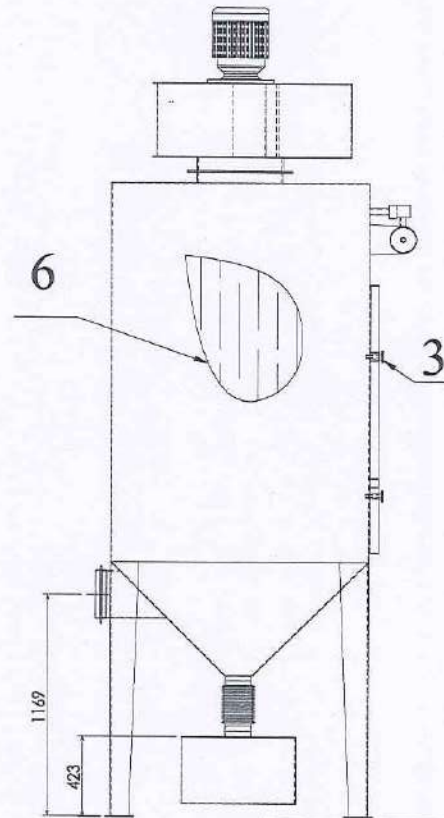
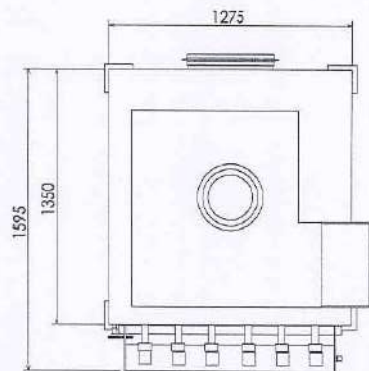
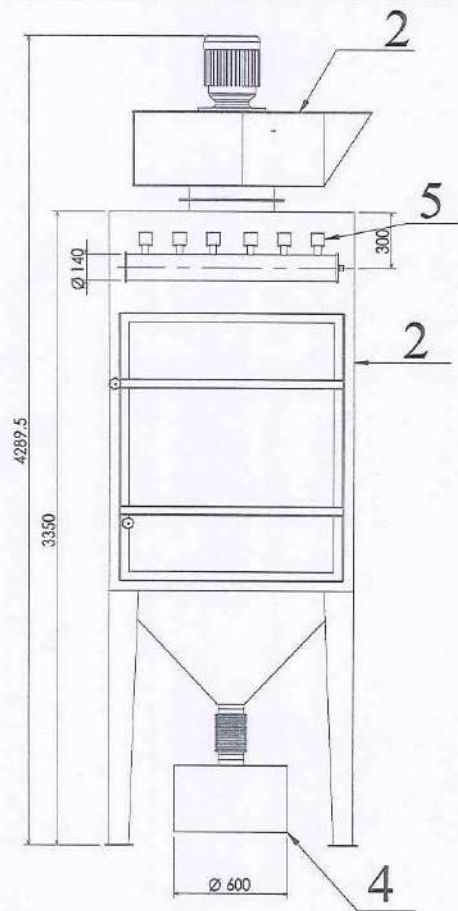
GIÁM ĐỐC:	NGUYỄN THỊ BÍCH DUNG
CHỦ TRƯ:	TRẦN VĂN SỰ
THIẾT KẾ:	NGUYỄN THẾ DUY
VẼ:	NGUYỄN THẾ DUY
KIỂM TRA:	TRẦN VĂN SỰ

HẠNG MỤC:  
**HỆ THỐNG THU HỒI &  
PHUN HẠT THÉP**

TÊN BẢN VẼ:  
**BẢN VẼ BỐ MẶT ĐỨNG  
ĐẦU A-B, B-A**

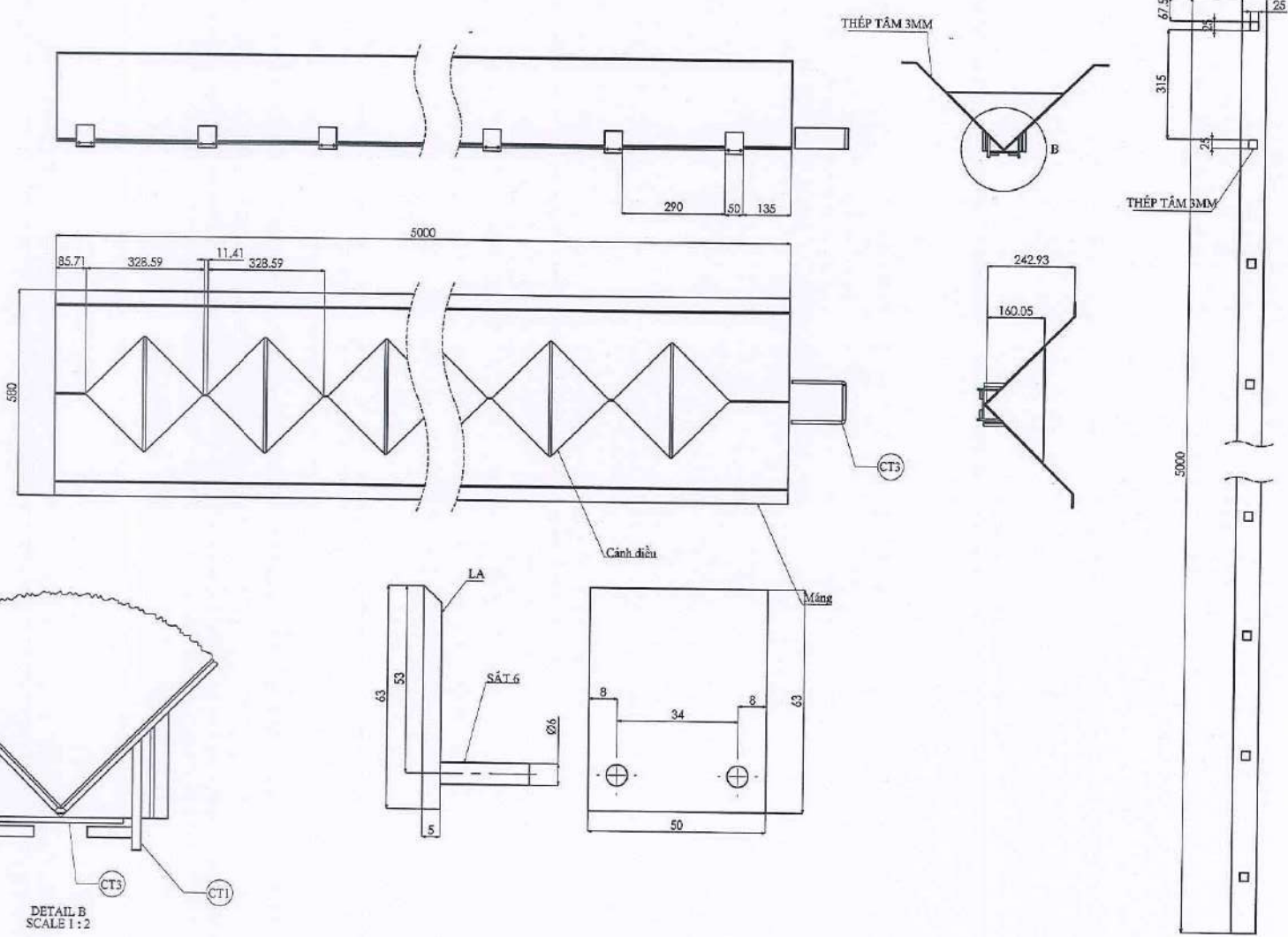
SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN

HSTK-PP14TC SH: BV-04  
THÁNG: .../.../... TL: 1/50



ITEM NO.	PART NUMBER	DESCRIPTION	QTY.
1	TB12F	Tủ Hút bụi 12 phin	1
2	Fan	Quạt hút bụi 15 Hp	1
3	knob-1	Tay khóa cửa	2
4	TB600	Thùng chứa Bụi	1
5	DRV 1"	Van giữ bụi 1'	6
6	FT 660x 330 ( O/O)	Phin lọc bụi	6
6	FT 660x 330 ( O/C)	Phin lọc bụi	6

<b>CÔNG TY CP-TB- CÔNG NGHỆ TRIỆU TÍN</b> 164A-166, Đường D2, P.25, Q. Bình Thạnh TPHCM www.TRIEUTIN.COM MP: 0913907967	Name	Signature	Date	Title:			
	DRAWN	NGUYỄN THẾ DUY			TỦ LỌC BỤI 12 PHIN		
	CHKD	TRẦN VĂN SỰ			DWG No:	BV-05	Meta: A3
					Weight:	Scale: 1/25	



CHỦ ĐẦU TƯ  
**CÔNG TY CP  
 CHIEN YOU VN**

SỐ 12 ĐƯỜNG 3A, KCN BẾN HÒA 2  
 AN BÌNH, TP BẾN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

**CÔNG TY  
 CP-TB-CN TRIỆU TÍN**

Địa chỉ: 154A-155 Đường Nguyễn Gia Thi, P.25, Bình Thạnh TP HCM

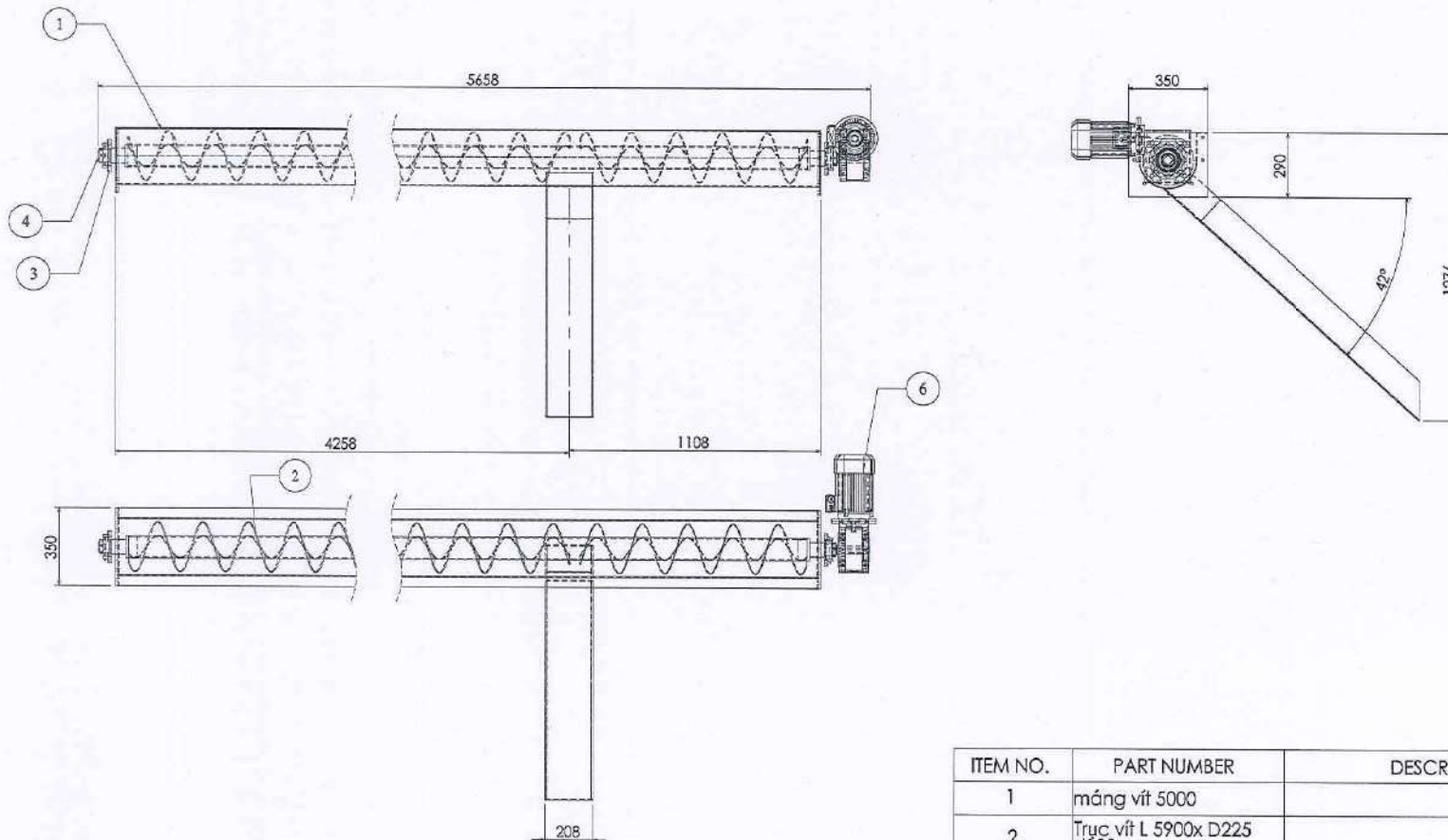
GIÁM ĐỐC:	NGUYỄN THỊ BÍCH DUNG
CHỦ TRÌ:	TRẦN VĂN SỰ
THIẾT KẾ:	NGUYỄN THẾ DUY
VẼ:	NGUYỄN THẾ DUY
Kiểm tra:	TRẦN VĂN SỰ

HẠNG MỤC:  
**HỆ THỐNG THU HỒI &  
 PHUN HẠT THÉP**

TÊN BẢN VẼ:  
**BẢN VẼ CHI TIẾT  
 PHỄU THU HỒI BỊ**

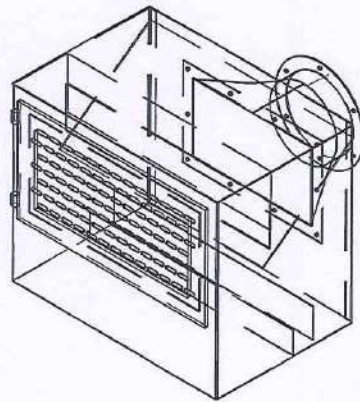
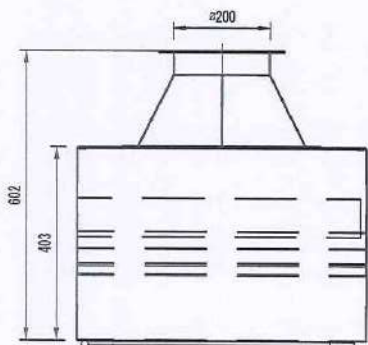
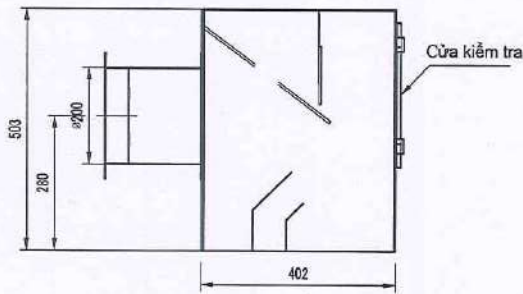
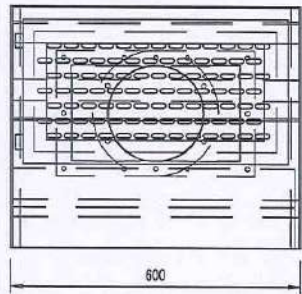
SỬA ĐỔI		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN

HSTK-PP14TC      BY-06  
 THÁNG: 05/2019      TL: 1/10



ITEM NO.	PART NUMBER	DESCRIPTION	QTY.
1	máng vít 5000		1
2	Trục vít L 5900x D225 d102		1
3	24210-50210		2
4	Trục bị động UCF 210		1
5	Trục Chủ động 210		1
6	NMR90V-2.2Kw		1

<b>CÔNG TY CP- TB- CÔNG NGHỆ TRIỆU TIN</b> 164A-166, Đường D2, P.25, Q. Bình Thạnh TP.HCM www.TRIEUTIN.COM MP: 0913907967	Name		Signature	Date	Title:	
	DRAWN	NGUYỄN THẾ DUY			<b>VÍT TẢI THU HỒI BI</b> DWG No: BV-07	
	CHK'D	TRẦN VĂN SỰ				
						Weight:



CHỦ ĐẦU TƯ  
CÔNG TY CP  
CHIEN YOU VN

SỐ 12 ĐƯỜNG 3A, KCN BIÊN HÒA 2  
AN BÌNH, TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

CÔNG TY  
CP-TB-CN TRIỆU TÍN



Địa chỉ: 164A-166 Đường Nguyễn Gia Trí,  
P.25, Bình Thạnh TPHCM

GIÁM ĐỐC:	NGUYỄN THỊ BÍCH DUNG
CHỦ TRÌ:	TRẦN VĂN SỰ
THIẾT KẾ:	NGUYỄN THẾ DUY
VẼ:	NGUYỄN THẾ DUY
KIỂM TRA:	TRẦN VĂN SỰ

HẠNG MỤC:  
HỆ THỐNG THU HỒI VÀ  
PHUN HẠT THÉP

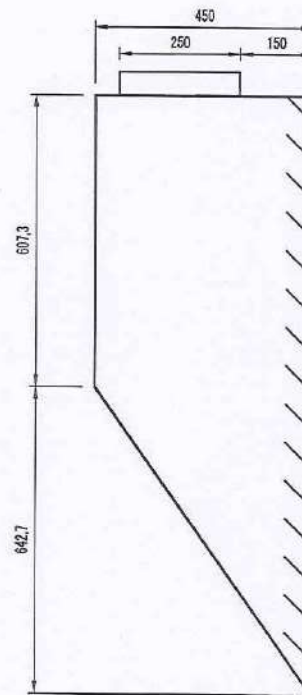
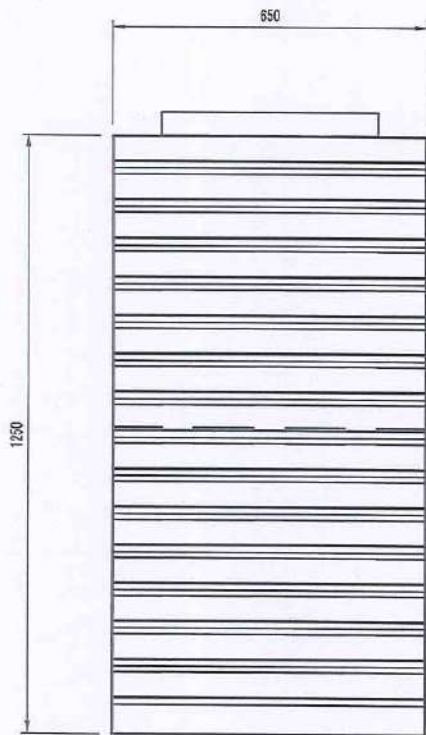
TÊN BẢN VẼ:  
BẢN VẼ CHI TIẾT  
CỤM TÁCH BỤY BỤI

SỬA ĐỔI

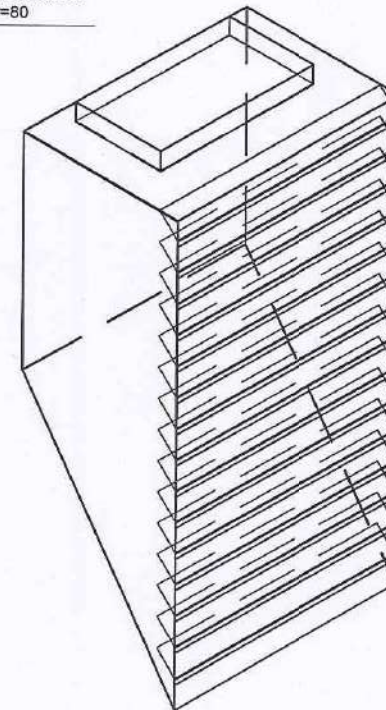
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN

HSTK-PP14TC      BV- 08  
THÁNG: .../.../...      TL: 1/10

11/01/2024 14:45/5/11



Lam chắn bụi  
P=80



CHỦ ĐẦU TƯ  
CÔNG TY CP  
CHIEN YOU VN

SỐ 12 ĐƯỜNG 3A, KCN BIÊN HÒA 2  
AN BÌNH, TP BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

CÔNG TY  
CP-TB-CN TRIỆU TÍN



Địa chỉ: 194A-166 Đường Nguyễn Gia Trí,  
P.25, Bình Thạnh TPHCM

GIÁM ĐỐC:	NGUYỄN THỊ BÍCH DUNG
CHỦ TRÌ:	TRẦN VĂN SỰ
THIẾT KẾ:	NGUYỄN THẾ DUY
VẼ:	NGUYỄN THẾ DUY
Kiểm tra:	TRẦN VĂN SỰ

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG THU HỒI VÀ  
PHUN HẠT THÉP

TÊN BẢN VẼ:

BẢN VẼ CHI TIẾT  
CHỤP HÚT BỤI

SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN

HSTK-PP14TC	BV- 09
THÁNG: .../.../...	TỜ: 1/10

CHỦ ĐẦU TƯ  
CÔNG TY CP  
CHIEN YOU VN

SỐ 12 ĐƯỜNG 3A, KCN BIÊN HÒA 2  
AN BÌNH, TP BÌNH HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

CÔNG TY  
CP-TB-CN TRIỆU TÍN



Địa chỉ: 164A-166 Đường Nguyễn Gia Trí,  
P.25, Bình Thạnh TP HCM

GIÁM ĐỐC:	NGUYỄN THỊ BÍCH DUNG
CHỦ TRÌ:	TRẦN VĂN SỰ
THIẾT KẾ:	NGUYỄN THẾ DUY
VẼ:	NGUYỄN THẾ DUY
KIỂM TRA:	TRẦN VĂN SỰ

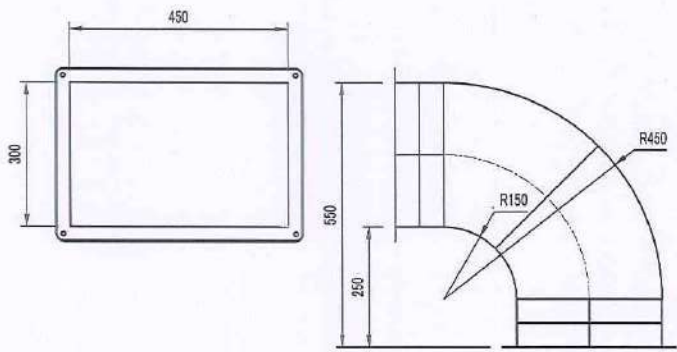
HẠNG MỤC:  
HỆ THỐNG THU HỒI VÀ  
PHUN HẠT THÉP

TÊN BẢN VẼ:  
BẢN VẼ CHI TIẾT CO 90

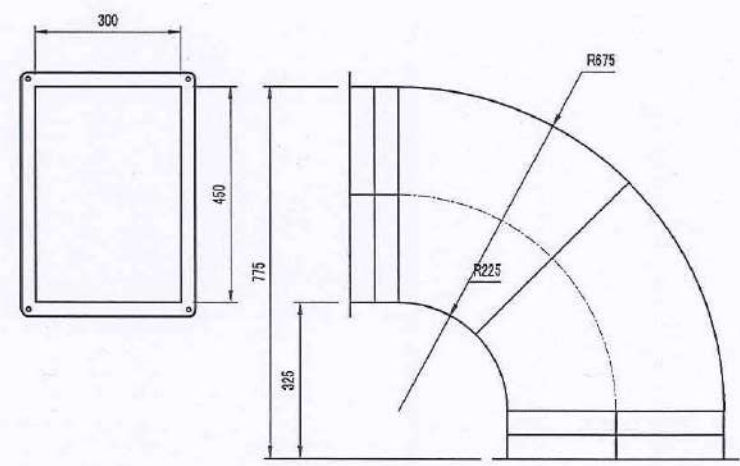
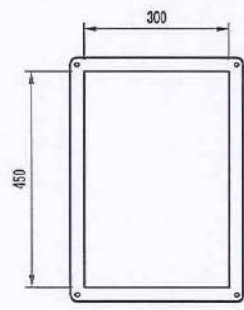
SỬA ĐỔI

LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN

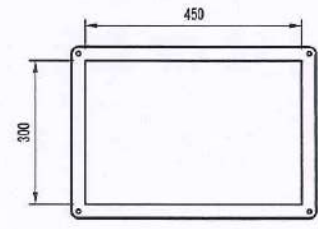
HSTK-PP14TC	BV-10
THÁNG: .../.../...	TL: 1/10

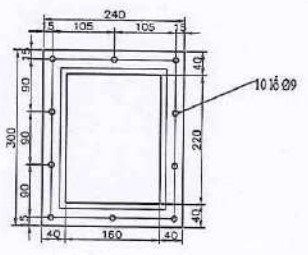
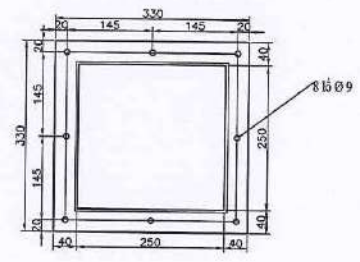
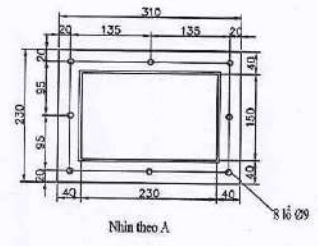
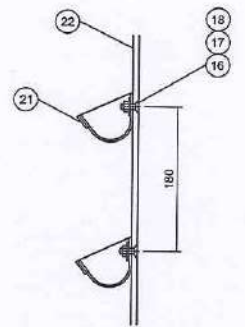
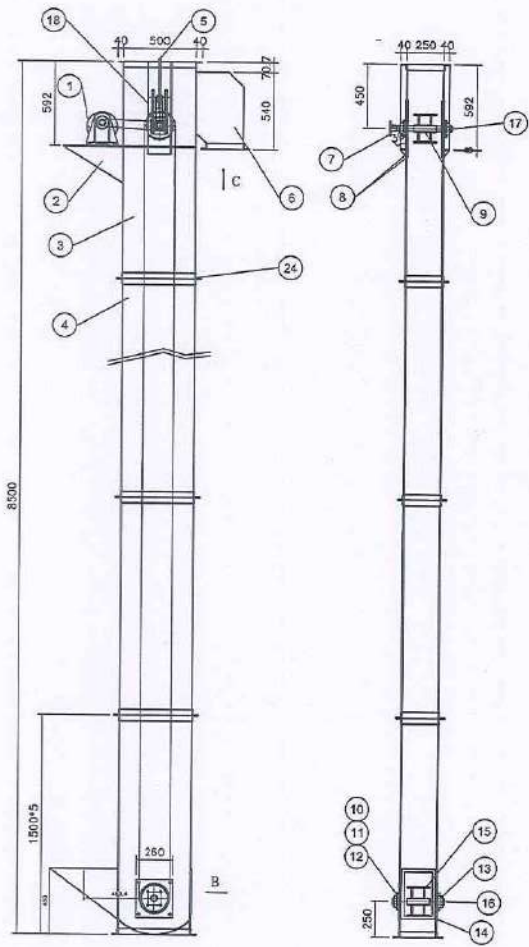


Co 90° 300\* 450  
tole kẽm 0.75  
Số lượng: 2 cái




Co 90° 450\* 300  
tole kẽm 0.75  
Số lượng 4 cái





25	Bulong	M8* 20	bộ	60	lắp gầu
24	Bit	G12-24	cái	8	Bit nối thân gầu
23	Xích	Xích con lăn 80	hộp	1	3m lắp
22	Dây truyền	125* 8	mét	15	dây đai gầu
21	Ghép	G12-21	cái	45	ghép trục
20	Đai ốc	M8	con	100	
19	Long dẫn bắt gầu		con	100	
18	Bulong bắt gầu	M8* 20	con	160	
17	Trục bị động	GR12-17	cái	1	
16	Trục bị động	GR12-16	cái	1	
15	Ru lô bị động	G12-15	cái	1	
14	Tấm ép trục bị động	G12-14	tấm	2	
13	Ổ đỡ	UCP207	cái	4	
12	Bulong	M14* 40	con	16	Lắp ổ đỡ
11	Long ổ đỡ Ø14		cái	16	Lắp ổ đỡ
10	Đai ốc	M14	con	16	Lắp ổ đỡ
9	Ru lô chủ động	G12-09	Cái	1	
8	Tấm ép trục chủ động	G12-08	tấm	4	
7	Dĩa xích	P60*16	cái	2	Chiu động và bị động
6	Chìa xả liệu	G12-06	cái	1	
5	Trục ren	Rv 18* 300	cây	2	
4	Thân gầu chủ động	G12-04	cái	1	
3	Thân gầu	G12-03	cái	1	
2	Bên đỡ motor	G12-02	cái	1	
1	Motor	2.2kw 1-20	cái	1	
STT	Diễn giải	Qui cách	ĐVT	SL	Chi Chú



CÔNG TY CP TB CÔNG NGHỆ TRIỆU TÍN

PROJECT NAME:		Tên bản vẽ	
<b>TRIỆU TÍN</b>		<b>BẢN VẼ LẬP</b>	
DESIGN:	DATE:	FINISH:	
NGUYỄN THẾ DUY	.../.../...	GẦU TẢI 12T	
CHECKED BY:	DATE:	STANDARD DWG No.:	PAGE: 1
NGUYỄN T BÍCH DUNG	.../.../...		

100

100

100

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐÔ



Số 81/11A, Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, TP Thủ Đức, TP. HCM

Tel: (84-28) 3724 5239

[www.vietdojsc.com](http://www.vietdojsc.com)

## BẢN VẼ HOÀN CÔNG

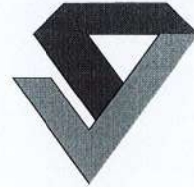
Chủ đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN CHENYOU VIỆT NAM

Công trình: HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI SƠN

Địa chỉ: Số 12, Đường số 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

*Đồng Nai, Tháng 06 năm 2022*

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐÔ



Số 81/11A, Quốc lộ 1K, Phường Linh Xuân, TP Thủ Đức, TP. HCM

Tel: (84-28) 3724 5239

www.vietdojsc.com

## BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Chủ đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN CHENYOU VIỆT NAM

Công trình: HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI SƠN

Địa chỉ: Số 12, Đường số 3A, KCN Biên Hòa 2, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Chủ đầu tư dự án  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHENYOU VIỆT NAM  
Giám đốc

Nhà thầu thi công  
CTCP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐÔ  
Giám đốc



Đồng nai, Tháng 06 năm 2022

# 1. DANH MỤC BẢN VẼ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG HÚT BỤI SƠN CÔNG TY TNHH CHENYOU VIỆT NAM

STT	KÝ HIỆU	NỘI DUNG
1	BVHC-01	SƠ ĐỒ MẶT CẮT CÔNG NGHỆ
2	BVHC-02	MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ
3	BVHC-03	BẢN VẼ MẶT ĐỨNG HỆ THỐNG
4	BVHC-04	BẢN VẼ MẶT BÊN HỆ THỐNG
5	BVHC-05	BẢN VẼ MẶT ĐỨNG ĐƯỜNG NƯỚC CẤP VÀO HỆ THỐNG
6	BVHC-06	BẢN VẼ MẶT ĐỨNG ĐƯỜNG NƯỚC HỒI LƯU
7	BVHC-07	BẢN VẼ MẶT BÊN ĐƯỜNG NƯỚC CẤP VÀO HỆ THỐNG VÀ HỒI LƯU
8	BVHC-08	BẢN VẼ CHI TIẾT SỐ 13, 14, 15
9	BVHC-09	BẢN VẼ CHI TIẾT SỐ 4, 6, 12
10	BVHC-10	BẢN VẼ CHI TIẾT SỐ 1, 11

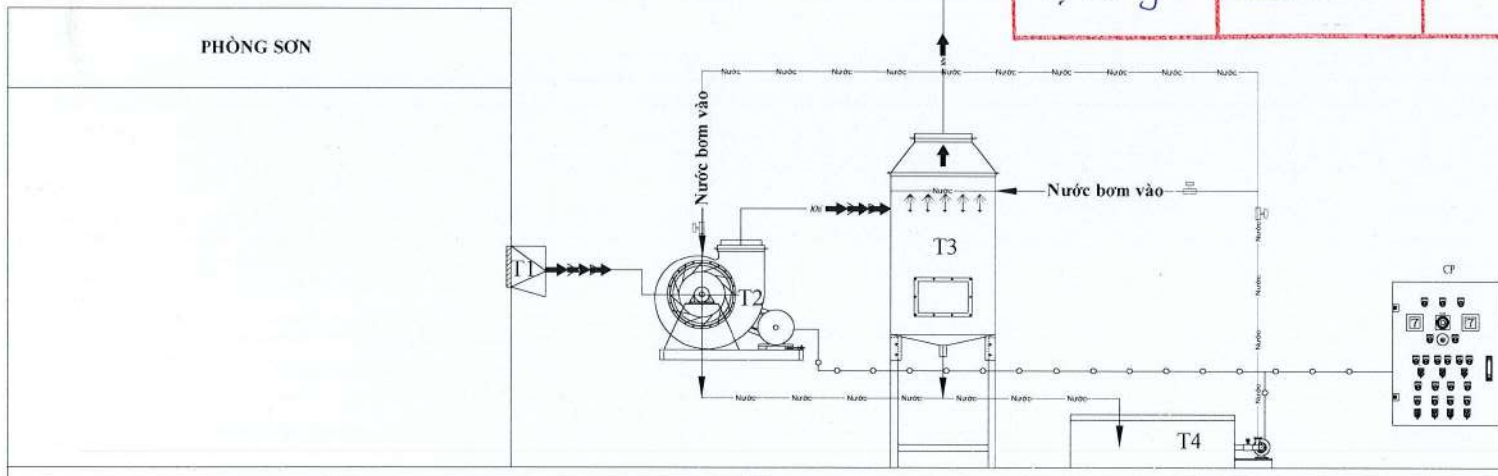
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỒ</b> <b>BẢN VẼ HOÀN CÔNG</b> Ngày ..... tháng ..... năm 20.....		
NGƯỜI LẬP  Phạm Hoàng Đế	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH  Trần Văn Cư	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG

THỐNG KÊ BẢN VẼ

SỐ BẢN VẼ : 10

# HỆ THỐNG HÚT BỤI SƠN CTY CHENYOU SƠ ĐỒ MẶT CẮT CÔNG NGHỆ

CHÚ THÍCH		
STT	Ký hiệu	Tên thiết bị
1	T1	Chụp hút + lam gió
2	T2	Quạt hút
3	T3	Tháp dập nước
4	T4	Thùng chứa nước
5	T5	Ống thoát
6	←	Bụi sơn
7	←	Dung môi hữu cơ
8	←	Khí sạch
9	☒	Van nước



Nguồn tiếp nhận  
QCVN 19, Cột B

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỘ**

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>Phạm Hoàng Đế</i>	<i>Trần Văn Cử</i>	



NGUYỄN KIM HUE

CHỦ TRÌ: *WMS*  
VÔ MINH SANG  
VẼ: *H*  
PHẠM HOÀNG ĐẾ  
KIỂM TRA: *Acuul*  
TRẦN VĂN CỬ

TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

TÝ LE: 1/1A NGAY HOÀN THÀNH 20/06/2022

HẠNH VỆ SƠ: BACHUO THUY DUC

CHỦ CHỮ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CP  
CHENYOU (VIỆT NAM)

Số 12, Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, P. An Bình,  
TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI  
CÔNG SUẤT 1000M<sup>3</sup>/Giờ

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỘ



Số 81/11A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân,  
Tp. Thủ Đức, TP. HCM  
Tel: (84-28) 5724 5239 Website: www.vietdojcc.com

GIÁM ĐỐC:

CHỦ TRÌ:

VÔ MINH SANG

VẼ:

KIỂM TRA:

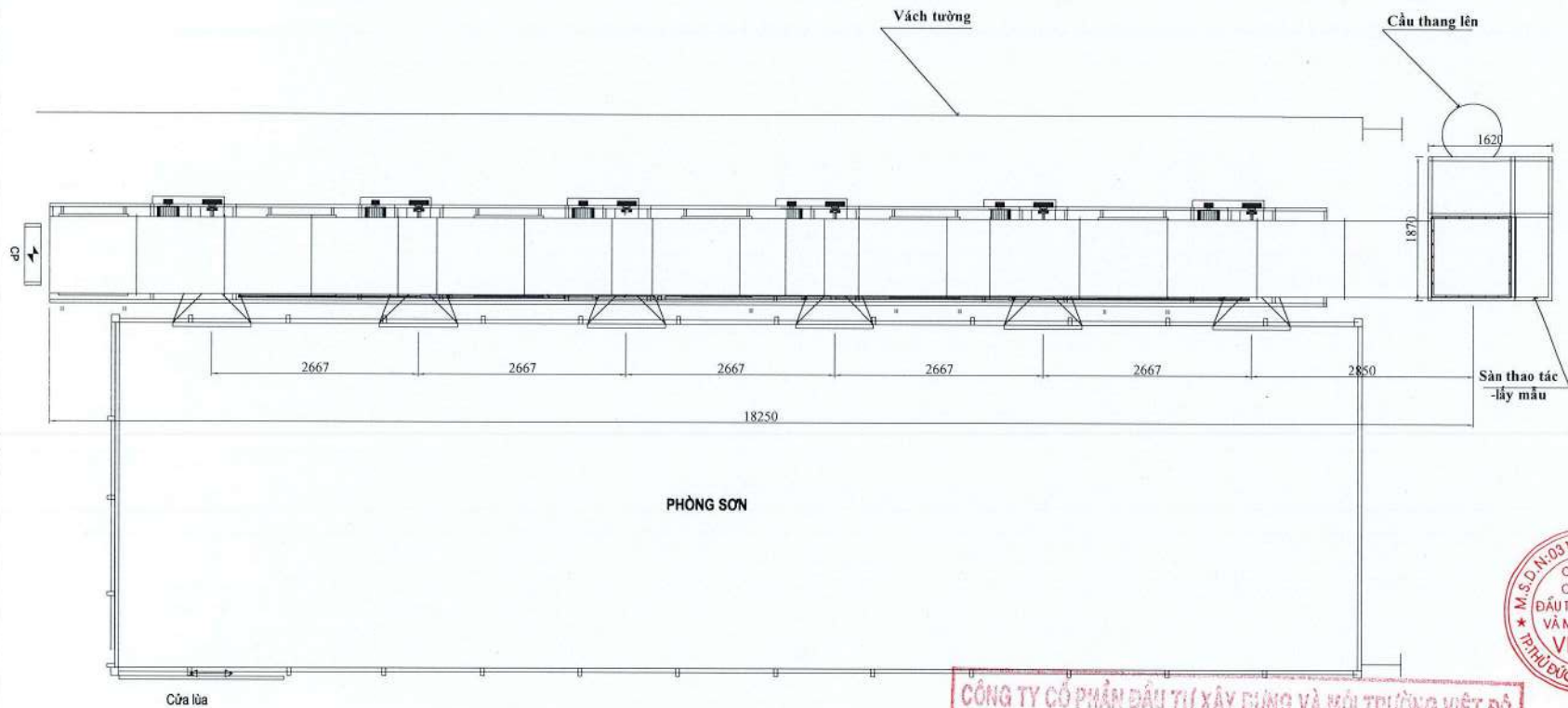
TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

TÝ LE: 1/1A NGAY HOÀN THÀNH 20/06/2022

HẠNH VỆ SƠ: BACHUO THUY DUC

# HỆ THỐNG HÚT BỤI SƠN CTY CHENYOU BẢN VẼ MẶT BẰNG HỆ THỐNG



**GHI CHÚ:**

CHỦ ĐẦU TƯ:  
CÔNG TY CP  
**CHENYOU (VIỆT NAM)**

Số 12, Đường 3A, KCN Bình Hòa 2, P. An Bình,  
TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

CÔNG TRÌNH:  
**HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
CÔNG SUẤT 1300M<sup>3</sup>/GIỜ

TƯ VẤN THIẾT KẾ:  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ

Số 81/11A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân,  
Tp. Thủ Đức, TP. HCM  
Tel: (84-28) 3724 5239 Website: www.vietdojz.com

GIÁM ĐỐC:



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ**

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>Phạm Hoàng Đế</i>	<i>Trần Văn Cư</i>	

NGUYỄN KIM HUỆ

CHỦ TRƯ: *Võ Minh Sang*

VỀ: *Phạm Hoàng Đế*

KIỂM TRA: *Trần Văn Cư*

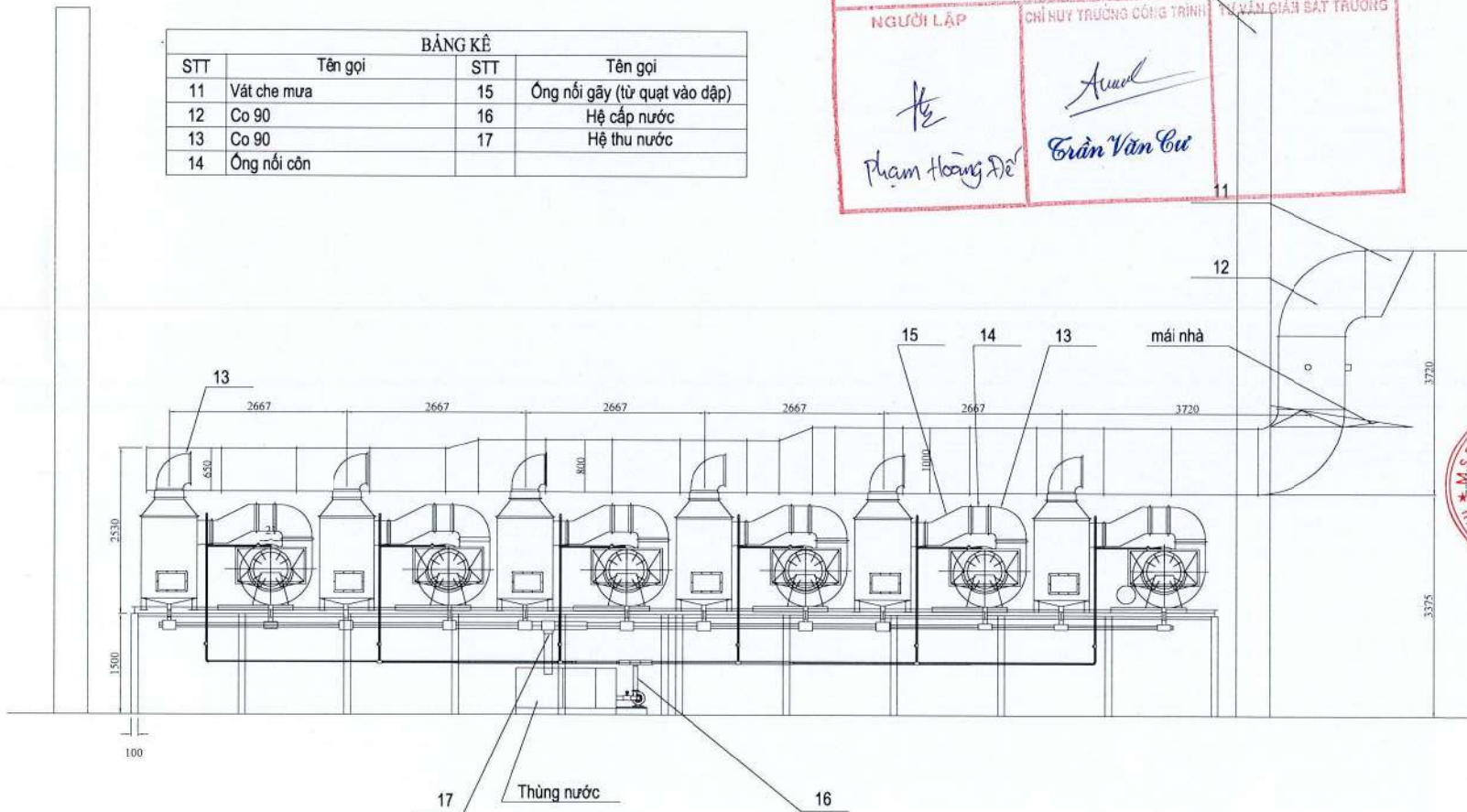
TÊN BẢN VẼ:  
**MẶT BẰNG HỆ THỐNG**

TỶ LỆ: 1:100      NGÀY HOÀN THÀNH: 20/06/2022

BẢN VẼ SỐ:      BÝCH: 02      THAY ĐỔI:

## HỆ THỐNG HÚT BỤI SƠN CTY CHENYOU BẢN VẼ MẶT ĐÚNG HỆ THỐNG

BẢNG KÊ			
STT	Tên gọi	STT	Tên gọi
11	Vát che mưa	15	Ống nối gậy (từ quạt vào đập)
12	Co 90	16	Hệ cấp nước
13	Co 90	17	Hệ thu nước
14	Ống nối côn		



GHÉ CHÚ:

---

CHỦ ĐẦU TƯ:

**CÔNG TY CP  
CHENYOU (VIỆT NAM)**

Số 12, Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, P. An Bình,  
TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

CÔNG TRÌNH:

**HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI  
CÔNG SUẤT 1300M<sup>3</sup>/GIỜ**

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ**

Số 81/11A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân,  
Tp. Thủ Đức, TP. HCM  
Tel: (84-28) 3724 5239 - Website: www.vietdojsc.com

GIÁM ĐỐC:

**NGUYỄN KIM HUỆ**

CHỦ TRÌ: *Võ Minh Sang*

VỀ: *Phạm Hoàng Đế*

KIỂM TRA: *Trần Văn Cử*

TÊN BẢN VẼ:

**MẶT ĐÚNG HỆ THỐNG**

TỶ LỆ: 1:100	NGÀY HOÀN THÀNH: 30/08/2022
BẢN VẼ SỐ	IVHC-03
	THAY ĐỔI

## HỆ THỐNG HÚT BỤI SƠN CTY CHENYOU BẢN VẼ MẶT BÊN HỆ THỐNG

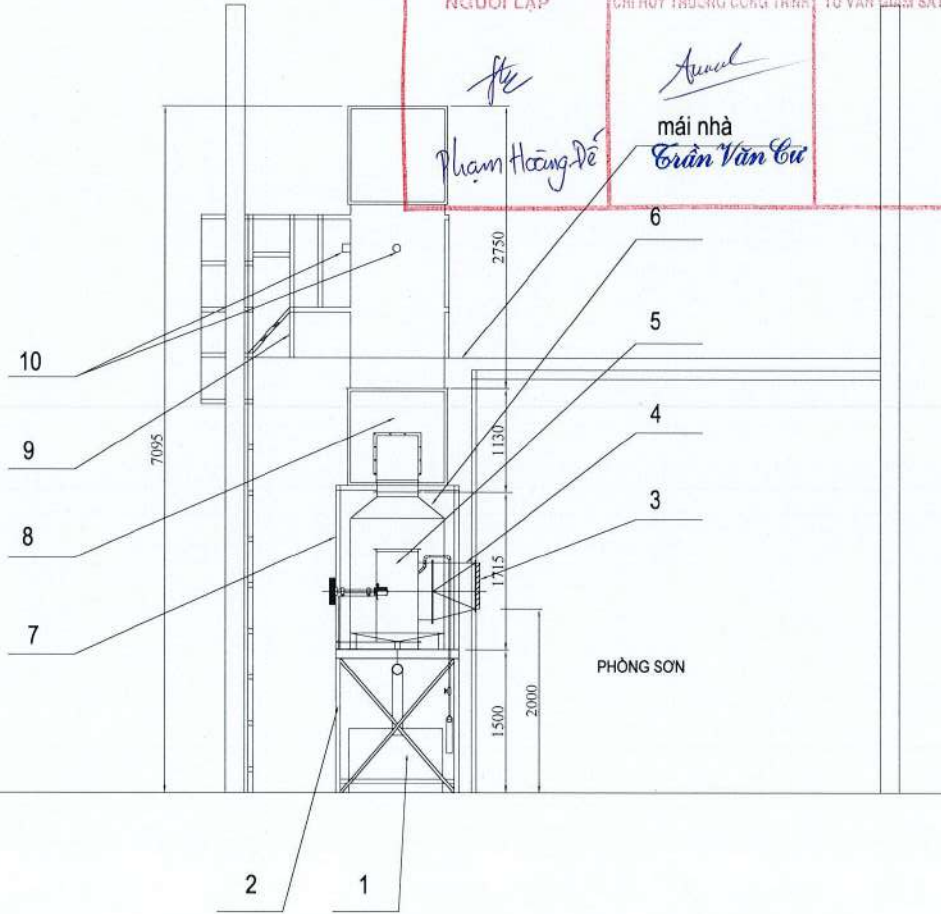
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
 Phạm Hoàng Đế	 mái nhà Trần Văn Cư	

BẢNG KÊ	
STT	Tên gọi
1	Hồ nước
2	Khung đỡ hệ thống quạt, bộ lọc
3	Lam gió
4	Máng gom gió
5	Quạt
6	Thùng lọc
7	Khung đỡ ống thoát khí
8	Ống thoát khí chính
9	Sàn thao tác lấy mẫu
10	Ống lấy mẫu



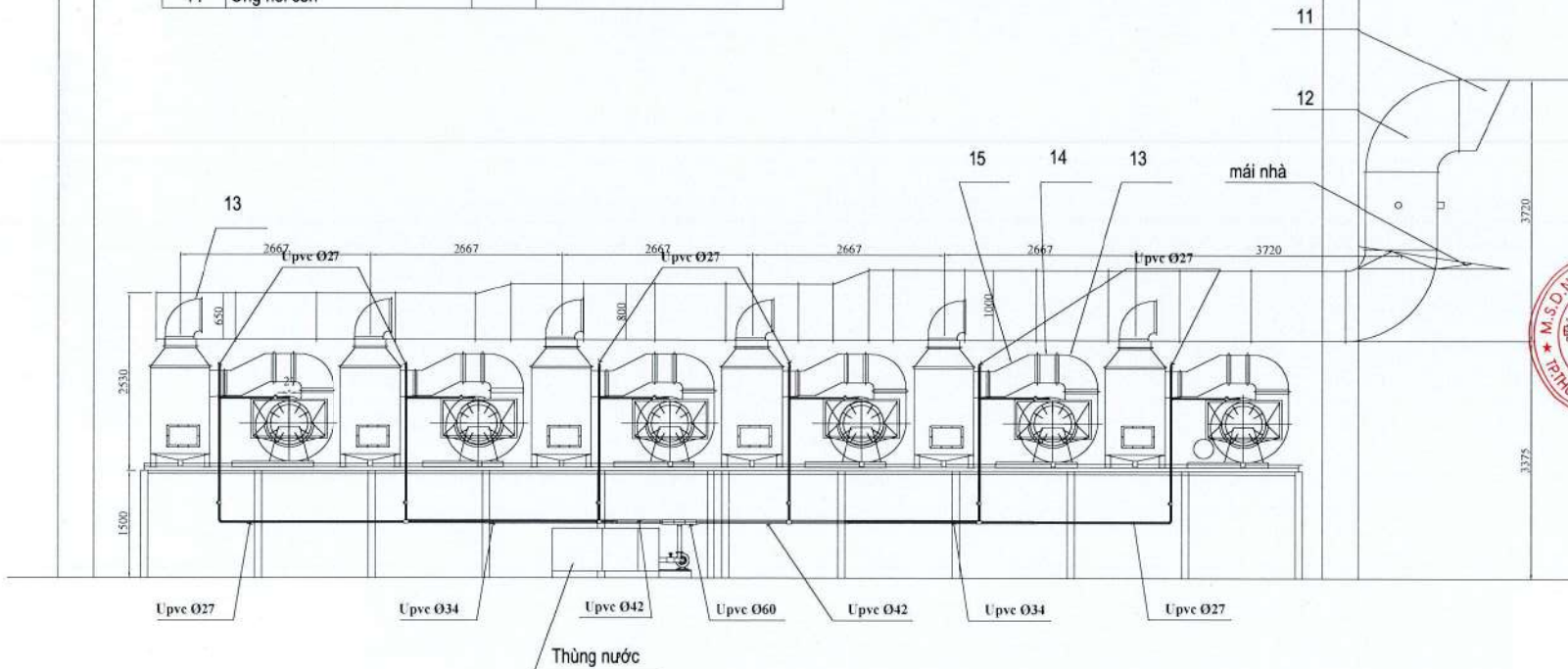
GHI CHÚ:		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY CP CHENYOU (VIỆT NAM)		
Số 12, Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai		
CÔNG TRÌNH:		
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG SUẤT 13000m <sup>3</sup> /Giờ		
TƯ VẤN THIẾT KẾ:		
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ		
		
Số 81/11A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân, Tp. Thủ Đức, TP. HCM Tel: (84-28) 3724 5239 / Website: www.vietdojpc.com		
GIAM ĐỐC:		
		
NGUYỄN KIM HUỆ		
CHỦ TRÌ:		
VŨ MINH SANG 		
VẼ:		
PHẠM HOÀNG ĐẾ 		
KIỂM TRA:		
TRẦN VĂN CƯ 		
TÊN BẢN VẼ:		
MẶT BÊN HỆ THỐNG		
TY LỆ: 1:100		NGÀY HOÀN THÀNH 30/09/2012
BẢN VẼ SỐ	BV/HE/04	THAY ĐỔI

**HỆ THỐNG HÚT BỤI SƠN CTY CHENYOU**  
**BẢN VẼ MẶT ĐỨNG ĐƯỜNG NƯỚC CẤP VÀO HỆ THỐNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ**  
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>Phạm Hoàng Đê</i>	<i>Trần Văn Cư</i>	

BẢNG KÊ			
STT	Tên gọi	STT	Tên gọi
11	Vát che mưa	15	Ống nối gãy (từ quạt vào đập)
12	Co 90	16	Hệ cấp nước
13	Co 90	17	Hệ thu nước
14	Ống nối côn		



GHÉ CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

**CÔNG TY CP CHENYOU (VIỆT NAM)**

Số 12, Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

CÔNG TRÌNH:

**HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
 CÔNG SUẤT 13000M<sup>3</sup>/GIỜ

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ



Số 81/11A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân, Tp. Thủ Đức, TP. HCM  
 Tel:(84-28) 3724 5239/ Website: www.vietdojsc.com

GIAM ĐỐC:

**NGUYỄN KIM HUỆ**

CHỦ TRƯ:

VÔ MINH SANG

VE:

PHẠM HOÀNG ĐÊ

KIỂM TRA:

TRẦN VĂN CƯ

TÊN BẢN VẼ:

**MẶT ĐỨNG ĐƯỜNG NƯỚC CẤP VÀO HỆ THỐNG**

TY LỆ: 1:100

NGÀY HOÀN THÀNH: 30.08.2023

BẢN VẼ SỐ: BVHC-08

THAY ĐÓNG:



## HỆ THỐNG HÚT BỤI SON CTY CHENYOU BẢN VẼ MẶT ĐÚNG ĐƯỜNG NƯỚC HỒI LƯU

BẢNG KÊ			
STT	Tên gọi	STT	Tên gọi
11	Vát che mưa	15	Ống nối gãy (từ quạt vào đập)
12	Co 90	16	Hệ cấp nước
13	Co 90	17	Hệ thu nước
14	Ống nối cấn		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

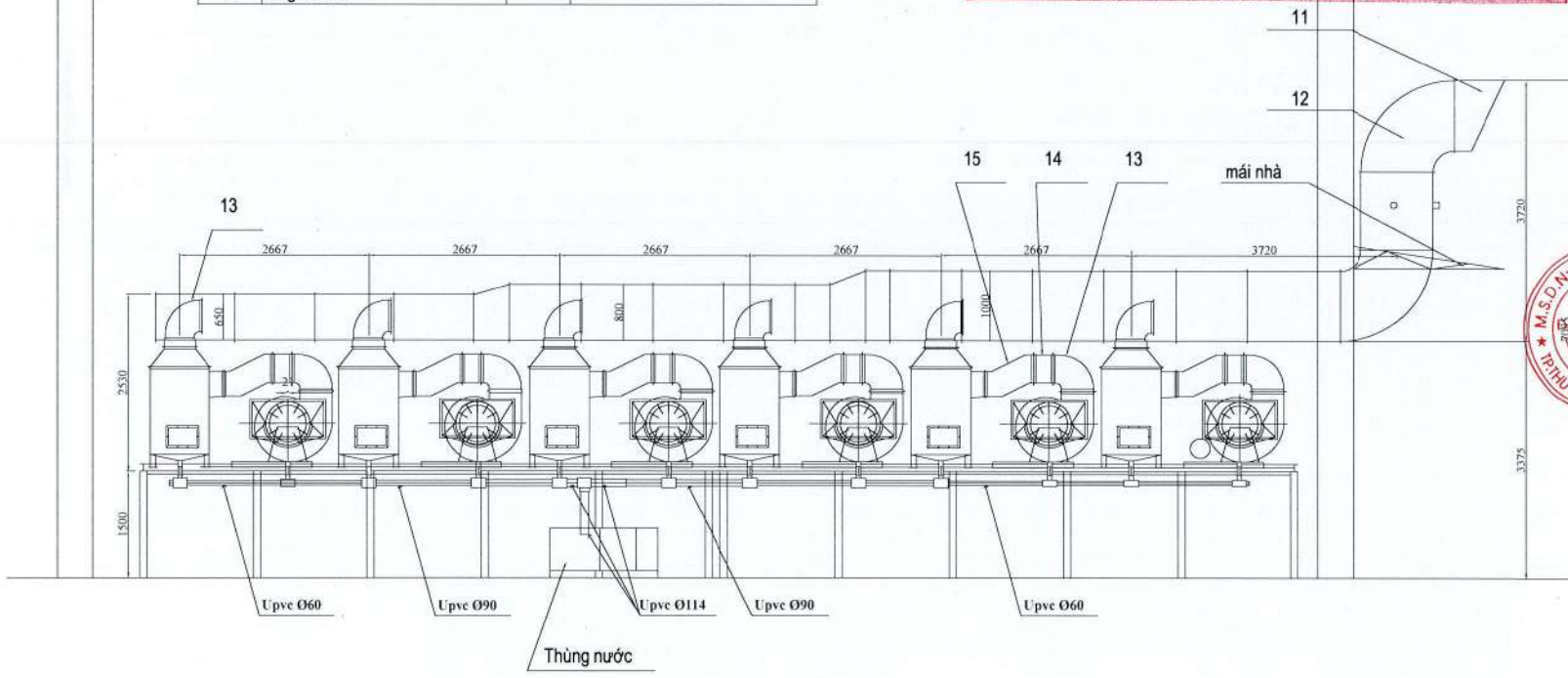
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

NGƯỜI LẬP   Phạm Hoàng Đế	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH   Trần Văn Cử	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG  .....
---	---	-------------------------------------

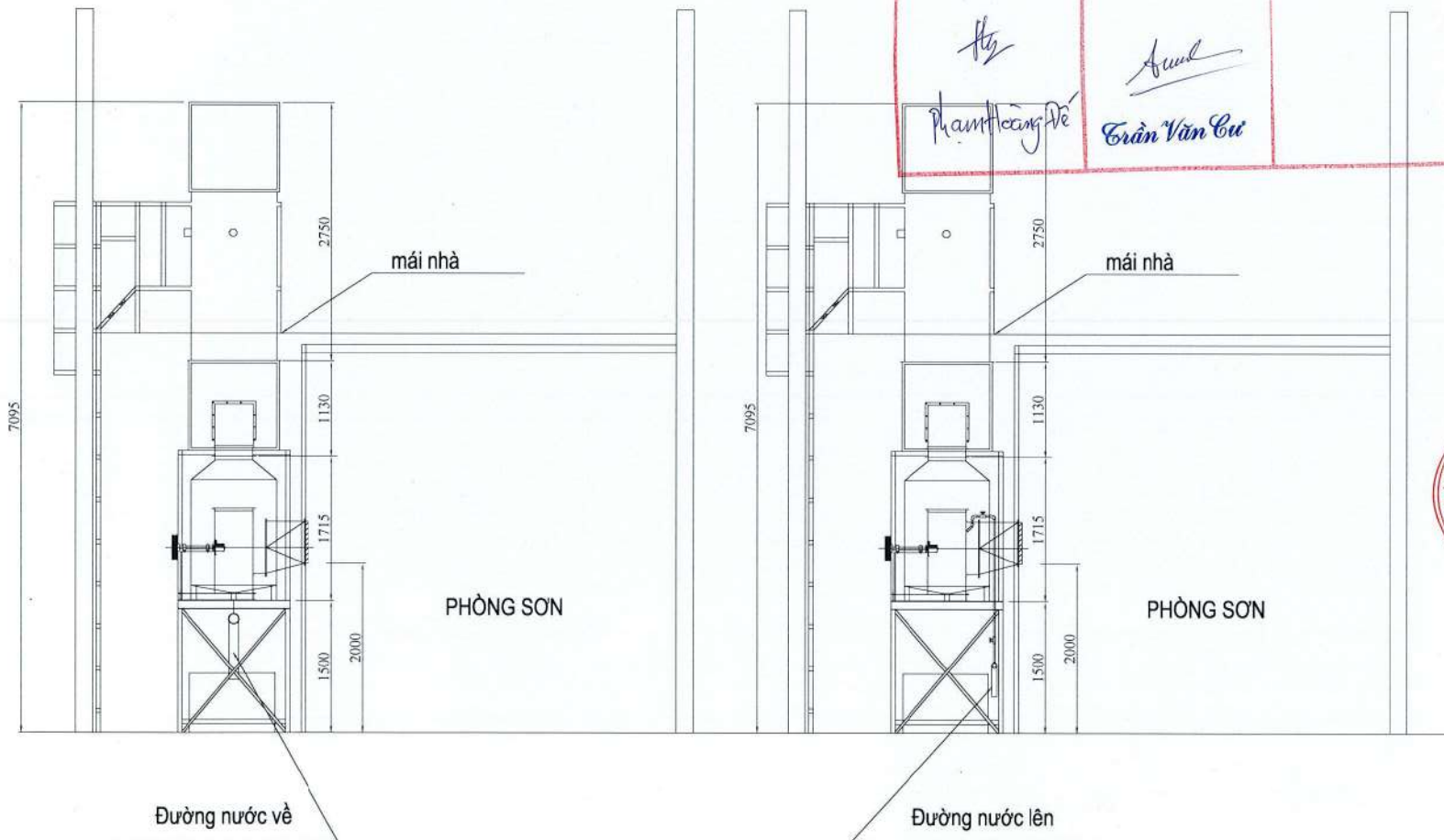
GHI CHÚ:
CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CP <b>CHENYOU (VIỆT NAM)</b>
Số 12, Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
CÔNG TRÌNH:
<b>HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI</b> CÔNG SUẤT 1.9000M <sup>3</sup> /GIỜ
TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ

Số 81/11A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân, Tp. Thủ Đức, TP. HCM Tel: (84-28) 3724 5239 Website: www.vietdojpc.com
GIAM ĐỐC:

NGUYỄN KIM HUỆ
CHỦ TRÌ:
VŨ MINH SANG 
VẼ:
PHẠM HOÀNG ĐẾ 
KIỂM TRA:
TRẦN VĂN CỬ 
TÊN BẢN VẼ:
<b>MẶT ĐÚNG ĐƯỜNG                  NƯỚC HỒI LƯU</b>
TỶ LỆ: 1:100
NGÀY HOÀN THÀNH: 30/04/2022
BẢN VẼ SỐ: BVHC-08
THAY ĐỔI: .....



# HỆ THỐNG HÚT BỤI SƠN CTY CHENYOU MẶT BÊN ĐƯỜNG NƯỚC CẤP VÀO HỆ THỐNG VÀ HỒI LƯU

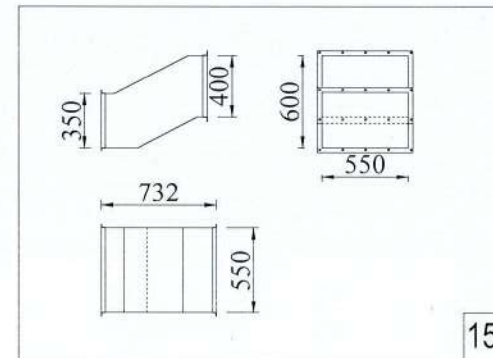
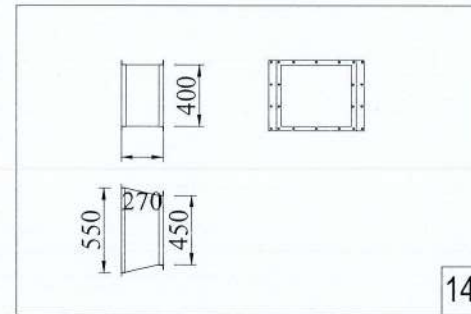
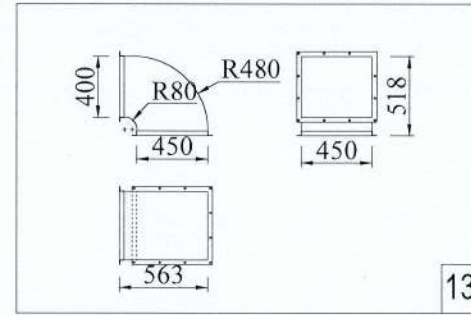
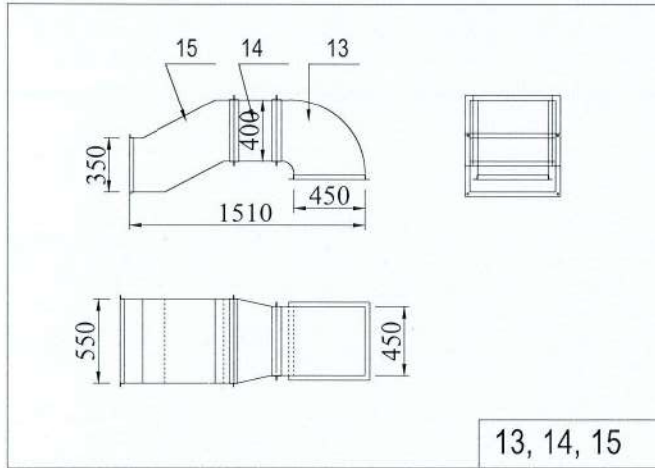


**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỒ**  
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
<i>Phạm Hoàng Đế</i>	<i>Trần Văn Cư</i>	

GHI CHÚ:		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY CP CHENYOU (VIỆT NAM)		
Số 12, Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.		
CÔNG TRÌNH:		
<b>HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI</b> CÔNG SUẤT 13000m <sup>3</sup> /GD		
TƯ VẤN THIẾT KẾ:		
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỒ		
		
Số 81/11A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân, Tp. Thủ Đức, TP. HCM Tel: 84-28-3724 5239/ Website: www.vietdojsc.com		
GIAM ĐỐC:		
		
NGUYỄN KIM HUỆ		
CHỦ TRÌ:	<i>Võ Minh Sang</i>	
VỀ:	<i>Phạm Hoàng Đế</i>	
KIỂM TRA:	<i>Trần Văn Cư</i>	
TÊN BẢN VẼ:		
<b>MẶT BÊN ĐƯỜNG NƯỚC CẤP VÀO VÀ HỒI LƯU</b>		
TY LỆ: 1/100	NGÀY HOÀN THÀNH 21/06/2012.	
BẢN VẼ SỐ	BVHC-01	THAY ĐỔI

**HỆ THỐNG HÚT BỤI SƠN CTY CHENYOU**  
**BẢN VẼ CHI TIẾT SỐ 13, 14, 15**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ**

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
Phạm Hoàng Đế	Trần Văn Cường	

**BẢNG KÊ**

STT	Tên gọi
13	Co 90
14	Ống nối côn
15	Ống nối dây (từ quạt vào thùng đập)

GHÉ CHỮ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CP  
**CHENYOU (VIỆT NAM)**

Số 12, Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, P. An Bình,  
TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

CÔNG TRÌNH:

**HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
CÔNG SUẤT 130000<sup>3</sup>/GIỜ

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ

Số 81/11A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân,  
Tp. Thủ Đức, TP. HCM  
Tel: (84-28) 3724 5239 - Website: www.vietdojsc.com

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN KIM HUỆ

CHỦ TRÌ:

VŨ MINH SANG

VỀ:

PHẠM HOÀNG ĐẾ

KIỂM TRA:

TRẦN VĂN CƯỜNG

TÊN BẢN VẼ:

**CHI TIẾT SỐ 13,14,15**

TY LỆ: 1:100

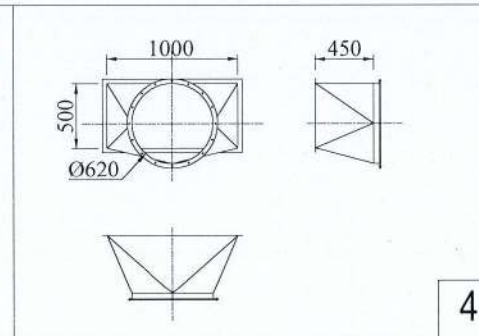
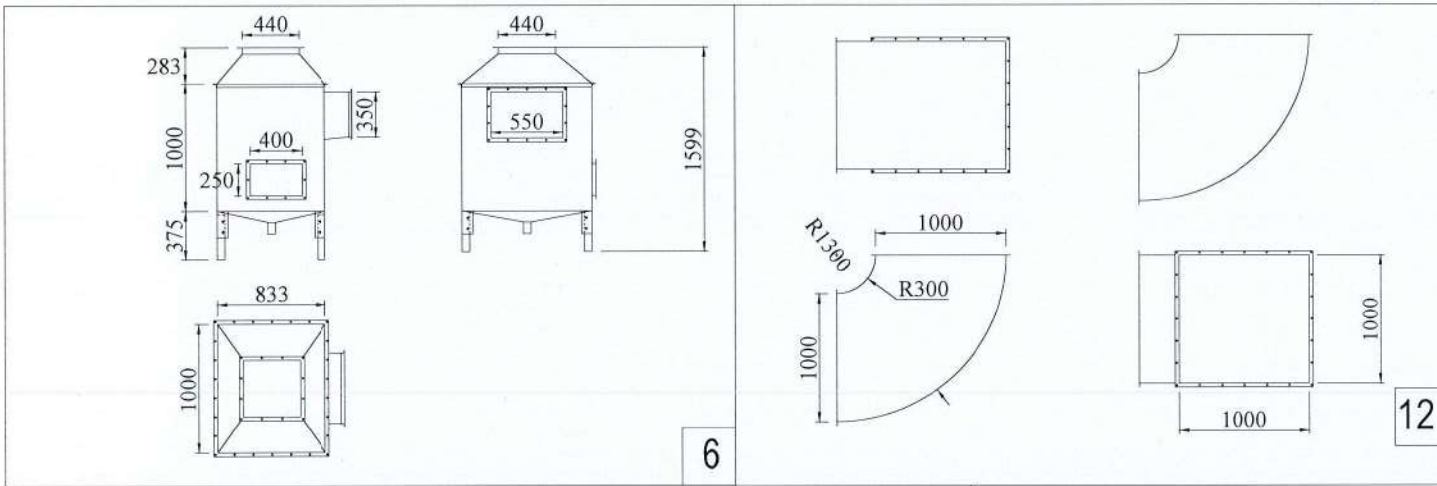
NGÀY HOÀN THÀNH: 30/6/2023

BẢN VẼ SỐ: \_\_\_\_\_

REVISE: \_\_\_\_\_

THAY ĐỔI: \_\_\_\_\_

## HỆ THỐNG HÚT BỤI SƠN CTY CHENYOU BẢN VẼ CHI TIẾT SỐ 4, 6, 12



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ**  
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

NGƯỜI LẬP <i>Phạm Hoàng Đế</i>	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH <i>Trần Văn Cư</i>	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
-----------------------------------	---	------------------------

BẢNG KÊ	
STT	Tên gọi
4	Máng gom gió
6	Thùng lọc
12	Co 90

GIẢI CHỮ:

CHỦ ĐẦU TƯ:  
CÔNG TY CP  
CHENYOU (VIỆT NAM)

Số 12, Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, P. An Bình,  
TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

CÔNG TRÌNH:  
**HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
CÔNG SUẤT 10000<sup>3</sup>/GIỜ

TƯ VẤN THIẾT KẾ:  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ

Số 81/11A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân,  
Tp. Thủ Đức, TP. HCM  
Tel:(84-28) 3724 5239 Website : www.vietdojsc.com

GIÁM ĐỐC:

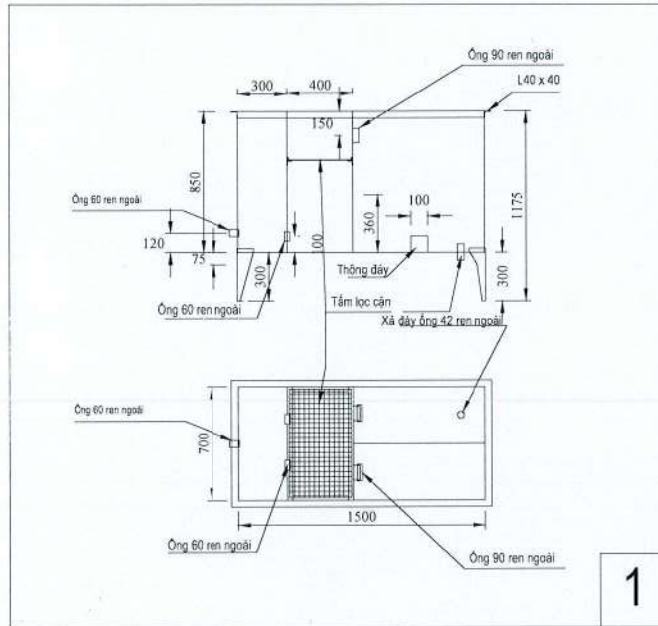
NGUYỄN KIM HUỆ

CHỦ TRÌ:	<i>Võ Minh Sang</i>
VỀ:	<i>Phạm Hoàng Đế</i>
KIỂM TRA:	<i>Trần Văn Cư</i>
TÊN BẢN VẼ:	

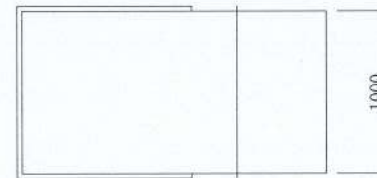
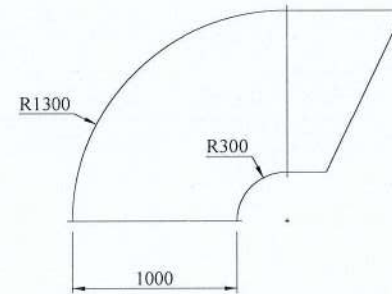
CHI TIẾT SỐ 4,6,12

TỶ LỆ: 1:100	NGÀY HOÀN THÀNH: 30/06/2022
BẢN VẼ SỐ:	THAY ĐỔI:

# HỆ THỐNG HÚT BỤI SƠN CTY CHENYOU BẢN VẼ CHI TIẾT SỐ 1, 11



1



11

BẢNG KÊ	
STT	Tên gọi
1	Thùng nước
11	Vách che mưa

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ**

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

NGƯỜI LẬP   Phạm Hoàng Đê	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH   Trần Văn Cư	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG
------------------------------------	--	------------------------

QUY CHẾ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

**CÔNG TY CP CHENYOU (VIỆT NAM)**

Số 12, Đường 3A, KCN Biên Hòa 2, P. An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

CÔNG TRÌNH:

**HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
CÔNG SUẤT 13000m<sup>3</sup>/GIỜ

TU VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT ĐỎ

Số 81/11A Quốc lộ 1K, P. Linh Xuân, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM  
Tel: (84-28) 3724 5239 - Website: www.vietdosp.com

GIÁM ĐỐC:

**NGUYỄN KIM HUỆ**

CHỦ TRÌ:

VŨ MINH SANG

VỀ:

PHẠM HOÀNG ĐÊ

KIỂM TRA:

TRẦN VĂN CƯ

TÊN BẢN VẼ:

**CHI TIẾT SỐ 1,11**

TỶ LỆ 1:100      NGÀY BAN HÀNH 20/06/2022

BẢN VẼ SỐ:      BỮA:      THẠS: 0/0

